

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
16

Mừng Xuân Kỷ Mão 1999

Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

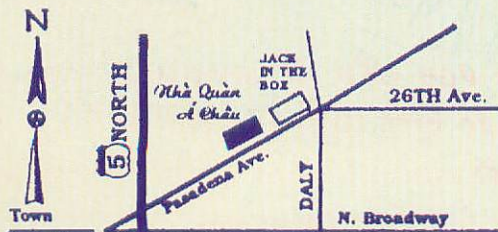
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỖ THI HẢI VỀ VIỆT-NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dồi Dào.
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Zúa Cố.
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn.
Xin Đừng Ngần Ngại, Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**



—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cạy theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)
(213) 222-4868 & (213) 222-4778**

Bác Sĩ **LÊ VĂN BA**



Nội Thương, Giải Phẫu, Trẻ Em, Người Lớn, Già Lão,
Tai Nạn Lao Động, Nghề Nghiệp.

TIỂU GIẢI PHẪU và GIẢI PHẪU THẨM MỸ

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI: **PACIFIC ALLIANCE CENTER**

711 N. Broadway # 212., Los Angeles, CA 90012

Tel. **(213) 617-9386** *khẩn cấp ngoài giờ làm việc* **(818) 994-7954**

BÁC SĨ CỦA MOLINA & CARE FIRST HEALTH PLAN & CALIFORNIA CARE OF
BLUE CROSS VỚI ĐẦY ĐỦ MÁY MÓC VÀ TIỆN NGHI.

- Khám bệnh, thử nghiệm thăm thai, giải phẫu, chích ngừa.
- Chích ngừa về Việt-Nam.
- Bệnh suyễn, dị ứng, dị ứng mũi.
- Yếu sinh lý (Đàn ông, Đàn bà)
- Chuyên chữa trị bệnh mụn, ốm.
- Cắt mắt hai mí.
- Lấy mỡ mí mắt dưới
- Cắt mụn cóc, mụn ruồi mắt cá.
- Cắt trĩ, cắt da qui đầu.
- Tàn nhang, mụn.
- Cắt ống dẫn tinh đàn ông để ngừa thai.

CHƯƠNG TRÌNH NGỪA THAI MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI
NGHÈO DO CALIFORNIA STATE ĐÀÌ THỢ

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

Office Hour:

MONDAY - FRIDAY: 9:30AM - 5:30PM
SATURDAY: 10:00AM - 3:00PM
CHỦ NHỰT: **NGHỈ**



SAM S. NGUYEN

TEL. (818) 347-1222
PAGER. (818) 372-4961
RES. (818) 704-7056
FAX. (818) 347-3924

NATIONWIDE REALTY

19762 Sherman Way., Canoga Park, CA 91306

MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC

CHUYÊN MÔN

- *Giúp đồng hương mua bán nhà đất, cơ sở thương mại và chung cư.*
- *Giúp đồng hương vay tiền để mua nhà, sửa nhà hay tái tài trợ. Đặc biệt thiết lập mọi thủ tục cần thiết cho quý vị mới mua nhà lần đầu để có đủ điều kiện vay tiền mặc dù chưa đủ credit.*
- *Thương lượng với ngân hàng giúp giải quyết những bất động sản mà giá trị thấp hơn so với số nợ phải trả hoặc bán nhà mà không cần phải trả lệ phí.*

**NHIỀU KINH NGHIỆM — RẤT THÀNH THẬT
TẬN TÂM — KÍN ĐÁO — NHANH CHÓNG**



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(562) 531-9778 ☎ (562) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN PHƯƠNG TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P**

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG

Tap Chí

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận
của Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo
GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

Hòa Thượng **Thích Đức Niệm**

Chủ bút: **Quảng Thành**

Phụ tá chủ bút: **Tâm Huy**

Tổng thư ký: **Tâm Quang**

Thủ quỹ: **Thanh Chánh**



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cổ Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317

Bài vở đăng tải trên PGHN
không nhất thiết phản ảnh quan
điểm của tòa soạn.

Bài gửi đăng PGHN xin đánh
máy hay viết tay rõ ràng để đọc dễ
tránh nhầm lẫn về nội dung cũng
như hình thức bài gốc.

Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật
và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có
thể liên lạc khi cần.

SỐ 16, XUÂN KỶ MÃO - PL 2542 - 1999

Mục Lục

H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
KÍNH BIỂU

Hoa xuân nở, Xuân bay về, thơ Thuyền Ân	2
Tinh thần Kinh Pháp Hoa, HT Thích Quảng Độ	5
Lương Vũ Đế, HT Thích Trí Quang	7
Thương nhớ thi sĩ Bùi Giáng, HT Thích Đức Nhuận	9
Một sự thật tối thượng, thơ Nguyễn Linh	10
Sứ mệnh văn hóa VN-HN, Lý Đại Nguyên	11
Tự do tôn giáo: Huỳnh Kim Quang	28
Ấn độ trước khi Phật ra đời, Trần Quang Thuận	33
Nhấn người, thơ Huyền Minh	38
Quan niệm Sử học và Triết học, HT Thích Thắng Hoan	39
Phước Cái Chánh Hành Sở Tập Kinh, Vân Nguyên dịch	48
Đứt ngón tay, Vân Nguyên	53
Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại, Tâm Đức	55
Cuộc du hành sang Lạp Tát, HT Thích Trí Chơn	62
Mừng gặp bạn, thơ Lê Trọng Thi	65
Hành hương Thiên Trúc, Huỳnh Trung Chánh	66
Hình ảnh vùng quê miền Nam, thơ Vương Đăng	73
Trong núi vốn không có Phật, bản tin Khánh Anh	74
Hỏi người tỉnh chưa, thơ Huyền Minh	80
Ngôi nhà làm bằng thơ, thơ Thúy Trúc	81
Khai bút, Diệu Nga	82
Chim sẻ chào nàng xuân, Tỳ kheo Quê Mùa, thơ Thanh Hiền	86
Chén trà ngày xuân, Phạm Thăng	87
Về làng, thơ Bác sĩ Phan Quang Đán	96
Ăn chay, Bác sĩ Trần Xuân Ninh	97
Hăm mấy năm qua, thơ Vương Đăng	101
Thư gửi phái đoàn LHQ về việc Nhà nước Cộng Sản VN	102
Tin tức Phật sự trong và ngoài nước	106
Mùa xuân em mặc áo vàng, thơ Tuệ Nga	120
Liễu Nhiên Kệ, thơ TT Thích Tín Nghĩa	124
Hình ảnh sinh hoạt	125
Tri ân	135
Vài nét về Phật Học-Viện Quốc-Tế	137
Thư mục kinh sách PHVQT	138
Quảng Cáo	142



Hình bìa: Mùa Xuân Quê Hương

Thơ Thuyền Ấn

Hoa Xuân Nở

Hoa lá nở, rừng cây xanh xanh biếc.
Xuân đang về vũ trụ cười nở hoa.
Nắng vàng tươi tắn gọi khắp ta bà.
Toàn nhân loại đang đón mừng xuân mới.



Hoa lá nở mùa xuân đang bay tới.
Cỏ cây mừng thay lớp áo xanh tươi.
Trẻ thơ ngây vỗ tay hát vui cười.
Xuân hoan hỷ từ bi : xuân Di Lạc.



Hoa lá nở, các thiền sư trầm mặc.
Vũ trụ cười muôn sao sáng lung linh.
Ai say sưa tụng Bát Nhã Tâm Kinh.
Hồn an lạc, trần gian đầy an lạc.



Hoa lá nở, mái chùa xưa siêu thoát.
Phật tử về cùng đốt nén tâm hương.
Trút lòng thành cúi đầu lạy cúng dường.
Phật, Bồ Tát khắp mười phương pháp giới.



Hoa lá nở, mùa xuân đang bay tới.
Muôn hoa cười chim ca hát khắp nơi.
Núi xanh xanh ngây ngất ngắm biển khơi.
Hồn thanh thản nhìn đất trời bát ngát.



Hoa lá nở, giòng suối trong xanh mát.
Trắng vàng cười lặn tắn đẹp như mơ.
Xuân bay về vũ trụ gọi ý thơ.
Thơ mộng quá, trần gian đầy thơ mộng.



Xuân Bay Về

Xuân đang nở là muôn hoa đang nở.
Ý thơ đầy, nên vũ trụ đầy thơ.
Không buồn vui, không mong ước đợi chờ.
Thì không khổ, không đầy vơi thất vọng.



Không loạn tưởng nên tâm thường bất động
Xuân bay về, ta vui đón xuân tươi.
Xuân đầy hoa, ta mừng nở môi cười.
Cứ như thế mà hòa vui nhân thế.



Tâm vô trước nào có gì câu nệ.
Ngã pháp không, đâu bận nữa sắc không.
Vũ trụ cười hoa xuân nở minh mông.
Bừng ý đạo hồn say vui tuệ giác.



Đừng vương bận, đừng say mê lầm lạc.
Đời vô thường, có nghĩa lý gì đâu.
Mặc thịnh suy, mặc thế sự biến dâu.
Tâm thanh tịnh hồn minh mang thanh tịnh.



Tuyệt vời quá, không gian đang thiền định.
Tỏa hồn ra ôm vũ trụ bao la.
Vời vợi đâu đây trăng gió sơn hà.
Thơ mộng quá, hồn đi vào vĩnh cửu.



Ta nhìn thấy ánh trăng vàng Linh Thứu.
Tuệ giác ngồi chiếu sáng khắp trần gian.
Vũ trụ đang rực rỡ ánh hào quang.
Xuân bay đến, muôn hoa xuân bừng nở.



Thông-Điệp

Xuân Kỷ-Mão - 1999

CỦA HỘI-ĐỒNG ĐẠI-DIỆN GIÁO-HỘI PHẬT-GIAO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT HẢI-NGOẠI TẠI HOA-KỲ VĂN-PHÒNG II VIỆN-HÓA-ĐẠO

Phật lịch 2542 - 1999

Nam-Mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính gửi : Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng, Ni cùng toàn thể quý Đồng hương và Phật tử.

Thưa Quý liệt vị,

Nhân dịp Tết Nguyên Đán Kỷ-Mão, Hội-Đồng Đại Diện Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ, Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo kính chúc chư Tôn Hòa-thượng, chư Thượng-tọa, Đại-đức Tăng, Ni cùng toàn thể đồng hương và đồng bào Phật tử một năm mới thân tâm an lạc, vạn sự cát tường, như ý.

Đặc biệt, trước thêm năm mới, Giáo-Hội thiết tha kêu gọi mọi thành phần trong cộng đồng dân tộc Việt-Nam, không phân biệt tôn giáo và chính kiến, hãy cùng nhau thành tâm cầu nguyện và nỗ lực đóng góp để khai thông lịch sử, mở ra một Vận Hội Mới Tự Do, Dân Chủ và Hạnh Phúc thực sự cho quê hương chúng ta.

Thưa Quý liệt vị,

Trải dài gần ba thế kỷ với các cuộc nội chiến, ngoại xâm và chiến tranh ý thức hệ mà hậu quả của nó không chỉ dừng lại ở mức độ tang tóc, điêu linh vốn đã rất khốc liệt mà còn đang tạo ra những mâu thuẫn, hận thù và bạo lực hiện là nguy cơ khiến đất nước kiệt quệ, văn hóa suy đồi, xã hội phân hóa và do đó, tương lai dân tộc bị khép kín. Nói cách khác, chiến tranh vẫn chưa chấm dứt, vẫn còn đang xảy ra, nhưng thay vì trên chiến trường, nó xảy ra trong lòng người, thay vì do động cơ là chủ nghĩa, nó được thúc đẩy bởi hận thù và bạo lực ; và cuộc chiến này cũng dẫn đến hậu quả là lịch sử dân tộc bị vây hãm.

Tương lai dân tộc chỉ được tươi sáng, lịch sử dân tộc chỉ được khai thông, một Vận Hội Mới hay một Mùa Xuân Dân Tộc chỉ đến, khi chúng ta tháo gỡ được những mâu thuẫn và hóa giải được những hận thù từ quá khứ để lại. Ngược lại, sự thất bại, hơn thua của một bạo lực này với một bạo lực khác chỉ là nhất thời và chỉ kéo dài thêm nỗi thống khổ của dân tộc.

Nếu chỉ có ánh sáng mới xóa tan bóng tối, thì cũng vậy, chỉ có truyền thống từ hòa khoan dung của nền văn hóa dân tộc và tinh thần từ bi nhân ái của đạo giáo mới hóa giải được những mâu thuẫn và hận thù để khai thông lịch sử, mang lại tự do, hưng thịnh và hạnh phúc cho đất nước và dân tộc.

Thưa Quý liệt vị,

Trong không khí hân hoan của ngày đầu năm, với những thao thức về tiền đồ dân tộc và để tạo điều kiện thuận lợi cho ước vọng khai thông lịch sử, Giáo-Hội kêu gọi :

1- Nhà nước Cộng-hòa Xã-hội Chủ-nghĩa Việt-Nam hãy chấm dứt những chủ trương và chính sách vi phạm những quyền căn bản của con người được quy định trong Hiến-Chương Liên-Hiệp-Quốc mà cụ thể là trả tự do hoàn toàn cho những người bị bắt vì lý do tôn giáo, vì bất đồng chính kiến, vì tranh đấu cho nhân quyền ; và phục hồi những giá trị và sinh hoạt của nền văn hóa dân tộc, đặc biệt là những giá trị và sinh hoạt tâm linh của các tôn giáo mà sẽ rất cần thiết cho việc tái thiết và phát triển đất nước sau những đổ vỡ vì chiến tranh.

2- Các tổ chức văn hóa và tôn giáo, trong đó có các tổ chức Phật-giáo Việt-Nam, hãy nghiên cứu, vận động và thực hiện những hoạt động nhằm khôi phục các truyền thống văn hóa dân tộc mà chiến tranh, chủ nghĩa Cộng-sản và nếp sống vật chất Tây-phương đã và đang làm băng hoại.

3- Mỗi một Tự Viện, mỗi một cơ sở của Giáo-Hội hãy phát triển những chương trình tu học và sinh hoạt, không những chỉ nhắm mục đích nuôi dưỡng và phát triển tín tâm cho quần chúng Phật tử nói chung, mà còn đặc biệt hướng đến giới trẻ để gieo hạt giống Phật Pháp và bồi dưỡng truyền thống văn hóa dân tộc.

4- Mỗi một Phật tử hãy phát nguyện xây dựng một thế giới an lạc, hạnh phúc bằng cách giữ tâm thanh tịnh, xóa bỏ oán thù, trang trải lòng thương rộng lớn đến với tất cả mọi người, mọi loài và cuộc sống xung quanh.

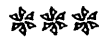
Thưa Quý liệt vị,

Trước thêm năm mới, một lần nữa, Hội Đồng Đại Diện Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ, Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo thành tâm kính chúc chư Tôn Hòa-Thượng, Chư Thượng-Tọa Đại-Đức Tăng, Ni cùng toàn thể Đồng hương và Phật tử một năm mới thân tâm thanh tịnh, sở nguyện như ý.

Thay mặt Hội-Đồng Đại-Diện

Tỳ-kheo THÍCH-ĐỨC-NIỆM

TINH THẦN KINH PHÁP-HOÀ



H.T. Thích-Quảng-Độ

Những kinh điển phát xuất từ kinh Bát-Nhã, trải qua Hoa-Nghiêm, Duy-Ma, Thủ-Lăng-Nghiêm-Tam-Muội v.v., đã dần dần khai triển về mặt diệu hữu. Song đối với sự quan-hệ với người mà nói, ngoài Bát-Nhã là bộ kinh thông cả Tam-thừa ra, các kinh khác đều lấy Bồ-Tát làm chính-cơ mà sinh ra thái-độ bài xích Nhị-Thừa (Thanh-Văn, Duyên-Giác). Nếu xét đến lập-trường mới với sự tất yếu của nó, đó là một thái độ bất đắc dĩ. Song sự miễn cưỡng đó chính là điểm đặc thù của Đại-Thừa, vì Đại-Thừa muốn làm cho hết thấy chúng sinh hướng đến Phật-thừa mà không trái với sứ-mệnh của nó từ trước. Điểm này bao gồm sự thức tỉnh Nhị-Thừa, muốn hết thấy đều về một Phật-thừa, đó là dụng ý của kinh Pháp-Hoa. Bộ kinh này chia làm 28 phẩm (hoặc 27 phẩm), nguyên bằng tiếng Phạm cũng có, về chữ Hán thì từ Pháp-Hộ trở đi có ba bản dịch, ở Tây-Tạng cũng có bản dịch. Tại Trung-Quốc và Nhật-Bản, bản dịch được lưu hành hơn cả là bản dịch của Cưu-Ma-La-Thập gồm 7 quyển, 28 phẩm.

Trong 28 phẩm Pháp-Hoa, 14 phẩm đầu trọng yếu nhất, và được gọi là bộ-phận "Tích môn". Sở dĩ trọng yếu là vì ý nghĩa sau đây : Một đời đức Phật thuyết pháp, tuy rất nhiều, nhưng mục đích duy nhất là muốn khiến cho hết

thấy mọi người hướng về một Phật-thừa. Song vì căn cơ của chúng sinh không đồng đều nên mới tạm nói Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát Tam-Thừa. Tuy có Tam-Thừa sai biệt, nhưng chẳng qua đó chỉ là phương tiện dẫn dụ mà thôi, chứ bản nguyện của Phật ra đời là cuối cùng đưa Tam-Thừa dung hợp thành Nhất-Thừa, tức là Phật-Thừa. Vì muốn nêu rõ bản ý ấy nên kinh Pháp-Hoa đã dùng những thí dụ rất sáng sủa, khéo léo mà bất cứ ai cũng có thể hiểu được bản ý ấy : Đó là thí dụ nhà lửa, ba xe, hóa thành và người con cùng-tử của trưởng-giả. Vì tính cách phổ-thông-hóa vô cùng xảo diệu của nó nên nếu đứng về phương diện văn-học mà nhận xét, những thí dụ đó cũng có một giá-trị rất cao.

Cũng vì muốn chứng thực chủ ý ấy, nên trong khi kinh Duy-Ma coi thường Xá-Lợi-Phát, kinh Pháp-Hoa lại lấy Xá-Lợi-Phát làm đầu mà thụ-ký, cho bao nhiêu đệ-tử hàng Thanh-Văn thành Phật sau này, tiến một bước nữa, thụ-ký cho cả Tỷ-khư-ni, Long-Nữ và Đề-Bà-Đạt-Đa tội ác. Trước kia, những vị Thanh-Văn thường được coi như những người "tiêu nha bại chủng" đã đành, nhưng đến những người cực ác như Đề-Bà-Đạt-Đa cuối cùng cũng được thụ-ký thành Phật, cũng quy về một Phật-thừa, điều đó chứng tỏ ai cũng có thể đạt được mục đích tối hậu vậy. Cơ sở kinh Pháp-Hoa xây dựng trên hết thấy, cho rằng tất cả mọi người trong khoảng luân-hồi vô-hạn, cũng đã từng một lần được nghe các đức Phật quá-khứ nói kinh Pháp-Hoa, nhưng vì cơ-duyên chưa thành thực, cho nên khó hiểu được pháp Nhất-Thừa. Ngày

nay đức Phật Thích-Ca khai thị mới thức tỉnh được tính tự-giác của mọi người.

Kinh Pháp-Hoa tuy đã có từ quá-khứ xa xưa, thụ-ký cho một người sẽ thành Phật sau này, nhưng cuối cùng đến Phật Thích-Ca mới là người khai thị trung-tâm huyền diệu ấy. Nhưng chỉ thụ-ký cho những người hiện diện trong Pháp-Hội Linh-Sơn thôi thì sau này, khi Phật nhập diệt rồi, lấy ai là người thụ-ký cho chúng sinh thành Phật ! Về điểm này, trong kinh Pháp-Hoa Phật Thích-Ca đã đề xướng “Phật thân thường-trụ quan” (Thân Phật thường còn), đó là 14 phẩm sau, và được coi là trung-tâm tư-tưởng của cái gọi là “Bản-môn”. Theo đó thì Phật Thích-Ca tuy thị hiện nhập diệt, nhưng đó chẳng qua chỉ là giả hiện, chứ thật ra Phật thân là bất diệt, cho nên người nào muốn được thấy Phật nghe pháp, bất cứ lúc nào (lâu xa cũng được), hay bất cứ nơi nào (thường ở trên núi Linh-Thứu), Phật đều hiển hiện để thuyết pháp và thụ-ký, bởi thế có thể nói đó là bảo chứng vĩnh viễn ở tương-lai cho hết thấy chúng sinh thành Phật. Vì đạt tới điểm tuyệt đỉnh từ pháp mà muốn thấy Phật nên nêu rõ giáo-pháp là Pháp-Hoa, mà lý pháp là Phật-tính vĩnh viễn, lấy đây quy về đức giáo-chủ Thích-Ca để thấy khả-năng-tính thành Phật của hết thấy chúng sinh.

Pháp-Hoa là do giáo-pháp (kinh Pháp-Hoa) mà thấy lý-pháp, rồi do lý-pháp mà bàn đến pháp-thân thường-trụ để nói rõ chứng cứ tối hậu của chúng sinh thành Phật. Song Pháp-Hoa không phải chỉ bàn về phần lý, mà trước sau vẫn muốn biểu hiện cái nhân cách hoạt-động của Bồ-Tát, đó là đặc sắc của

Pháp-Hoa. Nếu nói theo phương diện hưởng-thượng (trên cầu đạo Bồ-đề) thì chẳng hạn như sự tích của Thường-Bất-Khinh Bồ-Tát, Dược-Vương Bồ-Tát, trải qua bao nhiêu đời kiếp, nỗ lực cầu đạo, không tiếc thân mệnh ; nếu nói theo phương diện hưởng hạ (dưới hóa độ chúng sinh) thì chẳng hạn như hành-động cao cả của Bồ-Tát Quan-Âm thị hiện cứu độ hết thấy chúng sinh. Đó là dùng cách hưởng thượng hưởng hạ để nói rõ sự khai triển của phần diệu-hữu-hóa vậy.

Tóm lại, chủ ý kinh Pháp-Hoa là xóa bỏ sự phân biệt Đại-Tiểu-Thừa, cuối cùng nêu lý do hết thấy có thể thành Phật làm căn cứ tối hậu để đạt đến Phật-tính-thường-trụ quan. Mà Pháp-Hoa được nhận là vua của các kinh cũng hoàn toàn do ở điểm này - mở Hội Tam-Thừa, hết thấy đều thành Phật. Như vậy ai cũng biết thuyết “Thập như thị” đối với kinh Pháp-Hoa vị tất đã có một nhiệm vụ trọng yếu.

XIN CÁO LỖI

Vì bài nhiều mà trang báo có hạn, nên những bài giá trị đành phải dời đến kỳ tới. Thành thật cáo lỗi cùng quý tác giả thông cảm hộ xả cho.

TÒA SOAN

LƯƠNG VŨ ĐẾ

H.T. Thích-Trí-Quang

*Thắng lợi chân chính là ở Phật giáo
chứ không phải vũ khí.- A DỤC*

Nội điển lục nói : “Lương vũ đế, vị bồ tát bất tư nghị”. Câu nói ấy không phải vô cơ. Ấn độ nếu không có hoàng đế A dục thì đại thừa Phật giáo khó phát huy một cách cực kỳ xán lạn, cũng như vậy, nếu Trung hoa không có Lương vũ đế thì không thể có cái Phật giáo rực rỡ ở đời Đường, đời Tùy, thâm nhập tư tưởng quần chúng, biến hóa tư tưởng xã hội. Đó là những sự thật lịch sử.

Lại chính đời Lương vũ đế, Phật giáo mới truyền bá qua Trung hoa, nền tảng chưa vững chãi, trước sau lại bị nạn Ngụy vũ, Châu vũ, nếu không có Lương vũ đế thì Phật giáo khó mà tồn tại chứ đừng nói đến sự phát triển. Thống kê chép : “Khi nạn Ngụy vũ, có một vị dị tăng nói : Đông độ rồi đây sẽ có một thánh vương xuất hiện, mười năm sau Phật pháp sẽ đại thịnh”. Mười năm sau quả có Lương vũ đế ra đời và niên hiệu Thiên giám thứ ba, nhà vua cùng hàng vạn người tập trung tại điện Trùng vân tuyên bố bỏ Đạo giáo :

“Nguyện làm cho ngày sau những người đồng chân xuất gia truyền bá Chánh pháp, hóa độ hữu tình, cùng được Đại giác. Thà ở trong Chánh pháp mà chìm đắm bể khổ, không muốn quy y Lão tử để tạm được thần tiên !”

Vì vậy nên từ đó về sau dù ngồi trên ngôi hoàng đế mà hạnh đồng sa

môn : Ăn thì ăn chay và ngày chỉ một bữa ; tế Giao tế Miếu thì chỉ dùng hoa quả, bánh trái. Từ văn Đại sư, người đồng thời với Lương vũ đế, đã nói :

“Tế tự cách thức thì theo tục điển, cải cách thì theo kế kinh. Tục điển thì sát hại sanh linh, kế kinh thì chỉ trọng từ bi. Trọng từ bi thì thành muôn đức, sát hại lắm thì quả báo ở ba đường”.

Thật ra Lương vũ đế có cố ý làm hoàng đế không ? Cứ xem lời ông đây thì biết :

“Thống trị thiên hạ không phải bản chí của tôi ... Ai biết tôi không tham thiên hạ ? Chỉ người nào làm được điều mà người khác không làm nổi mới biết tâm tôi mà thôi !”

Cứ xem đó ta cũng đã có một khái niệm về Lương vũ đế là người thế nào. Và bao nhiêu ngộ nhận một cách mù quáng quanh ông cũng có thể tiêu tan hết. Bài này viết theo tài liệu Hải triều âm, mục đích cũng chỉ thêm cho sự tiêu tan ấy được rõ ràng và biểu dương ra đây cái sự sáng chói của Lương vũ đế.

Cũng như Hoàng đế A dục, Lương vũ đế trước khi tin ngưỡng Phật giáo, ông là một người xây đắp ngai vàng mình bằng tính mạng tài sản của nhân dân. Tuy nhiên, sự tin ngưỡng Phật giáo của Lương vũ đế là do chánh giải (lý giải giáo lý một cách đúng đắn), chứ không phải mê tín. Ta cứ nghe ông tự thuật :

“Khi nhỏ tôi học Nho giáo, nghiên cứu tứ kinh, tìm xét ngũ thư. Lớn lên, tôi học Đạo giáo, rõ biết vô vi, tinh thông pháp thuật. Bây giờ học Phật pháp mới thấy như thái dương trước các thứ ánh sáng. Nhờ Phật pháp, tôi mới rõ khổ tập, mới hiểu nhân quả, không phủ nhận giá

trị muôn loài bằng lý bình đẳng, quy nạp chân như sự vật về lý vô sanh. Tâm lý chúng sanh khó duy nhất, nhưng thành kiến cố chấp thì bị phá tan. Qui nguyên không hai nẻo mà chí cực chỉ viên dung. Phật giáo trước các giáo khác như đại thọ ngàn thước mà cây cỏ chỉ bằng mầm mống của nó. Thiệt là mây lớn mưa lớn, cây cỏ tùy phần hấp thụ mà tươi tốt. Chỉ vì tâm trí sinh dị giải mà kết quả có sai thù, nhưng sai thù không phải tác ý nên sâu cạn chỉ vì phân biệt”. - Tam giáo thi (dịch ý).

Xem đó thì thấy Lương vũ đế tín ngưỡng Phật giáo là nghiên cứu tinh thông trước rồi sau mới tin. Lại, đây nữa, trong Tịnh nghiệp phú, Lương vũ đế tự viết :

“Chính trị trên thì hôn bạo, dân tình dưới thì loạn ly, đạo quân tử ẩn mật, đường tiểu nhân lớn thêm ... Người ngay thẳng phải mất đầu, tôi trung dũng bị giết chóc, sắc phục đồng nhà Tề mà đầu ai cắm thân ấy, ai cũng xưng mình là đế chúa tôn cao, đối trá quần chúng, nghi hoặc lòng người ... Tôi phải phấn lực đứng dậy san phẳng những kẻ ấy. Khi gian hùng đã trừ, dân tình hết khổ rồi thì tôi định về vườn, cuốc rau lật cỏ. Nhưng dưới vì lòng người thúc ép, trên sợ lẽ phải, nên bất đắc dĩ phải nhận lấy ngôi báu. Thiệt như bước xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng ... Đời có kẻ dư luận so sánh tôi với Thang, Vũ. Nhưng Thang, Vũ là Thánh, tôi là kẻ phạm phu. Tôi khi còn nhỏ vì chưa có chánh tín chánh giải nên sát hại sanh mạng, ăn thịt ăn cá, cho đến khi lên ngôi, sơn hào hải vị đầy dẫy, nhưng trước cảnh đó, nhờ Phật pháp mà phải sa nước mắt,

nghĩ rằng đây là máu thịt của cha mẹ bà con mình, giận mình chưa xả thân cúng dường họ được, bây giờ nỡ nào ngồi ăn. Nhưng chỉ tự làm, không cho ai hay. Lâu rồi có người biết, thiết lòng khuyên tôi, nhưng điều đó đâu phải là chí trung đối với tôi. Tôi nghĩ thống trị thiên hạ không phải bản chí của tôi. Lời Đỗ thứ nói rất đúng : Cắt lòng quăng ra giữa đất thì cũng chỉ là vài miếng thịt mà thôi. Nên ai biết được tôi không tham thiên hạ ? Chỉ người nào làm được việc mà người khác không làm nổi mới đủ điều kiện hiểu biết tâm tôi. Tôi xa lánh phòng thất, không dùng thị thiếp cung tần đã hơn 40 năm nay”. Cho nên Vũ cung thật lục chép :

“Nhà vua ăn thì sơ bạc, mặc thì gai vải, mùa lạnh mùa nóng đều như nhau. Ở thì một mình, không thị vệ, không đồ chơi. Trước mắt chỉ trầm hương và pháp bảo. Lợi để cho người mà tiết kiệm phần mình”.

Thiệt là những lời tả thật. Đời của Lương vũ đế như vậy nên thiệt không then là con cháu của Tiêu hà, lương tướng nhà Hán.

Đương thời pháp sư Huệ ước là người đức cao trí cả, ngày mồng tám tháng tư nhà vua cầu thọ Bồ tát giới với ngài. Kinh Phạm võng nói : “Người ở địa vị thống lãnh một nước thì trước hết phải thọ Bồ tát giới đã”. Nên đây là tấm lòng chân thật của Lương vũ đế sau khi ông thọ giới :

“Tôi nghĩ nếu không thọ Bồ tát giới thì làm sao có tâm từ bi, làm hạnh bình đẳng ? Vì vậy nên tôi thọ trì Chánh pháp, muốn để cho ức triệu sanh linh đều được sung sướng”.

THƯỜNG NHỚ THI SĨ BÙI GIÁNG

Thầy Chính Tuệ, sư cô Trí Hải, và một số thi văn hữu định làm một tập văn về cố thi sĩ BÙI GIÁNG. Chính Tuệ biết Bùi Giáng thường tới thăm tôi nên đã ngỏ ý xin tôi viết ít dòng tưởng niệm ...

Đa môn Thích Đức Nhuận

Cách nay vừa tròn ba mươi năm (1968-1998), anh Huy Trâm - Nguyễn Hồng Nhuận Tâm (1), lúc ấy làm thẩm phán ở Gò Công, đón tôi tới nhà anh chơi, thì thi sĩ BÙI GIÁNG cũng đến Gò Công và nghỉ lại đây một tối ; lần đầu tiên, tôi gặp Bùi Giáng, nhân một đêm trăng sáng, chủ nhân cho kê bàn ghế ngoài sân, rồi ba chúng tôi cùng ngồi uống trà, ngắm trăng, Bùi Giáng khẩn khoản yêu cầu tôi nói kinh Hoa Nghiêm cho ông nghe. Do đấy, tôi đã giảng về nội dung triết lý kinh Hoa Nghiêm - **bộ kinh lớn của đại thừa Phật giáo gồm 80 cuốn** - Bùi Giáng tỏ ra am hiểu và tâm đắc lắm ! Khi trở về Sài Gòn, ông thường tới thăm tôi ở chùa Giác Minh, có thể nói là hàng tháng.

Ông hay lang thang ngoài đường phố với y phục rất kỳ dị nên bất cứ ai mới nhìn thấy cũng cho là ông điên khùng ..., nhưng điều lạ lùng là mỗi khi cùng tôi đàm luận thì ông rất bình tĩnh và tỉnh táo, ông, bề ngoài tuy thế mà chiều sâu của tâm-thức Bùi Giáng thì thật là trong sáng !

Tôi nhớ, khoảng những năm 1977 - 1980, có lần, ông bày tỏ muốn xin tôi đi tu - Tôi thưa : Hoàn cảnh lúc này chưa

thuận lợi, vấn đề “hộ khẩu” là một cản trở lớn, ta hãy chờ một dịp khác vậy. Ông im lặng. Nhưng tôi biết Bùi Giáng buồn, tuy không nói ra. Thật tội nghiệp cho một tâm hồn cao thượng muốn nương thân nơi cửa Phật để nuôi dưỡng cho tâm tịnh, thân an, mong điều hòa cuộc sống mà suốt mấy mươi năm ông đã gặp nhiều nỗi gian truân, cay đắng của kiếp nhân sinh. Thầy Mạnh Tử xưa nói : **“... Khi trời sắp trao vận lớn cho ai, thì bắt người đó phải khổ cực, ruột héo gan mòn, thiên ma bách chiết, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, để thử chí người đó có bền gan sắt đá chịu đựng nổi những nỗi đắng cay của cuộc đời để làm tròn trách nhiệm mà sứ mệnh đã trao cho người ấy”**. Nói như Mạnh Tử nói (cũng có nghĩa là) tôi mong cho sự nghiệp văn chương của Bùi Giáng hằng sống mãi với không - thời gian và với núi sông dang dặc ...

Ngày 6 tháng 8 năm 1985, tôi bị nhà cầm quyền CS bắt về tội “tổ chức chống cách mạng”. Kể từ đó, Bùi Giáng và tôi xa nhau suốt 9 năm trời đằng đẵng ... Khi nhà nước cộng sản trả tự do cho tôi, chiều ngày 22 tháng chạp năm quý Dậu (1993) thì, ba ngày sau sáng sớm ngày 25, Bùi Giáng tới và viết tặng bài thơ mừng tôi đã thoát nạn, nguyên văn :

(1) Anh Huy Trâm hiện nay tu nạn tại Hoa Kỳ.

"Trận đầu ký thác Rừng Thiêng
Sông xa ở lại cơn phiền dây dưa
Rải lên đường cỏ mộng thừa
Về thăm Viễn phố tin vừa mới dâng
Nắng hồng - trăm triệu phân vân
Bấm cung lục ngạn thành thân mối buồn
Cặp bờ phỉ thúy đúc un
Tắm sương sái diện - quên nguồn hóa sinh".

Bùi Giáng - 1993

Riêng có điều tôi ân hận là, trong thời gian Bùi Giáng bị đau, nằm điều trị tại bệnh viện Chợ Rẫy, tôi không được biết để tới thăm và an ủi ông, mãi khi linh cữu (đã) do thân tộc họ Bùi đưa về quán tại Nghĩa Đường chùa Vĩnh Nghiêm thì tôi và mấy thầy - cũng là bạn thân của ông - mới biết tới dâng hoa kính viếng và cầu nguyện cho anh hồn thi sĩ Bùi Giáng, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu độ, sớm siêu sinh cõi Tịnh.



Bùi Giáng đã ra đi vào cõi thiên thu vĩnh biệt, thân ngũ uẩn trả về cho cát bụi :

"Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa"

Mắt Buồn - trong Mưa Nguồn

Nhưng trên tinh thần tư tưởng nhà thơ thì thật sáng láng bao la, dù biết trần gian này là phiền não, tối tăm, khổ đau mà ... vẫn vui vẻ NGUYỆN đi vào cõi người :

"Tôi sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi
Vì nơi đây tôi sống đủ vui sầu ..."

Đhung Hiến

Tôi tin tưởng thi sĩ BÙI GIÁNG vẫn sống hoài trong tâm thức chúng ta. Và dưới đây, xin có câu đối kính viếng anh

hồn thi sĩ BÙI GIÁNG chứng tri.

Nghe tin Bùi thi sĩ ra đi
Ngày tháng Rong Rêu
Cuối hạ Mưa Nguồn
Thần trí bay về cõi Phật ;
Chợt nhớ bậc tài hoa lúc sống
Nắng mưa dầu dãi
Ngàn Thu Rớt Hột
Bút nghiên bỏ lại cuộc đời.



Thơ Nguyên Linh

MỘT SỰ THẬT TỐI THƯỢNG

Kính Tặng
H.T. Thích Đức Niệm



Không có một Thế Lực HIẾU CHIẾN
VÔ MINH và TÀN BẠO nào có thể
Chia Rẽ được Tình Nghĩa
của chúng ta.

Bởi vì chúng ta từ Một
NGUỒN CỘI LỚN mà ra.

Thế Giới này không dành cho một
DÂN TỘC tốt số nào, một dân tộc
thượng đẳng, siêu đẳng nào ...
mà dành cho TẤT CẢ

Thế Giới này là MỘT, toàn phần
NHÂN LOẠI trên Hành Tinh
thân yêu này là MỘT.

Đó là một SỰ THẬT Tối Thượng.

SỨ MỆNH VĂN HÓA VIỆT NAM HẢI NGOẠI

LÝ ĐẠI NGUYỄN

Quốc-nạn 30 tháng 04 năm 1975 là một đại bất hạnh đối với Dân-tộc Việt-nam, mà lại là dịp may chưa một dân-nước nào có được, khi chỉ trong một thời gian ngắn, mà đã hàng triệu người Việt tràn ra khắp thế-giới, để vừa tích cực học hỏi, hội nhập với các Quốc-gia địa phương, vừa quy tụ lại với nhau thành các Cộng-đồng, nhằm duy trì bản sắc Việt-nam. Để được thế, những di dân của các nước khác phải mất rất nhiều thời gian và công sức mới làm nổi. Nếu di-dân ở vào thế đơn lẻ, thì khó tránh khỏi bị đồng-hóa với nước mà mình sinh sống.

Khuynh hướng kết hợp Cộng-đồng của người Việt, đã phổ biến và thành tựu ở khắp nơi trên Thế-giới. Đặc biệt nhất là khác với mọi nước, người Việt tỵ-nạn, đã chọn nơi quy tụ nhiều Đồng-bào của mình nhất là Quận-Cam ở Mỹ, để gọi là Thủ-đô chung cho Người-Việt Hải-Ngoại, và có cái tên Mỹ Việt rất dễ thương gọi cảm là : LITTLE-SAIGON, đã được luật Mỹ thừa nhận. Đây là biểu hiện hết sức cụ thể và đặc thù của Dân-tộc-tính Việt, Văn-hóa-tính Việt, một Dân-tộc có truyền thống Di-cư từ ngàn xưa, đi tới bất cứ nơi đâu, khắp chân trời góc biển, cũng vẫn không quên cội nguồn Dân-tộc và đặc tính Văn-hóa của mình là DUNG-HÓA.

Tuy HÌNH thì đã định, mà TÍNH vẫn

còn chưa. Dù ngay ở Thủ-đô Little Saigon, nơi mà Người Việt ở nhà Mỹ, sử dụng mọi phương tiện Mỹ, nhưng đại đa số vẫn giao tiếp với nhau bằng tiếng Việt, ăn cơm Việt, đủ các món ăn của khắp miền đất Việt được mời chào, sách báo Việt-ngữ nhiều vô số kể, phát thanh tiếng Việt vang lên khắp nơi suốt ngày đêm, không giây nào nghỉ, những bảng hiệu Việt-ngữ nối tiếp nhau, buộc du khách, và ngay cả người Mỹ địa phương cũng phải nhận : Đây đúng là một Thành-phố Việt-nam, không thể nói khác được nữa. Nhưng Văn-hóa-tính Việt, đã được thể hiện ra trong lối-nghĩ, lối-xử, lối-sống giữa chúng ta hay chưa ? Thì phải cúi đầu thừa nhận rằng : CHƯA!

Chưa không có nghĩa là không, mà phải nói rằng : Trong cảm-thức sâu thẳm của mỗi Người Việt chân thật, đều tàng chứa Văn-hóa-tính Dân-tộc đặc thù Việt-nam, nên mới có cùng một ý-hướng kết hợp thành các Cộng-đồng trong một thời gian ngắn nhất, nhằm để chung sống, bảo vệ ngôn-ngữ, phổ biến Văn-học Nghệ-thuật, và duy trì những nét chính yếu của cuộc sống Gia-đình Việt-nam, dù đây là một việc làm không dễ ở những xã-hội, mà chủ nghĩa cá-nhân được triệt để đề cao, nuông chiều, làm cho mọi giá trị đạo-đức gia-đình, tinh thần Dân-tộc trở thành mong manh, dưới những bước đi phũ phàng của nhu cầu

thực tế.

Để có được một cuộc sống Văn-hóa đích thật Việt nam, thì ngay ở trên quê-hương ngày trước, cũng ít thời được biểu hiện trọn vẹn đúng mức, hướng chỉ là ở những nước tạm dung, vốn có muôn vàn khó khăn đợi sẵn, mà hai yếu tố thời gian và hệ lụy thế-sự vẫn bám sát mỗi người không bỏ. Với trên 23 năm thì những gì vốn có, mà giữ được, đã là quý rồi; nói gì đến việc phát huy, nhất là Văn-hóa Dân-tộc, tuy là một thực thể, mà tất cả đều cảm nhận được là có, và tuyệt-đối tin là có, nhưng trình bày ra trước Nhận-thức của mọi người thì vẫn còn bàng bạc, mờ mờ ảo ảo, rải rác xuất hiện trong những vần thơ, câu hát, áng văn ... chưa rõ nét Chủ-đạo, đúng với vị thế phải có của Văn-hóa, là làm trung tâm hướng dẫn cho khắp mặt Nhân-sinh.

Chính vì Người Việt hải ngoại chưa đủ thời gian, tĩnh tâm hướng nội để tự khai mở Văn-hóa-tính Dân-tộc tiềm ẩn sâu thẳm trong tâm tư mỗi người, nên thường bị những cảm tính hận thù, ganh ghét, tiếc nuối, những suy nghĩ chủ quan duy-ý-chí vay mượn của những tu-tướng một chiều, tạo thành những mặc cảm tự-ty, tự-tôn vô lối. Mặc cảm thất bại, mặc cảm tội lỗi, mặc cảm mất nước, mặc cảm lưu vong, cuối cùng dẫn tới những hành vi : “Giặc không đánh chỉ đánh người nhà”. “Những việc đáng làm thì bỏ”. “Việc không cần làm thì ôm”.

Thảm trạng chia bè kéo cánh, bôi xấu nhau phổ biến trong hầu hết các tập thể, các cộng đồng, phơi bày một cách trắng tráo tàn nhẫn trên các phương tiện của Văn-hóa là sách-báo và làn-sóng-điện ... Làm cho lớp trẻ mới lớn không

biết phải học hỏi cha anh mình ở điểm nào ? Không biết Dân-tộc mình còn gì để kính trọng ? Quê hương mình có gì đáng yêu ? Cộng sản có thật là một tai họa của Đất nước hay không ? Hy vọng ngày về cùng với Tự-do trên Giang-sơn thân yêu bao giờ mới tới ? Và cũng làm cho những cái nhìn của Thế giới đối với Người Việt bị méo mó đi nhiều.

Phải nhận rằng : hầu hết Người-việt, khi bị buộc phải rời nước lưu vong, ở vào tuổi trưởng thành, đã có một quá khứ, đã từng nếm trải những cay cực trong cuộc chiến, đã lập được sự nghiệp, đã có vị thế trong xã-hội, hoặc đã dựng được tài sản bằng cách nào đó, thì đều thấy mình bị mất sạch, rồi phải làm lại từ đầu. Thế nhưng những vết hằn tươm máu trong tâm-thức thì chẳng sao hết được, mà trái lại càng lúc càng đau nhức thêm, cùng với tuổi già lần theo bén gót. Thế rồi để cho oán-thù khổng chế trái tim và mặc cảm tràn ra suy nghĩ, lối sống, và cách ứng xử giữa người cùng cảnh khốn khổ như nhau.

TRÚT BỎ MẶC-CẢM HÂN-THÙ

Mặc cảm là thành lũy chỉ để chốt chính mình vào trong đó, mặc cảm càng dày thì thành lũy càng vững, sự giao tiếp với thế giới bên ngoài càng khó khăn. Thù hận càng sâu thì sự sáng suốt càng bị chìm khuất, con người khi không còn sáng suốt thì dễ bị động, thậm chí bị chính kẻ địch thao túng là đằng khác. Bất cứ người nào giạt mình tỉnh thức, thì cũng thấy thương cho chính mình, thương cho đồng bào cùng cảnh, bị chính những mặc cảm, hận thù do mình nuôi nấng, đang quật ngã mình và đồng bào,

đồng đội mình, ngay trên đường mình phải tranh đấu cho sự tự do của toàn dân, cho sự hưng khởi của Dân-tộc.

Mặc cảm thua trận bỏ chạy, bỏ ngũ, là thứ mặc cảm thường thấy trong lớp người có chức có quyền trước 75, mà cũng may mắn chạy thoát vào dịp 30 tháng 4. Đây được xem như thứ mặc cảm tội lỗi với Đồng bào, Đồng đội. Từ mặc cảm dẫn đến nhận thua, tự thấy không còn đủ tư thế đấu tranh nữa. Họ đành buông xuôi sống với chuỗi ngày còn lại và những gì may mắn ôm theo nếu có. Để rồi có dịp thì lên tiếng đổ lỗi cho nhau về tội để mất nước. Nhưng nhất định không ai tự nhận lỗi về phần mình để xin được tha thứ. Thậm chí có những kẻ trước đây ở vào thế lãnh đạo, luôn miệng hô chiến đấu tới giọt máu cuối cùng, thì nay lại tỏ dấu muốn đầu hàng, nhằm chia quyền bóc lột Đồng bào khốn khổ của mình với Đảng-Ác-Cộng. Chính họ đã tự tiêu diệt sinh mạng chính trị của họ, ở đây chúng ta khởi cần nói tới nữa.

Những người đến được bờ tự-do bằng sức can đảm phi thường, xem nhẹ sống chết trên những con thuyền mỏng manh vượt biển lớn, và những người đã phải trả cái giá bị đầy đọa trong ngục tù Cộng-sản để được nhận cho đi định cư, thì đều không tránh khỏi mang một mối oán thù chất ngất trong lòng. Oán những kẻ phản bội. Thù bọn Ác-Cộng tàn độc gian tham. Việc chống Cộng trở thành lý tưởng kiên cố không khoan nhượng. Đây là một ưu điểm tối cần thiết của người tỵ nạn Cộng-sản, và đây cũng lại là một nhược điểm chí tử của Quốc-gia. Bởi vì kẻ địch rất dễ dàng lợi dụng sự thù-hận,

đến độ dị ứng với những gì có liên quan xa gần với Cộng-sản, của người Quốc gia, nhằm gây hoang mang nghi-ky, làm rối loạn, chia rẽ mỗi lúc một sâu rộng trong hàng ngũ đấu tranh, làm nổ bùng lên một cơn sốt : “THỪA LÃNH TỰ, LOẠN ĐOÀN THỂ, MÀ THIẾU LÃNH-ĐẠO”.

Trong nhất thời, triển khai được lòng hận thù để đối phó với cường địch trước mặt, thì một có thể chọi được nhiều. Nhưng trong trường kỳ, thì ai dám chối là thời gian sẽ không làm chùng lòng thù hận xuống. Nhất lại là sự thù hận bao giờ cũng chỉ tác dụng trên cảm thức của người, đã đích thân nhận chịu mối oán thù, do kẻ khác gây ra trên chính thâm tâm mình. Ngày xưa ngày xưa thì: “Thù ông cha, con cháu phải trả” là lẽ thường. Nhưng ngày nay, nhất là hoàn cảnh của lớp trẻ lớn lên, trưởng thành tại hải ngoại, thì phải nhận chân một sự thật là đã vượt ngoài tầm tay của cha anh rồi.

Do vậy không thể dùng sự hận thù để huy động lớp trẻ nhập cuộc “Diệt Cộng, Giải-cứu Đồng-bào, Giải-thoát Quê-hương” được, mà phải viện cầu tới việc Vận-động Văn-hóa. Chính vì phải LÀM-SÁNG, LÀM-TỐT, LÀM-ĐẸP, và luôn luôn LÀM-MỚI cho Tự-thân, Quê-hương, Đồng-bào và Dân-tộc, đúng với xu-thế thời-đại, đáp ứng với nhu cầu TỰ-DO TỰ-CHỦ SÁNG-TẠO của Con người và cuộc sống HÒA-BÌNH ĐIỀU-HỢP PHÁT TRIỂN toàn diện của Thế-giới, nên Người Việt Hải ngoại mới phải đấu tranh, vận động dư luận toàn thế giới, hỗ trợ tích cực cho các cuộc đấu tranh đòi Sự-sống, Tự-do và tiến trình thể hiện chế-độ DÂN-CHỦ PHÁP-TRỊ chân thật

của Toàn-dân Việt-nam.

Hiển nhiên thế lực đen tối ngu muội tham ác đang dìm đẩy toàn dân Việt nam vào ngục tù nghèo đói, chặn ngang đường tiến của Dân-tộc, tàn phá Sinh-mệnh Văn-hóa của Nòi-giống, là Đảng Cộng-sản Độc-tài Ô-lậu Việt-nam. Cộng-sản là sản phẩm của tư-tưởng Duy-vật một chiều cực đoan tàn nhẫn quyết liệt Duy-ý-chí của nền Văn-minh Tây phương, vừa mới chập chững bước vào đầu đường phát triển khoa-học, với rất nhiều phán đoán chủ quan, thiếu cơ sở lý luận khoa học, mà cứ tưởng rằng: khoa học. Hệ-thống lý luận Duy-vật Cộng sản rơi vào cảnh bất túc đó. Nên nó đã hoàn toàn thiếu nền tảng NGUYÊN-LÝ HIẾU-SINH HẰNG-HÓA của Vũ-trụ, thiếu TÂM-THỨC THƯƠNG-YÊU SÁNG-SUỐT của Con-người, dẫn tới không có VĂN-HÓA-TÍNH là SÁNG-TỐT-ĐẸP và luôn luôn phải MỚI, tức là thường xuyên hướng dẫn vận động CON NGƯỜI và XÃ-HỘI vươn đạt tới lý-tưởng CHÂN-THIỆN-MỸ, với một Thế-giới HÒA-BÌNH ĐIỀU-HỢP PHÁT-TRIỂN.

Chính vì thiếu căn bản Đạo-Đức, thiếu Văn-hóa-tính mà chủ-nghĩa Cộng-sản đã lấy HẬN-THÙ HỦY-DIỆT làm chủ đạo hướng dẫn cho cuộc đấu tranh để thực hiện chủ-nghĩa. Quyết liệt thủ tiêu và loại trừ mọi giá trị đạo-đức, tâm-linh cũng như những suy nghĩ khác với Cộng sản, mặc dù những hiện tượng đó đã có từ ngàn xưa, hay vừa mới xuất hiện. Tức là phủ nhận và bóp chết sự TỰ-DO TỰ-CHỦ SÁNG-TẠO của Con người, triệt phá quá khứ, triệt đường tiến hóa và phát triển của Xã-hội. Thế nên không ngạc nhiên khi thấy Cộng sản thắng thế

trong đấu tranh, vì không thế lực nào tàn-nhẫn và gian-dối bằng Cộng sản, nhưng lại hoàn toàn thảm bại trong xây-dựng, dẫn tới sự sụp đổ tan tành, thậm chí loài người có cảm tưởng như vừa thoát ra khỏi cơn ác-mộng. Cơn ác mộng Hận-Thù, nhìn đâu cũng thấy toàn kẻ thù, được khuyến khích là cần phải tiêu diệt.

SAU LŨNG MỸ-TỬ VĂN-HÓA

Cộng sản đã chết, chỉ còn một phần nhỏ hình hài đang giãy chết, Cộng đảng Việt nam là một mẩu hình hài đó. Chúng chưa chết không phải là chúng mạnh, mà do ta quá yếu. Ta vốn đã từ lâu thường tự đặt mình trong thế bị-động chống đối, tâm lý đó đã trở thành quán tính CHỐNG-CỘNG, không một ai nghĩ, hoặc dám nghĩ tới một từ thay thế cho hợp, sợ bị hiểu lầm chống phá. Chính vì Người Quốc-gia chưa chủ động khởi thế tiến công, nên Cộng sản khi phải tự cứu bằng sự buộc MỞ-CỬA ĐỔI-MỚI, chịu đầu hàng Tư-bản bằng cách áp dụng hình thức KINH-TẾ THỊ-TRƯỜNG, nhằm tạo cho Đảng thành một TẬP-ĐOÀN TÀI-PHIỆT-ĐỎ, để thao túng nền kinh-tế đất nước, củng cố thêm vững nền ĐỘC-TÀI ĐẢNG-TRỊ, thì chúng đã đưa ra các khẩu hiệu lừa dối là : VỀ-NGUỒN DÂN-TỘC, với các chiêu bài HÒA-GIẢI HÒA-HỢP, GIAO-LƯU HỢP-LƯU VĂN- HÓA và DỪNG TÌNH THƯƠNG XÓA BỎ HẬN-THÙ, TRAO-ĐỔI SÁCH BÁO, và MỜI VỀ TRANH CỬ ...

Tất cả những thứ đó Cộng-sản tung ra chỉ nhằm câu nhử những người thiếu cận ảo-tưởng, tự lừa phỉnh mình bằng sự nghĩ rằng : Cộng sản đã yếu, đang bị

Quốc tế o-ép khiến chúng phải cần tới mình. Mục đích của Việt-Cộng là làm nhẹ sự chống đối của dân chúng trong nước, làm giảm áp lực đòi hỏi của quốc-tế, và quan trọng hơn hết là gây nghi kị hoang mang chia rẽ trong hàng ngũ Người Việt Hải ngoại, khiến cho chỗ dựa của cuộc đấu tranh CHỐNG THAM-NHŨNG, GIÀNH SỰ-SỐNG, ĐÒI TỰ-DO của toàn-dân bị sụp đổ, để chúng củng cố độc quyền Lãnh đạo lâu hơn.

Thử nghĩ xem, Cộng-sản có bao giờ thực tâm phụng sự Dân-tộc, coi trọng Dân-chúng đâu ? Chúng chỉ mượn chiêu bài Dân-tộc trong lúc cần huy động toàn dân chiến đấu. Đến khi thành công thống nhất đất nước, thì ngay lập tức chúng nhận công : “Chủ nghĩa Mác Lê bách chiến bách thắng”. “Chủ nghĩa Cộng-sản vô-dịch muôn năm”. Còn lý tưởng Dân-tộc bị liệng thùng rác, những người vì Dân-tộc cùng đấu tranh với chúng thì cho về vườn, rồi bị canh chừng, ngược đãi. Đến khi chúng thấy quan thầy Liên-xô sụp đổ, Thế-giới Cộng sản tan tành, chúng vội vợ lấy khẩu hiệu “Về nguồn Dân-tộc” hòng lừa dân thêm một lần nữa.

Thực ra trên nửa thế-kỷ cầm quyền, không lúc nào Cộng-sản không ra sức triệt tiêu tâm-thức Dân-tộc trong đầu óc Đảng viên, biến họ thành những công cụ nô-lệ trung thành cho Cộng sản chủ nghĩa, đẩy họ vào công tác phá tan mọi nền tảng Văn-hóa Dân-tộc còn lưu truyền trong Tâm-cảm, trong lối sống, nếp sống chân chất của người Việt, trong quan hệ gia-đình, gia-tộc, làng xóm, giữa vợ chồng, nam nữ, già trẻ trong tinh thần yêu-thương, kính trên nhường dưới, đùm

bọc lẫn nhau. Phá hủy các Tôn-giáo chân chính phụng-sự con người và Dân-tộc, vốn đã được Việt-hóa từ ngàn xưa, và là nơi vun trồng Tâm-Đức cho người dân biết tôn-trọng giá trị Đạo-Đức, làm Lành lánh Dữ. Chính nhờ thế mà Dân-Việt đã hiền hòa trong thanh bình, dũng-mãnh trong chinh chiến bảo vệ Dân tộc và Quê-hương.

Nhìn vào thực tại Việt-nam do Cộng sản thống trị hiện nay, tất cả đều thấy hiện hình ra một Xã-hội PHI-VĂN-HÓA, VÔ-ĐẠO-ĐỨC. Toàn thể nhóm lãnh đạo Đảng từ Hồ-Chí-Minh đổ xuống, đều sống cuộc sống vô-luân. Lợi dụng dân trong chiến đấu. Bóc lột dân khi có quyền. Tham nhũng đã thành bản chất của Cộng sản. Diệt tham nhũng tức là diệt Cộng sản. Hết tham nhũng là hết Cộng sản. Xã hội thì lầm than nghèo đói, trộm cướp giết người, diễn ra lạnh lùng thường xuyên. Các tụ điểm buôn bán ma-túy, mãi dâm được Công an bao che, hoặc tổ chức tràn lan đô thị. Tuổi trẻ thành phố đang bị đầu độc, làm mất đi tinh thần đối kháng. “Tội đồ thiên cổ với Dân-tộc chính là Cộng-sản”. Vậy Cộng sản muốn về nguồn nào đây ?

Cộng sản vốn là thứ Phi-văn-hóa, thì lấy đâu ra Văn-hóa mà đòi Giao-lưu Hợp-lưu Văn-hóa. Còn hô hào “Dùng tình thương xóa bỏ hận thù”, thì phải kêu gọi Cộng sản hãy thương dân đang bị họ bóc lột đến tận xương tủy. Rằng: Hãy ngừng tay lại. Hãy từ bỏ độc quyền lãnh đạo ngu dốt độc đoán. Hãy tránh chỗ cho Toàn-dân Tự do phát triển cuộc sống. Hãy nhường đường để Dân-tộc đi lên. Vậy chính vì TÌNH THƯƠNG DÂN-CHÚNG THA THIẾT, vì TÌNH THƯƠNG

DÂN-TỘC RỰC SÁNG, mà chúng ta Người Việt hải ngoại, phải tích cực hỗ trợ cho toàn dân đấu tranh “Loại thứ vi-trùng thù hận có tên là Cộng sản ra khỏi cơ thể Dân-tộc đau thương”.

Cộng-sản dùng mọi quỷ kế chỉ nhằm có một mục đích duy nhất, là làm vỡ thế lực yểm trợ hữu hiệu của Hải-ngoại, cho các cuộc đấu tranh của Đồng bào trong nước. Chúng biết rất rõ, những sách báo của chúng, đến bất ép đọc mà đồng bào trong nước còn không đọc, thì mong chi người ở hải ngoại mua đọc. Ấy thế mà chúng cũng đề ra chính sách, đem sách báo bày bán tại đường phố hải ngoại. Rồi mớm ý cho sự đòi hỏi: “Sách báo của người Việt tại hải-ngoại cũng phải được bày bán tại trong nước”. Mới nghe thì hợp lý đấy.

Nhưng buồn thay, sách báo của Cộng sản chỉ cần “bầy” ở tiệm sách hải ngoại, chứ “không cần bán”. Cộng sản chỉ cần bầy nhiều, đủ để báo với đồng bào trong nước rằng: Đảng đã làm chủ được thị trường hải ngoại, các người đừng có mà hy vọng gì nữa. Còn sách báo của người Việt hải ngoại thì “có bày”, mà “không ai dám mua”. Muốn mua phải “đăng ký”, vì đây là “thứ quý”. Đừng quên rằng: Việt nam vẫn đang sống dưới chế độ Công-an-trị, và có thứ luật quái gở là cho phép được bắt giam người, theo biện pháp quản lý hành-chánh, khỏi cần tòa án.

Khẩu hiệu Hòa-giải Hòa-hợp Dân-tộc, Cộng sản đã đưa ra dùng nhiều lần, lừa được nhiều người, mà lâu lâu dùng lại vẫn có kẻ vướng bẫy. Đã rõ bản chất của Cộng sản là độc tài toàn trị, chẳng chia phần bóc lột dân nước cho ai.

Nhưng vẫn có nhiều “chính-khách xôi thịt”, những “đoàn thể cơ hội” không biết thân, tưởng thời cơ đã tới, vội vàng giống trống kua chiêng, cố xúi cho chủ trương bịp bợm, nhằm mục đích xé nát thế lực đấu tranh của Người Việt Hải ngoại.

Hòa-giải Hòa-hợp Dân-tộc, đúng ra là một ước vọng, đã được ấp ủ của Người Việt kéo dài gần nửa thiên niên kỷ nay. Từ thời chiến tranh Mạc, Lê lương triều. Chiến tranh Trịnh, Nguyễn phân ranh. Chiến tranh Tây-sơn diệt Nguyễn + Trịnh. Chiến tranh Nguyễn-Ánh diệt Tây-sơn. Chiến tranh Thực-dân cướp nước, chia Việt-nam thành 3 kỳ : Bắc, Trung, Nam. Chiến tranh Nam-Quốc, Bắc-Cộng. Những cuộc chia cắt đôn đầu trong lịch-sử đó, buộc người Việt có suy tư về thân phận Dân-tộc mình, phải nghĩ ngay tới giải pháp Hòa-giải Hòa-hợp Dân-tộc. Nhưng nhất định không cùng suy nghĩ như Cộng sản và những kẻ không dám đấu tranh, mà lúc nào cũng muốn có Chính quyền.

Thực tế là công cuộc Hòa-giải Hòa-hợp Dân-tộc đã chính thức hiện thực ở thời điểm mà THÁI BÌNH VÀ NÔNG DÂN MIỀN BẮC NỔI LÊN CHỐNG ĐẢNG, làm cho Đồng-bào Miền- nam và toàn thể Người Việt trên Thế giới, lập tức tiêu tan đi những định kiến cho rằng : “Dân Bắc là Dân Cộng”, “Dân Nam là Dân Quốc” và “Người Việt Hải ngoại là kẻ mất nước”. Tất cả đều nhận rõ Toàn-dân đã Hợp-nhất, đã có cùng một kẻ địch cực kỳ tàn ác gian dối là ĐẢNG CỘNG-SẢN ĐỘC-TÀI Ô-LẬU. Đất nước vẫn còn đó, Dân-tộc vẫn còn đó, Đồng bào vẫn còn đó. Vẫn còn đang đấu tranh gian-khổ với

bọn Cộng-sản ô-lậu mất-gốc. Nước chỉ mất khi chính mỗi người chúng ta, tự quên mình là Người Việt nam, dù kẻ đó sống ngay trên Quê-hương Đất nước.

Thật là phản Dân-chủ khi nghĩ tới : Việt nam phải có một chính quyền Hòa-hợp mọi phe đảng mới có yên ổn. Đây là lối nghĩ của Phong kiến, lạc hậu. Kẻ đã có chính quyền thì muốn thu tóm mọi phe phái về một mối, để dễ thao túng, bóp nghẹt Tự-do của Dân chúng. Kẻ chưa có chính quyền thì muốn hợp tác với Chính-quyền để ăn chia. Thử nghĩ xem, chế độ Dân-chủ Pháp-trị, mà chỉ có một Đảng cầm quyền, không có các Đảng đối-lập ngoài Chính quyền, thì còn gọi là Dân chủ nữa không ? Hay phải gọi đó là Triều-Đình Phong-kiến, là Cộng-sản Toàn-trị, là Chế-độ Gia-trưởng khoác áo Dân-chủ, đang bị đào thải tại Á-châu ? Xin hãy mau thoát khỏi bãi lầy tư-tưởng phong kiến, nếu muốn làm Chính-trị mà có Văn-hóa.

Khi Cộng sản đem miếng mồi bầu cử ứng cử ra nhử, thì phải hỏi : Dựa trên Hiến pháp nào ? Luật bầu cử ra sao ? Và quan trọng hơn hết là ai tổ chức, giám sát bầu cử ? Nếu vẫn với Hiến-pháp mà điều 4 dành cho Đảng Cộng-sản quyền tuyệt đối lãnh đạo, không giới hạn, không có chế tài ; Luật bầu cử vẫn dành cho Mặt-trận Tổ-quốc công cụ của Đảng, giới thiệu ứng viên. Chính phủ Cộng-sản tổ chức bầu cử, thì dù cho cả Thế-giới đứng ra giám sát bầu cử, thì cuộc bầu cử đó cũng nằm gọn trong ý-chí của Đảng nhằm : Khoác cho Cộng sản Độc tài một chiếc áo Dân chủ mà thôi. Thối nát vẫn hoàn thối nát. Dân chúng vẫn còn khổ đau. Kẻ nào thích làm chuyên viên đánh

bóng cho Cộng-sản trước Thế-giới, thì chắc sẽ được trả công cho chiếc ghế Dân-biểu bù nhìn đấy !

Cho dù Cộng sản có bị ép buộc thay đổi Hiến-pháp, bỏ điều 4, thay luật bầu cử, mà Dân-chúng chưa thực sự sinh-hoạt tự-do : Tự-do Ngôn-luận truyền-thông, Tự-do Tôn-giáo, Tự-do Chính trị lập đảng, hội-hợp, biểu-tình chưa có ... Chính phủ Cộng sản lại tự đứng ra tổ chức bầu cử, dù có Quốc tế kiểm soát như tại Cam-bốt, thì chưa chắc đã bằng được tình trạng tại Cam-bốt, vì chỉ có những cá-nhân ra chọi với một Đảng có Chính-quyền, Quân-đội, Công-an và tiền bạc kinh-tài ô-lậu nhiều vô số kể, thế mà thắng nổi, thì đúng là phép lạ. Nếu không có phép lạ, thì do chính Cộng sản chọn một số người bất nguy hiểm cho thắng cử, để bày hàng trước Thế-giới vậy thôi. Muốn có Dân-chủ Pháp trị cho Việt nam, con đường duy nhất là phải đấu tranh. Đấu-tranh Toàn-dân, Toàn-diện và Toàn-cầu, mà Chủ-đạo phải là Văn-hóa.

KHOI-NGUỒN VĂN-HÓA DÂN-TỘC

Văn-hóa chính là nội dung của cuộc sống Con-người, nội dung của cuộc sống Xã-hội, nội dung của các Dân-tộc trường tồn, nội dung của một Thế-giới đang đi tới. Văn-hóa mang cốt-tính SÁNG-TỐT-ĐẸP chân, thiện, mỹ ? Và luôn luôn LÀM-MỚI : Vừa BẢO-LƯU vừa ĐÃI-LOẠC để DUNG-HÓA rồi THỂ-HIỆN và PHÁT-HUY, qua Rung-cảm Suy-tư, Hành-xử của Con-người, tạo thành phong-thái-sống của mỗi người, lối sống, cách sống, nếp sống, thể thống sống, tạo phương tiện sống của Cộng-đồng và truyền thống

sống của một Dân-tộc. Chính vì vậy mà có thể khẳng-định rằng : Một Dân-tộc tồn tại được đến ngày nay, sau mấy ngàn năm sống trong luật tự nhiên, “mạnh được yếu thua”, mà chưa bị đồng hóa, thì Dân-tộc đó phải có một TRUYỀN-THỐNG VĂN-HÓA bền chắc ứng hợp linh động được với mọi tình huống. Trong đó chắc chắn là có DÂN-TỘC VIỆT-NAM.

Văn-hóa là thể hiện khả năng TỰ-DO TỰ-CHỦ SÁNG-TẠO của con người dựa trên Nguyên lý của Trời-Đất : “Đức lớn của Vũ-trụ là Hiếu-sinh”. “Đạo lớn của Vũ-trụ là Hằng-hóa”. “Luật lớn của Vũ-trụ là Điều-hợp”. Do NGUYÊN- LÝ HIẾU-SINH HẰNG-HÓA ĐIỀU-HỢP đó, mà vạn vật sinh sôi phát triển không ngừng, cả về Năng-lượng Nội-dung lẫn Hình-tượng, ở các chủng loại vô tình, hữu tình đến tuệ linh. Rồi các sinh vật tự cảm thụ, thay tự nhiên làm công việc truyền giống, tạo ra gene di truyền, phân thành các chủng loại khác nhau, để tiếp hóa không cùng, khi còn đủ điều kiện, thì mỗi chủng loại tự thân thăng hóa nhằm hoàn thiện nội giống mình. Sinh-loại ưu việt tuệ linh nhất của Vũ trụ hiện nay ta biết được, có Loài-người.

Do Đức-Hiếu-Sinh của Trời-Đất, mà con người có nơi tự tánh mình, TÌNH-YÊU-THƯƠNG, biết quý trọng, bảo-vệ và gìn giữ sự sống của mình, của người và của vạn hữu. Nương theo Đạo Hằng Hóa của Trời Đất, mà con người đã tự thăng hóa Tâm thức mình, rồi vận dụng Luật Điều Hợp một cách đương nhiên, từ Mặc thức, tiến lên Ý thức, đạt tới Nhận thức, để kiến tạo toàn một Cuộc sống người toàn diện, mỗi ngày một Sáng-Tốt-Đẹp và

Mới hơn lên. Đây là Cuộc sống có “Tính-văn-hóa” của Nhân loại. Vậy đích thật Văn hóa là THỂ, giữ phần chủ đạo cho khắp mặt sinh hoạt của Nhân sinh, còn các lãnh vực khác như : Chính-trị, Cai-trị, Luật-pháp, Kinh-tế, Xã-hội, Quân-sự, Giáo-dục, Văn-học, Nghệ-thuật, Khoa-học, Tôn-giáo ... và ngay cả mặt ĐẤU-TRANH nữa, cũng đều là DỤNG của Văn-hóa. Thế nên, bất cứ lãnh vực sinh hoạt nào, mà không có Văn-hóa-tính, thì đều bị mất hướng, đọa lạc, đều gây tai ương cho Nhân-loại, đều tạo sự khổ đau cho Con-người hết.

Nhưng Văn-hóa tuyệt đối không thể tách khỏi Con-người. Văn hóa khởi đi từ NGƯỜI, bởi khả năng của NGƯỜI, do nhu cầu của NGƯỜI, để phục vụ NGƯỜI, nhằm hoàn hảo cuộc sống NGƯỜI, góp phần điều hợp Thế giới NGƯỜI và cùng Vũ-trụ hòa điệu thăng hóa dài lâu. Lẽ đương nhiên Con-người đã phải đổ ra rất nhiều công sức, nối tiếp đời này qua đời khác, thế hệ trước truyền cho thế hệ sau để làm việc ấy. Trái dài hàng triệu năm, loài người đã phải sinh hoạt lẫn mò trong cuộc sống “MẶC-THỨC NHÂN-NHIÊN”, tuy trong tự thân mỗi người đều có hạt giống Tuệ linh, nhưng vẫn còn sống như những sinh vật cùng thời, hoàn toàn lệ thuộc Thiên-nhiên. Chỉ chưa đầy trên dưới mười ngàn năm trở lại đây, trên mặt đất, lác đác ở một vài nơi, loài người mới khai mở được Ý Thức Người, để khởi sự hình thành cuộc sống “Ý-THỨC NHÂN-LOẠI”, tức là sống có Văn-hóa, có hình thái sinh hoạt cộng đồng.

Trong thời Mặc-thức Nhân-nhiên, con người theo bản năng cảm tính thì có những quan hệ Lừa dối, rồi Gia đình Cha

mẹ Vợ chồng, Con cái, sau mở rộng đến Tộc thuộc. Mãi gần bước vào buổi bình minh của sinh hoạt ý thức, loài Người mới tập hợp thành các Bộ lạc để nương vào nhau mà kiếm sống. Không sản xuất, không tích lũy, cách sống là nhặt, hái, săn, câu. Tức là hoàn toàn PHI-SẢN. Đã phi sản thì sao còn gọi được là thời CỘNG-SẢN NGUYÊN-THỦY nữa. Đã không có thứ Cộng-sản Nguyên-thủy trên thế gian này, thì còn làm gì có “Mâu thuẫn đấu tranh” để thành chế độ NÔ LỆ. Rồi nô lệ đấu tranh để thành chế độ PHONG KIẾN. Phong kiến mâu thuẫn đấu tranh để thành TƯ-BẢN. Tư bản mâu thuẫn đấu tranh tiến lên CỘNG-SẢN VĂN-MINH.

Đây là thứ nguy tạo, nguy biến và nguy tín của Duy vật Sử quan. Cộng sản không chế được tư tưởng Con người là nhờ đó. Mà Cộng sản sụp đổ cũng bởi đó. Vì đây vốn không phải là lẽ “Tất yếu Lịch sử”, mà chỉ là sản phẩm của óc Chủ quan duy-ý-chí một chiều hoang tưởng mà thôi. Nhưng đau đớn là đã có hàng trăm triệu mạng người bị chết oan, và biết bao thống khổ trút xuống đầu Nhân loại. Riêng Việt Nam thì thảm họa Cộng sản vẫn còn đó. Tuy còn, mà như đã chết. Người theo Cộng tại Việt nam đang cố gắng trong tuyệt vọng để kéo dài giờ hấp hối. Người dân Việt nam cũng đang bị trả giá về sự giãy chết của con quái vật dị chủng này.

Khi Nhân loại đã tiến lên sống trong cuộc sống Ý THỨC NGƯỜI, thì hình thái Xã hội cũng nở rộng, từ Bộ lạc kết hợp êm đềm, hoặc bằng võ lực thôn tính, để thành các QUỐC GIA PHONG KIẾN, cầm đầu bởi vị Vua toàn trị, truyền tử lưu

tôn. Biến Quốc gia thành của riêng của một người, của từng dòng họ. “Trung Quân là Ái-Quốc”. Thế nên Quốc gia còn hay mất, mở rộng hay co lại, đều dựa trên Vương quyền thuộc về ai mạnh hay yếu ? Còn lãnh thổ và dân chúng của Quốc gia thì mãi tới thời DÂN CHỦ mới được đặt ra : “QUYỀN LỰC CỦA QUỐC GIA ĐẶT TRONG Ý CHÍ CỦA TOÀN DÂN”. Lãnh thổ lãnh hải lãnh không thuộc về Quốc gia, mới được thừa nhận, mà nay vẫn còn nhiều tranh chấp.

Có người chủ quan, lấy lối nhìn hiện nay phê phán lịch sử, khi cho rằng : “Ý niệm Quốc gia Dân tộc rất mới đối với chúng ta”. Thật ra, tinh thần Quốc gia Dân tộc chỉ mới đối với những “con mọt sách”, hay những kẻ đầu óc đặc xệt tư tưởng phong kiến : Học giỏi để ra làm quan, tranh đấu để mong được quyền hành, rồi tha hồ bóc lột Nhân dân. Đến ngay Cộng sản lúc nào cũng đề cao NHÂN DÂN, mà vẫn không ra thoát tư tưởng Phong kiến khi đưa ra những khẩu hiệu : “Trung với Đảng. Hiếu với dân”. “Yêu Nước là Yêu Xã hội Chủ nghĩa”. Ông Tổng thống sáng lập nền Việt nam Cộng hòa, Ngô Đình Diệm cũng chưa ra khỏi bóng tối phong kiến, khi vào những ngày cuối của chế độ, ông đã khản cổ kêu gọi : “Đồng bào hãy tin tưởng vào Hiến pháp, sau Hiến pháp còn có Tôi”. Thế rồi ông bị giết, Hiến pháp cũng chết theo ông. Thật tội nghiệp cho họ. Còn tinh thần QUỐC GIA DÂN TỘC của Người Việt thì vốn có từ ngàn xưa và tồn tại mãi mãi khi còn người Việt sống trên trần gian này, đâu phải đến thời đại Dân chủ mới học mót người ta.

Trong khi các Dân tộc cùng thời, lao

mình vào việc chém giết tranh giành, nhằm mở mang bờ cõi của các QUỐC GIA PHONG KIẾN, tại miền trung thổ Hoàng Hà và Dương Tử, thì DÂN TỘC VIỆT lựa chọn : “BỎ ĐẤT, GIỮ NGƯỜI”, rời chiếc nôi Đồng-đình-hồ và Ngũ-linh-sơn, để xuôi Nam tìm nguồn nắng ấm. Cuộc sống một DÂN TỘC DI DÂN luôn luôn đòi hỏi phải gọn nhẹ, nên Người Việt có thể mất tất cả, nhưng chủ yếu là phải : “Bảo tồn Huyết thống Nòi giống”. “Bảo tồn Tiếng nói Thống nhất”. “Bảo tồn Truyền thuyết Phong giao”. Điều này Dân tộc Việt đã làm được và làm đúng. Những người còn trong mình dòng máu Việt, thì đi đến bất cứ nơi đâu, cũng mặc nhiên theo đúng di huấn thiêng liêng đó.

Vậy tinh thần Quốc gia của người Việt, không phải là tinh thần Quốc gia Phong kiến thông tục, mà là tinh thần QUỐC GIA DÂN TỘC. Quốc gia chỉ là hình thái tổ chức, vốn hết sức tùy thời linh động đối với người thiên cư, điểm chính là tinh thần DÂN TỘC. Sống ở nơi đâu, gặp thời điểm nào thì hình thái Quốc gia tùy đó mà triển khai. Quốc thổ của Bách Việt quần cư ở lưu vực sông Dương tử, vốn được Kinh-dương-vương lãnh đạo, sau truyền cho LẠC-LONG-QUÂN và ÂU-CƠ kế nghiệp. Định cư lập Quốc ở nơi đây từ 2879 đến 2197 trước Tây lịch.

Do đây mới có Linh thoại Long-Quân thuộc giống RỒNG, Âu-Cơ thuộc loài TIÊN, hai người lấy nhau sinh ra trăm trứng, nở trăm con. Năm mươi con theo mẹ lên núi, năm mươi con theo cha xuống biển, mở mang bờ cõi về Phương Nam. Thế nên suốt ngàn năm thiên cư,

Dân tộc Việt chỉ tôn thờ có một vị THẦN VƯƠNG duy nhất là LẠC-LONG-QUÂN và thân mật gọi ngài là “BỐ”, luôn luôn hộ trì Dân tộc trên bước đường thiên cư. Chính vì vậy Vua Hùng thứ nhất lúc định cư ở Châu-thổ Sông Hồng mới xưng mình là con Vua Lạc-Long, làm cho có sự hiểu lầm là 18 đời Hùng, mà cai trị dài trên hai ngàn năm.

Qua Linh thoại RỒNG TIÊN, ta còn khám phá ở đây chứa đựng một tư tưởng hết sức thực tại kỳ vĩ sánh ngang Trời Đất, tồn tại mãi mãi cùng với con người trong Vũ trụ. Đó là tư tưởng NHÂN CHỦ. Thực vậy, trong khi hầu hết các Dân tộc xuất hiện cùng thời, đều Nhân-Cách-Hóa một Đấng-Thần-Linh nào đó, để thờ lạy làm Thần-tổ và tùy quan niệm trọng Mẫu hệ hay Phụ hệ, mà vị Thần đó có phái tính Nam hay Nữ. Còn Dân tộc Việt thì THẦN HÓA chính CHA MẸ làm THẦN TỔ RỒNG TIÊN Lạc-Long-Quân & Âu-Cơ Tổ phụ Tổ mẫu của Dân tộc để thờ kính. Đặt toàn thể con dân vào NHÂN-CHỦ-ĐẠO, Bình đẳng, Khoan dung, Hiếu sinh, Tự do, Tự chủ, Sáng tạo. Chính ngay hai loài Rồng, Tiên cũng là do sản phẩm sáng tạo của Con người mà có.

Sau khoảng một ngàn năm họ Hồng-bàng dắt Dân tộc từ vùng Động-đình-hồ, xuống tới châu thổ sông Hồng thì nhiều ĐỊNH CƯ LẬP QUỐC lần thứ nhì, đặt tên nước là VĂN LANG, lúc đó mới thực sự là Quốc gia Phong kiến, lãnh đạo bởi 18 đời vua HÙNG, đến năm 257 trước Tây lịch, Thục-Phán đoạt ngôi, đổi tên nước là ÂU-LẠC. Rồi lại mất về tay Triệu-Đà, đặt quốc hiệu là NAM-VIỆT. Sau đó rơi vào tay Nhà Hán Trung-hoa, Dân tộc chìm xuống một ngàn năm lệ thuộc.

Quốc gia Phong kiến Văn-lang, Âu-lạc, Nam-việt đều mất, mà Dân tộc Việt vẫn còn, vẫn kiên trì bảo vệ : Nòi giống, Tiếng nói, Truyền thuyết, vẫn tự chủ đấu tranh chống Đồng hóa, để cuối cùng Ngô-Quyền lãnh đạo Toàn-Dân giành lại Độc lập Quốc gia Dân tộc vào năm 939 dương lịch.

KHẢ-NĂM DUNG-HÓA TƯ-TUỞNG

Suốt ngàn năm bị Trung-quốc đô-hộ, lãnh thổ Quốc gia bị xóa bỏ, nước Việt trở thành Quận huyện của Tàu, do nhà Hán đặt quan cai trị. Người Việt phải học chữ Nho, nhưng nhất định cứ phát âm theo tiếng Việt, thế nên chữ Nho ghiêm nhiên thành thứ ký âm cho tiếng Việt, Người Việt đọc thì người Việt hiểu, chứ người Tàu không hiểu, tuy chữ viết thì cả hai cùng hiểu như nhau. Dịp này tiếng Việt nhận thêm được rất nhiều từ ngữ văn học, do cách ghép chữ Việt-Nho, mà đến nay chúng ta vẫn dùng để sáng tạo thêm danh từ mới để biểu hiện những tư tưởng, mà những chữ cũ không lột hết ý, ví dụ như chữ Tuệ-linh để chỉ cho Tâm linh Trí tuệ, Dung-hóa, Thăng-hóa, Điều hợp ... chúng ta vừa gặp trong bài này.

Điều may mắn lịch sử mà Dân tộc Việt đã có duyên gặp được đó là : Một luồng đạo học từ lục địa Ấn-độ êm đềm thổi tới, hầu như cùng lúc với văn minh Hán-Nho, đó là ĐẠO PHẬT, một Đạo lấy Con người làm Cứu Cánh, đặt Con người vào vị thế tối ưu, với trách nhiệm tự thân chủ động làm sáng TUỆ LINH chính mình, làm bùng nổ TỪ TÂM nơi mình, thể chứng trọn vẹn ý nghĩa TỰ DO TỰ CHỦ GIẢI THOÁT ở CON NGƯỜI, trợ

duyên cho tất cả cùng THĂNG HÓA. Đây đúng là biện chứng thực tại của NHÂN CHỦ ĐẠO, mà Ông-Cha Việt-tộc đã sớm đặt con cháu mình vào đường trường cửu đó. Thế nên, chẳng lấy gì làm khó hiểu, khi thấy Đạo Phật với Dân-tộc-Việt, bổ túc cho nhau, hòa hóa cùng nhau. Người Việt từ ngàn xưa vốn có Bản chất Nhân-chủ-Việt, rồi cùng sống với biện chứng Nhân-chủ-Phật, luôn luôn mở rộng Tâm thức, đón nhận tất cả các luồng tư tưởng khác, để cùng DUNG HÓA, nhằm phục vụ CON NGƯỜI.

Chính vì Đạo-Phật cùng một cứu cánh Nhân chủ với Dân tộc, nên Đạo Phật trở thành Đạo Phật Việt, mang đậm nét thực tại, không chỉ tự thân phấn đấu, mà còn cùng nhau tranh đấu, cao độ là còn chiến đấu với các thế lực xâm lăng nữa. Do ý chí quyết liệt bảo vệ Độc lập Giống nòi của con dân, được võ trang bằng ý thức Tự chủ của Đạo Phật, nên Dân tộc Việt đã vượt thoát nỗi sự đồng hóa quyết liệt của Đế quốc phong kiến Tàu, kéo dài cả ngàn năm. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng : Các nước bị Tàu thống trị, không những mất nước, mà còn mất cả Dân tộc, đến ngay các nước thắng Tàu, thống trị được Tàu, mà cũng bị Tàu đồng hóa nữa. Đủ thấy sức mạnh đồng hóa của Tàu dữ dội biết chừng nào.

Đành rằng : Tinh thần tự chủ của người Việt rất mạnh, sức đề kháng rất cao nhưng cũng không dễ gì chịu đựng được cả ngàn năm, mà không biến chất, hoặc ít ra là bị pha chất. Bị pha chất mà không kiểm soát được sẽ dẫn tới biến chất, rồi bị đồng hóa là điều khó tránh. Vậy ngoài tinh thần tự chủ và sức đề

kháng ra, trong Tâm thức người Việt vốn sẵn có Đức Bao Dung, cộng với Lý Vô Chấp của Đạo Phật, để nhận ra được các luồng tư tưởng khác, có cái đúng, cái tốt, cái đẹp, mà mình phải học theo; cái sai, cái ác, cái xấu, mình phải loại bỏ. Đây là sự bao dung đãi lọc hết sức cần thiết khi tiếp nhận Văn hóa của người. Nói rõ hơn, đó đích thật là : Khả năng DUNG HÓA của Văn hóa vậy.

Khi ta đã có nền tảng Văn hóa vững vàng, có khả năng Dung hóa thích ứng, thì không bị người đồng hóa, trái lại ta sẽ nhận được ở người nhiều chất liệu cần để phát triển thêm lên. Mà NỀN của VĂN-HÓA-VIỆT là NHÂN-CHỦ. DÂN-TỘC đã tôn NGƯỜI lên làm THẦN-TỔ, đã biết bỏ ĐẤT để giữ NGƯỜI, thì đã rõ : NGƯỜI là CỨU CÁNH rồi. Xu hướng thời đại chúng ta hiện nay không phải đang lấy NGƯỜI làm CỨU CÁNH đó sao ? Nói tới công cuộc trường kỳ Dung hóa Văn hóa của Dân tộc thì, đã mặc nhiên diễn ra từ ngay khi : Người Việt tiếp nhận Đạo Phật, còn Đạo Lão thì do giới Trí thức, Đạo sĩ tránh loạn tại Trung thổ đem vào, riêng Đạo Khổng thì do các quan lại thống trị áp dụng. Vì nhà Hán đã chính thức tôn Đức-Khổng-Tử thành Vạn-thế-sư-biểu. Nho-giáo trở thành Chủ-đạo cho chế độ Phong-kiến và Đế-quốc-Hán.

Chính vì thế mà người Việt, ngoài việc thoải mái nhận Đạo Phật, Đạo Lão cũng được tiếp thu rất sớm. Còn với Đạo Khổng thì chỉ thu gọn ở chốn quan trường. Mãi cho tới khi, sau nhiều thay đổi triều đại ở Trung nguyên, các biên trấn bất tuân lệnh trung ương, tách ra tự trị, rồi cuối cùng, trung ương phải đành cử ngay người bản xứ làm Tiết độ sứ, thì

lúc đó Người Việt mới thực sự phải học Nho thuật, để ra làm quan. Đây là lúc Người Việt sắp bước sang mùa bùng khởi Tự chủ : Ngô, Đinh, Lê.

Nhưng phải đợi tới thời Lý, [1010] công cuộc Dung hóa Phật-Lão-Khổng mới được triển khai, mới được đưa vào làm chủ đạo cho chế độ, tạo thành một triều đại có Văn hiến, bền vững. Người làm công việc Tập-đại-thành đó là nhà Việt-Phật, Thiền sư Vạn Hạnh. Người Thầy của Thái tổ Lý-Công-Uẩn. Nhà thiết kế toàn diện triều đại nhà Lý. Vị Quốc sư thân ở ngoài Triều, tạo thế đứng VĂN HÓA CHỈ ĐẠO CHÍNH TRỊ. Danh là một tu sĩ Đạo Phật, nhưng là Đạo Phật Việt có khả năng DUNG HÓA các tư tưởng trái nghịch, để đưa vào phục vụ Con người và Dân tộc. Đạo Lão Vô vi, dùng vào việc di dưỡng tinh thần Tự do Tự tại cho người Trí thức. Đạo-Khổng Hữu-vi, thì dụng Nho thuật vào việc tổ chức An bang Tế thế cho Dân cho Nước. Lê đương nhiên với Đạo Phật Giác ngộ thì giúp cho Con người tự tu, tự thăng hóa Tâm thức mình, đạt giác ngộ giải thoát, thể nhập trường tồn. Tức là giải quyết mọi vấn đề của Con người, từ Cá nhân ra xã hội rồi vươn lên Toàn vũ.

Dù với nhận thức toàn diện, đã ứng dụng thành công trong thực tế, nhưng về lâu về dài, vì chiếc áo nhà tu của Thiền sư Vạn hạnh, ít còn có nhà đại trí thức nào mặc vừa, chỉ còn lại những nhà tu bình thường hiền hòa vì đạo, không đủ khả năng văn hóa để chủ trì đại cuộc nữa, thế nên vào cuối thời Lý, mới có hiện tượng đáng buồn là : “Trốn việc quan đi ở chùa”. Phải đợi sang đến Triều đại nhà Trần, công cuộc Dung hóa

Tam giáo Phật-Lão-Khổng mới chính thức thành định chế. Ngay năm thứ ba triều của Thái-tông, đầu thời nhà Trần, [1227] đã cho mở khoa thi Tam-Giáo-Tử, chọn người nối nghiệp Tam-giáo.

Nhưng về mặt thể hiện văn hiến Dân tộc, tạo thế Văn hóa chỉ đạo chính trị, như Vạn-Hạnh khởi đầu, thì lớp tiếp sau đó, nhà Trần mới có người thay thế. Đó là nhà Tư tưởng Trần Trung, Thiền gia cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ. Viên dung Tam giáo. Ngài là người khai mở dòng Thiền dân thân, tùy duyên ứng xử, mang đậm bản chất VIỆT-PHẬT, mà vua Trần Nhân Tông, sau khi lãnh đạo toàn dân đánh tan Quân Mông Cổ, nhường ngôi cho con, khoác tăng bào, trở thành Điều Ngự Giác Hoàng, Đệ nhất tổ dòng Thiền Trúc Lâm, y cứ vào tư tưởng đó mà phát huy. Thời ấy hầu như toàn dân đều hướng Phật. Nên Thế Văn Hóa Chỉ Đạo Chính Trị cho triều đình, cho toàn dân, không chỗ nào tốt hơn là ở Thiền môn. Các bậc Thiệu trí thức từ thời Lý sang đời Trần, đều cùng làm như vậy.

Ở thời Lý thì Văn hóa chỉ là thầy Vua. Đến Nhà Trần thì không những là Thầy mà còn là Bố Vua nữa. Bố Vua mà lại sống hạnh đầu đà hành cước trong dân gian, thì quan nào dám sách nhiễu dân, vua nào không nghĩ tới dân cho được. Các Vua Trần sau này đều theo lệ truyền ngôi cho con, để Xuất gia, nhưng không phải Xuất thế mà là Nhập Thế tu tâm hành đạo giúp đời. Giữ gìn giềng mối Văn hiến Dân tộc. Thử hỏi trên thế gian này có nơi nào, mà phương pháp chế tài đối với lãnh đạo, rắn đe tham quan hiệu nghiệm, đầy tình người như vậy chưa ? Tất nhiên đây chỉ thực sự

hữu hiệu ở thời Phong Kiến, còn thời mà “Quyền lực lãnh đạo dựa trên Ý chí Toàn dân” như hiện nay, thì lại khác, nhưng vẫn phải đặt Văn hóa vào chính vị thế Chủ đạo mới đúng cách.

Thế duy trì bảo vệ và phát huy Văn hiến Việt đó đã bị tiêu hủy bởi tay Hồ Quý Ly [1400], đoạt ngôi nhà Trần, Quý Ly chủ trương làm một cuộc bút phá vĩ đại trong Lịch sử Việt. Phân chia ruộng đất cho dân, phát hành tiền giấy, khuyến khích phát triển kỹ thuật, dùng chữ NÔM thay chữ NHO, đưa ra chủ thuyết Minh Đạo [cuốn sách này đã tiêu hủy]. Nếu chủ trương của Quý Ly thành tựu thì Việt Nam đã đi trước thời đại Âu Châu một bước rồi. Nhưng ý chí của một người chẳng thể thay đổi được Nhận thức của đại khối chưa tỉnh thức, nhất là còn rất nhiều thế lực trì độn kéo ngược lại. Hơn nữa Quý Ly đã không chọn đúng thế Văn hóa như Vạn Hạnh, Tuệ Trung đã làm, mà đi chọn cách đoạt quyền, khiến cho Nhà Minh có cơ hội đem quân qua tiêu diệt, làm cho nước mất.

Phải nói rằng chỉ có 14 năm nhà Minh thống trị Việt Nam thôi, mà Dân tộc bị thiệt hại nặng nề, còn hơn cả một ngàn năm nô lệ trước kia. Tất cả nền Văn hiến bốn trăm năm Lý Trần bị nhổ bật gốc. Văn khố, sách vở bị đốt, bị lấy về Tàu. Người giỏi bị giết, bị bắt đi phục vụ cho Đế quốc, và hàng năm quan địa phương phải cung cấp đủ số những nhân tài mọi ngành mọi mặt, cho Triều đình nhà Minh. Điều di hại đến ngày nay là : sinh mệnh Văn hóa Dân tộc bị cắt ngang. Khả năng Dung hóa bị khựng lại. Tinh thần Viên dung Tam giáo bị đập

bể, dẫn tới cảnh Nho giáo độc chiếm chính trường và khống chế tư tưởng của Trí thức Việt Nam dài dài, mãi cho tới giờ vẫn chưa ra thoát.

Phải nhận rằng : Về mặt Đức Lý thì vấn đề Ngũ thường : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, mà Khổng tử rút ra từ kinh nghiệm ngàn đời, dựng thành một hệ thống tư tưởng làm tiêu chuẩn cho cuộc sống NGƯỜI, thì đến nay vẫn còn giá trị. Nhưng về học thuyết Chính trị, thì chính Ngài đã nhận ra là mình lầm, khi Ngài giác ngộ được Dịch lý. Nhưng sách đã viết ra, việc đã làm trong suốt cuộc đời, thì không còn thời gian để thay đổi nữa. Tư tưởng chính trị của Khổng tử chỉ là triển khai và hệ thống hóa Truyền thống Hữu vi Phong kiến Thống trị của Dân Tộc Tàu Phụ hệ, mà Nhà Hạ đã thiết lập trật tự Hồng phạm Cửu trù. Ở ngôi trung tâm của Cửu trù, là Cửu ngũ, vị trí của Ông Trời, Ông Vua và Ông Gia Trưởng.

Người trong Nhà thì phải tuyệt đối nghe lệnh của Ông Gia Trưởng. Người trong Nước thì phải tuyệt đối trung thành với ông Vua. Ông vua nhận mệnh từ Ông Trời. Ông Trời ở trên chín tầng mây cao tít, mà Ông Vua thì ở ngay trần thế. Nên Vua thay Trời để trị Dân. Người Dân trong chế độ phong kiến chỉ là những kẻ nô lệ. Tệ hại hơn nữa, giới trí thức được hệ thống tư tưởng đó tạo ra lại chỉ là những tên cai nô lệ với tâm lý trở thành quán tính “Đội trên đạp dưới”. Cố học hành đỗ đạt để làm quan, làm tôi trung cho Vua, làm Cha mẹ của Dân. Hầu như nhà cầm quyền lạc hậu nào cũng rất ưa hệ thống cai-trị kiểu đó, họ chỉ cốt sao tìm ra những mỹ từ để che thực chất phong kiến, nhằm lừa dân mà

thôi.

Sau khi phò Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh, Nguyễn Trãi định nối gót Vạn Hạnh, Tuệ Trung lập thế Văn hóa. Hồi hưu viết sách dạy học trò, duy trì Văn hiến Việt. Ông được con của Lê Lợi là Thái Tông Văn Hoàng Đế coi là Trọng phụ, thường đến tận nhà thăm viếng, rồi bị chết đột ngột tại nhà của ông. Tộc thần nhà Lê, ghép ông vào tội giết vua. Bị chém cả ba họ. Thế là dòng Văn hiến Việt bị đứt. Nho giáo lần lần lớn mạnh, tư tưởng phong kiến Tống Nho “một sách” bảo thủ chiếm lãnh triều chính, đẩy Đạo Phật về với Dân chúng, Đạo Lão chỉ còn cái vỏ ngớ ngẩn Đồng Bồng, mất hẳn phần tinh túy. Đến khi Mạc Đăng Dung lật đổ nhà Lê, thì lịch sử Việt Nam bước vào thời chiến triển miên, hết đợt này tới đợt khác, dưới đủ mọi hình thái, kể từ năm 1527 cho đến ngày 30-4-1975.

Văn hiến bị bể, Sinh mệnh Văn hóa bị gián đoạn, khiến khả năng Dung hóa bị cùn nhụt, thế nên, khi phải đối diện với văn minh duy lý kỹ thuật Tây phương xa lạ, người Việt bị chóa mắt, Triều đình hai chúa Trịnh, Nguyễn bị rút vào thế thụ động. Nhất là Vua Quan nhà Nguyễn sau này thì càng thảm hại hơn. Trong đầu của họ thì lúc nào Nho giáo cũng là “khuôn vàng thước ngọc”. Thiên triều Nhà Thanh là nhất. Không chịu rộng lòng sáng mắt, để học hỏi cái hay cái mới của người, nhằm thay đổi đất nước. Họ chỉ biết dùng biện pháp dễ và ngắn của kẻ cầm quyền là ra lệnh cấm, và đàn áp người theo. Dẫn đến việc cấm và giết những người tin theo đạo Tây phương. Cũng giống như Việt Cộng ngày

nay chủ trương tiêu diệt tôn giáo vậy.

Về mặt tín ngưỡng, càng bị cấm đoán càng phát triển nhanh và mạnh, càng nhiều người chịu chết cho đức tin, đức tin càng được củng cố và trở thành linh thiêng, mà đã thành linh thiêng thì không có một thế lực nào tiêu diệt nổi nữa. Mượn cơ Đạo Thiên Chúa bị giết hại, nước Pháp đã đem Binh đội pháo thuyền Súng lửa vào xâm chiếm Việt Nam. Biến Việt Nam thành nước thuộc địa của Pháp. Buộc nhà Thanh của Tàu, phải nhường quyền bảo hộ Việt Nam cho Pháp.

Thật là bất hạnh cho Việt Nam, sau đệ nhị thế chiến là cơ hội phổ biến để cho các Dân tộc thuộc địa của thực dân được ĐỘC LẬP, thì Cộng Sản lại đoạt được cơ hội đó, và cũng không may cho Dân tộc Việt Nam, gặp phải thứ Thực Dân Pháp, lỳ lợm ngoan cố quyết bám thuộc địa dù đã hết thời. Rồi cả Cộng sản lẫn Thực Dân đều trở thành quân cờ trong thế chiến lược mới của Hoa Kỳ, bị lừa vào một cuộc chiến Ý thức hệ, nhằm mài dũa những đối kháng sắc cạnh của các hệ tư tưởng Duy lý Duy-ý-chí Cực vi Tây phương, nhằm xác lập quyền lực và quan hệ Thế giới mới, nhằm thu lợi khổng lồ nhờ kỹ nghệ chiến tranh...

Thực Dân Pháp rút cục bị nhục nhã ra đi. Việt nam bị chia đôi Nam Quốc, Bắc Cộng, chiến tranh Ý thức hệ giữa Duy Linh Miền Nam và Duy Vật Miền Bắc, được trình diễn bởi hai hệ thống xã hội đối nghịch nhau, nhưng lại được lãnh đạo bởi hai chính quyền có cùng một bản chất là Độc tài Phong kiến. Miền Nam hiền hòa hơn trong bộ áo Tự-Do Dân-Chủ. Miền Bắc dữ tợn hơn

trong bộ áo Xã-Hội Chủ-Nghĩa. Miền Nam thành thật cho thấy có ông chủ lớn Mỹ lạnh lùng đứng đằng sau. Miền bắc ma lạnh dấu được hai ông chủ Nga Tàu khủng khiếp ở hậu trường. Còn Người Việt ở cả hai miền thì được kích lệ thi đua hận thù bắn giết nhau, quyết liệt phải bảo vệ cho bằng được những thứ lý tưởng “trời ơi đất hỡi”, nếu mà không có thứ này thì lại càng may cho Con người và Dân tộc hơn.

DÂN-TỘC NGANG-TẮM THỜI-ĐẠI

Suốt nửa thế kỷ trở lại đây, toàn thể Dân tộc Việt đã bị ăn “bánh vẽ” tẩm độc, tuy không chết, nhưng khi bừng tỉnh thì cơ thể đã bị rũ liệt. Để phục hồi, điều cần làm là phải giải trừ chất độc trước đã. Chất độc hiển hiện lừng lững trong tâm thân Đất nước là Cộng sản Độc tài Ô lậu, với bản chất hận thù tham lam tàn nhẫn gian ngoan lừa dối và ích kỷ. Chúng ta đã phải sống với những thứ đó, dù ở thế chống đối, cũng khó tránh nhiễm độc. Vì chúng ta rất dễ dàng tha thứ cho mình về ý niệm : “Với kẻ thù độc ác thì ta phải dùng cách của chúng, đối phó với chúng”. Nhưng bản chất của ta vốn hiền lương, không thể độc địa bằng kẻ thù, nên ta luôn bị bại. “Đĩ ác đối ác, ác đa tất thắng” là lẽ đương nhiên. Huống chi với Cộng sản, vốn được đào luyện trong lò không tim, óc chúng chứa đầy độc tố HẬN THÙ HỦY DIỆT.

Một chất độc khác thấm sâu vào trong tiềm thức của chúng ta đã quá lâu đời, dù đó là người tự thấy mình là Quốc gia, hay cứ gồng mình lên nhận là Cộng sản, thì vẫn còn đậm đặc chất độc

PHONG KIẾN NÔ LỆ. Chính Ý thức Phong kiến Nô lệ, đã xé nát mọi thế lực Quốc dân, phá hoại tiềm lực Dân tộc, làm mờ Tâm thức chúng ta, để không nhận được bản chất và khả năng Dân tộc, hiện giờ rất ứng hợp với nhu cầu và xu hướng thời đại. Sau sự sụp đổ của Thế giới Duy vật Cộng sản, Con người nhận thấy rằng : Tất cả những tư tưởng, những Ý thức hệ một chiều Duy ý chí, những học thuyết chủ quan Duy khép kín đều đã bị vứt bỏ. Nhân loại đang thực sự bước vào thời đại NHẬN THỨC NHÂN CHỦ NHÂN VĂN, Con người, các Dân tộc, các Quốc gia, phải biết chấp nhận nhau, phải tôn trọng nhau, cần giúp nhau phát triển về mọi mặt để cùng sống Hòa bình thịnh vượng.

Nhận thức Nhân chủ Nhân văn: Lấy Con người làm Cứu Cánh, nhận chân Con người có quyền tối cao : Tự do Tự chủ Sáng tạo. Chính do khả năng sáng tạo, mà Loài người đã có đời sống Văn hóa, và những cảnh sống Văn minh khác nhau. Nay khuynh hướng và nhu cầu của Nhân loại là phải mở ra cuộc sống khắp mặt Toàn cầu hóa, cả về Kinh tế, Chính trị, Luật pháp, An ninh ... Nếu cứ đặt những vấn đề trên, trong ý niệm quyền lợi : Quốc gia, Thế lực hay Cá nhân thì sự gọi là Toàn cầu hóa đó, lại trở thành thứ bánh vẽ mới. Thế giới vẫn bị đặt ở thế chênh vênh, mất ổn định. Loài người vẫn còn khốn khó.

Do đó khi đề cập tới Nhận thức Nhân chủ Nhân văn Thời đại, có nghĩa đặt CON NGƯỜI vào vị thế CHỦ ĐỘNG, đặt VĂN HÓA vào vị thế CHỦ ĐẠO cho khắp mặt nhân sinh, kể cả những tương quan Quốc gia và Quốc tế. Nói tới Văn

hóa của Thế giới là phải nhận một sự thật, đó là tính cách Đa Văn Hóa. Những tham vọng muốn Thế giới chỉ có một loại người. Trong vườn chỉ một giống hoa, đã gây biết bao đau khổ cho Nhân loại, và đều đã theo nhau sụp đổ. Tôn trọng, trân quý mọi giá trị Văn hóa, lại cũng không có nghĩa là đổ dồn tất cả với nhau, làm thành một món "hỗ lớn". Làm thế lại là một thảm họa cho Văn hóa.

Xin nhớ, làm Văn hóa có hai nhiệm vụ chính : 1-Bảo lưu 2-Phát huy. Bảo lưu để thấy những giá trị của Ý thức Sáng tạo ở Con người trong tiến trình lịch sử. Phát huy là làm mới những tạo phẩm, quan trọng hơn nữa là đưa Văn hóa vào cuộc sống, làm thành cuộc sống NHÂN VĂN. Được vậy, con người phải có Tâm thức Dung hóa, để tạo ra khả năng DUNG HÓA, biết đãi lọc lấy những tinh túy SÁNG, TỐT, ĐẸP có tính phổ quát của các luồng tư tưởng, các nền Văn hóa, nhằm thăng hóa Rung cảm Suy tư và Hành xử, để Con người Tự do chủ động ĐIỀU HỢP cuộc sống trong từng QUỐC GIA, trên toàn THẾ GIỚI, làm cho tất cả có Hòa bình, Phát triển, luôn luôn MỚI mà không sợ đổ vỡ.

ĐIỀU HỢP vốn là LUẬT THÀNH của VŨ TRỤ, tất cả các hiện tượng hiện hữu trong Vũ trụ, đều nằm trong Luật BỔ SUNG PHÂN HÓA ĐIỀU HỢP. Ngay những vận động sinh hoạt của các LỰC trong một NGUYÊN TỬ cũng tuân theo nghiêm ngặt luật đó. Có bổ sung là có phân hóa, mà chỉ phân hóa thì không thành được gì hết, muốn thành thì phải ĐIỀU HỢP, tức là phải điều hòa và hợp nhất, trở thành một thể thống nhất, tuy những thành tố trong đó vẫn có sắc thái riêng :

Âm điện tử, Dương điện tử, Trung hòa tử ... không biến tính, nhưng chúng đã điều hợp năng lực với nhau, để có năng lực chung cho từng nguyên tử một. Vậy, ĐIỀU HỢP là LUẬT THÀNH của tất cả, từ sinh hoạt Tự nhiên đến sinh hoạt Nhân loại. Đi ra ngoài luật đó, thì đều bị đổ bể.

CON-NGƯỜI TỰ-DO TỰ-CHỦ SÁNG-TẠO, tự ý thức trách nhiệm của mình, tự chủ động góp phần xây dựng cuộc sống chung cân bằng hòa bình phát triển, dựa trên LUẬT ĐIỀU HỢP của TRỜI ĐẤT và VĂN HÓA của CON NGƯỜI. Đó mới đúng là bậc THIÊN TRI THỨC thời đại. Hiện nay từ cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Á, đã tràn sang Nga và các nước Nam Mỹ, đe dọa kéo theo Âu Châu, Hoa Kỳ vào trận bại liệt suy thoái. Tương quan Thế giới ngày nay đã đi hẳn vào thế cách sinh hoạt Toàn cầu hóa, dù cho bất cứ thế lực nào mạnh cách mấy cũng không thể kéo ngược lại được nữa. Hệ thống Thông tin cực nhanh, cực mạnh đã phủ lên toàn cầu, đã làm chủ phòng khách, phòng ăn, ngự ngay trên bàn làm việc, và len cả vào trong phòng ngủ của mỗi Gia đình, mỗi người, đang đặt chúng ta vào mối tương quan ĐIỀU HỢP mật thiết giữa TA với NGƯỜI trên Hành tinh này vậy.

Ba phạm trù nổi bật trong Dòng Sinh Mệnh Văn Hóa Dân Tộc đó là : NHÂN CHỦ, DUNG HÓA, ĐIỀU HỢP, hiện là chìa khóa trong tay những nhà Trí thức Việt Nam Hải ngoại. Chúng ta có thể dùng nó để mở mọi kho tàng Văn hóa Nhân loại học hỏi, mà không còn một thức mặc cảm nào cả. Nhu cầu của Nhân loại hiện nay là cần có : NHẬN THỨC NHÂN CHỦ

để DUNG HÓA TƯ TƯỞNG nhằm ĐIỀU HỢP CUỘC SỐNG. Chúng ta tích cực góp phần vào đại cuộc ấy. Đồng thời chúng ta vận động dư luận toàn cầu hỗ trợ và gây sức ép với Cộng sản Việt Nam, buộc chúng đáp ứng đòi hỏi chính đáng của Toàn Dân Việt, là phải được sống TỰ DO trong chế độ DÂN CHỦ PHÁP TRỊ, bảo đảm cuộc sống trong sạch và phát triển ngang tầm với thế giới. Còn về lâu về dài, thì qua phương tiện truyền thông tự do ở trong nước cũng như toàn cầu, những bậc Thiên Trí Thức có thể sử dụng để biểu tỏ tư tưởng Văn hóa, làm chủ đạo cho tiến trình phát triển đất nước và sự thường xuyên Dung hóa, nhằm Điều Hợp trong dòng sống Thế giới vươn lên.

Little Saigon 09-11-1998

THÀNH THẬT XIN THƯA

Cùng quý độc giả và
Đệ tử ! Đọc và ủng hộ
Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại
là trực tiếp góp phần nuôi
sống món ăn tinh thần trong
sáng giác ngộ giải thoát cho
mình và người.



**TỰ DO TÔN GIÁO:
MỘT VẤN NẠN CHO ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN
CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HUỶNH KIM QUANG

Vào trung tuần tháng 10 năm 1998 vừa qua, Giáo sư Abdelfattah Amor, đặc sứ của Liên Hiệp Quốc, đã đến Việt Nam để điều tra và chứng thực về những cáo giác vi phạm tự do tôn giáo của chính quyền đương tại. Giáo sư Amor đã được chính quyền hứa là ông có quyền đến bất cứ nơi nào và gặp bất cứ nhà lãnh đạo tôn giáo nào mà ông muốn. Nhưng thực tế đã hoàn toàn ngược lại, khiến cho ông Amor phải rút ngắn chuyến điều tra và trở về trụ sở Liên Hiệp Quốc. Sau đó, giáo sư Amor đã ra một thông cáo báo chí cho biết rằng ông đã không được đối xử đúng như những gì chính quyền cộng sản Việt Nam đã hứa. Giáo sư đã bị ngăn cản không được gặp các vị lãnh đạo các tôn giáo, và trong vài lần gặp gỡ giữa ông và các vị tu sĩ Phật giáo đang bị giam cầm trong tù ông cũng đã bị giám sát khắc khe.

Đó là sự thực rõ ràng về tình trạng tự do tôn giáo tại Việt Nam, một sự thực mà dù cho đảng và chính quyền cộng sản có bào chữa bằng cách nào đi nữa cũng không thể che mắt được nhân loại rằng thật sự đã và đang không có tự do tôn giáo tại Việt Nam.

Tại sao cho đến hôm nay, cuối thế kỷ 20, mà dân tộc Việt Nam vẫn còn chưa có được một quyền tự do căn bản nhất của con người, đó là tự do tôn giáo? Hay một cách trực diện hơn, tại sao

đảng và chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn không trả lại người dân cái quyền thiêng liêng nhất mà vốn dĩ mọi người đều phải có ?

Muốn có một giải đáp cho những thắc mắc này, trước hết, chúng ta cần nên tìm hiểu một cách tổng quan về ba vấn đề có liên hệ đến các câu hỏi trên. Ba vấn đề ấy là: Tôn giáo, tự do và cơ chế chính trị độc tài cộng sản.

Tự ngàn xưa, tôn giáo là nhu cầu quan yếu của đời sống tâm linh con người. Trong thế giới huyền nhiệm của tâm linh, con người mở rộng biên tế của lòng ước vọng, nung đốt rục lửa sức mạnh của thế nguyện, để vươn lên một đời sống cao thượng hơn, một hiện hữu toàn hảo hơn, một chân trời thênh thang tự tại hơn, một thế giới vi diệu và sung mãn hơn, cuối cùng là một cứu cánh tối hậu nhất. Điều này không có nghĩa rằng đó chỉ là những mơ mộng hão huyền thiếu thực tế. Trên thực tế, đây là những mục tiêu có thể thành đạt được, những phương thức khả thi. Nếu những khổ đau mà con người đã và đang gánh chịu một cách nhọc nhằn, khốn đốn, là do chính con người hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp tác tạo, thì những an lạc, những giải thoát, những tự tại cũng phải do chính con người kiến lập. Đã có đời sống khổ đau, phiền não, thì tất nhiên cũng phải có đời sống an nhiên, siêu thoát. Đã có

thế giới vô minh, điên đảo, thống hận, thì cũng phải có thế giới giác ngộ, thức tỉnh và bình yên. Đó là sự thực thuộc tục đế.

Có người cho rằng tôn giáo là sản phẩm của con người tạo ra để lấp đi những chỗ yếu đuối, những bất lực, những tha hóa của con người đối với vũ trụ, thiên nhiên, và tất mệnh nghiệt ngã của chính họ. Thật ra, tôn giáo trong huyền nghĩa sâu thẳm thì hoàn toàn ngược lại với những định kiến trên, đặc biệt là đạo Phật, nếu chúng ta có thể xem đạo Phật như là một tôn giáo, ít nhất trên vài bình diện nào đó mà đã thích ứng với những nhu cầu xã hội. Tôn giáo, mà mục tiêu cứu cánh là dẫn dắt con người đạt đến sự tỉnh thức toàn diện về cuộc đời và chính họ, là con đường trở về cảnh giới tự chứng, tự chủ tuyệt đối, không còn trông chờ vào bất cứ thế lực ngoại tại nào để cứu tế cho mình. Giác hạnh viên mãn là gì, nếu không phải là đã trải qua giai đoạn tự giác, tự cứu, và làm thặng duyên cho tha nhân tự thực hiện công cuộc giác ngộ của họ một cách toàn vẹn? Như thế, tôn giáo, ở đây nhấn mạnh nơi đạo Phật, lấy chánh tín làm nền tảng cơ bản cho động lực và sự hướng đạo đối với lộ trình thực nghiệm tâm linh từ lúc sơ phát tâm đến khi đạt cứu cánh, lấy giác ngộ và giải thoát làm mục tiêu tối hậu và tối thượng. Chánh tín là sức mạnh của niềm tin chân chánh về khả tính giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau cho mình và người hưng phát và tồn tại ở tận thâm tâm của mỗi chúng sanh. Cái quyền giữ hay bỏ chánh tín là do chính con người tự quyết định, không ai có thể xóa bỏ

được, dù là sử dụng đến bạo lực tàn ác nhất để triệt tiêu. Giác ngộ và giải thoát chính là trạng thái tự do tuyệt đối. Tự do tuyệt đối chính là sự vượt thoát lên trên tất cả mọi hệ phược từ tinh thần đến vật chất, từ tình cảm đến trí thức; vượt thoát lên trên cả khái niệm, cả cảm thức vi tế nhất về chính ý niệm, chính cảm thức sâu nhiệm về sự giác ngộ và giải thoát; sau cùng là sự vượt thoát lên trên ý niệm về sự không còn ý niệm và cảm thức về sự giác ngộ và giải thoát.

Con người không thể đạt đến sự tự do tuyệt đối khi còn liên hệ đến đời sống tương đối. Chẳng hạn, chúng ta vẫn chưa có thể tránh khỏi được sự lão suy và cái chết khi còn mang lấy thân xác tứ đại này. Lão suy và sự chết, do đó, vẫn còn là một trong những hệ lụy, những giới hạn, những điều không thể chọn lựa được của con người. Tự do, trong ý nghĩa tương đối, hàm ngụ khả tính độc lập, không bị lệ thuộc, không bị ép buộc phải suy tư, nói, và làm bất cứ điều gì mà mình không muốn. Tự do còn bao hàm đặc tính có thể chọn lựa lấy và bỏ những gì thích hợp và không thích hợp với mình. Tất nhiên, trên bình diện xã hội và trong mối tương quan cộng sinh, cộng tồn, con người với tư cách là một thành viên của xã hội không thể vi phạm đến sự tự do hay quyền lợi chính đáng của tha nhân, của cộng đồng. Trong ý nghĩa tuyệt đối, đây là giới hạn của tự do tương đối. Ngược lại, trong ý nghĩa tương đối, đây lại là bốn phận và trách vụ thiêng liêng của cá nhân đối với xã hội.

Thoạt kỳ thủy, cơ chế chính quyền chỉ là một người, hay một nhóm người

được tập thể công cử ra để điều hành công việc chung của tập thể đó, như phân phối thực phẩm, phân nhiệm công tác, giữ gìn an ninh trật tự, điều động việc tìm kiếm thức ăn, lãnh đạo việc đối phó với những đe dọa từ các tập thể khác, v.v... Tất nhiên, người được công cử phải có khả năng, uy tín và đức hạnh mà tập thể kính trọng. Lần hồi, nhu cầu về một thứ quyền lực đặc thù để khống chế những phần tử bất hảo trong tập thể và những thế lực đe dọa từ bên ngoài ngày càng cấp thiết, do đó, cơ chế chính quyền đã được tập thể trao cho những thẩm quyền lớn lao hơn, mà cao đích là sự ra đời của một lực lượng quân đội vũ trang, song song là những luật lệ thiên trọng về việc bảo vệ ngôi vị cho cơ chế cầm quyền. Cao điểm của sự độc tôn quyền lực chính là chế độ quân chủ. Khi những bách hại và sai lầm của chế độ quân chủ đạt đến mức mà con người, với sự mở mang kiến thức theo đà văn minh và tiến bộ của thời đại, không còn có thể chấp nhận được nữa, họ đã cho khai sinh ra cơ chế chính quyền mới: dân chủ pháp trị. Cơ chế chính trị này là biểu hiện cho nguyện vọng chính đáng của con người muốn trả lại quyền làm người, quyền tự do sinh hoạt, quyền bình đẳng trong xã hội cho tất cả mọi người. Đồng thời xác định địa vị chủ đạo xã hội của con người và vai trò thừa hành sự ủy nhiệm của người dân để điều hành việc nước hầu mang lại phúc lợi cho mọi người của cơ chế chính quyền.

Nguyện vọng và mục tiêu cao cả ấy của người dân đã bị các cơ chế chính quyền độc tài, độc đoán chà đạp một cách trắng trợn. Thay vì được dân bầu

lên để thay mặt dân điều hành việc nước và tạo dựng phúc lợi cho toàn dân, các cơ chế chính quyền độc tài đảng trị đã trở thành thế lực áp chế và thống trị người dân. Các cơ chế chính quyền độc tài và đảng trị này tự quyết định vai trò đại diện cho dân, mà trên thực tế họ không được bất cứ người dân nào tín nhiệm qua một cuộc công cử hợp pháp, công bằng và trong sạch. Không thực sự là đại diện của dân, cho nên, các cơ chế chính quyền độc tài không bao giờ quan tâm đến nguyện vọng và ý kiến của quần chúng. Ngược lại, mọi ý kiến của người dân dù có thành ý đến đâu, nếu không phù hợp với chủ trương và chính sách độc tôn của họ, cơ chế chính quyền độc tài không những không muốn lắng nghe mà còn tìm mọi cách để triệt hạ.

Chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay là một trong vài ba cơ chế độc tài cộng sản còn sót lại trên thế giới văn minh tiến bộ và dân chủ của loài người. Không những có đầy đủ các đặc tính hà chính của một chế độ độc tài, cơ chế chính quyền cộng sản Việt Nam còn mang luôn dòng máu thù hận đối với tôn giáo của chủ nghĩa duy vật cộng sản quốc tế. Đứng trên quan kiến sai biệt đối với tôn giáo về triết lý nhân sinh và vũ trụ, các nhà độc tài cộng sản bằng phương cách phiến diện và cục bộ đã nhận định rằng tôn giáo là sản phẩm mê muội của giai cấp tư bản, là vũ khí độc hại của giai cấp tư bản nhằm tha hóa, nô lệ con người đặc biệt là giai cấp công nhân và nông dân. Vì độc tài chuyên chính, cho nên, chế độ cộng sản không chấp nhận bất cứ thế lực độc lập nào hiện hữu trong lãnh địa thống trị của họ,

dù đó chỉ là sự hiện hữu của tôn giáo thuần túy. Vì vốn có thành kiến sâu đậm đối với tôn giáo, cho nên, chế độ cộng sản không chấp nhận sự có mặt của bất cứ hình thức tôn giáo nào. Đó là lý do tại sao tại tất cả các quốc gia theo chủ nghĩa cộng sản nói chung và tại Việt Nam nói riêng từ mấy thập niên qua, đảng và chính quyền cộng sản đã và đang tiếp tục thực hiện các chính sách thù địch, phân hóa và tiêu diệt các tôn giáo.

Trước cao trào phục hồi quyền làm người mà trong đó bao hàm các quyền tự do căn bản của một con người vốn đã được toàn thể nhân loại tôn trọng qua bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, và bước tiến vươn cao của con người thời đại đòi hỏi tự do, dân chủ và công lý trên toàn thế giới, đặc biệt là quyền lợi kinh tế tài chánh huyết mạch cho sự tồn tại của chế độ, đảng và chính quyền cộng sản Việt Nam đã bị bắt buộc phải công nhận những giá trị thiên liêng và cao quý ấy của con người. Đây chính là một vấn nạn cho cả chế độ ! Nếu họ chỉ công nhận suông trên lý thuyết mà không thực tâm cải thiện bằng hành động cụ thể, họ sẽ bị cả thế giới lên án, cả thế giới cô lập. Nếu họ bắt tay vào việc thực hiện công cuộc phục hồi các quyền tự do căn bản mà đặc trưng là tự do tôn giáo, thì ngôi vị độc tôn lãnh đạo của chế độ cộng sản sẽ sụp đổ trước các đợt sóng tự do và dân chủ dâng trào. Chính ở điều này, chúng ta nhận thức được rằng, đảng và chính quyền cộng sản Việt Nam đã không đặt sự hưng vong của đất nước, sự tự do và hạnh phúc của dân tộc lên trên quyền lợi của

đảng, của chế độ. Ngược lại, họ chỉ canh cánh lo bảo vệ sự độc tôn lãnh đạo, sự sống còn của chế độ dù phải hy sinh đất nước và dân tộc ! Thực trạng bi thương của đất nước và dân tộc Việt Nam hiện nay là một bằng chứng cụ thể: Người dân thì nghèo khó, khổ cực, làm không đủ ăn, không đủ mặc ; trẻ em thì phải lam lũ sinh kế trong lứa tuổi măng non và cần đến sự học vấn ; thanh thiếu niên thì lao vào con đường hút xách, băng đảng, hoang phí cuộc đời ; các tôn giáo đều bị tình trạng phân hóa, hủ hóa, và chi phối bởi chính quyền ; trong dân gian không khí nghi kỵ, thù hận, bè phái, địa phương tính làm hoen ố tâm thức mộc mạc, cởi mở, và bình dị của người dân vốn là di sản truyền thống cao đẹp từ ngàn xưa !

Chính vì vậy, ngày nào đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam còn thống trị đất nước với danh nghĩa và nội dung của một chế độ độc tài đảng trị thì ngày ấy vẫn không có các quyền tự do căn bản cho người dân mà trong đó quyền tự do tôn giáo là một. Bởi vì, chế độ độc tài đảng trị không bao giờ chấp nhận tự do và tôn giáo đúng nghĩa. Nếu có thì đó cũng chỉ là thứ tự do và tôn giáo giả hiệu, hay là cái bình phong do chế độ dựng lên để che mắt công luận quốc tế mà thôi.

Chế độ độc tài cộng sản không cho người dân quyền tự do tôn giáo vì họ lo sợ rằng các tôn giáo ảnh hưởng sâu rộng đến đại khối quần chúng và, do đó, đảng và chính quyền cộng sản sẽ mất hết thế lực thống trị đất nước. Họ đồng thời mù quáng cố chấp cho rằng chỉ có đảng và cơ chế quyền lực độc tài đương tại mới

có khả năng, mới có quyền điều hành quốc gia để đưa đất nước đến phú cường. Các nhà lãnh đạo cộng sản thật đã sai lầm nghiêm trọng ở mấy điều sau đây :

Thứ nhất, các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng khi truyền bá đạo Pháp trong nhân gian không phải với ý đồ thúc đẩy quần chúng cho tham vọng chính trị mà chỉ với tâm nguyện thấp sáng chân lý giác ngộ của chư Phật hầu giải khổ cho pháp giới chúng sanh. Lịch sử truyền bá Phật Pháp tại Việt Nam ngót hai ngàn năm qua đã chứng minh điều ấy. Trong suốt quá trình hóa đạo trên đất nước này, Phật giáo đã trải qua nhiều triều đại được xem như là quốc giáo như ở triều đại nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, v.v., nhưng đạo Phật vẫn là đạo Phật của giải thoát và giác ngộ, của siêu việt lên trên mọi hệ phược của những thế lực vô minh. Một trong những nền tảng cơ bản cho sự hiện hữu của tôn giáo chính là đức tin. Khi đức tin của con người đối với tôn giáo vững mạnh thì dù gặp phải bao nhiêu chướng nạn họ cũng vẫn kiên trì sống chết với đức tin cao cả ấy. Càng có nhiều chướng nạn càng làm cho đức tin thêm sắt đá. Cho nên, lịch sử nhân loại đã nêu rõ rằng trong khi các cơ chế chính trị lần lượt bị đào thải, bị tiêu diệt, tôn giáo vẫn tồn tại miên trường.

Thứ hai, việc dựng nước, giữ nước và làm cho dân giàu nước mạnh là bổn phận và trách nhiệm thiêng liêng và trọng đại của tất cả mọi người dân. Do đó, mọi công dân đều có quyền suy tư, phát biểu ý kiến và đóng góp bằng hành động cụ thể vào công cuộc kiến quốc

này. Cơ chế chính quyền phải biết lắng nghe ý kiến, phải biết trân quý những đóng góp xây dựng của quần chúng.

Thứ ba, thực tế lịch sử gần một thế kỷ qua đã cho mọi người thấy rằng chủ nghĩa cộng sản với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản hoàn toàn chỉ là thứ lý thuyết không tưởng, là thứ thực tế thất bại, phá sản và lạc hậu trên mọi mặt. Thế mà thật oái oăm, cho đến hôm nay, những nhà lãnh đạo cộng sản lỗi thời ở nước ta vẫn còn nhắm mắt tin tưởng vào cái gọi là chủ nghĩa xã hội của họ !

Thứ tư, càng thực hiện chính sách độc tài đảng trị, cơ chế chính quyền hiện tại càng xây dựng cho họ một thứ ốc đảo trơ trọi giữa sa mạc dân gian : Mất hết sự hậu thuẫn và niềm tin của quần chúng, tạo ra nhiều dị biệt trầm trọng ngay trong chính nội bộ đảng và chính quyền, làm cho quốc tế nghi ngờ về sự ổn định chính trị cũng như sự phát triển kinh tế.

Sau cùng, quyền sống bình đẳng, quyền làm người và các quyền tự do căn bản của con người, trong đó có quyền tự do tôn giáo, không phải là ân huệ của các chế độ chính trị ban phát cho người dân, mà đó vốn là những quyền phải có của một con người khi sinh ra trên thế giới này. Các cơ chế chính quyền phải có bổn phận và trách nhiệm bảo vệ cũng như thực thi nghiêm chỉnh những quyền tự do ấy cho mọi người. Khi một cơ chế chính quyền không thực hiện đầy đủ trách vụ đó thì người dân có quyền phát biểu ý kiến sửa sai, đóng góp xây dựng bằng hành động cụ thể, hoặc công cử những người đại diện khác có khả năng./

ẤN ĐỘ TRƯỚC KHI PHẬT RA ĐỜI

TRẦN QUANG THUẬN

Ấn Độ là một bán đảo hình tam giác, rộng trên năm trăm triệu cây số vuông, hiện nay có gần một tỉ dân. Phía Bắc là dãy Hy Mã Lạp Sơn, quanh năm tuyết phủ ; phía Nam gần giáp đầu đảo Tích Lan, phía Tây giáp Pakistan, Ba Tư, A Phú Hãn, Nga ; phía Đông Nam giáp Bangladesh, Miến Điện ; Đông Bắc giáp Tây Tạng, Trung Hoa.

Ấn Độ (India) nguyên từ chữ Sindhu, có nghĩa là sông, người Ba Tư đổi nó là Hindu và gọi tất cả miền Bắc Ấn Độ là Hindustan - xứ của các con sông - người Hy Lạp xâm lăng thời Thượng Cổ, chuyển qua một tên khác, đến người Pháp đổi tiếng Hindu thành Inde, người Anh gọi là India, Việt Nam gọi là Ấn Độ.

Trước đây các sử gia Tây phương quan niệm Hy Lạp mở màn cho nền văn minh nhân loại, Ấn Độ trong thời kỳ ấy, ăn lông ở lỗ, sau nhờ dân Aryans từ vùng biển Caspian tiến xuống miền Nam khai hóa mở mang. Năm 1924 John Marshall đã tìm thấy ở Mohenjo Daro, phía Tây sông Indus và ở Harappa, cách vài trăm cây số về phía Bắc, nhiều di tích của một nền văn minh cổ đại, xưa hơn tất cả nền văn minh mà chúng ta được biết cho đến ngày nay. John Marshall đã trình bày sự khám phá của

mình về hai thành phố cổ Mohenjo Daro và Harappa như sau :

"... Ba bốn nghìn năm trước công nguyên, ở miền Sindh (cực bắc Bombay) và miền Panjab (miền nam con sông) đã có một đời sống thành thị rất náo nhiệt, nhiều nhà có giếng, có phòng tắm, có hệ thống dẫn nước ... người dân ở đó đã có một lối sống, một vị thế xã hội ít nhất cũng bằng dân Sumerian thời cổ, cao hơn dân Babylonian và Ai Cập cùng thời với họ. Ngay cả Ur, nhà cửa xây cất cũng đơn sơ hơn so với Mohenjo Daro.

Gần một nghìn năm sau, vào khoảng 3,000 tcn, một sắc dân du mục trước đó đã chiếm đồng cỏ Trung Á, một nhóm tiến về miền Nam đến Ba Tư, một nhóm khác tiến về phía Đông Nam, qua đèo Hindukush, đến Tây Bắc Ấn Độ. Họ là sắc dân nói tiếng Ấn Âu, một cổ ngữ Sanscrit. Họ tự xưng là dân Aryan, theo chữ Sanscrit có nghĩa là quý tộc. Một trong những di tích họ tìm được tại lưu vực sông Indus là cái khuôn dấu khắc hai đầu rắn, biểu tượng xưa nhất của dân tộc Naga, thổ dân Ấn Độ miền Tây Bắc. Sắc dân này hiện còn sống trong những khu rừng hẻo lánh nhất tại vùng đó. Tiến về hướng Nam, sắc dân xâm lược Aryan gặp nền văn minh của người

Dravidian, họ đã học và sử dụng chế độ cộng đồng nông thôn, chính sách điền sản và thuế khóa của dân bản xứ. Ngày nay dân Dravidian vẫn còn cư trú tại vùng của họ, vẫn còn giữ được huyết thống, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, Dravidian.

Sau khi xâm chiếm Ấn Độ, dân Aryan tổ chức cai trị, phân chia giai cấp dựa vào màu da. Cùng trong thời điểm này, lịch sử Ấn Độ bước vào thời Đại được mệnh danh là thời Vệ Đà (1500-1000 tkn), vì trong thời kỳ này kinh điển Vệ Đà được biên soạn. Vệ Đà (Veda) có nghĩa là Trí tuệ. Bộ kinh Vệ Đà xưa nhất là 1/ Rig Veda 40 quyển, gồm một nghìn hai mươi tám bài ca, có tính cách thần thoại, nhưng bao gồm tư tưởng vũ trụ, nhân sinh quan. Tư tưởng Rig Veda mở đầu cho nền văn minh và triết học Ấn Độ. Bộ Vệ Đà, thứ hai là 2/ Yajur Veda gồm những kinh, những lời khấn nguyện tế lễ. Kinh Vệ Đà, thứ ba là 3/ Sama Veda gồm những bài kinh sám nguyện và bộ Vệ Đà, thứ tư là 4/ Atharva Veda, gồm những bài thần chú.

Nguồn tư tưởng của Bà La Môn Giáo vào thời kỳ thứ hai, gọi là thời đại Brahmana (Phạm Thư - 1000-800 tkn). Trong thời kỳ này dân Aryan lần lượt tiến về phía Đông, chiếm lưu vực sông Hằng phì nhiêu. Brahmana là một bộ sách có tính cách thần học. Tư tưởng Brahmana được khai triển trong ba giai đoạn : 1/ Giai đoạn sáng tạo Prajapati. Thần Prajapati là vị chúa tể tối cao, tạo thiên lập địa, tạo hư không, tạo Thái Dương Thần, Phong Thần, Hỏa Thần, con người và vạn vật. 2/ Giai đoạn biến hóa Brahma (Đại Ngã). Thần Brahma

thay thế thần Prajapati chi phối tất cả các vị thần linh. Brahma là bản chất uyên nguyên bất biến, bất động; Brahma cũng là biến hóa không cùng tận, dùng Nama (Danh) và Rupa (Sắc) khai triển vạn hữu. 3/ Giai đoạn thể nhập Atma (Ngã, Tiểu Ngã). Brahma (Đại Ngã) và Atma (Tiểu Ngã) tuy hai mà một. Brahma, theo thuật ngữ Phật Giáo là Tĩnh, Atma là Động; Brahma là vũ trụ, Atma là tâm linh. Tâm linh bất diệt, khi Atma liả khỏi xác thì trở về với Brahma, khi Atma giải thoát thì trở về hợp nhất với Brahma đại ngã.

Nếp sống tôn giáo trong thời kỳ này, thời Đại Vệ Đà và Brahmana là nghi lễ tế thần bằng vật hy sinh. Thế giới được cấu tạo bằng hy sinh, và vì vậy phải được duy trì bằng vật tế thần. Nghi lễ cúng tế hoàn toàn do giai cấp Bà La Môn chủ trì, họ là giai cấp duy nhất được phép học và đọc thần chú, thánh ca. Lễ tế thần quan trọng nhất là lễ Ashvamedha hay Lễ Tế Thần Bằng Ngựa. Cuộc lễ kéo dài một năm với nhiều tu sĩ Bà La Môn tham dự, nhiều sinh vật bị giết hại, rất tốn kém. Tổ chức xã hội của nền văn hóa mới phát triển theo hệ thống giai cấp, đứng đầu là giai cấp Bà La Môn (Brahmanas), rồi đến Sát Đế Lợi (Kshatriyas), giai cấp vua quan, quý tộc, võ sĩ thống trị ; đến Tỳ Xá (Vaishyas) công, thương gia ; cuối cùng là Thủ Đà La (Shudras) cùng đinh. Sau này một giai cấp khác xuất hiện, đó là giai cấp Chiên đà La (Harrijans), giai cấp hạ tiện, cách biệt hoàn toàn với 4 giai cấp trên.

Hệ thống giai cấp rất chặt chẽ. Sinh vào giai cấp nào, thì suốt đời phải ở giai

cấp đó, không đi lên mà cũng không đi xuống. Mỗi giai cấp có bốn phận, trách nhiệm và quyền hạn riêng biệt. Sống và hành xử đúng với trách nhiệm của mình là người tốt, là gây thiện nghiệp để kiếp sau có thể thăng tiến lên giai cấp cao hơn, thuyết luân hồi nằm trong quan điểm này.

Hệ thống giai cấp còn tồn tại cho đến ngày nay mặc dầu trên luật pháp sau khi Ấn Độ độc lập đã bị xóa bỏ. Một số trí thức Ấn Độ bênh vực hệ thống giai cấp cho rằng nhờ chế độ ấy mà xã hội được trật tự, an ninh, ổn định; nhờ hệ thống ấy mà tinh thần trách nhiệm, kiên nhẫn, khiêm kính được phát triển. Kẻ khác phê bình cho hệ thống giai cấp quá cứng nhắc, quá vô nhân đạo, bất công, tạo tinh thần buông xuôi thả lỏng, mặc cho số phận đẩy đưa.

Nguồn tư tưởng thứ ba của Bà La Môn Giáo là triết thuyết Upanishad (Áo Nghĩa Thư, 800-400). Triết thuyết Upanishad chủ trương Phạm (Brahma), Ngã (Atma) Đồng Nhất (Brahman, Atman Aikyam) được khai triển qua lý tưởng giải thoát.

Thực ra gia tài tâm linh phong phú của Ấn Độ không phải phát xuất từ Bà La Môn Giáo mà từ truyền thống có gốc rễ tiền-Aryan. Đây là truyền thống khổ hạnh mà người triển khai không phải là Bà La Môn (Brahmanas) mà là Sát Đế Lợi (Kshatriyas), giai cấp quý tộc, võ sĩ. Những người này rời bỏ đời sống thế tục một mình, hay từng nhóm nhỏ, đi vào hang động tu trì - tiền thân của hàng Fakirs. Họ tu tập thiền quán gọi là Yoga. Hình tượng của những vị tu yoga ngồi xếp bằng đã được các nhà khảo cổ khám

phá tại thành phố Mohenjodaro và Harappa trong thung lũng sông Indus, trước khi dân Aryan đến vùng này, trước khi Bà La Môn giáo xuất hiện. Nhờ tu tập yoga mà các đạo sĩ có thể trực chứng cảnh giới tâm linh giác ngộ (jhanas chữ Pali, dhyanas chữ Sanscrit), một số ít chứng nhập Brahman.

Brahman là chân lý tuyệt đối, không hình, không tướng, đôi khi được diễn tả không phải cái này, không phải cái kia (Neti, Neti), đồng nhất với vũ trụ, đồng nhất với mọi cá thể. Brahman là Atman, Atman là Brahman (Tat tvan asi - như thị, như thị).

Giáo lý Phạm Ngã Đồng Nhất này được ghi chép trong bộ Upanishad, gồm hơn 200 tập, không theo thứ tự đặc biệt nào, giữa khoảng thời gian 800 đến 400 tkn. Những tập quan trọng của Upanishad là Isa, Kena, Katha, Prasna, Mundaka, Mandukya, Svetasvatara, Chandogya, Brihadaranyaka và Taittiriya Giống như kinh Vệ Đà, Upanishad là sáng tác của các đại thi hào với cái nhìn sâu thẳm, với triết thuyết cao xa, dạy cách giải thoát sinh tử luân hồi. Muốn giải thoát, phải đi tìm giải thoát, tìm giải thoát không ở đâu xa mà ngay chính tự nơi mình. Muốn thoát luân hồi sinh tử là phải an trú vào bản tính của mình, phải bồi dưỡng trí tuệ. Muốn an trú bản tính và bồi dưỡng trí tuệ thì phải hành trì yoga. Kết quả của hành trì yoga thì chân ngã sẽ hoàn thiện, chân ngã hoàn thiện thì Atman trở thành Brahman, tức đạt được giải thoát, chấm dứt sanh tử luân hồi.

Đạo sĩ tu khổ hạnh sau khi thành đạt đường tu, bỏ hang động trở về thế

gian để truyền dạy cho nhân thế. Lời giảng dạy và phong thái của họ làm cho dân chúng bái phục và do đó làm cho dân chúng không mấy quan tâm hay kính ngưỡng tu sĩ Bà La Môn, những vị này không mấy thiện cảm với hàng đạo sĩ tu khổ hạnh, khuyên dân chúng đừng nghe lời đường mật của các đạo sĩ, nhưng họ không trực diện tấn công, họ khôn khéo thâm nhập ánh sáng trí tuệ của các đạo sĩ vào thánh điển của mình. Số người theo hàng đạo sĩ càng ngày càng đông, đặc biệt là thành phần thanh niên, xa gia đình, xa vợ con, bỏ trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, theo thầy học đạo. Tu sĩ Bà La Môn hết sức lo ngại cho trạng huống này, vì như vậy gián tiếp làm sụp đổ cả hệ thống giai cấp, hệ thống tối cao mà họ đang hưởng thụ, họ bèn uyển chuyển phác họa chương trình tu đạo của người Bà La Môn theo 4 giai đoạn của cuộc đời : 1/ Brahmacharin, thời niên thiếu từ 7 đến 11 tuổi, xuất gia theo Thầy học tập kinh điển Vệ Đà. Học xong trở về gia đình, chuẩn bị cho giai đoạn II. 2/ Grahastha, thời tráng niên, tạo sự nghiệp, lập gia đình, sinh con, đẻ cháu, làm tròn nhiệm vụ của người gia trưởng. 3/ Vanaprastha, giai đoạn hưu trí, dần dần tháo gỡ ràng buộc thế sự, vào rừng tu luyện. 4/ Parivrajaka, giai đoạn truyền giảng : sau thời gian tu luyện tại hang động, họ xuống núi, đi đó đi đây xiển dương giáo lý.

Từ Vệ Đà Thiên Khải (chủ nghĩa Bà La Môn chí tôn chí thiên, chủ nghĩa tế thần Vạn Năng) đến Phiếm Thần Giáo (thờ cúng nhiều nhân cách thân Brahma, Vishnu, Shiva, tư tưởng chính của

Mahabharata, diễn tiến thế tục hóa của Bà La Môn Giáo) rồi đến triết thuyết Upanishad, Bà La Môn Giáo đã vượt qua một đoạn đường dài trên 10 thế kỷ.

Khi triết thuyết Upanishad ra đời, tư tưởng Ấn Độ được tự do phát triển, thế lực chính thống của Bà La Môn Giáo, ngày càng sút kém. Chân lý vô hình, vô tướng của Brahmana biến thành hữu tướng, hữu dạng trong hình hài của thần Brahma (Phạm Thân) và thần Brahma đã phán:

Màu đỏ sát nhân biết rằng nó giết người

Hoặc nạn nhân biết rằng mình bị giết

*Nhưng cả hai đều không biết những con
đường bí mật*

Mà ta theo, đi qua rồi đi lại

Ở xa hay bị quên, tức là ở gần ta đó,

Bóng tối và ánh sáng mặt trời chỉ là một !

Cái thần thánh đã khuất lại hiện ra với ta

Và đối với ta, vinh và nhục chỉ là một.

Những kẻ nào bỏ ta là vụng suy,

Ta là những cánh đưa họ bay bổng.

Ta nghi ngờ và là sự nghi ngờ

Ta là Thánh ca mà người Bà La Môn hát lên

(William Durant, Nguyễn Hiến Lê:

Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ, tr 84)

Thuyết Tự Ngã (Atman) mà các nhà hiền triết xưa do dự không đề cập đến, mà có đề cập thì bằng ngôn ngữ phủ định, bây giờ đã cô đọng lại thành cá thể trường tồn, thành linh hồn bất tử, thành Jivatman. Đức Phật đã dùng thì giờ chứng minh trào lưu tư tưởng thối hóa của triết thuyết Upanishad cao thượng, một đạo lý nguyên thủ cao siêu liên hệ khá mật thiết với giáo lý Phật.

Khi Thời Đại Vệ Đà gần cáo chung,

khi văn hóa Vệ Đà đã lan rộng miền đồng bằng hạ lưu sông Hằng, khi quân xâm lăng Aryan đã thay đổi nếp sống, từ đời sống du mục đến đời sống nông dân định cư, khi mà họ cố gắng hòa mình với dân chúng bản xứ để cùng khai thác vùng đất rộng phì nhiêu mênh mông dọc lưu vực sông Hằng thì tình trạng xã hội đã biến chuyển mạnh. Nông nghiệp phát triển, kinh tế phồn vinh, dân số ngày càng tăng, thương trận nổi lên khắp nơi, một nền văn hóa thành thị vươn mình trong chủ nghĩa cá nhân sơ khởi. Hình thức tổ chức chính trị mới, bộ lạc cũ được thay thế bằng hình thái tập trung dân chúng mới, có kỷ cương hơn, được hệ thống hóa nhiều hơn. Thể chế Cộng Hòa song song với chế độ quân chủ xuất hiện, do giai cấp Sát Đế Lợi làm chủ và không mấy thiện cảm với chính thống Bà La Môn. Quốc gia dưới chế độ quân chủ với chính sách bành trướng lãnh thổ thời bấy giờ là Magadha (Ma Kiệt Đà) và Kosala (Kiều Tát La) tranh nhau làm chủ “Trung quốc”, trung tâm của Bình Nguyên sông Hằng, Trung tâm văn hóa Ấn Độ vào thời kỳ Phật Đản sanh (563 tkn).

Kinh tế thịnh vượng và biến chuyển xã hội, phát sinh áp lực, từ áp lực xã hội tạo nên vấn đề tâm lý và tâm linh. Thì giờ rảnh rỗi, tài nguyên thặng dư, hầu như có thể cung cấp giải đáp cho những nan đề phải đương đầu trong cuộc sống, nhưng trên thực tế chỉ là công dã tràng. Càng dùng phú quý, phồn hoa để giải quyết vấn đề lại càng tạo thêm nhiều nan đề rắc rối và phiền toái hơn. Trong bối cảnh xã hội ấy, một số người đã từ bỏ gia đình, tìm một nếp sống khác, một

truyền thống khác thỏa đáng hơn không những đối với bản thân mà cho cả gia đình, quốc gia, xã hội. Họ là những Ajivakas hay Parivajakas (những kẻ không nhà), họ là Shramana (đạo sư), bây giờ không bị gò bó bởi những giới điều hay luật lệ truyền thống Bà La Môn mà tự do xuất gia, tự do tôn thờ chủ nghĩa theo ý muốn, tôn thờ vị Thầy của chính mình lựa chọn. Nền văn minh cũ đang biến đổi, tôn giáo truyền thống Bà La Môn quan liêu không còn đáp ứng được nhu cầu tư tưởng tự giác mới của quần chúng, các giáo phái thành hình, trong đó đáng kể là :

1/ Purana Kassapa thí tổ của Phái Hoài Nghi, cho thiện, ác chỉ là quan niệm, là thói quen, là tập quán, không có giá trị thực tiễn, không đáng để bận tâm. Upanishad đề cập đến việc các nhà hiền triết chế nhạo tu sĩ Bà La Môn. Upanishad Chandogya so sánh hàng giáo phẩm chính thống Bà La Môn lúc bấy giờ như một đoàn chó, con nọ cắn đuôi con kia thành một hàng dài và kính cắn sủa lên : “Phải, chúng tôi muốn ăn. Phải, chúng tôi muốn uống”. Upanishad Swasamved tuyên bố không có thiên đường, không có địa ngục, không có luân hồi, cũng không có vũ trụ. Các kinh Veda, các Upanisha chỉ là sản phẩm của bọn điên khùng tự cao tự đại ...

2/ Makkhali gosala thí tổ của Phái Tất Nhiên Luận Cực Đoan cho rằng vận mệnh của con người đều do quy luật tự nhiên quyết định, con người không thể nào thay đổi được, vì vậy không cần nỗ lực tìm giải thoát mà giải thoát tự nhiên sẽ tới.

3/ Nigandha Netaputta (Vardha

mana), thí tổ của Kỳ Na Giáo (Jaina) quan niệm đời là khổ và muốn thoát khổ, muốn giải thoát (Moksha) phải rời bỏ thế tục, chuyên trì khổ hạnh, trì trai, giữ giới, nhất là giới bất hại : Không sát sinh hại vật (ahimsa). Giáo nghĩa Kỳ Na được Mahavira (Đại Hùng) hệ thống hóa trong thời Phật tại thế. Đệ tử giáo phái này hiện còn tại Ấn Độ.

4/ Ajita Keshakambalin, thí tổ nhóm Duy Vật, hay Thuận thế luận Lokayatas, lại càng bi đát hơn cho con người cấu tạo bởi vật chất tứ đại : Đất, nước, gió, lửa. Khi chết tứ đại vật chất tan biến, lúc đó người ngu cũng như người trí đều hóa thành không. Tại sao phải ép mình, tu tâm luyện tánh ? Tại sao không hưởng thụ đời sống hiện tại của mình ? Tác giả tập Anh Hùng Ca Ramayana tả Jabali, con người hoài nghi tuyệt đối, chế nhạo Rama đã từ chối vương quốc lạc thú, để thực hiện một giấc mơ :

"... Thức ăn dâng cho tu sĩ Ba Là Môn, tổ tiên ta làm sao dùng nó được nữa ?

Chính bọn tu sĩ quý quyết đã đặt ra lễ đó, chúng ích kỷ bảo ta :

Dùng đồ cúng và sống khổ hạnh đi, từ bỏ hết của cải đi mà cầu nguyện !

Nhưng làm gì có thế giới vị lai. Rama này ! Hy vọng và nguyện cầu của loài người đều là huyễn cả !

Cứ hưởng lạc trên cõi trần này, hãy từ bỏ cái ảo tưởng vô vấn và vô ích đó đi ..."

Charvaka, đồ đệ phái Thuận Thế Luận, nói : "Cái gì mà giác quan không nhận thấy thì không có, vì vậy linh hồn là một ảo tưởng và Atma chỉ là trò đùa. Qua kinh nghiệm bản thân và dựa vào

dữ kiện lịch sử, ai thấy được năng lực siêu nhiên chỉ huy vũ trụ ?.. Ai thấy linh hồn thoát ra khỏi cơ thể ?.. Không có cái bất diệt mà cũng không có tái sinh. Tôn giáo là một sai lầm, mê hoặc. Không cần đặt ra giả thuyết có Thượng Đế để giải thích thế giới hoặc để tìm hiểu thế giới ...

Sở dĩ người ta cho tôn giáo là cần thiết vì họ đã quen với tôn giáo, nếu không có, họ cảm thấy lạc lõng, bơ vơ. Đạo đức là một sai lầm lớn : Mục đích của đời sống là sống và minh triết chân chánh là tìm hạnh phúc".

Triết lý cách mạng của phái Duy Vật Charvaka chấm dứt thời đại Vệ Đà và Upanishad. Uy thế của Bà La Môn xuống quá thấp, tạo một khoảng trống trong xã hội Ấn Độ: Chính vào thời điểm ấy, Phật Thích Ca xuất hiện và đạo lý của Ngài đã đáp ứng nhu cầu tâm linh thời đại cho Ấn Độ lúc bấy giờ, cho thế giới hiện nay.

THƠ Huyền Minh

Nhẫn Người

Ta bà khổ ai tỉnh ai say

Sao mãi chanh chua giữa chốn này

Danh lợi bọt bèo xá chi đó

*Từ quang chiếu diệu bước đường
mây.*



QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng : *Pháp Sư Pháp Phảng*
Người dịch : *Thích Quảng Hoan*

I.- PHẬT GIÁO CĂN BẢN VÀ DUY THỨC

1.- LỜI NÓI ĐẦU :

Nơi Phật học, ai cũng đều biết có một đạo học gọi là [Tiểu Thừa]. Danh xưng Tiểu Thừa thông thường đều cho rằng được xuất hiện vào khoảng sau Phật nhập diệt ba trăm năm, khi Phật Giáo Đại Thừa hưng khởi. Điều đó không đúng như thế, danh xưng Tiểu Thừa sau lại không thấy trong Ba Tạng văn Ba Ly, không thấy trong kinh A Hàm Hán dịch và cũng như không có trong luận Hữu Bộ. Cho đến danh xưng Đại Thừa cũng không thấy đề cập đến trong các kinh luận nói trên. Tổng quát mà nhìn trước và sau có thể nói, đầu kỷ nguyên Tây lịch, các học giả Phật Giáo Đại Thừa đều cho Phật Giáo căn bản nguyên thủy là Phật Giáo Tiểu Thừa và đồng thời tự cho mình là hạng Đại Thừa. Những học giả Đại Thừa nói trên lại [không có tên họ] trong lịch sử, nhưng sau này các nhân vật có thể đại biểu như là Mã Minh, Long Thọ và Vô Trước. Các nhân vật này đều chống lại hạng Thịnh Văn. Kinh giáo A Hàm được đánh giá, bất luận như thế nào đều không phải là ý của Phật. Danh xưng Tam Thừa, Ngũ Thừa hay Nhứt Thừa cũng là do giáo đồ Đại Thừa sau này phân biệt và lập ra. Khi Phật Đà còn tại thế và thời gian ba trăm năm đến bốn trăm năm sau khi ngài nhập diệt, chữ [Thừa] không bao giờ được thiết lập, mặc dù thời kỳ đó Phật Giáo bị phân hóa thành hai mươi Bộ Phái. Hai mươi Bộ Phái đều là những kẻ [uống nước nhớ nguồn], [vạn pháp quy về một mối] và họ không có phê phán cao thấp, lớn nhỏ, cũng như không có phân biệt Nhất Thừa, Tam Thừa v.v... Vấn đề phê phán và phân biệt sơ dĩ được thành lập quá nhiều ở trên là hoàn toàn do các học giả Đại Thừa cố ý tạo nên.

Chữ [Thừa], như Đại Thừa, Tiểu Thừa, Nhất Thừa, Tam Thừa v.v... là sử dụng để thí dụ giá trị Phật giáo, bao gồm cả phê phán tư tưởng ở trong. Trước hết Phật Giáo Sử Ấn Độ được xem là giáo pháp đầu tiên. Kế đến, sáu Tông và tám Tông lần lượt được phân vị và sau này giáo pháp bị phê phán quá nhiều. Khi Phật giáo đến Trung Quốc, học phong phán giáo lại càng được thịnh hành. Đời Đường có kẻ nói rằng [Người hiền triết thời xưa thiết lập giáo môn sai biệt không phải ít] (Chú thích 1). Chữ [Thừa] được phát sanh từ nơi phê phán tư tưởng, như [Thừa] [Tông] v.v... và chữ [Thời] được thiết lập từ nơi phê phán thời gian, như [Ba Thời] [Năm Thời] v.v... Học thuyết năm Thời tám Giáo v.v... chúng ta không tin tưởng có thể phù hợp với lịch sử. Khác nào học thuyết Đại Thừa, Tiểu Thừa, Nhất Thừa, Tam Thừa cũng giống như thế đều do các

học giả Đại Thừa sau này sáng tác. Ấn Độ là quốc gia không có giảng lịch sử. Đặc biệt nhất vào thời đại thượng cổ, trước Phật Đà ra đời, Ấn Độ có thể nói một điểm tư chất khoa học lịch sử cũng đều không có. Mãi đến Phật Đà lập giáo về sau, lịch sử Ấn Độ tính ra thì có chiều hướng sáng sủa, mặc dù vẫn chưa được tinh tường. Hôm nay, sự nghiêng cứu tư tưởng Phật Giáo Ấn Độ kể từ đức Thế Tôn Kiều Đạt Ma (Gotama) ra đời được trình bày tổng quát như sau :

2.- PHẬT GIÁO CĂN BẢN :

Các học giả Phật Giáo Trung Quốc, từ xưa đến nay vẫn thừa nhận kinh điển không luận kinh điển Đại Thừa hoặc kinh điển Tiểu Thừa đều cho là của Phật nói. Phật Đà sở dĩ được tôn vinh Pháp Vương là nguyên do tất cả pháp môn khác đều y chỉ nơi giáo pháp của Đức Phật để thuyết minh. Cho nên giáo pháp của Đức Phật được xếp vào loại là chủ của tất cả pháp và cũng gọi là Phật Giáo Căn Bản. Nói rộng thêm các bộ luận của các đệ tử sau này sáng tạo cũng đều nương tựa nơi giáo pháp của đức Phật làm căn cứ và các bộ luận nói trên cũng có thể gọi là Phật Giáo Căn Bản. Nói rõ hơn, những giáo pháp trong đây được định danh là Phật Giáo Căn Bản đều chỉ cho những ngôn giáo của Phật Đà Thích Ca và của các đệ tử ở thời đại đầu tiên sáng lập. Còn tất cả giáo pháp thuộc Kinh, Luật, Luận của Đại Thừa thấy đều y chỉ nơi tư tưởng ngôn giáo của đức Thế Tôn Kiều Đạt Ma để thành lập và có mặt sau này. Như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Nhựt v.v... đều thuộc về Phật Giáo Căn Bản.

Phật Đà Thích Ca Mâu Ni Kiều Đạt Ma trước khi chưa thành Phật gọi là Tất Đạt Đa, giáng sanh trong gia tộc Thích Ca tại thành Ca Tỳ La (nay là biên cảnh nam bộ của nước Nê Bạc Nhĩ [Nepal]) vào năm 466 trước kỷ nguyên. Ngài xuất gia năm 437 trước kỷ nguyên (29 tuổi) và ngộ đạo năm 431 trước kỷ nguyên (35 tuổi). Khi ngộ đạo, Ngài thấu triệt chân lý của vũ trụ và trở thành triết nhân duy nhất của bậc Đại Giác Ngộ. Khi thành đạo trở về sau, Ngài được gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật. Năm 386 trước kỷ nguyên, Ngài nhập diệt lúc 80 tuổi. Phật giáo trong ba mươi năm sau khi Phật Đà nhập diệt được gọi là thời kỳ Phật Giáo Căn Bản (Chú thích 2). Trong thời kỳ này, giáo pháp của Phật Đà thuyết giảng đều nhắm vào đối tượng xã hội và tư tưởng đương thời. Giáo pháp của Ngài phản đối tư tưởng Phệ Đà, phản đối giáo sĩ Bà La Môn và phản đối chế độ xã hội của họ. Thời bấy giờ, tư tưởng Ấn Độ hơi phức tạp và sự phức tạp của tư tưởng Ấn Độ có thể tóm lược thành hai điểm chính như sau :

a/- PHƯƠNG DIỆN TRIẾT HỌC :

Tư tưởng triết học Ấn Độ trong thời kỳ này đều chủ trương Nhị Nguyên Luận. Nhị Nguyên Luận gồm có :

1>- NHỤC THỂ VÀ LINH HỒN :

Tư tưởng triết học đương thời tức là học thuyết của các luận sư Lục Phái. Họ thiên trọng nơi sự mong cầu giải thoát khổ đau nơi Linh Hồn. Cho đến xã hội lại có một loại người thị tộc tức là các giáo sĩ Bà La Môn v.v... thuộc giai cấp hưởng thụ tận lạc. Chỉ

nguyện giải thoát khổ đau đã hoàn bị, các luận sư lại phát hiện : Tự Tánh và Thần Ngã.

2>- HỌC THUYẾT TỰ TÁNH, THẦN NGÃ VÀ LUẬN LÝ SANH THIÊN :

Thần Ngã là ông chủ sáng tạo và chủ yếu của Thần Ngã là hưởng thụ. Tự Tánh là nhu yếu của Thần Ngã và có bốn phận phát khởi, biến hóa và sanh sản vạn vật để thích ứng với Thần Ngã. Nhân loại nếu như đạt đến cùng Thần Ngã hợp nhất thì không còn bị sanh diệt và lúc đó được gọi là giải thoát. Căn cứ nơi các pháp mà nói, vạn hữu vũ trụ đều là tổ hợp của Tự Tánh và Thần Ngã. Trước hết, Nhục Thể và Linh Hồn thì thuộc về Hiện Tượng Luận. Sau đó Tự Tánh và Thần Ngã thì thuộc về Bản Thể Luận.

b/- PHƯƠNG DIỆN TÔN GIÁO :

Vấn đề tu định và khổ hạnh (Chú thích 3). Ấn Độ thì thuộc về vùng đất nhiệt đới. Khu vực sông ngòi trong đại lục là nơi phát triển sản vật phì nhiêu và phong phú. Nhơn dân không còn phiền não về vấn đề sinh kế. Cho nên tư tưởng xuất thế dễ phát sanh, tôn giáo tín ngưỡng phi thường rất phát đạt và giáo phái nảy nở cũng rất nhiều. Chỉ một điều bất luận người trong giáo phái nào, họ đều không lìa khỏi hai thứ hành vi thực tiễn là thiền định và thật hành pháp khổ hạnh. Đặc biệt hơn cả là học phái Lục Sư và các tập đoàn Sa Môn, họ lại càng chú trọng hai thứ hành vi nói trên. Phật Đà trước khi chưa xuất gia đều học tập pháp thiền của Bà La Môn Giáo. Trước hết ngài tu tập thiền định và sau đó cùng với các giáo sĩ Bà La Môn hành trì khổ hạnh. Trong vài năm, ngài tham học ít nhiều với các danh đức đương thời. Cuối cùng ngài cảm giác lối tu khổ hạnh là một phương pháp khiến cho thân thể cũng như tinh thần trở nên thống khổ và lao tổn, tuyệt đối không có khả năng thành chánh quả. Lối tu khổ hạnh theo ngài không phải là pháp môn cứu cánh. Ngài liền chuyển sang tu tập theo phương pháp thiền định. Thế là ngài theo hai vị tiên như có công hạnh tu dưỡng rất cao, có danh tiếng bậc nhất đương thời để học tập pháp môn tu thiền. Một hôm ngài giác ngộ được rằng phương pháp tu thiền của hai vị tiên như kia cũng chẳng cứu cánh, không thể mở bày được trí tuệ và cũng không thể thấu triệt được chân lý. Ngài lại bỏ hẳn phương pháp tu thiền của hai vị tiên như kia. Trước hết ngài khiến cho thân thể khôi phục trạng kiện trở lại và sau đó tự mình mong cầu pháp môn ngộ đạo, gọi là Ngồi Tòa Bồ Đề Hành Tư Duy.

Phật Đà sau khi thành đạo liền đi thuyết pháp đó đây để hóa độ chúng sanh. Những giáo pháp của ngài nói đều là cảnh giới mà ngài đã chứng ngộ và những giáo pháp đó không ngoài ba Pháp Ấn. Ba Pháp Ấn tức là “Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, hữu lậu giai khổ. Ba thứ chân lý đây chính là lý tánh duyên khởi mà Phật Đà Kiều Đạt Ma đã giác ngộ nơi cội Bồ Đề. Về sau ba thứ chân lý trên trở thành pháp môn tu quán. Như tu quán vô thường, quán vô ngã, và quán khổ đều là trí tuệ quán chiếu nơi nội tâm chúng ta. [Chư Hành], [Chư Pháp], [Hữu Lậu] là đối tượng để quán để tu, tức là chỉ cho thế giới hiện tượng của chúng ta. Hành giả cần phải nương nơi ba

phương diện đây để tu tập và từ ba phương diện đây phải trải qua sự thực hành tu quán, tức là phải trải qua sự kinh nghiệm thì mới có thể đạt đến quả vị an lạc của [Niết Bàn Tịch Tĩnh], nghĩa là đạt đến một thứ cảnh giới chứng lý tâm an. Ba Pháp Ấn trước là nhân và một pháp sau (Niết Bàn Tịch Tĩnh) là quả. Ba Pháp Ấn trên nếu như cộng thêm Niết Bàn Tịch Tĩnh và thì trở thành Bốn Pháp Ấn. Bốn Pháp Ấn được trình bày qua đồ biểu sau đây :

	{ 1.- Quán chư hành vô thường }	
Ba Pháp Quán	{ 2.- Quán chư pháp vô ngã }	Niết Bàn Tịch Tĩnh
	{ 3.- Quán hữu lậu giai khổ }	

Yếu nghĩa của kinh A Hàm Thánh Điển tuy nhiều, nhưng cốt yếu không ngoài ba Pháp Ấn nói trên. Ba Pháp Ấn đích thực là cứu cánh của Phật Giáo Căn Bản. Ba Pháp Ấn này quan hệ như thế nào với Duy Thức ? Trong ba Pháp Ấn, chúng ta nên biết yếu chỉ của đạo lý Chư Hành Vô Thường chính là các pháp hữu vi do Tâm và Tâm Sở hư vọng phân biệt của Duy Thức chủ trương và các pháp đó đều do Duy Thức biến hiện. Còn Chư Pháp Vô Ngã cũng không khác Nhị Vô Ngã của Duy Thức đề cập. Nguyên vì, người nghiên cứu Phật học phổ thông đều công nhận đạo lý của Tiểu Thừa chỉ bàn luận như vô ngã và không thấy nói đến pháp vô ngã ; Tiểu Thừa chỉ chứng được sanh không chân như và không thể chứng đến pháp không chân như. Trái lại Đại Thừa chẳng những bàn luận về như vô ngã mà cũng lý giải về pháp vô ngã và lại còn chứng đắc nhị không chân như. Như vô ngã thì hẹp, pháp vô ngã thì rộng và người phân loại hai thứ vô ngã đây chính là Đại Thừa hưng khởi sau này thiết lập. Ngày nay chúng ta mỗi khi đề cập đến [Chư Pháp Vô Ngã] đều là hiển bày nghĩa lý nhị vô ngã của Đại Thừa. Hơn nữa kinh A Hàm chỉ trình bày các pháp vô ngã và không thấy đề cập đến như vô ngã. Riêng tư tưởng Hữu Lậu Giai Khổ và Niết Bàn Tịch Tĩnh, cả Tiểu Thừa Phật Học và Đại Thừa Phật Học đều phát huy giống nhau. Chẳng qua những tư tưởng trên biểu hiện rất đậm đà trong kinh A Hàm.

3>- PHẬT GIÁO NGUYÊN THỈ :

Vấn đề Nguyên thỉ thì không giống nhau với căn bản và cũng không giống nhau với thời gian. Nhưng tư tưởng của chúng thì không sai biệt với nhau cho lắm, có thể nói cùng nhất trí với nhau. Phật giáo nguyên thỉ sơ dĩ có sự sai biệt là do giới luật của Tăng Đoàn. Thời kỳ Phật Giáo căn bản chấm dứt là khi Phật Đà và các đệ tử trực tiếp của ngài đã nhập diệt. Còn nguyên thỉ thì bắt đầu từ các đệ tử tái truyền của Phật Đà, ước lượng vào khoảng 120 năm, từ 350 năm đến 270 năm trước kỷ nguyên. Khoảng thời gian này được gọi là thời đại Phật Giáo Nguyên Thỉ. Nguyên Thỉ sơ dĩ được mang danh nghĩa là do trong khoảng một trăm mấy mươi năm, những tư tưởng cũng như những hành vi của các đệ tử Phật Đà đại thể đều noi theo quy củ của Thế Tôn để lại. Nơi thời kỳ Phật Giáo Nguyên Thỉ, các đệ tử Phật lúc bấy giờ, nhất là Tăng Đoàn, đặc biệt chú ý đến hai hạng sự tình nơi họ : một hạng là Duy Trì Truyền Thừa Pháp Thống

và một hạng là Bảo Trì Tồn Tại Giáo Quyền. Hai hạng sự tình này thường thấy nơi hành động của Tăng Đoàn trong Luật Điển.

Phương Diện Duy Trì Truyền Thừa Giáo Pháp : Hiện tượng duy trì truyền thừa giáo pháp không khác hiện tượng duy trì chế độ Tổ Sư để truyền thừa nơi Trung Quốc. Như theo nghi thức quy định, Đức Phật truyền cho ngài Ca Diếp, ngài Ca Diếp truyền cho ngài A Nan và Truyền cho đến vị Tổ thứ 28. Mục đích Duy Trì Truyền Thừa Giáo Pháp chính là duy trì Yếu Điển Khẩu Truyền của Đại Chúng Kiết Tập và khiến cho lối truyền thừa đây được tiếp nối truyền xuống mãi từ đời này đến đời khác.

Phương Diện Bảo Trì Tồn Tại Giáo Quyền : Vấn đề bảo trì tồn tại giáo quyền là duy trì sự bảo thủ giới luật, đặc biệt là chế độ Yết Ma (Hội nghi). Thứ chế độ đây đáng chú ý nhất là Phật Giáo Nam Truyền và Phật Giáo Nam Truyền biểu hiện chế độ nói trên rất kiên cố. Cho đến ngày nay chế độ bảo thủ giới luật của Phật Giáo Nam Truyền vẫn còn quy mô. Riêng chế độ Tổ Sư sau này và chế độ Y Bát truyền pháp của Trung Quốc chỉ còn là biểu diễn hình thức. Nguyên do trên hình thức họ nghiên cứu và diễn giảng bằng cách bảo thủ, cũng như trên luận lý và tư tưởng họ hoàn toàn không có chút nào tiến bộ.

Qua những thời kỳ nói trên, chúng ta có được một kết luận khá dĩ, thời kỳ Phật Giáo Căn Bản trở về trước, trọng tâm của Phật Giáo là ở nơi Phật Đà, nghĩa là Phật Giáo chỉ nương tựa nơi người mà không nương tựa nơi pháp luật. Đến thời đại Phật Giáo Nguyên Thủy, trọng tâm của Phật Giáo là nơi giới luật (Tăng Đoàn), nghĩa là Phật Giáo chỉ nương tựa nơi Tăng Đoàn và giới luật mà không nương tựa nơi người và cũng không nương tựa nơi giáo pháp. Về sau thời kỳ Phật Giáo Bộ Phái, trọng tâm của Phật Giáo là nơi giáo pháp, nghĩa là Phật Giáo chỉ nương tựa nơi giáo pháp mà không nương tựa nơi người, đã vậy họ cũng hoàn toàn không nương tựa nơi giới luật và Tăng Đoàn. Cho nên giáo pháp Đại Thừa cũng được phát sanh từ đó. Trọng tâm của Phật Giáo Đại Thừa chính là pháp lý và tư tưởng. Còn tư tưởng của Phật Giáo Nguyên Thủy thì chỉ chú trọng nơi sự bảo trì giới luật và đối với giáo pháp thì lại chú trọng nơi ba Pháp Ấn. Vấn đề [Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, hữu lậu giai khổ], người đời sau nghiên cứu như thế nào ? Tư tưởng của ba Pháp Ấn như trên đã giải thích thì gồm có năm uẩn. Trước hết Sắc Uẩn của năm uẩn thì thuộc về phương diện vật chất (nhục thể) và Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bốn uẩn ở phía sau thì thuộc về phương diện tinh thần (tâm lý). Do đó năm uẩn được gọi là Chư Hành. Còn yếu chỉ của năm uẩn đức Phật nói như thế nào ? Đức Phật chỉ vì sự mê tâm chấp ngã của chúng sanh cho nên mới nói năm uẩn và phân tích tâm lý tướng tận để chỉ bày thể vô ngã không tồn tại nên gọi là Tâm. Hơn nữa đức Phật vì sự mê chấp sắc pháp cho là ngã của chúng sanh, thế nên mới nói mười hai xứ và phân tích sắc pháp tướng tận để chỉ bày sự vô ngã của vật chất. Tư tưởng Phật Đà sơ dĩ được tiến bộ là nhờ đạo lý của Pháp Tướng Duy Thức đều kiến lập trên năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới làm học thuyết căn bản cho đời sau. Nhưng luận lý của Pháp Tướng Duy Thức không ngoài ba Pháp Ấn nói trên. Nhân chứng cho vấn đề này, kinh A Hàm của Phật Giáo Nguyên Thủy là bộ kinh

đều hàm chứa tư tưởng Duy Thức ở trong. Tư tưởng về Duy Thức xin được trình bày rõ sau đây.

Bốn bộ kinh A Hàm có rất nhiều chỗ đề cập đến đạo lý của Duy Thức : như thuyết sanh tử luân hồi, thuyết nghiệp cảm duyên khởi đều là do tâm làm chủ thể tạo tác ; hơn nữa kinh Tạp A Hàm lại nói đến các pháp tướng, như uẩn, xứ, giới, duyên khởi, thực, trụ v.v... đều gọi là pháp tướng cả. Sách Duy Thức Pháp Tướng Nhập Môn nói rằng, Bách Pháp Minh Môn Luận là bộ luận chỉ giải thích nghĩa lý [nhứt thiết pháp vô ngã] của kinh A Hàm để hiển bày nguyên lý Pháp Tướng Duy Thức (Chú thích 4); lại nữa Ngũ Uẩn Luận là bộ luận giải thích năm uẩn của kinh A Hàm để hiển bày nguyên lý Pháp Tướng Duyên Sanh (Chú thích 5). Chỗ sai biệt của Phật Kinh Nguyên Thủy và Duy Thức ở điểm, Duy Thức thì nói có tám Thức và trái lại A Hàm thì chỉ nói có sáu thức. Đại Thừa Duy Thức trình bày sự luân hồi của chúng sanh là do có các thứ nghiệp phiền não và lúc vào thai của mẹ chính là Thức Alaya thứ tám. Khác hơn, kinh A Hàm thì lại nói lúc vào thai của mẹ chính là Ý Thức thứ sáu. Riêng sự phân biệt danh tướng giữa Ngũ Uẩn của Phật Giáo Nguyên Thủy và Bách Pháp của Duy Thức, cũng như sự quan hệ của chúng như thế nào thì sau này mới đề cập đến.

Phật Giáo Nguyên Thủy trừ ngoài kinh A Hàm còn có bảy bộ luận nữa như là A Tỳ Đạt Ma Luận Tạng và Lục Túc Luận v.v... của Hữu Bộ. Riêng Thượng Tọa Bộ thì cũng có bảy bộ luận như là Pháp Tụ Luận v.v... Bảy bộ luận của Hữu Bộ là do các bậc Đại A La Hán, đệ tử của Phật sáng tạo, nhưng ra đời rất muộn. Bộ A Tỳ Đạt Ma Luận Thích được gọi là Đối Pháp Luận. Hình thức của bộ luận này giống hệt như Kinh và nội dung của nó là giải thích các loại giáo lý nơi kinh A Hàm. (Chú thích 6). Những học thuyết trong bộ A Tỳ Đạt Ma Luận Thích so với Duy Thức Học thì quan hệ rất nhiều, đồng thời đối với Phật Học đương thời, tư tưởng và danh từ Pháp Tướng thì được tổ chức cũng tương đương có hệ thống. Duy Thức Học chẳng qua chọn lấy học thuyết của A Tỳ Đạt Ma Luận Thích và cộng vào sự tổ chức thêm nghiêm mật mà thôi. Như sự tổ chức của Duy Thức Ngũ Uẩn Bách Pháp đều căn cứ nơi Pháp Uẩn Túc Luận, Ngũ Sự Tỳ Bà Sa Luận, Câu Xá Luận v.v... để kiến lập.

4>- PHẬT GIÁO BỘ PHÁI :

Thời đại Phật Giáo Bộ Phái xuất hiện kể từ sau Phật nhập diệt 120 năm (năm 267 kỷ nguyên), tăng đoàn bắt đầu phân hóa. Nguyên do tại Ấn Độ, nước Tỳ Xá Ly có vị Tỳ Kheo tên là Bạt Kỳ Tử vì thật hành mười thứ việc không phải luật pháp của Phật Giáo cho phép là nhân tố dẫn đến sự phản đối của đại chúng và cũng từ đó có cuộc kiết tập lần thứ hai. Chỉ vì ý kiến không đồng nhất, hội nghị kiết tập đi đến kết quả là bị phân hóa thành hai bộ phái : Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ. Đầu tiên hệ phái chánh thống là phái bảo thủ và tiếp theo hệ phái tiên tiến là phái tân cải cách. Về sau hai phái này, mỗi phái lại tự tiến hóa sanh thêm một số phái nữa, tổng cộng thành hai mươi bộ phái Phật Giáo. Thượng Tọa Bộ thì phát triển đến địa phận Tích Lan, Miến Điện v.v... và thanh hành cho đến ngày nay ; Đại Chúng Bộ thì phát triển

thành Đại Thừa và lưu hành nơi địa phận Trung Hoa, Nhật Bản, Mông Cổ, Tây Tạng v.v... Trong Đại Chúng Bộ, Duy Thức được phổ biến và được cho là thuộc về Đại Thừa. Nơi các địa phận như Tích Lan v.v... Thượng Tọa Bộ mãi đến hôm nay tuy không tin Phật Học Đại Thừa, nhưng các học giả của họ nghiên cứu thì lại chẳng thiếu người nào. Lý do họ có một điểm dung thông với nhau, đều là Phật Giáo và cũng đều thuyết minh pháp nhân duyên cả. (Chú thích 7).

Phật Giáo Bộ Phái thì chọn Phật Giáo thời đại A Dục Vương làm trung tâm, nguyên vì A Dục Vương đã từng ủng hộ Phật Giáo làm quốc giáo. A Dục Vương chánh thức lên ngôi vào năm 271 trước kỷ nguyên và sau đó, vào năm thứ 7, A Dục Vương liền tổ chức hoằng truyền Phật Giáo đại quy mô. Nhờ sự bảo hộ của A Dục Vương, học giả Mục Kiền Liên Đế Tu thuộc Thượng Tọa Bộ đã từng triệu tập đại hội kiết tập lần thứ ba. Lần kiết tập này nói cho đúng chỉ là kiết tập Luận Tạng và nhưn đó, đại hội suy tôn Thượng Tọa Bộ là hệ phái Phật Giáo thuần khiết chánh thống, đồng thời phê phán học thuyết của các tông phái khác (Chú thích 8). Luận điển của Thượng Tọa Bộ cũng đã từng giảng Tâm Pháp, Tâm Sở Pháp, Sắc Pháp và Niết Bàn (Chú thích 9). Về phương diện Tâm Pháp, Thượng Tọa Bộ thì có [Hữu Phần Tâm] và về sau học giả Duy Thức lại nương theo đó lập thành Alaya Thức. Xét lại đại thể, triết học của Thượng Tọa Bộ thật tế chẳng có mạch lạc và cũng không có phát triển tiến bộ chút nào, nguyên vì họ quá chú trọng nơi sự bảo thủ. Họ còn cho rằng, giáo điển thuộc văn hệ Ba Ly mới thực sự là Phật Giáo chân chánh. Đến nỗi đối với những giáo điển này họ chỉ biết một mực [vâng giữ và tuân hành] mà không thể góp vào ý kiến của mình. Và đối với vấn đề giải thích Phật Âm v.v... họ cũng chỉ biết làm theo như con rùa soi gương mà không thể nghiên cứu và phê phán thêm.

Còn xem qua Đại Chúng Bộ : Đại Chúng Bộ thì không có kinh luận nào truyền đến Trung Quốc và chỉ có một bộ duy nhất là Ma Ha Tăng Kỳ Luật. Tại Ấn Độ, Đại Chúng Bộ cũng không có bao nhiêu kinh giáo để lại sau này và chỉ có thể tìm thấy giáo nghĩa Đại Chúng Bộ trong Đại Tỳ Bà Sa Luận của Hữu Bộ, cũng như trong điển tịch của chính họ mà thôi. Giáo nghĩa của Đại Chúng Bộ thì có đề cập đến Căn Bản Thức ; nhưng Căn Bản Thức đây xem lại nơi Duy Thức Học chính là Alaya Thức.

Đặc biệt, Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ thì lại phát sanh từ Thượng Tọa Bộ và bộ phái này có tất cả bảy bộ luận đều được truyền đến Trung Quốc. Phát Trí Luận, một trong bảy bộ luận nói trên, nội dung là giảng về pháp tướng. Ngoài ra Lục Túc Luận đều có quan hệ với Phát Trí Luận. Cho nên Phát Trí Luận được xem như là [Thân] (thân thể) và sáu bộ luận kia được xem như là [Túc] (chân tay). Bảy bộ luận nói trên đều giảng về pháp tướng, như trong Pháp Uẩn Túc Luận và Giới Thân Túc Luận đều giảng Sắc Pháp v.v..., đều giảng 5 Ngôi Vị và 75 Pháp. Theo hai bộ luận này, phái Duy Vật Luận chủ trương, hiện tượng các pháp là do Sắc Pháp mà có Tâm Sở Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, Vô Vi Pháp hiện khởi và cho rằng, Sắc Pháp chính là căn bản, còn Tâm Pháp thì thuộc chi nhánh. Về sau phái này phát triển thành học thuyết Đại Thừa Pháp Tướng Duyên Sanh ; còn phái Duy Tâm Luận chủ trương, các pháp do

Tâm Pháp mà có Tâm Sở Pháp, Sắc Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, Vô Vi Pháp hiện khởi và cho rằng, Tâm Pháp chính là căn bản, còn Sắc Pháp thì thuộc chi nhánh. Về sau phái này phát triển thành học thuyết Đại Thừa duy Thức Chuyển Biến (Chú thích 10). Riêng học thuyết Hữu Bộ là sưu tập tài liệu, tổ chức rất có tiến bộ và trở thành luận phái đổi mới của học phái Tiểu Thừa. Căn bản của học thuyết này nếu như so sánh với Thượng Tọa Bộ thì có phần tiến bộ rất xa. Thành phần của Ngũ Vị, Pháp Thể Thật Hữu v.v... cũng như Tam Thế Thật Hữu, thành phần của Hữu Vi và Vô Vi, tất cả đều có thể gọi là Nhị Nguyên Luận ; những học thuyết nói trên chủ trương Cực Vi (nguyên tử) là nguyên nhân sanh ra vạn pháp, cho nên học thuyết của Hữu Bộ có thể gọi là Thật Tại Luận của Duy Vật.

Còn các học thuyết khác như Sắc Tâm Hồ Huân, Tế Ý Thức, Chủng Tử của Kinh Bộ ; như Phi Túc Uẩn Phi Ly Uẩn Ngã của Độc Tử Bộ ; như Bất Thất Pháp của Kinh Lượng Bộ ; như Cùng Sanh Tử Uẩn của Hóa Địa Bộ, những tư tưởng này được phát sanh trong thời kỳ đó xem ra đều có quan hệ mật thiết với Duy Thức Học.

Tóm lại, mọi người đều công nhận là có một Tâm Linh Thức Thể của sự sanh tử nối tiếp nhau và danh xưng của nó xét cho cùng thì không giống nhau. Thật thể của Tâm Linh này khắp đông tây chỉ là một loại. Ở đây không riêng gì Phật Giáo nhận định có một thứ pháp này, các giáo phái Ấn Độ cũng đều thừa nhận có một thứ vật này để làm thể cho sự luân chuyển. Như Bát Thức Quy Củ Tụng nói rằng : “Khứ hậu lai tiên tác chủ ông” (nghĩa là Tâm Thức chuyên làm ông chủ khi đi thì đi sau và khi đến thì đến trước). Từ đấy xét lại, yếu chỉ trong toàn bộ học phái Phật Giáo là do trí tuệ của Phật Đà thành lập chỉ có một điểm cố định, nhưng chỗ hội ngộ của họ khá dĩ không giống nhau là do sự kiến giải không được dung thông. Xét cho cùng mỗi tông phái đều có đặc điểm thù thắng của họ.

(còn tiếp)

CHÚ GIẢI :

CHÚ THÍCH 1 : Hoa Nghiêm Nhứt Thừa Giáo Nghĩa Chương và Tham Huyền Ký đều nói rằng : “Các bậc hiền xưa nay chỗ lập Giáo Môn sai biệt không phải một, tóm lược gồm có mười nhà, do vì rùa soi gương”. Học thuyết của mười nhà nên tham khảo các sách trên quyển 20, trang thứ 3.

CHÚ THÍCH 2 : Niên đại của bốn chương đã nói đều căn cứ nơi Ấn Độ Triết Học Sử của Vũ Tỉnh Bá Thọ (Chương thứ 9, trang 81).

CHÚ THÍCH 3 : Khổ hạnh là một pháp tu như tuyệt thực..v.v... cho đến ngày nay Ấn Độ vẫn còn lưu hành.

CHÚ THÍCH 4 : Tham khảo Ấn Độ Triết Học Sử, Kỳ thứ 2, chương thứ nhứt.

CHÚ THÍCH 5 : Ngũ Uẩn Luật Tự của Âu Dương Tiệm nói rằng : “Đại khái lý duyên khởi của Duy Thức Tông kiến lập ... dùng lý duyên sanh để thành lập Pháp

Tướng Tông ... 17 Địa của Du Già thâu nhiếp trong Nhị Môn. Kiến lập để làm một cột gốc, quyết trạch nơi Nhiếp Luận đều căn cứ nơi sự phân biệt của Dù Già và khuếch trương rộng lớn nơi Nhị Thập Duy Thức, nơi Tam Thập Duy Thức, nhưng phô thai nơi Bách Pháp Minh Môn, chính là Duy Thức Tông. Kiến lập để làm năm chi, quyết trạch nơi Tập Luận, đều căn cứ nơi Biện Trung Biên và khuếch trương rộng lớn nơi Tập Tập... nhưng cũng phô thai nơi Ngũ Uẩn, chính là Pháp Tướng Tông”.

CHÚ THÍCH 6 : Tham khảo A Tỳ Đạt Ma Nghiên Cứu của Mộc Thân Tần Hiền và sự phát đạt của Truy Vĩ Biện Lục Túc Luận (Hải Triều Âm Văn Khố, Biên Luận Thích Hạ thứ 3)

CHÚ THÍCH 7 : Đây là căn cứ nơi học giả của Nam Dương Khai Minh đã nói đến Tử Ngạnh Phái Giáo Đồ chính là nói [Đại Thừa là ngoại đạo].

CHÚ THÍCH 8 : Thấy trong Biện Tông Nghĩa Luận.

CHÚ THÍCH 9 : Thấy trong Pháp Tụ Luận và A Tỳ Đạt Ma Nhiếp Nghĩa Luận. Như nói : “Nói nghĩa đối Pháp đây, chân thật thì có bốn thứ, Tâm, Tâm Sở Pháp, tất cả Sắc và Niết Bàn”. Phẩm đầu, trang nhứt.

CHÚ THÍCH 10 : Thấy trong Ấn Độ Triết Học Sử, chương thứ 12, trang thứ 219.

○○○

CỤC LẠC HÒA KHAI

Vừa được tin Hòa Thượng Thích Minh Đạo chứng minh đạo sư Phật Giáo tỉnh Bình Thuận, Viện Chủ Chùa Long Quang Phan Rí, tỉnh Bình Thuận, hưởng thọ 86 tuổi, vừa viên tịch.

Joàn Ban Biên Tập Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại thành tâm cầu nguyện Giác linh Hòa Thượng cao đẳng Phật quốc, chứng đắc vô sanh pháp nhãn, trở lại Ja bà hóa độ chúng sanh.

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỤC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ ĐẠI BI
TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT



PHƯỚC CÁI CHÁNH HÀNH SỞ TẬP KINH

Tác giả: LONG THỌ BỒ TÁT

Việt dịch: Vân Nguyên

(tiếp theo)

Này các Tỷ Khưu, hành như vậy gọi là tu tập đúng để Phước Đức tỏa che, các thầy hãy nên thọ trì, gắng sức tu tập Bồ Thí, Trì Giới và Thiền Định để thọ dụng sự tỏa che của Phước Đức hầu thoát khỏi tất cả những bức bách của khổ não.

Ở đây lược nêu những điều dạy bảo đầu tiên của Đức Phật (từ) duyên khởi hành tướng (khi) kết tập Khế Kinh (thì) lời trước hết là **Như thị ngã văn nhưt thời ...**

Như thị nghĩa là đúng như (lời hoặc ý mà) Đức Phật đã dạy không khác.

ngã chỉ cho thân thể đương tại (của người kể lại, tức Ngài A Nan). (Nói **ngã** ấy cũng là phương tiện) tùy thuận thế tục mà thôi.

văn nghĩa là từ lỗ tai phát ra sự nhận thức rõ ràng hoặc văn tự hoặc ý nghĩa hiện tại lúc ấy, không có những sai trật, lộn xộn, thêm hoặc bớt.

Bộ Kinh được kết tập đầu tiên là Kinh Phạm Võng. Đương thời hội chúng có 499 vị đều là Đại A La Hán, chỉ riêng Ngài A Nan đang ở vị Học Địa cùng các loài Trời, Rồng, Quỷ, Thần... vây quanh. Khi các loài Trời, Rồng, Quỷ Thần nghe (Ngài A Nan) xưng câu “Như thị ngã văn” liền bật khóc thành tiếng không thể tự kềm chế vì nghĩ rằng, ngày trước chúng ta được tận mắt chiêm ngưỡng

Đức Thế Tôn tròn đầy Thập Lực và Tứ Vô Sở Úy đã dùng Phạm âm vì chúng hội mà giảng dạy, nay sao lại nghe “Như thị ngã văn”. Thế càng hiểu rõ vô thường khó thoát. (Do suy nghĩ vậy nên) các vị ấy liền giác ngộ, vượt thoát cấu hoặc của Tam Độc, an trú trong chánh niệm không quên.

nhưt là đơn vị bắt đầu của số đếm nghĩa là một bậc Thánh xuất hiện, một giáo pháp xuất ly, một nơi dừng lại khi du hóa, một hành hoạt thanh tịnh, một âm thanh giải thoát ... đều đồng là một cả.

thời tức phương tiện lập ra theo thế tục. Khi giảng Kinh xong thì đại chúng nhẹ nhàng sáng khoái.

Gọi là **nhưt thời** tức Đức Như Lai thuyết pháp ví như mặt trời chiếu sáng thế gian phá hủy sự u ám của Tam Hữu (3 cõi Dục, Sắc và Vô Sắc) để được xuất ly; Chúng Ma và ngoại đạo (đang) hủy báng chánh pháp cũng được điều phục nhờ giáo pháp hy hữu khó gặp do Đức Phật hiển bày.

Bạt Già Phạm tức bậc tròn đầy trọn vẹn tinh danh thù thắng tối thượng, tối tôn khắp cả các cõi thế gian và xuất thế gian vì đã rớt ráo siêu việt luân hồi, đúng là nơi để loài người và trời gieo trồng phước đức.

Xá Vệ thành là nơi đô hội mọi thứ quý báu, tụ hội mọi tầng lớp quảng bác, đa văn, tín tâm thanh tịnh và trưởng giả.

trú nghĩa là nơi dừng lại khi du hóa một cách tùy ý không chọn lựa hoặc xa hoặc gần.

rừng Kỳ Đà, Trung Hoa dịch nghĩa là Chiến Thắng Lâm, dịch âm là Kỳ Đà Lâm (từ chữ Phạn Jetavana). Xưa kia, có vì vua tên gọi Chiến Thắng, lúc đánh thắng được nước cạnh bên cũng là lúc sanh ra Thái Tử, vua bèn ban cho Thái Tử khu rừng, do sự chiến thắng mà đặt tên rừng là rừng Kỳ Đà. Nơi đó được thiết kế thêm nhiều báu vật trang trí đẹp mắt thích ý cư dân, được quản trị bởi nhiều nhân tài và cũng là thắng cảnh du lịch với cây lá xanh tươi che ánh gắt của mặt trời khiến mùa hè thì mát mẻ và mùa đông thì chận được những cơn gió buốt giá lọt vào, còn lúc mưa thì đất chẳng sinh bùn; hình trạng những nhánh cây mọc tỏa ra như tàn dù đầy hoa tỏa ngát hương. Nơi đó có nhiều người chăm sóc và không hề nghe tới sự trộm cắp, thật là nơi đẹp, sạch, yên bình xứng để gọi là vườn hoan hỷ.

Cấp Cô Độc là tên của một vị trưởng giả thường giúp đỡ ẩm thực cho những kẻ bán hàn cô độc, như trong Luật Tạng có nói nhiều tới việc này. Do sức thiện căn các đời trước mà vị trưởng giả ấy mời thỉnh Đức Thế Tôn nhận sự cúng dường cung kính. Trước tiên, ông ta muốn tạo dựng một tinh xá để cúng dường Đức Thế Tôn, bèn xuất chi trăm ngàn miếng vàng mua lại khu đất (trong rừng) của Thái Tử Kỳ Đà rồi tuyển chọn thợ hay khởi công xây cất cung điện lầu các nguy nga, đầy đủ các tiện nghi để vệ

sinh cho thân thể. Khi việc xây cất hoàn bị, trưởng giả Cấp Cô Độc bèn đến thành Vương xá dẫn lễ Đức Phật, thưa rằng :

- Hôm nay con cung kính cung thỉnh Đức Thế Tôn đến thành Xá Vệ với tất cả tâm thành ước mong Như Lai thương mà chấp nhận. Nơi đó có một già lam rộng lớn và thanh tịnh, xin Đức Phật cùng các đệ tử đến đó an cư.

Khi ấy, trong thành Vương Xá cũng có một trưởng giả tên là Thiện Tịch bạch Phật, không cần đến đó làm gì, con sẽ vì Phật mà xây dựng một tinh xá tại đây; nhưng Đức Phật cản lại, rồi đến thành Xá Vệ.

Đức Phật đến thành Xá Vệ, trưởng giả Cấp Cô Độc liền dâng cúng ngôi già lam mới cất. Thương xót ông Cấp Cô Độc, Đức Như Lai tiếp thọ, Ngài khen địa phương này thật yên ổn và cát tường mà các Đức Phật quá khứ cũng đã từng từ nơi này hóa độ chúng sanh và ông Cấp Cô Độc cũng đã từng trồng công đức từ đời Đức Phật trước nên nguyện lực mới đeo đuổi và lớn mạnh được như ngày hôm nay.

Đương thời có ngoại đạo tên gọi là Ma Đa Túc Chí Na, là kẻ thông thái trí tuệ thế gian, tu khổ hạnh ở thảo am, cho rằng rừng Kỳ Đà là nơi hoa lệ, không hiểu tại sao Đức Phật và các Tỷ Khưu lại thọ dụng nơi đó ? Biết được việc này, xót thương hạng người ấy, Đức Phật bèn phương tiện nói với Ma Đa Túc Chí Na rằng:

- Như Lai và các đệ tử đã chấm dứt được nguồn gốc sự Khổ, hoạt dụng đúng đắn 3 tạng Kinh Luật Luận xuất thế gian để đoạn trừ các phiền não.

Tiếp đó, Đức Phật thuyết kệ dạy

ngoại đạo :

Ông tuy như Rồng to
Nhưng bị Tham xâm nhập
Nên vẫn phải động chuyển
Bởi Khen và Khinh Chế
Thân nếu đầy ghé lở
Ruồi nặng sẽ đến bu
Tuần hoàn trong 3 cõi
Khác gì giới trong phân.

Nghe được những lời đúng bệnh này
xong, ngoại đạo liền ngộ giải bèn làm kệ
dâng Phật:

Như Lai, bậc xuất thế
Chiếu trí tuệ mặt trời
Còn tôi lại ngu si
Lâu nay không hiểu gì.
Giả sử trăm ngàn kiếp
Dùng miệng lưỡi thân này
Xung tán công Đức Phật
Cũng chỉ mới chút ít.
Phật vượt xa loài Trời
Rõ biết bệnh chúng sanh
Phật nằm ngồi đi đứng
Đều tạo lợi hữu tình.

Trong thành Xá Vệ lúc ấy có nhiều
Bà La Môn và ngoại đạo thông thái biện
tài hay tin Đức Phật đã đến liền tranh
nhau tìm gặp để cật vấn nhưng Đức Như
Lai tùy phương tiện từng người, từng
người giải rõ những nghi ngờ thắc mắc
khiến họ đều liễu ngộ. Khi ấy, có trí giả
tên La Hộ La nghe những lời xung tán
công đức của Phật bèn nói kệ :

Đại Bi Vô Thượng Tôn
Chuyên tu hạnh Lợi Tha
Không vì tiếng đời khen
Cũng không vì ham của.
Đản sanh từ cung Vua

Đi thị sát bốn phương

Tư duy rồi mỉm cười (đắc đạo)

Đều vì cứu chúng sanh.

Khi ấy lại có Diệu Tỳ đồng tử cũng
làm kệ xưng tán Đức Phật :

Đức Mẫu Ni cao siêu

Giảng đúng các Pháp dược

Xa rời mọi tội lỗi

Kẻ nghe đều thấm lợi

Các loài Trời và Người

Đều cúng dường cung kính

Quy mạng bậc Thập Lực

Tôi mong tu Chánh Pháp.

Vườn Cấp Cô Độc trong rừng Kỳ Đà
này có 5 nhân duyên tốt sanh sự ưa
chuộng. Một là rộng lớn mà vị trí lại
nằm ở trung ương thành Xá Vệ. Hai là
thuận lợi cho các Tỷ Khưu đi khát thực.
Ba là tuy ở giữa thành mà lại rất u tịch,
không huyên náo. Bốn là sạch sẽ không
ruồi muỗi. Năm là nhiều người hiền lui
tới viếng thăm. Do 5 nhân duyên trên,
Đức Phật thường trú ở đó như trú Như
Thật Trí để các công đức lưu xuất, tròn
đầy Thập Lực, trang sức bằng Phước Đức
để làm một vị Thầy Dẫn Đạo siêu việt tồ
bồ, trường dưỡng và thành thực căn
lành cho tất cả chúng sanh như hoa sen
mọc từ bùn tự lợi lợi tha viên mãn.

Đương thời, vua Chiến Thắng cùng
nhơn dân, ngoại đạo, Bà La Môn tụ tập
tại tinh xá Kỳ Viên chấp tay chí thành
đánh lễ chân Phật, Đức Phật bởi lần
mẫn loài hữu tình, muốn phá hủy các
kiến chấp sai trái đã khiến luân lưu
trong 5 cõi khổ nên cần quay về nương
tựa vào Chánh Pháp để xuất ly, Ngài
bèn tuyên thuyết pháp Lục Niệm :

- Nay Thiện nam tử ! Trong giáo

pháp như Lai mà các vị có đủ các Chánh Kiến, tin tưởng và chấp nhận tu tập đúng như đã dạy thì gọi là Niệm Phật.

Nếu các vị ưa thích chăm nghe Chánh Pháp, tư duy đúng như Chánh Pháp thì gọi là Niệm Pháp.

Đối với các Tỷ Khưu, nếu các vị thường khởi lòng tôn trọng với tâm tưởng đó là Thiện tri thức thì gọi là Niệm Tăng (Thiện tri thức: những vị tùy phương tiện hướng dẫn mình tu tập Chánh Pháp).

Đối với Thiện Pháp, nếu các vị thích thú giữ gìn, đầy đủ các oai nghi tế hạnh thì gọi là Niệm Giới.

Nếu các vị thường dùng các thức ăn uống bố thí Đức Phật và Tăng chúng làm chánh nhân để rộng tu bố thí thì gọi là Niệm Thí.

Nếu các vị thường thích cung kính, lễ bái các Đại Bồ Tát đúng theo lời dạy của Phật thì gọi là Niệm Hiền Thánh.

Nếu các chúng sanh biết hành theo lời Phật dạy, bước vào sự tư duy đúng như Chánh Pháp tất tiêu trừ mọi sự nghi hoặc, nương theo Chánh Niệm tất không còn sự tán loạn nên Lục Niệm này khiến phát khởi và tăng trưởng Thiện Căn.

Tỷ Khưu nghĩa là gì ? là người đủ khả năng vĩnh viễn chấm dứt tất cả các phiền não, cho nên tất cả thống khổ trong thế gian của Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Ưu Bi Khổ Não của Ngũ Thủ Uẩn, Ước Muốn Không Toại, Thương Mà Phải Xa, Ghét Mà Phải Gặp đều bị đoạn trừ.

Sau đây sẽ nói về Ngũ Thủ Uẩn Khổ (Ngũ Uẩn tức Ngũ Ấm là 5 nhân tố giả hợp kết thành sinh thể. Trong thân thể, nếu bất cứ một nhân tố nào hừng phát mãnh liệt sẽ mang lại thống khổ cho thân, hay rõ hơn, thân thể này chứa

nhóm đủ loại đau khổ).

Sanh nghĩa là gì ? Theo Đức Phật dạy thì các loài hữu tình tạo các hành nghiệp chiêu cảm thành cội rễ của sự sống tức Uẩn, Xứ và Giới. Rồi Uẩn, Xứ, Giới cứ đổi thay liên tục sanh khởi Ngũ Căn. Một khi Ngũ Căn được sanh khởi thì các bộ phận liên hệ tiếp tục sanh, cho đến khi sắc hình đầy đủ thì gọi là Sanh (Uẩn, Xứ, Giới tức Ngũ Uẩn, Thập Nhị Xứ và Thập Bát Giới. Ngũ Uẩn là 5 yếu tố kết hợp thành một sinh thể. Thập Nhị Xứ là 12 nơi sanh khởi tâm lý. Thập Bát Giới lấy sự nhận thức của loài người làm trung tâm để phân loại mọi hiện tượng trong thế giới, cũng có nghĩa là mỗi con người đều có đủ 18 chủng loại này: Lục Căn, Lục Cảnh và Lục Thức).

Lão nghĩa là gì ? Theo Đức Phật dạy thì Hành Uẩn chuyển động dần theo sự tan rã, các quan năng trở nên suy kiệt, thân thể co rút, xương thịt mỗi rã, da dẻ héo hon, đứng ngồi nặng nhọc, đi lại khó khăn cần nhờ gậy chống, khí lực suy vì cần người giúp đỡ ... Tương trạng của sự già có 2 là : 1/ cần có người khác làm việc thế mình và 2/ không biết nương tựa vào đâu.

Bệnh nghĩa là gì ? Theo Đức Phật dạy thì Tứ Đại tăng giảm, ngoại giới không điều hòa ví như rắn độc phát khởi các thứ khổ não, nghĩa là có 2 loại bệnh, một từ trong thân sanh và bệnh do ngoại duyên tổn hại. Lại có 3 loại bệnh: 1/ do nghiệp báo chiêu cảm, 2/ do tai ương ào tới, 3/ do kẻ khác trừ ếm. Nếu phân tích chi li thì bệnh có vô số như phong thấp, đờm giải, hen suyễn, ghẻ chốc, cùi hủi, hoại huyết, ung thư, ói mửa, thổ tả, trúng độc, sinh trưởng, ốm còi, đau nhức ...

Tử nghĩa là gì ? Theo Đức Phật dạy thì khi loài hữu tình rời bỏ Chúng Đồng Phần (tích chất cộng sanh của mỗi loại chúng sanh) các Uẩn tán loạn, cảm xúc về sức nóng mất dần rồi mạng căn đứt đoạn thì gọi là chết.

Sự chết có 2 loại :

1/- Chết tự nhiên gồm :

- a) Mạng căn tuy hết nhưng Phước vẫn còn
- b) Phước tuy tận mà mạng chưa tận
- c) Mạng căn và Phước Đức hết cùng một lúc.

2/- Đi tới cái chết gồm :

- a) Tự thân đi tới sự chết (săn bắt thú dữ...)
- b) Kẻ khác kéo mình tới cái chết (bị tra tấn, tử hình ...)
- c) Vừa tự thân vừa kẻ khác kéo mình tới cái chết (đánh lộn, đánh trận).

Lại có 3 loại chết:

- 1/ Phóng túng hoang đàng
- 2/ Phá hủy giới luật
- 3/ Quả báo chín mùi

Do bởi phóng túng nên tự phá hủy căn tính Trí Tuệ, do bởi phá Giới nên đánh mất đức hạnh, oai nghi và do bởi quả báo chín mùi nên mạng sống đứt đoạn ... thì gọi là chết.

Ưu nghi là trong lòng sầu muộn như lửa đốt cháy chẳng khác gì ánh gát mặt trời làm nóng khô vũng nước.

Bi nghĩa là khóc lóc thảm thiết, nước mắt đầm đìa, uất nghẹn khó nói ra lời kết thành tiếng nấc, rên, la ... như người con hiếu khóc thương cha mẹ tâm ý không thể nào an tịnh được.

Khổ nghĩa là năm cảm giác của mắt tai mũi lưỡi và thân thể không chịu đựng nổi nghịch cảnh bức bách.

Não được ví như lửa đốt cây khô. Loài hữu tình bị lửa phiền toái thiêu đốt hòa hợp với ý thức dung nạp nó.

Cầu Bất Đắc Khổ nghĩa là ham muốn sự việc nào đó mà không đạt được nên lòng sanh chán chường mệt mỏi bởi tâm ý cứ quay tròn như thế.

Ái Biệt Ly Khổ nghĩa là những gì mình ưa thích như hình sắc của thân mình hoặc những cảnh mình muốn, những người mình thương bị tan rã, hủy hoại ... sanh khởi đau khổ.

Oán Tắng Hội Khổ nghĩa là những gì mình chán ghét mà lại gặp, hay rõ hơn là những kẻ thù địch cùng gặp mặt nhau tất sanh khổ não.

Ở đây đang nói về thứ đệ các **nỗi thống khổ vây quanh sự sống đều do sự truy cầu, ham muốn phát sanh**. Tình trạng thống khổ của đời sống chẳng khác gì tình trạng con nai giữa đồng lửa tất phải bị chết cháy. Đức Như Lai từ khi mới đản sanh đã bắt đầu tăng trưởng thiện pháp rồi tùy thuận tính thể mà an ổn tịch tịnh dứt sạch các khổ não. Khế kinh có kệ rằng :

*Vui, vì Phật vào đời
Vui, vì Phật thuyết pháp
Vui, vì Tăng hòa hợp
Để mình được tu Thiện.
Nếu Phật chẳng vào đời
Thì Tam Giới bất an
Bởi Đức Phật xuất hiện
Mà chúng ta an lạc.*

(Còn tiếp)

ĐỨT NGÓN TAY

Vân Nguyên

I) Có lần, đang làm rẫy, tai nạn xảy ra, thịt lóng tay đầu như đứt lìa, mạch đứt, máu tuôn ... Tôi lấp mảnh thịt đúng vào vị trí, cột chặt, máu vẫn chảy ... tìm sợi thun cột vào cổ tay, máu thôi chảy nhưng vẫn rỉ. Cả bàn tay đau buốt tợ ngâm lâu trong nước đá.

Tìm được cỏ cú, tháo băng, nhưng mảnh vải dính quanh bởi máu khô phải ngâm nước nóng hòa muối rồi từ từ kéo, gỡ ... tháo được băng thì mảnh thịt lại đứt rời, đau thật là đau, máu tiếp tục chảy, lại cột thêm sợi thun vào dưới ngón tay rồi nhai cỏ cú đắp vào vết thương, băng nẹp lại ...

Cả tháng ấy tôi cố tình né tránh nhưng ngón tay cứ đụng phải vật, thốn buốt. Người ta nói đó là ngón mù vì nó không có mắt nên cứ đụng càn. Còn nữa, khi làm việc cần dùng dao, rựa thì ngón tay khều khào ấy lại là nguyên nhân tạo thêm những vết đứt mới cho cả cánh tay ...

Ngón tay ấy bây giờ trở thành dị dạng, lồi lõm quanh vết sẹo và hình như mọc dài hơn trước. Nhưng điều đáng nói là nó thiếu xúc giác, đợi tới khi nó cảm nhận được nóng hay lạnh hoặc đau thì đã quá muộn, buốt nhức lắm ...

Thời ấy tôi đang ở núi, thiếu thốn mọi thuốc men và phương tiện. Tôi biết mình băng bó như thế là không đúng

cách. Cột chặt cườm và ngón tay thì tạm thời cầm được máu nhưng nếu cột lâu, máu chẳng đủ nuôi những tế bào phần trên tất phải hư bỏ. Lấp thịt vào chỗ cũ nhưng không may lại thì vết đứt sẽ lâu lành và trong khi lành, thịt tự mọc nối lại nhau kéo dài đầu ngón và vết sẹo sẽ sần xù như vết sẹo trên những cây rừng. Không sát trùng vết thương, không uống thuốc trụ sinh thì hoặc kháng thể yếu hoặc vi trùng mạnh xâm nhập tất phải nhiễm độc, nhẹ thì cưa tay, nặng thì chết. Nhưng tình thế cấp bách, cực chẳng đã phải làm như thế với hy vọng máu thôi chảy và đừng nhiễm độc !

II) Bây giờ, tôi lại đứt tay.

Giả sử chung quanh tôi thuốc men đầy đủ, phương tiện dư thừa mà tôi không thềm dùng tới. Tay có đứt ra sao mặc kệ. Tôi còn mấy ngón khác ! Tôi chỉ cần mài dũa rồi sơn phết móng. Người ta nhìn thấy móng thon bóng đỏ chói. Đẹp !!! Mặc kệ bàn, lóng u dề, mặc kệ ngón dài dư thịt, mặc kệ công dụng bàn tay. Tôi chỉ cần móng đẹp ! Mặc kệ tất cả. Móng đẹp là được rồi. Có đứt cả 9 ngón cũng chẳng sao. Tôi còn 1 móng ! Khi gặp người, tôi chỉ cần khoe ra một móng !

Có lý nào lại thế ?!

III) Tại sao tôi phải băng bó vết thương ? Tôi tiếc ngón tay hay quý bàn tay hay tự thương chính bản thân mình ? Tại sao tôi lại chia chẻ ngón tay, bàn tay rồi thân thể để tự vấn ? Ngón tay là gì của bàn tay ? Bàn tay là gì của cánh tay ? Cánh tay là gì của xác thân này ? Rồi xác thân là gì của ngón tay ?... Tại sao tôi lại lẩn thẩn lòng vòng tự hỏi nhiều như thế ?

Đúng là tôi tự thương mình !

Mình phải băng bó vết thương nếu không thì máu chảy hoài sẽ chết. Mình phải đắp cỏ thuốc nếu không thì sẽ nhiễm độc rồi tàn phế hoặc chết.

IV) Khoan nói tới toàn thể chúng sanh hay cộng đồng người trên thế giới này đang khổ đau trong băng hoại, cũng khoan nói tới đất nước dân tộc Việt Nam đang lâm than trong nghiệt ngã để ra tay cứu giúp nếu mỗi cá nhân, mỗi đoàn thể không ý thức trọn vẹn tình thương nên thay vì phụng sự trở thành đấu tranh cho quyền lực và quyền lợi chính mình !

V) Ngón tay đứt, cả thân thể bất an. Một người trác táng, cả gia đình xào xáo. Một làng thổ phỉ, cả xứ điêu linh ... bởi vì, mỗi cá nhân đích thị là một phần thân thể trong đoàn thể là thân thể. Vì quyền lực và quyền lợi tư hữu để bắt cháp thủ đoạn triệt hạ lẫn nhau cũng có nghĩa mình đang tự hủy chính mình, tức cũng có nghĩa mình chẳng biết tự thương mình nên không thương kẻ khác. Chỉ lo chăm sóc riêng bản thân không phải tự thương mà chính tự đọa đày mình và đoàn thể. Có thương quý kẻ khác mới thật sự tự thương mình. Trong cộng đồng người, mình chẳng là gì cả, đừng bao giờ ảo tưởng mọi người phải phục tùng mình vì mình là kẻ lãnh đạo, cái đầu mà không nương nhờ chân thì chẳng đi đâu được. Cần ý thức rằng mỗi bộ phận đều có công dụng riêng của nó và nương tựa lẫn nhau, đừng bạc nghĩa vô ơn ngụy tạo rồi viện dẫn lý do để chặt đi chín ngón riêng chừa một móng trở thành dị dạng. Trong cuộc vô thường, khi nhắm mắt xuôi tay thì những quyền lực và quyền lợi bấy lâu tranh đoạt chứa đầy tội

lỗi giúp mình trở nên thánh thiện tuyệt vời hay dần, vặt, rút, ray, cắt, xẻo thân tâm ?

Xin tháo gỡ tất cả những băng hiệu trá hình phụng sự nếu mình còn liêm sĩ, biết tự quý thương mình !!!

GIỚI THIỆU

KINH SÁCH DO HÒA THƯỢNG
THÍCH ĐỨC NIỆM DỊCH VÀ SÁNG TÁC.
PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ XUẤT BẢN.

1. Kinh Bảo Tích Yếu Giải
2. Kinh Thắng Man Giảng Giải
3. Kinh A Nan Vấn Phật Cát Hung
Luận Giải
4. Kinh Kim Cang Bát Nhã
Giảng Luận
5. Tâm Kinh Yếu Giải
6. Câu Xá Luận Cương Yếu
7. Phật Pháp Yếu Nghĩa
8. Tại Gia Bồ Tát Giới
9. Lược Truyện Tiền Thân Đức Phật
10. Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận
11. Pháp Ngữ Lục
12. Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng
13. Người Muôn Thuở
14. Những Mùa Vu Lan
15. Cho Trọn Mùa Xuân
16. Thiện Tài Cầu Đạo

PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Tâm Đức

Để đóng góp ý kiến trong việc duy trì và phát triển Phật Giáo Việt Nam tại Hải Ngoại, đặc biệt tại Hoa-Kỳ, chúng tôi xin đưa ra một số kinh nghiệm của các tổ chức Phật Giáo đến Hoa Kỳ trước chúng ta. Những đoạn đường họ đã trải qua, có lẽ sẽ giúp chúng ta vạch một hướng đi thông suốt và hoàn bị hơn. Trong chiều hướng này, chúng tôi sẽ đề cập đến kinh nghiệm hoằng đạo của Phật giáo Trung Hoa, Nhật Bản, Tích Lan, Đại Hàn, Tây Tạng Và Phật giáo Hoa Kỳ do người Mỹ tổ chức và điều hành.

I. KINH NGHIỆM HOẰNG ĐẠO CỦA PHẬT GIÁO TRUNG HOA TẠI HOA KỲ.

Phật giáo Trung Hoa đã, đang và sẽ đương đầu với ba khủng hoảng trầm trọng : Cơ cấu tổ chức, nhân sự, hành trì.

1/ CƠ CẤU TỔ CHỨC. Khác với Phật giáo Lào, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, Tây Tạng, Phật Giáo Trung Hoa trong mấy trăm năm lại đây, không có một tổ chức Tăng Già đủ uy quyền quản chưởng tự viện, điều khiển Tăng Ni. Những tổ chức Phật Giáo Trung Hoa tại Hoa Kỳ (hay ngay tại Trung Hoa Lục Địa, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore) dù trên danh xưng gọi là Giáo Hội, nhưng trên thực chất chỉ là Hiệp hội, qui tụ những đơn vị Phật giáo độc lập tự nguyện gia nhập tổ chức. Chùa hay đơn vị trong Giáo Hội, Chư Tăng Ni

quản nhiệm chùa nằm trong tổ chức Giáo Hội, vẫn giữ sắc thái riêng biệt của từng chùa, vẫn là vị lãnh đạo tinh thần của đơn vị hay chùa riêng biệt. Gia nhập Giáo Hội có tính cách tự nguyện chỉ là để thắt chặt tình thân hữu, để yểm trợ tinh thần cho nhau, để cùng nhau bàn thảo sự nghiệp hoằng pháp - phần nhiều dành cho người Trung Hoa và chú trọng đến nghi lễ, cúng bái, tụng niệm.

2/ NHÂN SỰ. Phật giáo Trung Hoa trong đợt di dân đầu tiên từ bán thế kỷ 19 đến bán thế kỷ 20, không đủ nhân sự, không đủ chư Tăng Ni hướng dẫn nên công cuộc hoằng truyền hầu như bị tê liệt, có thể nói là thất bại, cơ sở Phật Giáo xây dựng được trong vòng một trăm năm đã bị bỏ rơi, hoặc bị tịch thu vì thiếu tiền trả ngân hàng, thiếu tiền điều hành, trả thuế. Tăng Ni và cư sĩ chưa hợp tác chặt chẽ với nhau trong sự nghiệp hoằng đạo.

3/ HOẠT ĐỘNG. Hoạt động Phật sự của Phật giáo Trung Hoa đợt một hoàn toàn chuyên về cúng kính, tụng kinh, bái sám, không đủ sức lôi cuốn thế hệ thứ hai, thứ ba của dân di cư Trung Hoa và hoàn toàn cho người Trung Hoa, không xây dựng hậu thuẫn địa phương.

Chuyến tàu đầu tiên chở nhân công Trung Hoa đến California năm 1849, một năm sau khi mỏ vàng được khám phá tại xứ Oregon của ông John Sutter. Đến năm 1854 trên 13000 công nhân Trung Hoa đến Hoa Kỳ. Mười sáu năm sau trên 63000 công nhân Trung Hoa có mặt tại Mỹ, là 10 phần trăm của tổng số dân California và Montana, 29 phần trăm dân Idaho. Tổng số công nhân Trung Hoa tính vào thập niên 1880 trên 100000 người. Đi

đến đâu người Trung Hoa cũng xây dựng chùa chiền. Năm 1853 hai ngôi chùa đầu tiên được kiến thiết tại San Francisco, đến năm 1875 họ có tất cả 8 ngôi chùa, vào cuối thế kỷ 19, họ có hàng trăm ngôi chùa khắp miền Tây Hoa Kỳ, nhưng rồi không bao lâu những ngôi chùa ấy trở thành hoang phế, khi thế hệ thứ hai không mấy quan tâm đến đời sống tâm linh. Đến thập niên 1930, 1940 thì hầu hết những ngôi chùa ấy đều bị đóng cửa vì không có tiền trả ngân hàng hàng tháng, không đủ sức trả tiền thuê hàng năm, không có đủ tài chánh chi phí hàng ngày ! Chấm dứt giai đoạn hoàng đạo của người Trung Hoa tại Hoa Kỳ trong vòng 100 năm, từ năm 1854 đến 1954.

Sở dĩ họ lâm vào tình trạng thảm thương như vậy vì : 1/ Thiếu chư Tăng, Ni hướng dẫn. 2/ Thế hệ thứ hai, thứ ba v.v... của dân Trung Hoa cư trú tại Hoa Kỳ càng ngày bị Mỹ hóa, bỏ truyền thống tín ngưỡng ông cha, lo làm ăn và cải đạo. 3/ Sinh hoạt tín ngưỡng Phật Giáo của người Trung Hoa tại Hoa Kỳ chỉ nhắm đến tụng kinh niệm Phật, cúng lễ. Sinh hoạt này không đủ sức lôi kéo hàng thanh thiếu niên Trung Hoa đến với đạo. 4/ Tổ chức Phật Giáo Trung Hoa chỉ dành cho người Trung Hoa, không thể hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ, tự cô lập rồi tự diệt vong.

Hai chục năm sau khi đạo luật di dân được ban hành năm 1965, người Trung Hoa từ khắp nơi trên thế giới đến Hoa Kỳ ngày càng đông. Tổ chức Phật Giáo của người Trung Hoa ở giai đoạn này khác với giai đoạn 100 năm trước. Đến năm 1990, tổng số dân Hoa kiều tại Mỹ là 921000 người. Tại Hoa Kỳ người

Trung Hoa có trên 125 tổ chức Phật Giáo. (California 68 trong đó San Francisco 21, Los Angeles 12, New York 25, Hawaii 9, Texas 7, Washington 6, Illinois 4, Pennsylvania 4, Florida 3, Maryland 3, Alabama 2, Colorado 2, Iowa 2, Louisiana 2, Massachusetts 2, New Jersey 2, Ohio 2, Connecticut 1, Indiana 1, Nevada 1, Wisconsin 1) Vào những ngày Tết Nguyên Đán hay ngày lễ Đản sinh Phật, ngày nghìn người Trung Hoa đến chùa lay Phật, nhưng vào ngày thường số người đến lễ chùa rất ít, số người đến nghiên cứu, học hỏi hay tu tập lại càng ít hơn nữa.

Với người Trung Hoa đến Hoa Kỳ từ thập niên 1950 đến nay, chúng ta có thể nhận rõ hai đặc tính quan trọng : Thứ nhất, họ không phải hoàn toàn là dân tị nạn chính trị, khác với dân Việt Nam, Lào hay Cao Miên. Thứ hai họ đến Hoa Kỳ để học hậu đại học hoặc làm nghề thương mại, kỹ nghệ, do đó họ là hạng người lưu động, mặc dầu có một số đông định cư vĩnh viễn. Phần đông họ là những nhà trí thức, so với số dân đầu tiên đến Hoa Kỳ làm công nhân mỏ vàng hay đặt đường rầy xe lửa. Đến năm 1990, 30 phần trăm dân Trung Hoa đến Hoa Kỳ từ lục địa Trung Hoa, 47 phần trăm từ Hồng Kông, 62 phần trăm từ Đài Loan là những người có cấp bằng đại học. Nói một cách tổng quát trên 40 phần trăm người Trung Hoa đến Hoa Kỳ vào thập niên 1990 là những người có trình độ học vấn cao, so với 19 phần trăm từ Đức quốc, 23 phần trăm từ Anh quốc, 32 phần trăm từ Pháp quốc. Nếu tính chung với tất cả người Trung Hoa, thì đại đa số người Trung Hoa ở Mỹ vẫn thuộc thành

phần lao động, 27 phần trăm không có cấp bằng Trung học.

Liên hệ tín ngưỡng, thành phần bình dân và thành phần trí thức Trung Hoa có những hoạt động khá rõ ràng, được phản ánh khá trung thực trong cộng đồng Phật Giáo Trung Hoa. Đại đa số thành phần bình dân đến chùa tụng kinh, cầu nguyện, bái sám, còn thành phần trí thức tham dự khóa tu thiền hay nghiên cứu Phật học. Nói như thế không có nghĩa là thành phần trí thức không tụng kinh, bái sám. Truyền thống Phật giáo Trung Hoa qua giáo nghĩa Thiên Thai Tông, thì Thiền, Tịnh dung thông. Khóa tụng niệm tuy có nhiều thành phần tham dự nhưng đại đa số là hạng bình dân, khóa thiền rất ít người theo, và nếu có người theo hành trì thiền (trong đó có Tịnh) thì đại đa số là thành phần trí thức. Thực ra khóa thiền chỉ dành đặc biệt cho người Âu Mỹ mà thôi, rất ít người Trung Hoa tham gia. Thí dụ tại chùa Hsi Lai và chùa Chuang Yen, khóa thiền hàng tuần dùng Anh ngữ, chứ không phải dùng tiếng Trung Hoa để hướng dẫn thiền sinh. Nếu có khóa thiền sử dụng tiếng Trung Hoa thì đại đa số tham dự viên là hàng trí thức Trung Hoa.

Ngoài đại đa số chùa chiền, cơ sở Phật giáo, phục vụ quảng đại quần chúng Trung Hoa bình dân, còn có nhiều tổ chức mà trong đó thành viên hầu hết là thành phần trí thức Trung Hoa. Sinh hoạt của những tổ chức này được nổi bật qua 1/ Đặt nặng vấn đề học tập kinh điển. Thí dụ nhóm học Phật The Buddhist Study Group of Huntsville, Alabama gồm trên 20 hội viên đều có bằng đại học, chuyên nghiên cứu giáo lý Phật. Nhóm

The Mahabodhi Society of USA tại Saratoga, California, họp mỗi tháng hai lần vào ngày thứ Bảy để nghiên cứu Phật lý áp dụng vào đời sống hàng ngày. Nhóm này đã xuất bản thành quả nghiên cứu của Hội về tạng A Hàm. 2/ Hoạt động diễn thuyết, hội thảo, sáng tác, nhắm đến sinh viên người Trung Hoa từ Đài Loan, Hồng Kông hay Lục Địa đến Hoa Kỳ theo học chương trình hậu đại học về kỹ thuật, khoa học, thương mại. Ông C.T. Shen, Phật tử hộ trì chùa Chuang Yen, nổi tiếng trong giới Phật tử Trung Hoa đã sáng tác và diễn giảng Phật Giáo vào Vật Lý, Thiên Văn Học. Ông Lou thuộc Mahabodhi Society of USA đã sáng tác tập sách nhỏ với nhan đề Phật Giáo Trong Thời Đại Nguyên Tử (Fo-fa Tsai Yuan-tse Shih-tai), Hội Phật Giáo Massachusetts (Massachusetts Buddhist Association) phối hợp Thiền và Tịnh, lấy Tịnh yểm trợ Thiền và lấy Thiền để tăng cường Tịnh. 3/ Hoạt động nhắm hoàn toàn vào hàng cư sĩ, cho cư sĩ và do cư sĩ. Hầu hết thành viên của nhóm này là hàng trí thức Phật tử. Nhóm này thường có nhiều người Mỹ tham gia.

Phật giáo Trung Hoa từ thế kỷ thứ mười khi Thiên Thai Tông thành hành, thì phương thức hành trì thiền và tịnh được dung thông, bổ túc cho nhau làm phương tiện tu hành giác ngộ. Vì vậy niệm Phật được xem như phương thức thiền quán, dùng lời niệm Phật để quán tưởng, dùng hình ảnh Phật để quán tưởng và thanh tịnh tâm trí. Truyền thống này được đem sang Hoa Kỳ, vì vậy trung tâm Thiền của Trung Hoa tại Elmhurst, New York, thiền sư Chang Sheng-Yen không

những tổ chức khóa thiền Tào Động (Tsa'ao-Tung, tiếng Nhật Soto), thiền Lâm Tế (Lin-Chi, tiếng Nhật Rinzai) mà còn tổ chức niệm Phật, bái sám. Niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tụng 48 lời nguyện để nói lên hạnh nguyện từ bi, độ tha của người Phật tử Trung Hoa, hạnh nguyện ấy được thể hiện bằng hình thức ăn chay, phóng sanh, bố thí, giúp đỡ người hoạn nạn, tổ chức phòng phát thuốc, khám bệnh miễn phí. Ngoài ra, như chùa Hsi Lai, còn tổ chức những đoàn Tăng Ni đến nhà tù thăm viếng và tổ chức thiền quán, tụng kinh, bái sám cho tù nhân, đặc biệt là ấn tống kinh sách. Hoạt động của viện dịch thuật Phật Giáo, thuộc Vạn Phật Thành, hoạt động bỏ Tam Tạng kinh vào CD ROM của chùa Chuang Yen, hoạt động Phật tử thuộc International Buddhist Association đến ga xe lửa phân phát tài liệu Phật giáo cho hành khách đối với Phật tử Trung Hoa là hoạt động quan trọng, vì trong tất cả bố thí, Pháp thí là trên hết.

Nhìn chung quanh Phật giáo Trung Hoa tại Hoa Kỳ trong mấy chục năm qua khác hẳn với Phật giáo Trung Hoa đến Mỹ lần đầu tiên, đa dạng hơn, hội nhập hơn, hoằng truyền quảng bá nhiều hơn.

Nghiên cứu sự liên hệ giữa tín ngưỡng di dân trong bối cảnh xã hội Hoa Kỳ, Will Herberg (Protestant-Catholic-Jew : An Essay in American Religious Sociology, new ed. (Garden City, N.Y. : Doubleday and Co, 1960 tr. 16) phân tích khuynh hướng tín ngưỡng của tín đồ Tin Lành, Thiên Chúa và Do Thái trong 50 năm đầu thế kỷ 20. Herberg nhận thấy ba thế hệ đầu của người dân Mỹ gốc Âu Châu có thái độ khác biệt đối với truyền

thống tín ngưỡng của họ. Thế hệ đầu dựa vào tín ngưỡng bản quốc làm tăng cường sức sống, duy trì sự liên tục và trật tự trong quốc gia mới đầy hỗn tạp. Thế hệ thứ hai, xem tàn tích bản quốc là nguồn gốc gây hỗn tạp, bất an. Đối với họ tôn giáo, ngôn ngữ bản quốc quá xa là cần phải gạt bỏ để thăng tiến trong xã hội mới. Thế hệ thứ ba, sau khi đã an cư lạc nghiệp, cảm thấy ổn định hơn so với thế hệ thứ nhất và thế hệ thứ hai, cảm thấy mặc dầu ngôn ngữ, truyền thống của ông cha không thể duy trì hay tiếp nối được, nhưng nó là một gia tài quý giá nói lên gốc gác của mình và do đó thế hệ thứ ba và những thế hệ kế tiếp, tín ngưỡng bản quốc đối với họ là một yếu tố đặc biệt để xác định bản chất cá thể trong bối cảnh xã hội mới.

Will Herberg xem mô hình nói trên không thể đem áp dụng cho di dân Trung Hoa và Nhật Bản vì truyền thống tín ngưỡng của họ quá xa lạ với khung cảnh xã hội mới, những người di dân này muốn hội nhập và xã hội Hoa Kỳ là phải xóa bỏ hoàn toàn gốc gác tín ngưỡng để trở thành tín đồ Thiên Chúa hay Tin Lành, phần nhiều theo Tin Lành. Quan niệm này có lẽ khá chính xác đối với di dân Trung Hoa và Nhật Bản vào giữa thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20, nhưng không chính xác đối với di dân Trung Hoa, Nhật Bản từ giữa thế kỷ 20 trở đi. Thí dụ điển hình : Giáo phái American Jodo Shinshu (Tịnh Độ Tông Nhật Bản tại Hoa Kỳ) từ năm 1899 đến 1942 lấy tên là Buddhist Mission of North America (đoàn truyền giáo Phật Giáo Bắc Mỹ) đã được đổi tên là Buddhist Churches of America (Giáo Hội Phật Giáo Hoa Kỳ) trong thời

Đệ Nhị Thế Chiến để nói lên sự trung thành tuyệt đối của con dân Nhật Bản sinh sống tại Hoa Kỳ đối với chính phủ Hoa Kỳ và sự trung trinh trên quan điểm sống với nếp sống Hoa Kỳ, đồng thời cũng muốn chứng tỏ Phật Giáo không phân biệt chủng tộc, quốc độ : Là Phật tử và là công dân Hoa Kỳ không có gì mâu thuẫn.

Người di dân Trung Hoa đến Hoa Kỳ có sắc thái khá đặc biệt. Dr. Ted T'ang thuộc The Buddhist Association of Compassion and Wisdom (Hội Phật Giáo Bi Trí) ước lượng trên một nửa Phật tử Trung Hoa thọ Tam quy ngũ giới, tích cực tham gia hoạt động Phật sự của hội là những người Trung Hoa sau khi đến định cư Hoa Kỳ, nói một cách khác, thế hệ di dân đầu tiên của người Trung Hoa đến với Phật giáo so với thế hệ thứ ba và về sau của các cộng đồng di dân khác. Cha ông của người di dân Trung Hoa đợt hai, suốt một phần tư thế kỷ, rất hoang mang về truyền thống văn hóa của họ, trước tấn công vũ bão của chủ nghĩa vô thần Cộng Sản, khi đến Hoa Kỳ định cư, họ phải bám vào gì để sống, để tồn tại, để hy vọng : Phật giáo là mô hình thích hợp nhất, ít nhất là những khía cạnh đặc thù của Phật giáo. Như vậy thế hệ di dân Trung Hoa đợt hai không hẳn trực tiếp duy trì truyền thống cũ mà thật sự đã tái lập một truyền thống mới liên quan với truyền thống cũ. Họ tự xem mình là người Phật tử trước tiên, người di dân tiếp theo đó. Phật giáo vượt qua ranh giới quốc gia, vượt qua thế lưỡng cực giữa người di cư và người dân Mỹ.

Charles Prebish, đã dùng sắc thái đặc biệt này khi phân tích sự liên hệ

giữa Phật giáo Trung Hoa trong bối cảnh Hoa Kỳ (American Buddhism (North Scituate, Mass : Duxbury Press, 1979, tr.51), để phân loại người Phật tử Trung Hoa mà ông dùng danh từ Ethnic và Elite. Phật tử ethnic Trung Hoa ý thức mình thuộc chủng tộc Trung Hoa cố gắng duy trì cá tính văn hóa di dân, trong khi elite Trung Hoa, hay người Phật tử Trung Hoa thượng lưu để ý đến việc hòa nhập và xã hội Hoa Kỳ. Thành phần thứ nhất có vẻ bảo thủ, thành phần thứ hai có vẻ tân tiến. Thành phần thứ nhất lợi dụng hoàn cảnh mới, khung cảnh xã hội mới để canh tân một số khía cạnh liên quan đến gia tài Phật giáo ; thành phần thứ hai dùng giáo lý Phật giáo để phê bình nếp sống sa đọa của xã hội Tây phương, đồng thời loại bỏ những khía cạnh có tính cách mê tín di đoan, qua nhiều thế kỷ đã dính liền vào Phật giáo, họ có khuynh hướng đem giáo lý Phật áp dụng vào đời sống hàng ngày, đem đạo lý từ bi và trí tuệ để làm phong phú nếp sống hiện tại. Họ không muốn làm chùa, họ không cúng dường Tăng Ni, họ muốn phát triển truyền thống cư sĩ Phật Giáo Duy Ma Cật. Họ giờ đây không phải ở trên đất Trung Hoa, cũng chưa hoàn toàn hội nhập vào xã hội Mỹ, họ bơ vơ, lạc loài, Phật giáo của họ không Hoa, không Mỹ họ đương mò mẫm một con đường đi cho đạo, cho đời. Thế hệ thứ hai, thứ ba của Phật tử Trung Hoa đợt hai sẽ ra sao ?

Jan Nattier (Who is a Buddhist ? Charting the Landscape of Buddhist America : The Faces of Buddhism in America, Universitu of California Press, Berkeley and Los Angeles, California 1998, tr 183-195) xem mô hình của

Prebish quá giản dị để có thể diễn tả một cách đầy đủ tình trạng Phật giáo hiện nay tại Hoa Kỳ. Jan Nattier, ngoài hai loại Ethnic, Elite của Prebish, thêm phân loại thứ ba, đó là Phật Giáo Evangelistic hay Missionary, nghĩa là loại Phật giáo hoằng truyền. Thí dụ điển hình của loại hoằng truyền Phật Pháp này là tổ chức Soka Gakkai. Chư Tăng Phật Giáo Trung Hoa đến Hoa Kỳ hoằng truyền chánh pháp, nhưng đặc biệt chỉ lưu tâm đến người di dân Trung Hoa, trái lại Soka Gakkai chú tâm đến người Mỹ. Phần nhiều cơ sở Phật giáo Soka Gakkai tại Hoa Kỳ là do người Mỹ cai quản, số hội viên phần nhiều người Mỹ, ngôn ngữ giảng dạy, hướng dẫn hành trì là tiếng Mỹ, phương thức hoạt động áp dụng phương thức Mỹ. Stuart Chandler (The Faces of Buddhism in America, tr 1-30) phân loại Phật tử Trung Hoa đợt hai thành 6 loại :

1/ Buddhist Chinese Americans (người Mỹ gốc Trung Hoa theo Phật giáo) chỉ cho những người di dân Trung Hoa bây giờ là công dân Mỹ hay thường trú tại Mỹ theo Phật giáo. Thành phần này đến lễ chùa trong các ngày lễ lớn, như Tết Nguyên Đán, lễ Đản Sinh Phật, Lễ Vu Lan v.v...

2/ American Chinese Buddhists (Phật tử gốc Trung Hoa tại Hoa Kỳ) chỉ cho hạng người tin Phật (điều quan trọng) gốc Trung Hoa (giống giống Trung Hoa) cư trú tại Hoa Kỳ (không quan trọng lắm). Hạng người này dù ở đâu họ cũng là Phật tử, xem đức tin là quan trọng hơn hết.

3/ Buddhist American Chinese (Người Trung Hoa ở Mỹ theo Phật giáo) chỉ cho thế hệ I của di dân Trung Hoa

đến Hoa Kỳ. Trung Hoa là giống giống của họ (điều quan trọng), họ đến Mỹ cư trú và theo Phật giáo (điều không quan trọng lắm). Họ đến chùa vào những ngày lễ Tết, Trung Thu.

4/ American Buddhist Chinese (Người Trung Hoa theo Phật Giáo đến cư trú tại Hoa Kỳ), là Phật tử trước khi đến Hoa Kỳ hay sau khi đến Hoa Kỳ, thuộc thế hệ thứ I của di dân Phật tử Trung Hoa đến Hoa Kỳ. Họ là những người thường xuyên đến chùa lễ bái, tụng niệm, học Phật Pháp.

5/ Chinese Buddhist American (Người công dân Mỹ gốc Trung Hoa theo Phật giáo) là công dân Mỹ, sống tại Mỹ đã lâu, nói tiếng Mỹ, theo Phật giáo, gốc Trung Hoa. Họ đến với Phật giáo vì tin tưởng vào giáo lý Phật, họ tự xem mình một trăm phần trăm Mỹ, tình cờ thừa hưởng dòng giống Trung Hoa.

6/ Chinese American Buddhists (Phật tử dân Mỹ gốc Trung Hoa) họ là Phật tử hoàn toàn một trăm phần trăm Mỹ, tình cờ thừa hưởng dòng giống Trung Hoa, tình cờ sinh đẻ tại Mỹ và làm công dân Mỹ. Phần đông Phật tử Trung Hoa thế hệ thứ II, thứ III trở về sau của dân di cư Trung Hoa đợt II xem họ thuộc thành phần này. Họ là những Phật tử trung kiên, tin tưởng Phật, tin tưởng giáo lý của Ngài.

Ranh giới của sáu loại Phật tử Trung Hoa nói trên luôn luôn thay đổi và biến thái. Hơn nữa trong mỗi loại còn dựa vào nhiều yếu tố phụ thuộc như nghề nghiệp, trình độ học vấn, lập gia đình với những người không cùng chủng tộc.

Sáu phân loại trên đều dựa vào chủng tộc, chứ không dựa vào khía cạnh

văn hóa. Nhiều Tăng, Ni tại Vạn Phật Thành, tại Chuang Yen, tại Hsi Lai học Phật theo truyền thống Trung Hoa không phải là người thuộc chủng tộc Trung Hoa, nhưng nhờ họ, truyền thống Phật giáo Trung Hoa được quảng bá tại Hoa Kỳ, không khác gì các học giả Trung Hoa gốc Âu Mỹ, truyền đạt tư tưởng, văn hóa Trung Hoa đến cùng khắp thế giới. Xung đột văn hóa không phải chỉ từ giữa nhóm này với nhóm khác, mà còn giữa cá nhân này với cá nhân khác. Người Mỹ hấp thụ tư tưởng, văn hóa, tín ngưỡng Trung Hoa có thể không cùng chung quan điểm với người Trung Hoa hấp thụ văn hóa Tây phương, theo đạo Tây Phương. Phật tử trên đất Mỹ thực hành truyền thống Phật giáo Trung Hoa còn phải đụng độ với trào lưu văn hóa thời đại : 1/ Người Mỹ đặt nặng vào chủ nghĩa cá nhân, trong khi Trung Hoa đặt nặng hiếu đễ, kính trên, nhường dưới, tôn trọng quyền hành. 2/ Người Mỹ qua văn hóa Cơ Đốc, tin tưởng tội tổ tông và linh hồn bất tử, Phật giáo quan niệm đời là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã. 3/ Văn hóa Khổng, Lão, dù không ảnh hưởng mấy đến đời sống tâm linh của Phật tử Trung Quốc, cũng đã tạo thành nhiều chướng ngại vật trong lịch sử truyền thừa Phật giáo tại Trung Quốc từ đầu thế kỷ cho đến nay. Pháp nạn đã xảy ra tại Trung Quốc năm 446, 574, 844, ngay cả vào năm 1937 triết gia Hồ Thích cũng không tiếc lời bài xích Phật giáo, đổ tội vì Phật giáo mà Trung Hoa trở thành nước lạc hậu, sau các nước Tây phương. Dầu sao Phật giáo vẫn giữ được vị thế của mình tại Trung Quốc sau các phong trào Tân Văn Hóa, cách mạng Chính Trị vào đầu thế kỷ 20, mặc dầu bị

một pháp nạn kinh khủng dưới thời Mao Trạch Đông. Vì vậy những người di dân Trung Hoa đến Hoa Kỳ tham gia tổ chức Phật giáo xem đó là phương tiện duy nhất để thỏa mãn nhu cầu tâm linh mà cũng là phương tiện để phục hưng gia tài văn hóa Trung Quốc.

Tóm tắt, truyền thống Phật giáo Trung Hoa tại Hoa Kỳ có những đặc tính sau :

1/ Người Trung Hoa có một lịch sử Phật giáo lâu nhất tại Hoa Kỳ, họ là những người đầu tiên xây dựng chùa Phật giáo tại Mỹ. Mặc dầu truyền thống này hầu như bị hủy diệt sau một trăm năm, đến giữa thế kỷ 20, vì thiếu nhân sự, thiếu tổ chức Tăng già vững mạnh, vì hoạt động nghèo nàn. 2/ Đợt di dân thứ hai của người Trung Hoa xây dựng Phật giáo trên nền tảng tương đối vững chắc hơn, nhưng phần nhiều cũng chỉ để đáp ứng nhu cầu tâm linh cho người Trung Hoa. Rất ít Phật tử địa phương tham gia hoạt động Phật sự của người Trung Hoa. 3/ Trong những năm lại đây hoạt động Phật sự của người Trung Hoa đã dần dần hướng đến dân Hoa Kỳ, nhiều Tăng Ni Phật tử gốc Âu Châu đã đến với Phật giáo Trung Hoa. 4/ Phật giáo Trung Hoa tại Hoa Kỳ là dây liên hệ quan trọng với Trung Hoa văn hóa, nói lên sức sống linh động. Phật giáo Trung Hoa tại Hoa Kỳ nếu có thể hoạt động cung ứng nhu cầu tâm linh, nhịp cầu văn hóa, hội nhập xã hội Hoa Kỳ, lấy Hoa Kỳ làm hậu cần, thì tương lai Phật giáo Trung Hoa tại Hoa Kỳ có nhiều triển vọng.

(kỳ sau : KINH NGHIỆM HOẰNG ĐẠO CỦA TỊNH ĐỘ TÔNG NHẬT BẢN TẠI HOA KỲ)

CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA) CỦA TÂY TẠNG



Tác giả : Giuseppe Tucci
Phóng tác : H.T. Thích Trí Chơn

(tiếp theo)

CHƯƠNG 8

CHÍNH QUYỀN DÂN SỰ - CHỢ BÚA VÀ CHÙA CHIẾN

Người giúp đức Đạt Lai Lạt Ma trông coi điều hành mọi việc quốc gia khi ngài còn nhỏ là quan Phụ Chánh. Thông thường ông ta được tuyển chọn trong số các vị trụ trì của bốn ngôi chùa lớn nhất tại thủ đô Lạp Tát (Lhasa) hoặc ở những thành phố kế cận : Muru, Kundeling, Tsomoling, và Tsecholing. Theo người Mông Cổ, những vị trụ trì đó có tước hiệu là Hutuktu. Tuy nhiên quan Phụ Chánh hiện đang nắm quyền cai trị Tây Tạng là vị trụ trì chùa Takta nằm cách vài dặm hướng tây của Lhasa không phải là ngôi chùa lớn danh tiếng. Có lẽ đây là một biệt lệ. Dĩ nhiên ông cũng là một vị hóa thân, là người sau khi viên tịch đã tái sanh trở lại trần thế trong một xác thân mới để cứu giúp đời. Ông sống cạnh đức Đạt Lai Lạt Ma.

Nghi thức cuộc viếng thăm quan Phụ

Chánh của tôi rất đơn giản. Sau khi cúi đầu chào như thường lệ, tôi ngồi bên trái trước mặt ông và trả lời những điều ông hỏi. Ông tìm hiểu về đất nước quê hương tôi. Ý kiến của chúng tôi về Phật Giáo, các sách Phật Học mà tôi đã đọc hay dịch thuật cũng như số tín đồ theo Phật Giáo tại Âu Châu hiện nay được bao nhiêu. Những câu hỏi của ông nêu lên đều chính xác và cô đọng chứng tỏ ông đã nắm vững các vấn đề mà ông muốn biết. Vì là nhà cầm quyền nên ông ý thức rõ những khó khăn mà người Tây Phương đã gây ra cho đất nước Tây Tạng nhiều năm trước đây.

Thật là một ngày bận rộn. Sau khi diện kiến quan Phụ Chánh, tôi đến thăm hai vị thầy giáo của đức Đạt Lai Lạt Ma. Trước hết, tôi thăm Lạt Ma Trichanrinpoche là vị hóa thân ở chùa Ganden có hình dáng cao, mảnh khảnh và khuôn mặt khắc khổ. Ông là một trong những giáo sư danh tiếng nhất về luận lý và Phật Học. Như dân chúng Tây Tạng tôn xưng là vị Tipa, ông thường ngồi trên chiếc ngai của vị trụ trì chùa Ganden. Là một Lạt Ma đạo đức do sự tu hành khắc khổ, giới luật tinh nghiêm và nhà nghiên cứu Phật Học thâm sâu, ông trở thành một trong bảy vị thầy dạy luận lý học cho đức Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi. Vì biết ông là một học giả Phật Giáo cho nên tôi rất mong được thương xuyên gần gũi khi ông rảnh rỗi để học hỏi.

Người thứ hai là ông Yondtsingling ở chùa Depung là giáo sư căn bản cũng như chịu trách nhiệm về mọi sự học vấn của đức Đạt Lai Lạt Ma. Là một học giả như các vị khác, tuy nhiên ông thường liên lạc giao thiệp với thế giới bên ngoài

nhiều hơn. Ngoài khả năng thấu triệt các điều mâu nhiệm huyền bí, ông còn có nhận thức sâu sắc về chính trị và lý luận đanh thép. Người cuối cùng tôi đến thăm là ông Chandsod, nhân viên phụ tá của quan Phụ Chánh. Mặc dù không phải là chức vụ quan trọng nhưng ông là nhân vật giữ việc liên lạc tiếp xúc hằng ngày với các cơ quan cao cấp của chính quyền Tây Tạng. Tôi cảm thấy thích thú khi được gặp ông bởi ông là người vừa có học thức, tánh tình lại hiền lành, vui vẻ và cởi mở.

Hôm sau tôi đến thăm các vị Shapays là những thành viên trong Hội Đồng Nội Các chính phủ Tây Tạng gồm có ba người. Vị lớn tuổi nhất là Lạt Ma Rampa Kalon. Ông mặc chiếc y màu đỏ của nhà sư. Hai vị kia là cư sĩ Phật tử tại gia, ông Kapshupa và Surklang là người trẻ nhất. Shapays là quan chức cao cấp nhất của chính quyền Tây Tạng. Nhưng cơ quan đó sau này chỉ còn có cái tên và các vị Shapays đã làm việc trực tiếp với quan Phụ Chánh là nhân vật mà mọi công việc, sau khi nghiên cứu, họ đều phúc trình cho ông ta biết để lấy quyết định sau cùng. Khi có việc quan trọng thì cần phải hỏi ý kiến của ông.

Về tài chánh của quốc gia được giao cho bốn ông Tsipon trong coi việc thu thuế bằng hiện vật, còn nếu dân chúng nộp thuế bằng tiền thì có cơ quan khác phụ trách. Ngoài ra, có bốn vị Tsechags, ba là nhà sư và một người đời lo việc điều hành ngân sách của đức Đạt Lai Lạt Ma ; và bốn ông Lachags trông coi tài sản của Giáo Hội Phật Giáo trong nước. Văn phòng ngoại giao tiếng Tây Tạng gọi Chigyalekung là một cơ quan mới mẻ,

được điều khiển bởi hai vị bộ trưởng hay Dsasa, một người đời, và một tu sĩ với sự phụ giúp của ba nhân viên hành chánh.

Về chương trình viếng thăm các ông Shapays, tôi phân vân không biết nên đến thăm cùng lúc cả ba người tại văn phòng hay tới viếng riêng từng vị ở nhà. Cuối cùng tôi quyết định đến thăm để đàm đạo một cách không chính thức tại nhà riêng của mỗi người. Các ngài Shapays sống ở những ngôi nhà rộng lớn có nhiều tầng nhìn ra sân bao quanh với những chuồng ngựa và trong đó treo đầy các yên ngựa. Ngựa thay thế cho xe hơi ở Tây Tạng. Các quan chức chính quyền thường ít khi đi bộ mà dùng ngựa cưỡi như phương tiện duy nhất để di chuyển trong nước. Tùy theo phẩm trật cao thấp, đi trước và theo sau ngựa của các viên chức chính quyền có những người hầu, trên đầu họ đội các chiếc nón lớn rộng vành trông giống như cái giỏ, viền quanh bằng vải lụa đỏ.

Bên trong nhà các nhân viên cao cấp Tây Tạng được trang trí theo lối sống của người Trung Hoa. Ngoài những chiếc gối vải và giường nằm lớn, họ còn dùng các bàn ghế nhập cảng từ Châu Âu. Các quan chức thường mặc chiếc áo lụa Trung Hoa rộng màu vàng dài tới đầu gối có thêu những con rồng và thắt một khăn quàng đỏ nơi cổ. Họ nói năng từ tốn hiền hòa và đôi khi âm thanh giọng nói của họ rất khó nghe đối với người ngoại quốc. Tây Tạng có ba ngôn ngữ hay cùng một thứ tiếng nói mà có ba cách nói khác nhau. Một lối nói chung thông thường dành cho những người bạn ngang hàng với nhau, cách nói quý kính đối với hạng người có địa vị cao sang và lối nói hết sức kính

trọng đối với quan Phụ Chánh hay với đức Đạt Lai Lạt Ma.

Chẳng hạn khi hỏi thăm sức khỏe của một người có chức vị, ta dùng chữ “Kutsu” hay “thân thể của ngài” ra sao, nhưng khi hỏi đối với một người dân thường, thì giản dị chúng ta chỉ dùng chữ “Ku” mà thôi. Trường hợp nói chuyện với người giúp việc, tôi gọi tay tôi là “chag” còn tay của y là “lag”. Cũng như khi tôi bảo kẻ hầu hạ “đi”, tôi dùng chữ “dro” ; tiếng “peb” khi nói với người quý phái và chữ “chibgyunang” dành cho nhân vật mà mình hết sức kính trọng. Do những biến đổi này khiến cho tiếng Tây Tạng trở thành một ngôn ngữ khá phức tạp. Cho nên du khách khi nói chuyện với dân chúng địa phương, muốn hiểu hết các danh từ hoặc những thành ngữ khó Tây Tạng, tốt hơn các bạn cần có người thông dịch. Đàm thoại không chỉ nhằm mục đích để trao đổi ý kiến mà còn là phương pháp giúp mình luyện tập, sử dụng tu từ học (ngữ pháp) trong lúc nói chuyện. Hạng dân trí thức Tây Tạng rất ham thích thực hành và xem đó như là một công tác nghệ thuật.

Tôi xem việc đến thăm các ông Shapays như là một thử thách đối với tôi. Nhưng sau khi vượt qua được, tôi có dịp quen biết nhiều bạn để nhờ họ đóng góp ý kiến giúp tôi trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về xứ tuyết này. Lhasa, tiếng Tây Tạng có nghĩa là “quê hương của Thần Linh” hay vùng đất an lành khi so sánh với các nơi khác đầy dãy những núi đá cheo leo nguy hiểm ở Tây Tạng. Thủ đô Lhasa nằm giữa một thung lũng rộng với những cánh đồng cỏ xanh, ruộng lúa phì nhiêu và được tô điểm khắp nơi với

những hàng cây dương liễu và bạch dương. Đằng sau là một dãy núi bao bọc cho Lhasa chống lại những cơn gió lạnh buốt từ hướng bắc. Trong mùa đông, các ngôi nhà ở Lhasa đón nhận từ phía nam những tia nắng ấm áp của ánh sáng mặt trời chiếu rọi trên nền trời xanh thẳm. Mùa hè thời tiết Lhasa luôn luôn mát mẻ, không bao giờ quá nóng. Vào tháng bảy ngọn gió mùa từ Ấn Độ thổi qua mang đến cho Lhasa những cơn mưa tầm tã, và thỉnh thoảng giữa các trận mưa rào, ánh nắng mặt trời lại xuất hiện.

Thủ đô Lhasa thời gian tôi đến viếng thăm không phải là một thị trấn lớn. Về dân số thì cũng khó biết chính xác là có bao nhiêu, nhưng phỏng chừng từ hai mươi lăm đến ba chục ngàn. Ngoài ra, còn có các đoàn du khách hành hương và ăn xin đến và rời thành phố bất thường. Tuy nhiên cũng có một số người ở lại luôn. Đường phố ở Lhasa tôi gặp thấy đông đảo nhiều người đủ các sắc dân, ngoài phần lớn là Tây Tạng còn có khoảng ba nghìn dân Nepalese, hai nghìn người Trung Hoa và một số đông người Ladakhi theo Hồi Giáo gọi là Kache, họ đến Lhasa định cư từ nhiều thế kỷ trước. Riêng dân Tây Tạng lại chia ra làm nhiều sắc tộc khác nhau : Nhóm dân du mục Dokpah và Horpah sinh sống trên vùng phía bắc ; những người gốc dân Bhutan ở hướng nam và nhiều người Kham. Mỗi sắc dân đều có riêng phong tục tập quán và cách ăn mặc khác nhau. Hàng ngày dân chúng Tây Tạng thích ra chợ mua sắm và đến chùa lễ bái, cầu nguyện. Đó là hai sinh hoạt chính của những người dân sống ở thị trấn này.

Tại thủ đô Lhasa có nhiều ngôi chùa

danh tiếng. Trước tiên, tôi mời quý vị đến viếng thăm chùa Tsuglakang, tại đây thờ tượng Phật Thích Ca. Theo truyền thuyết, một vị vua Trung Hoa, sau khi gả công chúa cho vua Tây Tạng đầu tiên theo Phật giáo, đã gửi tặng pho tượng trên cho ông ta. Các nhà khảo cổ bảo rằng về phương diện thẩm mỹ, tượng Thích Ca này không mấy gì đẹp lắm và được sơn phết tu bổ hàng năm, khiến pho tượng mất hết nét cổ kính ban đầu của nó. Xung quanh chùa có xây nhiều ngọn tháp cao ba tầng cùng những điện thờ Phật, Bồ Tát trang nghiêm đẹp đẽ cũng như các vị Hộ Pháp, Thiện Thần với nét mặt hiền lành lẫn hung dữ.

Đặc biệt trên các trụ đá nơi cổng chùa được trạm khắc bởi các nhà nghệ thuật Nepal thuộc thời đại vàng son của nhiều thế kỷ trước, nhưng thoạt mới nhìn du khách có cảm nghĩ chùa Tsuglakang như một kiến trúc hiện đại. Tôi thấy trên tường vòng quanh các hành lang của chùa được trang trí với những bức họa phỏng theo 108 mẫu chuyện tiền thân Đức Phật hoặc vẽ hàng nghìn vị cổ Phật và bức chân dung của Gusrikhan, vị vua Mông Cổ, người đã từng ủng hộ quyền lực lãnh đạo của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm. Phần lớn những bức họa được vẽ phỏng theo các bức tranh đã có từ nhiều thế kỷ trước do chỉ thị của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ mười ba.

Ngoài pho tượng Phật Thích Ca, tượng Phật Di Lạc thờ trên tầng chót của ngôi chùa cũng khá đẹp mà du khách nên đến xem. Trong các điện thờ, tôi thấy còn lưu giữ vài bức cổ họa, nhưng một phần nét vẽ trên đó còn nhìn thấy mà thôi. Qua bao thế kỷ, nhiều lớp bụi

thời gian đã che phủ trên các bức tranh khiến những họa phẩm này trông có vẻ cổ xưa già nua hơn so với tuổi thực của chúng. Đứng sát gần nhìn các bức họa qua ánh sáng lờ mờ, tôi nghĩ chúng được vẽ, sáng tạo khoảng vào thế kỷ thứ 15 hay 16. Và những bức tranh này được tu bổ, sơn phết lại do lời yêu cầu của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm.

(còn tiếp)

Thơ Lê-Trọng-Thị

Mừng Gặp Bạn

*Mừng thay tình bạn chúng ta
Bốn phương xa cách nay đã gặp nhau
Tuổi già chuốc chén ly-tao
Vui câu hạnh ngộ tâm giao trọn niềm*



*Gặp lại chúng ta đã già rồi
Mừng người bạn cũ thừa xa-xôi
Lai-rai chuốc chén vui tao-ngộ
Cùng bạn tâm-giao thừa thiếu-thời*



*Quê-hương đành bỏ để ra đi
Đất mẹ bùi-ngùi khóc biệt-ly
Ai ngờ lũ-thú duyên hò-hẹn
Đất khách tuổi già ngộ cố-tri*



*Cố-nhân cách-biệt kể từ lâu
Nhìn lại chúng ta đã bạc đầu
Con cháu để huê vui tóc bạc
Buồn vì bể ruộng hóa nương dâu.*

Virginia, 1998

HÀNH HƯƠNG THIÊN TRÚC

Tùy bút đã viết nhằm mục đích chia sẻ với bạn đọc cảm nghĩ trung thực của tác giả trong chuyến hành hương đất Phật. Đây không phải là một tài liệu về Phật tích nên các chi tiết kể lại có thể không chính xác.

HƯ THÂN HUỖNH TRUNG CHÁNH

Ước mơ một chuyến viễn du về miền Thiên Trúc đã manh nha trong đầu óc trẻ thơ ngay từ khi tôi còn là một học sinh tiểu học đam mê truyện Tây Du huyền hoặc. Tôi cũng mong được như Tề Thiên tu luyện thành thực bảy mươi hay phép thần thông biến hóa thừa khả năng phò Đường Tam Tạng vượt núi băng rừng tiêu diệt lũ ma hầu đến Lôi Âm tự thỉnh kinh về nước. Lớn lên, không còn tin tưởng chuyện huyền hoặc, nhưng niềm ước mơ về chuyến Tây Du của tôi chẳng những không bị thui chột, mà trái lại đã có phần thâm thiết hơn : Tôi là một người con Phật.

Tuy nhiên, vì sinh sống ở vùng sa mạc nắng cháy, thiếu vắng tin tức sinh hoạt Phật sự của người Việt tại xứ người, nên tôi chẳng hay biết gì về các chuyến hành hương đã tổ chức, giấc mơ Tây Du của tôi lần lần trở nên vô vọng. Mùa hè qua, do một nhân duyên đặc biệt tôi đến Houston (Texas), thăm chùa Việt Nam, rồi may mắn ghi danh tham dự chuyến hành hương mười tám ngày trên đất Phật do thầy Viện chủ hướng dẫn. Phái đoàn đã đến Tân Đề Ly ngày 03.10.98, nhưng thay vì lên đường chiêm bái Phật tích ngay, công ty du lịch lại vẽ vời ra chuyến viếng thăm hai ngày tại vùng lăng tẩm Taj Mahal, cùng các đền đài cung điện Agra Fort và Itmad-ud-Daulah

tại thành phố Agra, cố đô của họ. Người Ấn rất tự hào về di tích lịch sử này và cho rằng đây cũng là một kỳ quan thế giới. Đối với người khách hành hương như tôi, thì công trình đó tuy vĩ đại kiêu kỳ nhưng chỉ tiêu biểu cho lòng dạ tàn ác của các bậc quân vương đã áp bức dày đọa dân lành xây dựng những kiến trúc to tát chỉ nhằm thỏa mãn tham vọng ngông cuồng của họ mà thôi. Bao nhiêu thân xác, bao nhiêu mồ hôi nước mắt, bao nhiêu tài sản ... của dân đã đánh đổi cho những đền đài cung điện vô nghĩa đó. Vô nghĩa như chúng tôi đã phí phạm hai ngày quý giá trên đất Phật để tham quan một chuyện không đâu.

Chẳng biết công ty du lịch tổ chức như thế nào mà 11 vị xuất ngoại bằng Reentry Permit, trong đó có 3 tăng ni, phải trở lại thủ đô điều chỉnh chiếu khán nhập nội và đành bỏ dở hai địa điểm hành hương đầu tiên. Thành phần còn lại được đưa đến thành phố Lucknow bằng chuyến đi xe lửa đêm gian nan như một chuyến vượt biên. Xe bus đưa chúng tôi đi chậm chạp trên con lộ lưu thông cản trở bởi đoàn người lũ lượt túa ra đường hành lễ ồn ào, với những tiếng la hét, pha lẫn với tiếng pháo hay tiếng súng đi đùng. Đến nhà ga khi trời vừa sụp tối, hướng dẫn viên cho biết đây là khu vực kém an toàn, tất cả

phải ngồi yên trên xe, màn cửa che kín lại ... nên thân kinh đã bắt đầu căng thẳng. Thế rồi, cả đám cứ lẳng lặng chờ đợi và chờ đợi hàng hai giờ hướng dẫn viên mới liên lạc được toán phu khuân vác hành lý, đoạn thông báo phái đoàn chuẩn bị rời xe bus. Trời tối, chúng tôi phân tán thành nhóm nhỏ, dắt díu nhau bươn bả theo phu khuân vác mà thấp thỏm âu lo : Vừa sợ thất lạc, vừa sợ mất hành lý, vừa sợ kẻ gian manh rình rập ở hóc hẻm nào đó (1). Hú hồn hú vía chúng tôi đến được sân ga không mất nhân mạng nào. Sân ga đầy người, kẻ bệnh hoạn đói rách nằm la liệt, khiến cho cháu Hiếu cảm động thương người nghèo khổ mà nước mắt đầm đìa. Đến đây, phái đoàn bị tách thành hai toán nam và nữ riêng rẽ để sẽ lên hai toa tàu khác nhau. “Thân ai nấy lo, hồn ai (đúng ra là hành lý và passport của ai) nấy giữ”, khi tàu vừa dừng thì phái leo lên nhanh, kéo bị bỏ lại là tiêu đời. Chờ đợi cả giờ, chiếc tàu hỏa mới lăm lăm liờ tới. Thế là chúng tôi phải ủa nhau chen chúc lên tàu, đứng lác lư chịu trận. Trông ngóng thêm một thời gian dài nữa, người hướng dẫn mới tìm đủ cho mỗi người một cái giường, loại giường đôi “hẹp té” trong phòng 4 người có máy lạnh và màn che. Dù vậy, tôi chẳng làm sao chợp mắt được, chỉ e lơ là đến trạm Lucknow mà chẳng hay thì biết ú ở kêu réo ai đây ? Cuối cùng vào khoảng bốn giờ sáng, tức là sau 10 tiếng đồng hồ cực nhọc (6 giờ chờ đợi, 4 giờ di chuyển) cho một đoạn đường dài “vô tận” chừng 150 dặm, chúng tôi cũng đến nơi. Chúng tôi lại cũng hồ hởi dắt díu nhau tìm đến được chiếc bus của công ty du lịch an

toàn.

CHIÊM BÁI KỶ VIÊN TỊNH XÁ

Phái đoàn được đưa đến khách sạn tạm dừng chân đôi giờ để ăn sáng và chỉnh đốn lại dung nhan tàn tạ, rồi tức tốc khởi hành đi đến quận Balrampur, một khoảng đường 190 cây số và ước lượng phải kéo dài hơn bảy giờ lái xe. Từ đó, chúng tôi sẽ đi chiêm bái thánh tích đầu tiên : Kỳ Viên Tịnh Xá. Xe lăn bánh chông chênh trên con đường bụi bặm nhỏ hẹp và loang lổ ổ gà, giữa hai hàng cây chằng chịt giây leo, lùm bụi um tùm trông hoang dại mà lại hấp dẫn lạ lùng. Đôi khi xe len lỏi giữa hai hàng cây giao cành rợp bóng rất thơ mộng, nhưng lắm lúc, xe lách sát lề, tàn nhẫn tuôn đám bụi mù mịt vào những căn chòi lá trống trải, chẳng tiếc thương gì đám người gầy còm đang ngơ ngáo nhướng mắt đau thương chịu đựng. Điểm đặc biệt là dù túp lều lớn nhỏ như thế nào, mái lá cũng che phủ bởi những giây bầu bí trở bông vàng rực rỡ, đối nghịch với tấm phen vách trét đầy những bết phân bò in dấu bàn tay u ám, nên trông vừa bi thảm vừa đượm nét dễ thương. Dọc hai bên đường là hai hàng mương nhỏ nhấp nhô những khóm súng khoe khoang những chiếc bông trắng xinh tươi ... tiếp nối bởi cánh đồng ruộng mông mênh, và lác đác đây đó từng đàn cò trắng thong dong lui tới. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng thấy xuất hiện xa xa những khóm nhà ngói xinh xắn lấp ló sau bụi tre, bụi chuối, cây bưởi, cây xoài ... cảnh tượng hao hao như thôn xóm quê nhà, khiến tôi chạnh lòng nhớ nước mà thoáng nao nao.

Quá trưa, xe bus đưa chúng tôi đến khách sạn Travotel Maya để dùng cơm và nghỉ ngơi. Khách sạn này có treo tượng Phật khá đẹp ngay phòng tiếp tân. Thấy tượng, ai cũng hân hoan, bởi lẽ, kể từ khi đặt chân lên nước Ấn đến nay có bao giờ chúng tôi lại được trông thấy bất cứ điều gì dính dáng đến đạo Phật đâu. Đến bốn giờ, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình. Xe bus vừa rời khu phố lèo tèo, xuyên qua những cánh đồng lúa bao la, thì tôi liền thấy xuất hiện mấy đầm sen thật lớn, hoa màu hồng nhợt nhạt tươi thắm. Tôi thèm được ngắm nhìn, được hái những đóa sen cúng Phật, nhưng tôi vốn là một đoàn viên lặng lẽ hòa hợp với mọi người, nên dẫu lòng rất mong muốn, mà ngại ngùng chẳng dám chộn rộn mở lời. Chặng đường 17 cây số thật ngắn, chỉ trong một khắc, Kỳ Viên tịnh xá đã hiển hiện rõ ràng và nhiệm mầu trước mắt tôi ; nhiệm mầu vì tôi biết chắc đây là sự thực chớ chẳng là mơ nữa. Tôi xúc động nghẹn ngào, rồi bỗng dưng tôi có cảm giác lạ lùng là vùng thánh địa này rất thân thương và đã gần gũi quen thuộc với tôi tự kiếp nào. Có kiếp nào đó tôi đã hành hương hay sinh sống chốn này ? Hay cảm giác quen thuộc đã bắt nguồn từ những nét tương đồng của vùng ruộng lúa này với miền Nam, quê hương tôi ? Hoặc giả, cũng có thể vì tôi vốn một lòng quy ngưỡng pháp môn Tịnh Độ, mà Kỳ thọ Cấp cô Độc viên chính là đạo tràng mà Đức Phật đã thuyết kinh A Di Đà, nên niềm tha thiết kính yêu đó đã sẵn ấp ủ trong tâm khảm tôi tự bao giờ rồi ?

Ý thức rõ rệt chốn này ngày xưa Đức Phật đã đặt vết chân, tôi bước từng

bước thật chậm, ước mong rằng mình sẽ noi dấu chân Phật, không phải chỉ riêng trong ngày hôm nay, mà thậm nguyện sẽ trung kiên bền bỉ “theo dấu chân của người” suốt kiếp này và mãi mãi về sau. Tôi thả tầm mắt nhìn thật xa, quan sát tổng quát diện tích tịnh xá. Kỳ Viên ngày xưa quả là một đạo tràng khang trang tao nhã có điều kiện dung chứa hàng ngàn tu sĩ và cư sĩ quy tụ về tu tập. Ngày nay, có lẽ Chánh phủ Ấn vẫn giữ nguyên diện tích cũ rồi tái thiết như một công viên, với những thảm cỏ xanh tươi, hàng bông dọc theo lối đi xinh xắn, cây kiểng tươi mát cắt tỉa .., tuy nhiên, họ cũng giữ lại nhiều cây cổ thụ cùng vài lùm bụi rậm rạp cho tương xứng với nền gạch đá rong rêu, nên bên cạnh vẻ đẹp tân thời cũng hiển hiện được nét cổ kính của ngàn xưa.

Chúng tôi dừng lại tại cây Bồ Đề A Nan để chân thành hành lễ Phật. Cây Bồ đề cằn cõi này do Ngài Mục Kiền Liên chiết nhánh từ cây bồ đề mẹ ở Bồ Đề Đạo Tràng về trồng, theo thỉnh nguyện của Ngài A Nan, hầu tử chúng dùng làm điểm tựa hương về Đức Phật. Theo gương người xưa, tôi chiêm ngưỡng cây bồ đề mà tưởng tượng như Đức Phật đang hiện hữu thuyết kinh A Di Đà. Tôi phủ phục lễ lạy và cảm thấy một niềm vui mênh mang tràn ngập ... Lễ Phật xong, chúng tôi tiếp tục chiêm bái rất nhiều nền móng tự viện, tăng xá, nền tháp, hồ nước, giếng nước ... rải rác khắp nơi. Chúng tôi muốn quan sát thật lâu, xăm soi từng địa điểm một, thế nhưng, mới lần quần hơn phân nửa khuôn viên thì ánh dương bắt đầu nhạt dần. Rồi chỉ trong khoảnh khắc, bóng tối

tràn ngập, không ngắm nhìn chi được nữa, nên đành cúi đầu về.

Đêm ấy, cảm giác tiếc nuối ám ảnh tôi mãi, nên vừa chợp mắt ngủ tôi liền chập chờn vào mộng. Tôi thấy mình đi như bay đến đầm sen bao la, tôi định hái một búp sen nhỏ nhưng ngần ngừ chưa dám tự tiện. Bỗng nhiên, ngay lúc đó tôi thấy có một người Ấn quý phái, tuổi trung niên xuất hiện, cầm đóa hoa trao tôi, mỉm cười lên tiếng : “Biết con ưa thích sen, nên ta dành sẵn con đóa này”. Tôi lí nhí cảm ơn nhưng chưa kịp hỏi han thì người lại nói : “Con hãy đi theo ta !” Thế là người nắm tay tôi dẫn đi thoăn thoắt vào tịnh xá, đến cái nền chùa khá lớn nằm về phía bắc cây bồ đề A Nan chừng năm mươi thước rồi bảo : “Ngày xưa, Đức Phật ở tịnh xá này. Con nên lễ Phật tại đây !” Tôi vừa dâng hoa lễ Phật xong, thì người Ấn trung niên lại vỗ vai tôi, nói : “Lòng dạ con chân thành! Đáng khen lắm !” Tôi thấy ông ta tốt bụng nên rất có cảm tình, nhưng ông ta trẻ tuổi hơn tôi mà cứ tự coi là bậc trưởng thượng mãi khiến tôi đâm ra khó chịu, nên vội đính chánh : “Tôi không nhỏ tuổi như ông tưởng đâu ! Tôi đã gần sáu mươi tuổi rồi đó !”

Anh ta cười như bỡn cợt, rồi chẳng “đếm xỉa” gì lời phản đối của tôi, vẫn tiếp tục giọng kẻ cả :

- Thế à ! Vậy thì ta xưng hô với con cách nào cho đúng vai vế đây !

Tôi chán nản chực bỏ đi, nhưng thốt nhiên, vừa nghe tiếp câu kế, tôi liền thay đổi ngay thái độ thiếu cận của mình.

- Hà ! hà ! Ta ra đời trong một gia đình theo truyền thống Phật giáo Nhất

thiết hữu bộ cách nay hơn 800 năm tại thành Xá Vệ này. Thuở bình sinh ta vốn thiết tha muốn tìm hiểu Phật Pháp, nhưng đạo đó, đạo Phật tại đây đã bắt đầu suy đồi, nên ta phải rời quê nhà đến thành Vương Xá, tu viện Na Lan Đà xin tu học. Sau ba tháng khảo nghiệm thử thách, ta được trưởng lão Tu Đề Đà La thu nhận làm xuất gia đệ tử, và cho nhập viện. Nhờ vậy, ta có cơ duyên học hỏi đủ loại kinh điển và tư tưởng của mọi tông phái Phật giáo, nhất là ngành Duy Thức, ngành mà ta vốn quý trọng đặc biệt. Một hôm có tin dữ đưa về tu viện, cho biết một đoàn quân sát máu Hồi giáo do chủ soái Mohammed Bakhtiyar Khizi lãnh đạo đang tiến về Vương Xá. Nhằm chủ trương tiêu diệt tôn giáo khác, đoàn quân này thẳng tay đốt phá kinh sách, tự viện và giết sạch không chừa một tu sĩ Phật giáo nào cả. Dù vậy, tuân phục theo lời khuyên dạy của Hội đồng Trưởng Lão : “Chuyện gì đến sẽ đến, nếu phải chết thì cũng vừa đúng lúc, không có gì phải sợ hãi cả”, hầu hết tăng chúng thường trú - trên mười ngàn người - đều giữ thái độ trầm tĩnh tu học như thường lệ ... Thế nhưng, ta cùng một số rất ít người không tán thành giải pháp đó. Chúng ta viện lẽ rằng tăng sĩ cũng có người cần phải sống cho Phật giáo mai sau được tồn tại. Vì vậy, ta đã lặng lẽ cởi áo tu sĩ, lên đến làng Kolika ẩn trốn tại nhà một nông dân, và thấp thỏm lo âu chờ đợi. Rồi diễn tiến đã xảy ra như sử sách đã ghi rõ : toàn thể tu sĩ bị tàn sát máu chảy thành sông, tu viện bị đập phá san bằng, kinh luận bị thiêu hủy cháy sáng rực cả một góc trời. Sau đó, chúng lại cần mật

bủa lưới lục soát chặt chẽ khắp nơi, không chừa hóc hẻm thôn xóm hay núi rừng nào ... để bắt giữ tất cả số tu sĩ lẻ tẻ còn sống sót đang lẩn tránh. Ta cũng sa cơ trong đợt này. Bọn nhát gan chúng ta được chiêu dụ là nếu chấp nhận từ bỏ đạo Phật, tận tụy phục vụ đạo mới thì sẽ toàn mạng, và do đó, chỉ tạm bị tập trung giam giữ để thanh lọc tư tưởng. Sống sót đến giờ phút này ta mới nhận chân rằng tà chịu chết ngay lúc đầu, có lẽ còn dễ chịu hơn trốn tránh để lãnh lấy nỗi đớn đau tủi nhục này. Vì vậy, ta thắm thề sống chết với đạo, nguyện sẽ can cường tu tập dù gặp nghịch cảnh khó khăn thế nào. Tuy nhiên, ở trại tù tập trung này, với người cùng cảnh ngộ còn không dám hở môi hướng hồ có thể lễ bái, tụng niệm kinh điển hay hành thiền. Do đó, cũng như mọi người, ta đành ngậm cầm như hến để dè nén nỗi điên cuồng cứ chực nổ tung. Chẳng biết do duyên phước nào, mà ta bỗng nhớ lời đức Thế Tôn dạy trong kinh Đại Tập (2) là trong thời mạt pháp, chỉ cần nương theo pháp môn Niệm Phật tu tập là thoát nẻo luân hồi. Ta tức thời nhứt tâm niệm lục tự Di Đà để cầu vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Ta biết thời giờ đã cấp bách, nên dứt khoát buông bỏ hết ngoại cảnh ngoại duyên, một lòng một dạ chí thành niệm Phật A Di Đà ngày đêm không ngơi nghỉ, mà không hề thấy mệt nhọc. Đến ngày thứ bảy, bọn chúng mang ta ra tra vấn. Chúng vặn hỏi ta ba lần rằng có chịu bỏ đạo Phật chẳng, mà ta vẫn im lìm miệt mài niệm Phật không trả lời, nên chúng giận đấm ta một nhát gươm ngã gục. Ta chưa chết liền, nên vẫn thều thào tiếp tục niệm Phật với

lòng thanh thản không chút hận thù. Thế rồi, bỗng nhiên ta thấy tam thánh hiện đến, rước ra về cõi Cực Lạc trung phẩm trung sanh. Nhờ tam thánh dắt dìu, chẳng bao lâu ta đắc quả vị bất thối, từ đó, ta có thể tùy theo bản nguyện độ tận chúng sanh, mà thọ hiện làm dạ thần vườn Kỳ Viên để bảo hộ vùng đất Phật nầy cho cây cỏ thêm xanh, sen thêm thắm, và khách hành hương tăng trưởng đạo tâm ...

Tôi quỳ xuống lạy người cầu xin sám hối. Khi đứng dậy thì thấy người đã từ từ rời bước, tôi vội lúp xúp chạy theo đến đầm sen. Chao ôi ! Lạ quá ! Cái đầm sen giờ đây mông mênh như biển cả, còn hoa sen cũng to lớn và đẹp đẽ phi thường. Thấy tôi mê mẩn ngắm nhìn, người lên tiếng : “Con thích giống sen này không ? Nếu thích, con hãy phát bồ đề tâm gieo hạt rồi chân thành tưới tắm bằng tín hạnh nguyện, thì lo gì chẳng có lúc nở hoa !” Dứt lời, người biến mất, đầm sen mờ nhạt ... Tôi còn đang ngẩn ngơ, thì bỗng nghe tiếng điện thoại đánh thức reo vang ...

CHIÊM BÁI VƯỜN LÂM TỶ NI

Đúng bảy giờ sáng, chúng tôi lên đường tiến về biên giới nước Nepal, một khoảng đường dài ước chừng 80 cây số đang ở trong tình trạng hư hỏng trầm trọng. Con đường nhựa biến dạng nhường chỗ cho lỗ hang ngự trị. Có những “ổ đà điều” to đến nỗi chiếc bus rống lên từng hồi chạt vật lê lét, mà có lần trượt lên trượt xuống vẫn không nhích được, thế là hành khách đành xuống xe “cuốc bộ” một khoảng ngắn. Đây là cơ hội tốt giúp tôi có lý do chánh

đáng để la cà quan sát sinh hoạt của một xóm nhỏ miền quê : Một lớp học không bàn, không ghế, tổ chức ngoài trời cho trẻ con. Dân quê chốn này nghèo xác xơ, nhà cửa tồi tàn không lành lặn thì làm sao có đủ khả năng gây dựng nổi ngôi trường tươm tất. Nhìn đám trẻ thơ ngây áo quần lôi thôi, không nón không giầy, thiếu thốn bút mực sách vở ... ngồi bẹp dước đất học hành, mà thương quá là thương !

Chúng tôi đến trạm kiểm soát biên giới vào khoảng quá trưa, nhưng phái đoàn thì đông người, mà nhân viên phụ trách chiếu khán nhập nội lại xem xét quá ư cẩn thận, thành thử chúng tôi đành phải chờ đợi rờn rã ba tiếng đồng hồ để hoàn tất thủ tục cần thiết. Do đó, mãi đến bốn giờ, chúng tôi mới đặt chân đến được vườn Lâm Tỳ Ni. Bước vào cổng, thoạt thấy một gian nhà lụp xụp tôi ngỡ là nhà kho chứa vật dụng phế thải, đến chùng tìm hiểu thì mới biết đó là nơi tạm làm đền thờ hoàng hậu Maya, đền thờ cũ đang được trùm kín lại chờ tu bổ. Phía trong đền có bức phù điêu cổ, nét chạm linh động, diễn tả cảnh hoàng hậu đang gơ tay vịn cành vô ưu và Đức Phật vừa dẫn sanh. Tôi ngậm ngùi rời chốn thờ phượng âm đạm này, để đi vào bên trong khuôn viên. Cảnh vật ở đây cũng xơ xác đìu hiu không kém. Ôi ! Lâm Tỳ Ni ngày xưa nổi tiếng là ngôi vườn tao nhã, mà ngày nay điều tàn chẳng còn có một cụm hoa. Trụ đá A Dục thì hư hoại mất đỉnh, đền Maya u ám phủ che, nền tự viện xưa rêu phong đổ nát. Có lẽ, chỉ có hồ nước tắm Phật còn gắng gượng giữ được nét nên thơ hầu cây bồ đề trợ trợ có nơi soi bóng.

Tôi phân vân tự hỏi : “Nếu không thể kiến tạo Lâm Tỳ Ni thành một ngôi vườn xinh xắn hoa lá xum xuê, thì tại sao những vị có trách nhiệm không thể trồng nổi một cây vô ưu ?” Sự hiện hữu của cây thiêng liêng này, dù sao cũng gợi lại chút hình ảnh ngày dẫn sanh, lại vừa mang lại màu xanh tươi mát cho cả khu vườn.

Rời Lâm Tỳ Ni trong niềm chua xót không nguôi, chúng tôi hấp tấp tìm đến ngôi chùa Việt Nam của thầy Huyền Diệu. Thăm được thầy, hàn huyên năm ba câu, chưa vào chùa lễ Phật thì người hướng dẫn đã hối thúc lên đường với lý do là biên giới sẽ đóng cửa đúng 7 giờ.

CHIÊM BÁI CÂU THI NA

Xe bus đưa chúng tôi trở lại Ấn Độ, nghỉ đêm tại một khách sạn rất bình dân tại tỉnh Gorakpur. Sau một đêm làm quen với dấn và chuột, chúng tôi vội vã lên đường khi trời chưa sáng. Theo lộ trình, xe bus đi ngang khu rừng cây thuộc thôn Pava để chúng tôi thoáng nhìn địa điểm mà ngày xưa Đức Phật đã nhận thọ thực lần cuối cùng, một bát cháo nắm heo rừng do người đốt than tên Thuần Đà (Chunda) dâng cúng ; rồi tiếp tục đi đến làng Câu Thi Na (Kushinagar), nghỉ ngơi tại khách sạn Lotus Nikko. Từ đây cách thánh tích Đức Phật nhập Niết Bàn chỉ độ chừng năm trăm thước, nên chỉ vài giờ sau, chúng tôi đã sẵn sàng đến nơi để khởi đầu cho một ngày chiêm bái. Khu vườn này tương đối được chăm sóc khá tốt, cây cảnh xanh tươi .., ngoài ra một ngôi đại tháp, một ngôi chùa cũng được trùng tu theo mô hình xưa, nên toàn khuôn viên có vẻ

đẹp vừa trang nghiêm vừa cổ kính. Có điều lạ, là cảnh tuy đẹp nhưng bầu không khí ở đây lại buồn tênh âm đạm lạ lùng. Có lẽ cái buồn tự ngàn xưa vẫn còn lẩn khuất đâu đây. Tự nhiên, ai ai cũng trầm lặng, từng bước theo nhau vào chùa Niết Bàn để hành lễ và chiêm ngưỡng tượng Phật nhập diệt - tượng dài 6 thước, đầu hướng về phía Bắc, mặt nghiêng về hướng Tây ; đây là một tuyệt tác điêu khắc từ thời đại Gupta, đã tồn tại một cách nhiệm mầu dưới những lớp gạch vụn. Tham dự nghi lễ trang nghiêm, chấp tay đi nhiễu quanh pho tượng Phật linh động như hiện thực, chúng tôi ai cũng xúc động, nhiều vị đã đầm đìa giọt lệ. Rồi ngôi chùa cổ kính, tôi chiêm ngưỡng ngôi đại bảo tháp hùng vĩ, rồi trầm ngâm ngắm hai cây sa la còn sót lại tại địa điểm Phật thị tịch ngày xưa. Ngày xưa chốn này là rừng sa la, vào thời Ngài Huyền Trang chiêm bái chỉ còn bốn cây, đến giờ này mà vẫn tồn tại hai cây là quý giá vô song rồi. Sa la là loại cây một gốc hai thân vì từ một thân cây tẽ ra hai nhánh đồng nhau, trông như hai cây mọc sát bên nhau nên gọi là sa la, dịch nghĩa là song thọ. Hai cây sa la này đều mang đúng nghĩa song thọ, đẹp nhất là cây hướng Đông Nam có ra hai nhánh rất tương xứng, ở xa nhìn cứ như là hai cây. Tôi bỗng nhớ đến truyền thuyết rằng ngày xưa khi Đức Phật thị tịch giữa bốn cây sa la song thọ, thì bốn cây sa la này một thân vẫn tươi tốt nở hoa, con thân kia thì khô héo tàn tạ ; thân tươi rụng hoa, thân héo rụng lá phủ lên kim thân của Ngài. Bốn thân tươi tượng trưng cho thường lạc ngã tịnh và bốn thân héo tượng trưng cho vô

thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Tôi thâm nghĩ chính cái vô thường chuyển biến mới tỏ rạng nghĩa chân thường, thì ra, tương tự như cây sa la thường và vô thường tuy hai mà một, tuy một mà hai.

Rời thánh tích Phật nhập Niết Bàn, phái đoàn ghé thăm chùa Linh Sơn, do sư cô Trí Thuận trụ trì. Đi đến xứ lạ, gặp được chùa Việt, nói tiếng Việt “thả dàn”, lại được sư cô đãi cho tô mì gói rau muống, nên ai nấy đều cảm thấy vui vẻ hả hê.

Từ giã chùa Linh Sơn, phái đoàn đi chiêm bái địa điểm làm lễ trà tỳ nhục thân Đức Phật. Thánh tích được người xưa đánh dấu bằng một ngôi tháp vĩ đại. Ngày nay, tuy phần đỉnh đã bị thời gian soi mòn nhưng tháp vẫn còn tồn tại và được bảo quản thành một công viên có cây cảnh tươi đẹp. Phái đoàn đến trước bảo tháp hành lễ giữa cơn nắng diên đại ban trưa. Cơn nắng chói chang hôm ấy có lẽ còn được cộng thêm bởi sức nóng của lò thiêu năm xưa vọng lại nên có độ nóng thật kinh khủng, do đó, dù cố gắng hết sức, sau hai mươi phút chịu đựng, tôi bắt đầu giải đãi mong cho chóng xong. Ra về, leo lên xe máy lạnh tôi khỏe ra, nhưng từ lúc đó thì niềm hổ thẹn cứ canh cánh bên lòng. Trong khi trần trọc đổ giấc ngủ, bỗng nhiên tôi tưởng tượng ra hình ảnh Đức Phật, đầu trần, chân đất, áo mong manh ... đang từ tốn bước từng bước dưới cơn nắng thiêu đốt, không phải chỉ một giờ, một ngày, mà đã bền bỉ liên tục từ năm này đến năm khác .., cho đến ngày cuối cùng trên cuộc đời. Ôi ! Đức Thế Tôn thật là hy hữu ! Lòng nhân từ của Đức Thế Tôn không ngăn mé, nên người đã chọn đời

ngũ trước ác thế của cõi Ta Ba để thi hiện tu tập thành tựu đạo quả, rồi lại cũng vì chúng sanh mà chịu vô vàn khổ cực để hoằng hóa cứu độ. Nghĩ đến đây, tôi vừa cảm phục, vừa thương ... tự nhiên nước mắt bỗng lưng tròng ...

VIẾNG TỶ XÁ LY (VAISHALI)

Rời Cầu Thi Na, trên đường đi về thành phố Patna, phái đoàn chiêm bái trụ đá vua A Dục tại Tỳ xá Ly. Trong cảnh tượng hoang tàn của những nền móng chùa tháp đổ nát, trụ đá A Dục với tượng sư tử nguyên vẹn trên đỉnh, vẫn sừng sững thách đố với thời gian. Sự tồn tại này đối với niềm tin của tôi là một sự kiện nhiệm mầu nhằm chuyên chở một ý nghĩa thiêng liêng nào đó. Trụ đá A Dục chỉ đặt ở những nơi có một tầm mức quan trọng, nhưng đến giờ chưa có tài liệu nào xác định được chốn này. Theo một tài liệu cho biết thì nơi Đức Phật thuyết pháp kinh Duy Ma là một cái tháp tọa lạc ở Tây Bắc Tỳ xá Ly. Vị trí trụ đá A Dục cũng ở Tây Bắc và kinh Duy Ma có một tầm quan trọng trong việc phát triển Phật giáo đại thừa. Như vậy hai nơi này có phải là một chăng? Đây là câu hỏi cứ lẩn quẩn trong đầu tôi lúc đó.

Tiếp tục cuộc hành trình, phái đoàn đến chiêm bái tháp chứa xá lợi Đức Phật. Đây là ngôi tháp do vị lãnh đạo đất nước này xây dựng sau khi được chia 1/8 xá lợi; phần lớn xá lợi đã được vua A Dục cho lệnh lấy ra chia cho tám mươi bốn ngàn tháp nhỏ rải rác khắp Ấn Độ. Ngày nay, tháp được bảo quản như một công viên, cây cảnh xinh đẹp, xá lợi còn lại trong tháp cũng được rào khóa

kỹ, nên chúng tôi chỉ lễ bái từ xa, chớ không thể chiêm ngưỡng được.

(tiếp theo)



Thơ Vương Đăng

Hình ảnh vùng quê miền Nam

*Tôi nhớ đồng xanh nhuộm nắng vàng ;
Nhớ người con gái mắt hoang mang ;
Nhớ con đò đỏ bên sông chợ ;
Nhớ gánh hàng rong dạo khắp làng.*



*Tôi nhớ vườn cây thơm trái ngọt ;
Nhớ cành dương liễu tóc lơ thơ ;
Nhớ căn nhà lá um tùm khói ;
Nhớ chiếc xe lôi giữa bụi mờ.*



*Tôi nhớ lão bà miệng móm mém ;
Nhớ anh làm rẫy tướng hiên ngang ;
Nhớ cô thôn nữ bên chòm lá ;
Nhớ trống chiêng khua buổi hội làng.*



*Nhớ những ngày vui theo gió cuốn ;
Nhớ khung trời ngọc đã xa xôi ;
Nhớ người yêu dấu đời thoi thóp ;
Tôi nhớ miền Nam - tôi nhớ tôi.*



TRONG NÚI VỐN KHÔNG CÓ PHẬT ...

Hiện nay khi nói về đạo Phật, người Âu Mỹ nghĩ ngay đến hình ảnh đức Đạt Lai Lạt Ma và Phật giáo Tây Tạng. Thậm chí những quảng cáo thương mại, người ta cũng dùng đến hình ảnh Phật giáo Tây Tạng cho dễ lôi cuốn khán thính giả. Gần đây những bộ phim như "Little Buddha" (*Đức Phật nhỏ*) "Seven years in Tibet" (*Bảy năm ở Tây Tạng*) ... được phổ biến trên hệ thống phim ảnh quốc tế càng làm cho dân chúng Tây phương không còn xa lạ nhiều với Phật giáo và Phật giáo Tây Tạng.

Lùi lại khoảng 20 năm về trước, Phật giáo Nhật Bản và Tích Lan được nói đến và nghiên cứu học hỏi nhiều hơn. Chữ "Zen" mà phần đông người Âu Mỹ biết đến là chữ "Thiền" phát âm theo tiếng Nhật. Những Zen Center (*Trung tâm tu Thiền*) được xây dựng nhiều nơi ở các xứ phương tây trong những thập niên 60,70, chính là nhờ ảnh hưởng của Phật giáo Nhật Bản và Tích Lan đem lại.

Với người Phật tử Việt Nam, từ trước đến nay, khi nghiên cứu về giáo lý, thường tìm về hai mạch nguồn. Một nguồn là Phật giáo Bắc Truyền từ Trung Quốc, Tam tạng Kinh điển chữ Phạn hầu hết được dịch ra chữ Hán, cho đến những giáo lý truyền thừa, những bài kệ đạt đạo đều do chư Tổ Sư Trung Hoa soi sáng hướng dẫn. Chẳng hạn Thiền của Lục Tổ Huệ Năng. Tịnh do các ngài Huệ

Viễn, Ấn Quang. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đến đời Thiên Thai Trí Giả Đại Sư được truyền đạt và hệ thống hóa một cách tinh vi, khúc chiết. Nguồn thứ hai, đó là Phật giáo Nam truyền theo hệ thống Kinh điển Pali của Phật giáo các nước Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan ... Tam Tạng Pali được dịch ra tiếng Việt tương đối khá đầy đủ và sớm tạo điều kiện dễ dàng cho việc nghiên cứu, truyền thừa ...

Gần đây, với phong trào Phật giáo Tây Tạng được phổ biến rộng rãi, người Phật tử Việt Nam lại có cơ hội hấp thụ thêm một nguồn thứ ba. Đó là những sách vở Kinh điển theo hệ thống Kim Cang thừa Tây Tạng. Những bản dịch Việt xuyên qua các tác phẩm Pháp, Anh hay Đức ngữ. Hơn thế nữa, nhiều người còn có cơ duyên học hỏi trực tiếp với các bậc đạo sư Tây Tạng nên lãnh hội được nhiều điều mới lạ hữu ích.

Nhưng, gần như một thiếu sót to lớn, nếu người Phật tử Việt Nam mà không biết về Phật giáo Việt Nam, giáo lý cũng như lịch sử truyền thừa, khi mà Phật giáo đã có mặt ở Việt Nam hơn mười tám thế kỷ (*nếu ta lấy dấu mốc năm 189 sau tây lịch với Mậu tử lý hoặc luận*).

Thậm chí, có người còn nói : Phật giáo Việt Nam chẳng có gì đặc biệt ! Nếu không có gì đặc biệt thì làm sao có thể tồn tại qua 1800 năm. Nhất là một đất nước luôn luôn bị sức ép nặng nề về chính trị, quân sự cũng như văn hóa kinh tế từ một nước lớn phương bắc hơn cả ngàn năm cũng như từ những nước phương tây trong 200 năm trở lại đây. Thế mà đất nước cũng như dân tộc Việt Nam vẫn còn tồn tại với những đặc thù văn hóa của riêng mình mặc dầu đã

phải gánh chịu những đổ vỡ, mất mát to lớn.

Tất cả những bộ tộc Việt trong nhóm Bách Việt đã trở thành dân các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam ... của Trung Quốc. Chỉ riêng có bộ tộc Âu Việt không bị đồng hóa, luôn luôn khéo léo đề kháng, gìn giữ và phát huy về phương Nam để còn lại ngày nay thành đất nước và dân tộc Việt Nam. Nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Phật giáo Việt Nam, người ta sẽ tìm ra phần nào câu giải đáp trên. Rất tiếc bao nhiêu tư liệu về lịch sử và Phật giáo Việt Nam đã bị phá hủy, tiêu diệt qua các thời kỳ bị đô hộ, bị xâm lăng nên rất khó tìm lại đầy đủ. Tuy nhiên, qua những mảnh còn sót lại, người ta có thể đoán được phần lớn sự thật của lịch sử. Như một nhà khảo cổ, chỉ cần tìm được một mảnh vỡ, anh ta có thể tạo dựng lại được hình ảnh gần như nguyên vẹn 100% của một món đồ cổ đã bị bể nát.

Trở lại vấn đề lịch sử Phật giáo Việt Nam, lần này, trong phạm vi hạn hẹp của bản tin, chúng tôi muốn giới thiệu một nhân vật vừa là một nhà chính trị, một người cầm quân vừa là một thiền sư và cũng là một nhà truyền bá giáo lý cho đại chúng với tất cả phương thức cụ thể từ thấp lên cao, nhưng không xa rời mục đích tối thượng là đạt đến “tánh giác thanh tịnh” hay “pháp tánh như như”...

“... Phật không có Nam Bắc, mọi người đều có thể tu cầu. Tánh có trí ngu, đồng sẵn giác ngộ. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê để sáng tỏ đường tắt sanh tử là kinh điển của đức Phật chúng ta. Đạt mực thước cho đời, làm mô

phạm cho người sau là trọng trách của bậc Thánh trước (Tổ) ...

(tựa Thiền Tông chỉ nam)

... Pháp tánh như như, không có niệm lự chùng mảy tóc. Chơn nguyên trong lặng, xưa nay bất cả bụi nhỏ. Bởi chợt khởi vọng duyên, hiện thành thân huyễn. Chạy theo nghiệp thức, quên mất hạt minh châu, tan nát gia tài, sáu căn ham mê tham dục. Nếu có thu nhận tịch pháp ắt hay tẩy sạch vọng trần. Phát tâm bình đẳng nhất chơn, lễ thể pháp thân vô tướng ...

(tựa Bình Đăng Sám Hối)

... Bởi chúng sanh đã lâu, huân nhiễm nghiệp tập khẩn chặt, tuy có thần thức mà bị sóng gió tư kiến lay động, kẻ buông lung hạnh nhiếp che đậy chẳng phải không, người xoay huệ quang soi sáng rất ít. Bèn khiến bốn phương đổi chỗ, mơ màng hưởng vẻ, lối tế đã sai đường chánh thành nhiều ngõ. Bản giác thủy giác đâu rành, chơn tâm, vọng tâm khó phân biệt. Vàng ròng lẫn trong chất quặng, trăng sáng cùng bụi hiện chung. Cố hương, làm về chốn nào? Diện mục, quên mất bản lai. Trên đường Niết Bàn rất khó tiến lên, hang ổ sanh tử chui vào có lúc ...

(tựa Kinh Kim Cang Tam Muội).

Đọc qua những đoạn trên đây người ta có cảm tưởng như là một vị tổ sư nào đó đang dạy bảo đồ chúng. Hay ít nữa cũng vào bậc xuất gia thoát tục, thâm nhập giáo lý thượng thừa. Nhưng không, đây là lời của một cư sĩ tại gia. Hay đúng hơn là lời của vua Trần Thái Tông (1218-1277), vị vua đầu tiên của nhà Trần qua các tác phẩm của vua còn sót lại.

Vua Trần Thái Tông, tên thật Trần Cảnh, con thứ của Trần Thừa, sinh năm Mậu Dần (1218) tại làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định tức Hà Nam Ninh ngày nay. Ông cha làm nghề đánh cá. Nhờ có công dẹp loạn, họ Trần dần dần có thế lực từ đời vua Lý Cao Tông. Khi Trần Cảnh 8 tuổi được đưa vào cung. Vua Lý Chiêu Hoàng nhận làm chồng và truyền ngôi cho, lấy hiệu là Thái Tông. Tất cả đều do âm mưu sắp xếp của ông chú là Trần Thủ Độ. Năm Thái Tông 20 tuổi, vì hoàng hậu không có con, nên Trần Thủ Độ ép Thái Tông giáng Chiêu Hoàng xuống làm công chúa để lấy bà chị dâu (vợ Trần Liễu, anh ruột Thái Tông) là Thuận Thiên công chúa lúc ấy đang mang thai.

Sự việc này làm cho vua Thái Tông buồn khổ, ray rức bất an. Nên vào giữa đêm mùng 3 tháng 4 năm 1236, vua lén bỏ ngai vàng trốn lên núi Yên Tử xin xuất gia học đạo giải thoát. Nhưng ước muốn không thành, vì Trần Thủ Độ nghe tin liền đem các quan lên núi khẩn thiết tìm mọi cách đón vua về kinh. Bất đắc dĩ, vua Thái Tông phải trở về Thăng Long theo lời khuyên của quốc sư Trúc Lâm lúc ấy :

“... trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chơn Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài...”

“... Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về, bệ hạ không về sao được. Song phần nghiên cứu nội điển, mong bệ hạ đừng

xao lãng ...”

(tựa Thiên Tông Chỉ Nam)

Xem thế đủ biết vua Trần Thái Tông phải sống trong trái cảnh, nghịch lòng. Nhưng nhà vua phải làm sao hoàn thành trách nhiệm của một người cai trị đất nước. Và của một Phật tử nghiên cứu, thâm hiểu đạo Thiên để áp dụng vào đời sống bản thân và truyền bá vào quần chúng xã hội.

Qua các bài Tựa Thiên Tông Chỉ Nam và Kim Cang Tam Muội Kinh chú giải được trích dẫn ở trên cho thấy sự thâm nhập và kiến giải của Vua Trần Thái Tông nào có khác gì Chư vị Thiên sư đạt đạo đương thời. Và qua lịch sử, Vua Trần Thái Tông đã chứng minh là một người đặt nền tảng vững chắc về chính trị, văn hóa đạo đức cho triều đại nhà Trần sau này.

Đến khi có quân Mông Cổ sang đánh nước ta lần thứ nhất năm 1257, vua thân chinh cầm quân xông vào trận địa, đem chiến thắng đều tiên về cho đất nước. Một ông vua vừa đạo đức vừa anh hùng được các sử gia đời sau ghi lại :

“... Tháng 12 năm Đinh Tỵ (1257) tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp kéo quân từ Vân Nam xâm phạm đến địa phận sông Thao nước ta. Nhà vua làm tướng ra đốc chiến, tự đi dẫn đầu xông vào lần tên mũi đạn ...”

“...Nhà vua cùng Thái tử lại tiến quân đến Đông bộ đầu đánh Mông Cổ thu được toàn thắng. Quân Mông Cổ rút lui. Khi rút đến trại Quy Hòa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Mán đánh úp lại thắng một trận lớn ...”

(Việt sử thông giám Cương Mục

Sau khi đánh thắng quân Nguyên, đất nước thanh bình, vua Thái Tông nhường ngôi cho con là Thánh Tông năm 1258 để tên làm Thái Thượng Hoàng. Từ đây Thái Tông vừa làm cố vấn cho con trong việc trị nước vừa nghiên cứu tu thiền, truyền bá đạo pháp. Vua lui về lập am Thái Vi ở rừng núi Vĩ Lâm tại cố đô Hoa-Lư để tu hành.

Trong thời gian còn trị vì, lợi dụng thì giờ rảnh rảnh, nghiên cứu nội điển vua đã soạn ra Khoa nghi Sám hối cho hàng Phật tử và xiển dương pháp môn Niệm Phật cho đại đa số quần chúng Việt Nam lúc bấy giờ.

... Tiện việc đi lại dưới sông trên bộ, là nhờ xe, thuyền ; tẩy sạch bụi nhơ nơi thân, tâm, là do sám hối. Muốn tẩy sạch thân tâm mà không dùng sám hối, khác nào muốn tiện lợi qua lại mà chẳng dùng xe, thuyền. Thế mới biết công dụng sám hối rất là to. Cho nên Kinh Đại Tập nói :“Như áo nhơ hàng trăm năm, có thể trong một ngày giặt được sạch sẽ. Như thế, trong trăm ngàn kiếp đã tích tập các nghiệp chẳng lành, do nhờ lực Phật, khéo thuận tư duy, có thể trong một ngày hay một giờ, trọn hay tiêu diệt”.

Và lại, chúng sanh từ trước đến nay tánh giác thanh tịnh tròn sáng, trong trẻo như hư không chẳng có mây bụi. Do bợn vọng chợt dậy, cõi uest hiện thành, năng và sở nương nhau, Phật với chúng sanh thấy hai. Căn tánh sai biệt, ngu trí phân chia, chỉ cho một cửa, khó được ngộ nhập. Vì thế, đức Phật chúng ta trí nguyện rộng lớn, mở cửa phương tiện, tùy lối chỉ đường về, đúng bệnh cho thuốc. Biết huyền cấu của chúng sanh từ

vọng mà sanh, khuyên họ một niệm kính thành quy y sám hối. Khiến tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa. Gió yên thì sóng lặng, bụi sạch thì gương sáng. Sao thế ? Vì trước khởi tâm ác, như mây che mặt trăng, sau sanh tâm thiện, như đuốc sáng tan bóng tối. Ôi ! Công dụng sám hối lớn lao há chẳng vậy sao ?

Trẫm nhờ quyền thuộc nhà trời, ở ngôi chí tôn, nên việc dân gian, quốc chính phiền rộn. Phồn hoa dụ dỗ bên ngoài, thị dục mê hoặc bên trong. Miệng thì chán ngán vị ngon, thân phải đeo mang vàng ngọc. Thấy đeo đuổi theo thình sắc, ở ăn toàn chốn gác dài. Lại nữa, thói đời khinh bạc, nhân pháp suy vi, học giả mù độn, căn lành kém mỏng. Ngày thì căn, trần va chạm, lưới nghiệp kéo lôi ; đêm thì mê ngủ che đậy, dây lưới trói buộc. Ngày đêm dính mắc, đầu không phải là lỗi chuốc họa gây thù. Trẫm vì lẽ đó, ôm ấp trong lòng, thương cảm xen lẫn, quên ăn mất ngủ. Nhân khi việc triều rãnh rãi, xem khắp Kinh, Luận và các văn nghi lễ, tuyển chọn pháp có được tự lợi lợi tha, dùng để chỉ dạy cho người. Trăn trở suy đi nghĩ lại, xưa tạo nghiệp trọn do căn. Vì thế đức Phật Thích Ca khi chưa thành đạo, trước vào núi Tuyết sáu năm tu khổ hạnh, là do sáu căn đó vậy. Phỏng theo ý ấy, lấy sáu căn phân làm sáu thời, mỗi thời lễ sám 1 căn. Chính trẫm chế nghi sám hối này, gọi là “Khoa nghi sáu thời lễ Phật sám hối”.

(Tựa Khoa Nghi Sáu Thời Sám Hối).

Đây là Khoa Nghi Sám Hối đặc biệt do vua Trần Thái Tông soạn ra để sám hối sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Theo nhà vua, chỉ vì dính mắc sáu

căn mà con người tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp ác ở đời. Như mắt mê sắc đẹp, tai thích tiếng hay, lưỡi ưa món ngon ... Vì thế mà đuổi theo và tạo nghiệp ... Ngài soạn ra sáu thời, chia ra từ sáng sớm đến cuối đêm để mọi người hành trì sám hối “*khiến tâm thanh tịnh, trong sạch như xưa, gió yên thì sóng lặng bụi sạch thì gương sáng*”, còn người tu học đâu có theo pháp môn cao cấp bao nhiêu mà không thực hành sám hối thì nhà vua ví rằng chẳng khác nào “*muốn tiện lợi, qua lại mà chẳng dùng xe, thuyền*” Rõ ràng thực tế và xác đáng biết bao.

Tiếp đến, vua Thái Tông kêu gọi dân chúng nên áp dụng pháp môn Niệm Phật. Ngài nói :

“... Phàm niệm Phật là do tâm khởi. Tâm khởi thiện là niệm Thiện. Khởi niệm thiện thì nghiệp báo thiện. Tâm khởi ác là niệm ác, sanh nghiệp ác thì ứng nghiệp ác. Như gương hiện ảnh, tựa bóng theo hình. Cho nên Thiền sư Vĩnh Gia nói ‘Ai vô niệm, ai vô sanh’ là nghĩa này vậy”.

(Luận về Niệm Phật)

Đời nay có người nghĩ rằng : Người tu thiền thì không thể thực hiện phương pháp Niệm Phật. Cho Niệm Phật là ý lại, cầu tha lực, tìm Phật bên ngoài, trái với con đường của đạo thiền. Nhưng vua Trần Thái Tông, qua một số phát biểu còn lưu lại về “Pháp tánh như như” chứng tỏ Ngài đã đạt đến một mức độ siêu việt về thiền. Thế mà khi nghĩ về con đường áp dụng cho đại đa số quần chúng, Ngài đã không ngần ngại vạch ra phương pháp Niệm Phật. Về pháp môn niệm Phật này, vua Trần Thái Tông chia

làm ba trình độ để áp dụng.

“... Bậc thượng trí thì tâm tức là Phật, chẳng nhờ tu thêm. Niệm tức là trần, chẳng cho một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên gọi như như bất động, tức là thân Phật. Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng. Tướng tướng không hai, lặng lẽ thường còn, còn mà chẳng biết, đó là Phật sống.

Bậc trung trí ắt nương Niệm Phật. Chú ý chuyên cần, niệm niệm chẳng quên, tự tâm thuần thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu, chỉ còn niệm thiện. Do niệm là ý niệm, nên niệm niệm diệt đó. Khi niệm diệt ắt về chánh đạo. Lúc mạng chung được vui Niết Bàn - thường lạc ngã tịnh - là Phật đạo vậy.

Bậc hạ trí thì miệng siêng niệm lời Phật, tâm muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sanh về nước Phật. Ngày đêm siêng năng tu hành, không có thói chuyển. Sau khi mạng chung, tùy niệm thiện đó được sanh về nước Phật. Sau được chư Phật dạy bảo chánh pháp, chứng được Bồ đề, cùng vào quả Phật.

Ba bậc trên sâu cạn chẳng đồng, chỗ được là một vậy. Song bậc thượng trí nói thì dễ mà hành thì khó. Người thời nay muốn theo gương học, toàn không có chỗ gá nương, trọn trông bờ rồi lui, rất khó đặt chân. Bậc trung trí nếu hay siêng tu như lời nói ở trên thì tức khắc thành Phật. Nếu như lậu chưa hết mà lâm chung, tùy quả báo kia trở lại thọ sanh ở đời, nhận quả báo thiện. Quả báo thiện đã hết, không có người đánh thức, trở lại rơi vào đường ác. Như thế đó cũng là khó vậy. Bậc hạ trí lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tấn làm cây thang,

chú ý duyên lành, nguyện sanh về nước Phật. Siêng năng không lười biếng, tâm tánh thuần thực, sau khi mạng chung, tùy theo sở nguyện, được sanh về nước Phật. Đã sanh về nước Phật, thân đó không bao giờ mất”.

(Luận về Niệm Phật)

Trong 3 bậc thượng, trung, hạ, nhà vua phân tích so sánh kỹ lưỡng rồi cuối cùng khuyến khích nên áp dụng bậc thấp nhất mà ngài quả quyết cho rằng “đã sanh về nước Phật, thân đó không bao giờ mất”.

Qua những chứng liệu kể trên, cho ta thấy rằng đời Trần, mà cụ thể là vua Trần Thái Tông, tinh thần thiền tông rất cao, nhưng lại bao dung và phổ cập. Bao dung ở chỗ không độc tôn, độc quyền, mà dung hợp được với tất cả pháp môn. Pháp môn nào cũng có thể áp dụng được không có chỗ chống trái. Kể cả Khổng giáo, Lão giáo (theo vua Trần Thái Tông trong các bài tựa Thiền Tông Chỉ Nam và tựa Kim Cang Tam Muội) cũng có khuynh hướng đồng hành để cùng đứng về một phía. Chính điểm này là nhân tố chính đưa đến chủ trương Tam Giáo Đồng Nguyên, nổi bật trong thời đại nhà Trần.

Phổ cập ở chỗ không phải chỉ có giới thượng lưu trí thức mới có thể học hỏi áp dụng đạo pháp mà tất cả mọi người trong xã hội đều có khả năng học hỏi tu tập theo pháp môn Sám Hối và Niệm Phật. Sức mạnh không phải ở chỗ một người làm hay mà là mọi người có thể cùng thực hành một việc. Phải chăng đây cũng là một điểm đặc biệt nữa trong đạo Thiền của vua Trần Thái Tông ?

Cũng nên nhắc lại thời điểm của

vua Trần Thái Tông (1218-1277) là thời nhà Nguyên Mông Cổ cai trị toàn cõi Trung Quốc và mở rộng chiến tranh xâm lược ra khắp Trung Á đến Châu Âu. Phật giáo Trung Quốc trong thời này gần như ngưng đọng tiềm ẩn nhường chỗ cho Lạt Ma giáo (Phật giáo Mông Cổ) tràn vào Trung Nguyên được các vua chúa nhà Nguyên hỗ trợ. Điều này cho thấy Phật giáo thời Trần hay Thiền học của vua Trần Thái Tông, qua phong thái đạt đạo và hành xử như trên, đã chứng tỏ một sắc thái riêng biệt độc lập không tùy thuộc, không sao chép lại một hệ Phật giáo nào, mặc dù Phật giáo Việt Nam trước và sau vẫn luôn luôn tiếp thu nhẹ nhàng các tư trào Phật học từ các nước xung quanh.

Tác phẩm của vua Trần Thái Tông để lại theo thư tịch thì nhiều, nhưng trên thực tế, còn rất ít :

1. Thiền Tông Chỉ Nam. (chỉ còn bài tựa)
2. Kim Cương Tam Muội Kinh chú giải. (chỉ còn bài tựa)
3. Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi.
4. Bình Đăng Lễ Sám Văn (chỉ còn bài tựa)
5. Khóa Hư Lục.
6. Thi Tập.

Kết luận về con đường trị nước và hành đạo của Vua Trần Thái Tông, nhiều sử gia thời ấy cũng như sau này đã phê phán rất nhiều. Như An Nam Chí Lược của Lê Tác, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên, Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sĩ, Lịch Triều Hiến Chương Việt Sử Thông Giám Cương Mục của Phan Huy Chú. Hầu hết đều khen ngợi Vua Trần Thái Tông là “khoan dung

nhân từ, đại độ, có cái lượng của bậc đế vương cho nên có thể khai sáng nghiệp lớn ... (An Nam Chí Lược). "Vua là người khoan nhân có độ lượng đế vương, lập ra chế độ điển chương đã văn minh đáng khen ..." (Việt Sử Tiêu Án).

Về mặt hành đạo, các sách sử Phật giáo sau này đều cùng một ý phê phán Vua Trần Thái Tông là một ông vua thiên sư một nhà thực tiễn sư phạm, tìm cách dắt dẫn mọi người tu Phật, đồng thời là một nhà lý luận có những trình bày sâu sắc về đạo lý, một người biết dung hòa giữa đốn và tiệm phối hợp giữa Thiên và Tịnh, để tìm ra một lối đi thích nghi với hoàn cảnh xã hội Việt Nam lúc ấy (cũng như sau này), như Ngài viết trong bài khải bạch lễ Sám Hối cuối đêm "Hãy nhìn Tịnh độ trước mắt, nhận ra Di Đà trong tâm".

Về phần con cháu nhà Trần luôn luôn tiếp nối sự nghiệp của tiền nhân như các Vua Thánh Tông (1258-1278), nhất là Nhân Tông (1279-1293) đã xuất gia sau khi nhường ngôi để trở thành đệ nhứt tổ Điều Ngự Giác Hoàng của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đến đời vua Trần Dụ Tông (1341-1369) đã có một bài thơ xưng tụng công đức vua Trần Thái Tông như sau :

*Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông
Bỉ xưng Trinh quán, ngã Nguyên Phong
Kiến Thành Chu tử, An sinh tại
Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng.*

(Nghĩa là : Nhà Đường bên Tàu và nhà Trần, Việt Nam mở nước, có hai vua đồng hiệu Thái Tông. Nhà Đường có niên hiệu Trinh Quán, nhà Trần có niên hiệu Nguyên Phong. Nhưng Kiến Thành, anh vua Thái Tông bên Tàu nổi loạn thì

bị giết. Còn An Sinh Vương, tức Trần Liễu, anh vua Thái Tông nhà Trần cũng làm loạn, thì được tha tội và còn sống. Cho nên Miếu hiệu hai bên tuy giống nhau (Thái Tông) nhưng đức độ thì 2 ông vua không giống nhau).

Phải chăng đây cũng là một điểm độc sáng hơn nữa, ít thấy trong lịch sử. Chỉ có dưới đời nhà Trần và riêng với Trần Thái Tông. Giữa đạo pháp và con người, giữa con người với lối hành xử, nhiếp hóa đặc biệt như vậy không thể gọi là một trường hợp thường tình do ảnh hưởng hay áp lực xung quanh mà có. Nếu đặt vào trường hợp của Trung Quốc, Tây Tạng chắc đã được xưng tụng bằng nhiều danh hiệu siêu đẳng hơn ?

Trích Bản Tin Khánh Anh

THƠ Huyền Minh

hỏi Người tỉnh chùa

*Hoàng hôn xuống tận chân trời
Xa xa đồng vọng những lời thở than
Kiếp người theo bóng thời gian
Chúng sanh vô định lang thang luân hồi
Sáu đường ba nẻo nổi trôi
Sầu thương lấp cả tiếng cười
Hỏi ai đã tỉnh những lời Phật xưa ?*



*Xuân về lòng những xót thương
Thiên tai nhân họa vô lượng khổ dân
Cúi đầu khẩn nguyện thánh thần
Hộ trì dân Việt Lý Trần ngàn xưa.*

Thơ Thúy Trúc

Ngôi Nhà Làm Bằng Thơ

Nhà Vân Tập làm bằng thơ

Mái bằng thơ

Tường bằng thơ

Những cánh hoa xanh vàng trắng tím
cũng bằng thơ

Thơ Tình

Thơ Đạo

Đêm đêm thơ đi dạo với trăng sao

*
* *

Cổng ra vào

Hương thơ ngào ngạt

Bình minh dậy

Chào nắng sớm

Thơ vui đùa ca hát

*
* *

Chim bạch hạc

Chích chòe oanh yến

Từ xa đến

Đậu trên ngôi nhà xây đắp bằng thơ

*
* *

Xuân về

Cỏ mọc lên

Mọc lên những bài thơ lú nhú

Long lanh như sương mai

Kết thành vương miện

Mẹ cài trên mái tóc con thơ

*
* *

Bao giờ nhỉ

Bài thơ chín trên ngọn dừa Xiêm

Lá buông dài như lá từ bi

Đọt cây cao như cây nhãn nhục

Lắc lư CƯỜI theo ngọn gió đông đưa

Bên song cửa

Lá trúc vờn mây

Kêu chị hằng nhuộm màu chiếc gối

Nửa đêm thức dậy

*
* *

GIƯỜNG thơ la lối

Cho em yên nào

Để dệt gấm thêu hoa

Trang hoàng ngôi nhà tình ái

Thành những bài thơ

Thất ngôn tứ tuyệt

Lục bát Đường thi

Bài thơ thanh thản như mặt nước hồ thu

*
* *

Ngày đoàn tụ

Hoàng Long Nhật Trí

Phi Hà Uyên Quang

Vân Tập LÀM bài thơ huy hoàng

Tặng em

Mong tỏ lòng ưu ái

*
* *

Mai đây nhé

Những người bạn đến thăm

Ra về lòng lâng lâng

Giữ bài thơ trong túi

Thơ làm bằng gạch ngói

Và những đóa tình thương

Sáng Mùa Xuân

Sáng xuân nhìn ra cửa

Bướm đùa hàng dâu thưa

Hoa cười trên nắng sớm

An nhiên vông đong đưa.

KHAI BÚT

Đầu Xuân Kỷ Mão 1999
Diệu Nga

Sau khi cúng Giao thừa, cả nhà đều đi ngủ, chỉ ông Hai Cửu còn thức. Mặc dù Mỹ, đêm Giao thừa thiếu không khí thiêng liêng, thiếu tiếng pháo đi đùng đùng nhưng ông cũng khá hài lòng với sự chu đáo của vợ chồng Công, nhất là con dâu quý hóa của ông, nó sấm sửa không thiếu món gì.

Bàn thờ Phật trông ra vẻ tết lắm với chậu mai vàng tươi tốt, tuy nhỏ nhưng đầy nụ. Mai thật chớ không phải mai nylon đâu. Hôm đi chợ hoa ở khu Lion, hai đứa thấy ông cứ đứng tần ngần bên hàng mai nên bàn nhau mua về tặng ông đồng thời cũng để lấy hên cho năm mới.

Ông cảm động vì sự hiếu thảo của con cái, để tự ý chúng làm chớ ông cũng có khả năng mua được. Tiền già lãnh hàng tháng, ông phụ con phân nửa tiền mượn nhà - Công chẳng giàu có gì với đồng lương thợ sơn - còn mấy trăm ông xài dư dả lại có khả năng cúng chùa, bố thí, làm việc phước thiện.

Ông Cửu hay làm việc nghĩa, thích giúp người hoặc bố thí ; một phần do thói quen, một phần khác là để tưởng nhớ người vợ hiền đã khuất núi, một mẫu người đức hạnh, từ tâm hiếm có, đã từng hướng dẫn khuyến khích ông trong các việc làm từ thiện.

Vợ ông từ nhỏ đến lớn đã sống trong nhung lụa, có lắm kẻ hầu người hạ nhưng không bao giờ khinh rẻ, chê bai

ai khiến chung quanh mọi người đều thương yêu, quý trọng.

Có lẽ vì tâm hồn bà rộng rãi, hiền từ, bao dung như thế nên bà đã không phải chứng kiến cuộc đời 1975, cảnh gia đình bị đánh tư sản bà bị đuổi về vùng "kinh tế mới". Bà mất sớm lại là cái hay !

Từ ngày theo đứa con trai duy nhất vượt biên sang Mỹ, ông chẳng còn tha thiết điều gì. Tài sắc, lợi danh thấy đều như huyền hóa. Ông hay đi chùa để tìm sự an tĩnh, nghe thuyết pháp để chiêm nghiệm về lẽ thật của cuộc đời nhưng thì giờ vẫn còn thừa thãi quá trong tuổi già.

Một hôm, nhớ lại sự say mê cầm bút thuở còn đi học - mà sau nẩy lớn lên, con người kinh doanh đã đánh tan mộng văn sĩ trong ông - ông Hai Cửu thử viết truyện, tập làm thơ.

Chẳng biết bài vở của ông xem cũng được hay vì báo chí ở đây cần có bài để chen vào các trang quảng cáo đầy đặc - chiếm 3 phần 4 tờ báo - mà người ta cho đăng bài ông rất thường xuyên. Bút hiệu Hà Văn lần lần trở thành quen biết với những độc giả không khó tánh và dư thì giờ. Ông lấy làm há dạ dù có được tiền nhuận bút hay không.

Giao thừa Kỷ Mão năm nay, ông chuẩn bị khai bút thật cẩn thận : Bình trà Nhật Bản đã do chính ta ông tự pha lấy và đĩa mút gừng cay đang mời mọc. Cành hoa đào hồng thắm trên bình sứ đang nở rộ như gợi hứng cho văn nhân. Tập giấy bản thảo trắng tinh đã mở sẵn, cây viết Parker đang chờ đợi.

Ông Cửu đứng lên đi vòng vòng trong phòng, giờ đã trở nên lặng lẽ. Đêm

nay, ông muốn viết một bài thật trong sáng, hiền hòa, cởi mở để tặng người vợ quá cố. Với món quà quý hiếm này, chắc bà sẽ vui lòng vì thấy tâm hồn chồng đã chuyển biến, không còn cố chấp, khắt khe như thuở nào.

Ý nghĩa đó làm ông sinh phấn khởi, ông kéo ghế ngồi xuống, tự thưởng mình một chung trà nóng thơm ngát hương sen. Rồi trân trọng cầm viết, ông tập trung tư tưởng như một thiền sinh ...

Trong giây phút trọng đại đó, hình ảnh của “thằng Lập” bỗng hiện ra. Cái mặt mâm nung núc thịt của nó chiếm trọn tâm thức ông như một màn ảnh vĩ đại. Ông thấy rõ từng nét khó ưa của nó : Cặp mắt ốc nhồi trắng dã, cái miệng hô hốc, hàm răng khấp khểnh đen thui. Vậy mà sau này còn bày đặt để râu xồm xoàm cho ra vẻ phú quý, chớ thật ra trông vừa xấu lại vừa dơ, chịu không nổi.

Giọng nói của nó bây giờ cũng khác xưa. Ngày nào còn là thư ký của ông, nó nói năng mềm mỏng như lụa ; nhất là mỗi khi vợ ốm con đau, thiếu điều nó quì xuống lạy ông để mượn lương trước. Chắc chắn nó cũng đã lợi dụng tánh hay thương người của vợ ông để xin xỏ lắm thứ rồi. Nhưng lúc gia đình nó hữu sự, vợ chồng ông đã cứu giúp nó tận tình ; bây giờ qua đây, vợ con nó gặp thời, làm “neo” kiếm được lắm tiền, mua nhà sắm xe rộn ràng thì nó xem ông chủ cũ của nó như kẻ khố rách áo ôm ; nó trở giọng thầy đời, nói năng lếu láo, nổ lung tung khiến ông không tức sao được.

Cả đời ông chuyên làm ơn làm phước cho người, chưa hề gây thù gây oán với ai, duy chỉ ghét thằng Lập này thôi, ghét cay ghét đắng.

Mà lạ lắm, hễ mình ghét nó thì cứ phải nghĩ về nó hoài, càng nghĩ càng tức lộn cả ruột gan, muốn xua đuổi đi, nó càng bám riết.

Ông Hai nhớ nhiều lần thầy giảng rằng tâm mình là nơi cao quý lắm, như phòng khách chính trong nhà, đừng để cho những ý tưởng tham sân si làm nhơ bẩn, xấu xa. Hãy mời thiện tri thức vào đây, hãy thờ Phật ở đây. Vậy mà thằng Lập cứ ngồi chễm chệ ở đó hoài ; sáng vừa mở mắt ra là gặp nó, tối ngủ nó cũng không tha. Bây giờ muốn khai bút đầu năm, nó lại lù lù hiện ra phá đám, nó ám mình như quỷ, như ma vậy ... Ông Cữu vò đầu, bứt tóc. Ông khổ sở quá, ôm đầu gục xuống bàn.

“Ai lóp ló như thằng Lập vậy kìa ? Mà sao nó không còn phương phi, trịch thượng như cũ ? Nó ốm tong teo, mặt mày hốc hác, tóc tai bơ phờ. Còn hàm râu khà ố đã biến đi đâu mất rồi”.

Nó chấp tay lễ phép chào ông Cữu khi vừa bước vào nhà chớ không kên kên theo lối Mỹ vừa hất mặt vừa nói “Hê ! Hao you ?” Rất chướng tai như trước.

- Ông chủ ơi, em khổ quá !

“Lạ chưa, bây giờ bị khổ lại nhớ kêu mình là ông chủ !”

Ông trầm tĩnh bảo nó ngồi xuống ghế. Trông nó buồn xo, xuôi xị như cái bong bóng xì hơi. Tự nhiên ông cảm thấy tội nghiệp ; ác cảm hầu như không còn.

Ăn cần, ông hỏi :

- Sao, chú em gặp chuyện gì rối rắm lắm hay sao mà xuống sắc dữ vậy ?

- Ông chủ ôi, vợ con em bỏ đi rồi ! Sáng mở mắt ra là nhà cửa trống trơn, ba mẹ con nó thì mất dạng. Em ra tiệm

“neo” tìm thì tiệm đã sang cho người khác rồi.

Lập cúi đầu để dấu hai hàng nước mắt đang thi nhau nhỏ giọt :

- Hồi qua Mỹ tới giờ, thiệt tình mà nói, em chỉ ăn không ngồi rồi, sống nhờ vào tay vợ. Bây giờ dùng một cái, em hóa thành kẻ vô gia cư, chẳng biết nương dựa vào đâu ? Tiền bạc không, nghề nghiệp cũng không. Nhà cửa thì bị ngân hàng thu hồi lại rồi.

Ông Cửu bậm môi để khỏi thốt ra lời khiển trách : “Mày là đàn ông mà nói nghe bịnh quá ! Thân nam nhi lại vô dụng, sống nhờ vợ như chùm gửi. Bạc nhược hết chỗ nói !”

Tuy nhiên, ông Cửu cảm thấy dễ chịu hơn với hình ảnh chú Lập khốn cùng ; còn cái thằng Lập phởn phơ, thành công sao mà đáng ghét chi lạ !

Trước hoàn cảnh bi đát của Lập - bi đát hơn thiên tai, bão lụt hay hỏa hoạn nữa kia - vì dùng một cái bị mất hết cả tiền lẫn tình, hóa thành kẻ bơ vơ ; ông Cửu nghe thương hại.

Ông nói không đắn đo :

- Thôi, chú em (ông gọi Lập thân mật như hồi xưa) đừng buồn, chuyện đâu còn có đó. Chú còn trẻ, có thể tìm việc làm nuôi thân. Bây giờ tạm ở chung với tôi đi. Phòng tôi cũng còn chỗ kê thêm cái giường nữa.

Thấy Lập vẫn cúi đầu làm thinh, ông an ủi thêm :

- Đời người ai cũng có lúc thịnh lúc suy, khi được khi thất. Những sự vô thường đó hãy nhìn nó đến đi như mây nổi, như chiêm bao ...

- Ông nội ơi, thức dậy ! Sao ông nội ngủ ở ngoài này vậy ?

Ông Cửu nghe tiếng gọi, giật mình, mở mắt ra nhìn chung quanh mới hay mình ngủ gục trên bàn từ Giao thừa đến sáng bết và đã trải qua một giấc mơ.

Ông đứng lên, xoa đầu thằng Trương, cười trừ :

- Ồ, ông ngủ quên ! Thôi để ông đi rửa mặt thay đồ rồi trở ra cho con mừng tuổi nghe ! Thằng cháu đích tôn rất ư là phục phịch của ông nhe miệng cười, hai răng cửa trống trơn. Vừa lúc ấy, mẹ nó, Chi, bước ra :

- Thưa ba, con đã pha cà phê sữa cho ba rồi. Anh Công vẫn còn ngủ. Thằng này cứ đòi kêu ông nội dậy hoài, để xin tiền lì xì. Nếu ngày thường chắc phải đòn rồi.

- Không sao đâu con !

Nói rồi ông lững thững bước vào trong. Đi ngang qua bàn thờ vợ đang tỏa khói hương, ông thấy ảnh bà như mỉm cười.

Thuở bà còn sanh tiền, hầu như mỗi lần ông có một hành vi nào sai trái, bà vẫn hay cười như thế. Cái cười nhẹ, tuy độ lượng bao dung nhưng cũng gói trong đó một lời khuyên nhủ thẳng thắn : “Tôi thấu rõ tâm địa ông rồi, nên chuyển đổi đi !”

Trong lúc rửa mặt, ông Cửu tự hỏi lòng : “Hình như có điều gì sai trái trong ta ? Tối hôm qua đến nay, chỉ lo tụng kinh làm lễ đón Giao thừa, mình đâu đã làm hay nói hay nghĩ gì sai quấy đâu ? Duy chỉ có một việc tính mà chưa làm được, đó là khai bút đầu năm. Mà thật ra, chuyện ấy cũng chẳng quan trọng gì”.

Chợt có tiếng phone reo, rồi tiếng con dâu nói vói vào :

- Thưa ba, chú thím Lập nói chút

nữa sẽ tới chúc Tết ba !

- Ờ ...

“Thằng Lập ! Thì ra giấc mơ thấy thằng Lập sạt nghiệp chỉ là do tính ghen ghét sinh ra.

Giấc mơ đã thỏa mãn lòng đố kỵ của mình. Thấy nó giàu có, mình không chịu được rồi tìm cách bắt bẻ lỗi phải đủ thứ, lại còn trù ẻo nó. Ai dè lòng dạ mình hiểm ác đến độ này !”

Nhưng luật sư riêng trong ông lên tiếng bào chữa ngay :

- Dù trong giấc mơ, ông cũng đã thể hiện lòng tốt. Ông mời thằng Lập về ở chung kia mà !

Vị luật sư “vô hình” có vẻ hữu lý lại xoa dịu lòng tự ái của ông. Nhưng nụ cười của vợ ông lại hàm ẩn một ý nghĩa khác :

- Tánh ông xưa nay vẫn vậy, chưa khá hơn được ! Đành rằng thấy ai sa cơ lỡ vận ông tận tình giúp đỡ nhưng giúp ai rồi, ông muốn người ta mang ơn ông suốt đời, hoặc giả thấy người ta ăn nên làm ra, phát đạt giàu có hơn thì ông tức, ông ghét, ông lỗi phải. Đó không phải là lòng từ bi. Thật ra ông giúp người chỉ để thỏa mãn tánh ngã mạn của ông thôi.

- Tại sao ?

- Bởi vì ông ra tay giúp kẻ thấp kém để tự thấy rằng mình hơn người ta, để được người ta cung kính, biết ơn.

- Khó hiểu quá ! Hễ giúp đỡ là tốt rồi. Không có lòng từ bi làm sao phát tâm được ?

- Ông ơi ! Kẻ có lòng từ bi, khi thấy người khác khổ, họ cũng khổ y như vậy nên ra tay tế độ mà không thấy mình làm, vì thế không bao giờ màng đến nghĩa ơn. Kẻ có lòng từ bi thường vui với

nổi vui của người chung quanh, lại hay tùy hỷ với sự thành công của mọi người nên tâm từ bi rộng lớn vô biên. Với đức Từ Bi Hỷ Xả, phàm phu trở nên Bồ Tát, phiền não hóa thành Bồ Đề, cảnh địa ngục biến thành cõi An Lạc.

Ông gần đất xa trời rồi mà chưa chịu sửa đổi, tự làm khổ mình, gây khó cho người ...

Miên man với những ý nghĩ tự vấn, ông Cửu đánh răng rửa mặt thật lâu mới xong. Nhìn vào gương chải tóc, ông có cảm tưởng những sợi tóc trắng thưa thưa của ông như bông lau ngả nghiêng trước gió. Rồi những sợi tóc bạc màu này cũng sẽ tan hoại đi khi ông nằm dưới ba tấc đất. Rồi cái mà ông tâm tưu nhất, quý trọng nhất, cái NGÃ CHẤP cũng theo duyên nghiệp mà trôi nổi luân lưu ...

Thằng Trương chờ ông nội hoài không thấy trở ra, nó xông xộc đi tìm. Bất gặp ông còn ở trong nhà tắm, nó mừng rỡ, nín áo ông lôi ra ngoài.

- Thùng thẳng rồi ông ra mà !

Trương giậm chân, vò đầu, bứt tóc, mặt mày đỏ rần. Nó sắp sửa hét lên để biểu lộ sự tức giận. Cái nét của nó ghê lắm, nhất là khi gặp chuyện không vừa ý. Lần đầu tiên ông thấy nó hư - chung quanh ai cũng nói vậy mà ông không chịu - cũng tại ông, cứng chịu quá nên cháu trở nên cứng đầu khó dạy ; cả nhà đổ lỗi cho ông.

Chắc cũng đúng đó ! Nhưng mà xét cho kỹ, ông còn hư hơn, tệ hơn nó nhiều lắm kia. Bởi vì ông cứng chịu nó mới sáu, bảy năm nay mà nó còn như vậy ; còn cái “ngã” của ông, ông tôn quý, phục dịch nó từ vô lượng kiếp đến bây giờ thì chắc chắn nó còn tệ hại vạn bội ức lần

hơn.

Khi ông bước ra ngoài, tập bản thảo vẫn còn y chỗ cũ. Ông sinh hứng khởi vì đã có đề tài để khai bút. Ông sẽ viết một bài với tựa đề là : “Tôi biết tôi hư !”

Ở phòng bên kia, ông nghe tiếng thằng Trương khóc thút thít. Chắc nó bị đòn. Mặc dù xót ruột, ông cũng gật gù : “Ồ, thương thì cho roi cho vọt, vậy mới nên người !”



Thơ Thanh Hiền

Chim Sẻ Chào Nàng Xuân

*Trên cành chim sẻ gọi nhau
Đến chùa dùng bữa cơm rau đỡ lòng
Qua rừng mai viếng nàng hồng
Hỏi thăm trúc trúc có trông xuân về !*



*Trên cành đào vẫn ngủ mê
Xuân sang quên nở bướm chơ chớn rởi
Rừng mai thả thả ươm lời
Khách qua lễ Phật xin mời lại chơi !*



*Thiền môn thanh tịnh nhất đời
Sáng nghe kinh kệ chiếu thời kệ kinh
Sen hồng dựa trúc làm thình
Lũ chim se sẻ nghiêng mình chào xuân !*

*Phật Học Viện
22-1-1998*

Thơ Thanh Hiền

Tỳ kheo Quê mùa

*Kính dâng
H.T. Thích Đức Niệm*

*Sáng ra Ngài mặc áo lam
Xăng quần vắt cước ra làm vườn sau
Rừng mai chim sẻ bảo nhau
Chúng mình cùng tới cúi chào Tỳ kheo !
Bổ câu nghe nói xin theo*



*Rủ thêm lũ quạ đồng reo lên mừng
Tỳ kheo cước đất ung dung
Mồ hôi rịn trán áo lưng ướt đầm !
Chợt nghe trúc biết thì thăm
Bữa qua khách lạ viếng thăm chùa mình*



*Mến người lưu lại chút tình
Chúng ta cùng niệm tâm kinh hộ người!
Tỳ kheo nghe nói mỉm cười
Thăm khen trúc biết ý lời từ bi
Trong đời mạt pháp tiện nghi*



*Nêu cao phẩm hạnh tu trì gắng công !
Tỳ kheo sớm tối thông dong
Cây Bồ đề lớn giới không cúng dường
Nghe khen trúc biết nhún nhường
Cảm thương vật nặng vô thường vừa tan*



*Tỳ kheo thay chiếc áo vàng
Trồng hoa trí tuệ đạo tràng tạo duyên
Tịnh tâm dưới khóm trúc thiền
Dịch kinh sáng tác lưu truyền nhân gian !*

*Phật Học Viện
23-1-1998*

CHÉN TRÀ

Ngày Xuân

*(Thân tặng các cụ già, các bạn Phật tử
sống xa quê hương, lại ghiền trà)*

ĐHẠM THẮNG (Calgary)



Bốn năm thế kỷ trước, tổ tiên tôi đã được nhiều quốc gia phương Tây, châu Mỹ cũng như châu Âu hoan đón nhận cùng với nhiều cây hương liệu khác của các xứ nhiệt đới khi bọn người thám hiểm của đám thực dân Tây phương, mang danh đi tìm đất lạ, để xâm chiếm đất đai của cải, cướp lấy chúng tôi mang về.

Mặc dầu mang hương vị nồng cay, đắng chát nhưng các cây hương liệu nói trên như quế, hồ tiêu, ớt ... cũng như họ hàng nhà trà chúng tôi, không làm cho dân tộc trọng lễ nghĩa ở phương Đông thêm nóng tánh mà chúng tôi chỉ giúp cho cơ thể họ thêm sức ấm, dễ tiêu hóa vì đa số dân phương Đông sống bằng nội tâm và tinh thần. Họ chỉ cần biết nhiều hiểu rộng theo sách vở thánh hiền từ ngàn xưa để lại. Họ thờ Trời, Phật, trọng Khổng, Lão. Họ sống đời nhàn hạ với chúng tôi bên non cao sông rộng giữa thiên nhiên ... vậy mà họ phải đau đớn chúng kiến những người mang danh

nghĩa cao đẹp kia, cướp chúng tôi, mang đến phương trời xa lạnh lẽo.

Bị xa quê hương, chúng tôi cũng đau buồn không kém nhưng rồi theo truyền thống giúp người đời, chúng tôi lại đem hương vị của họ hàng mình giúp cho dân tộc xa lạ kia sức sống dương cương.

Chắc có bạn thắc mắc : Tôi là ai mà nói lớn lối vậy ?

- Dạ, tôi chỉ là cây trà, một loại thảo mộc thân nhỏ, gầy guộc, lá xanh tươi của vùng nhiệt đới.

Thoạt kỳ thủy, chúng tôi nguyên là thổ sản của vùng Hoa Nam, đã được các vị Đạo gia, các vị Thiền sư biết đến từ những thời đại xa xưa và tán dương ca tụng chúng tôi có hiệu năng làm cho con người hết mệt nhọc, tinh thần sáng khoái, ý chí tăng cường và thị lực hồi phục. Vì thế các Thiền sư thường dùng trà để cho tinh thần sáng suốt khi ngồi thiền.

Gia đình tôi có thêm tên khoa học khi bọn người phương Tây đem chúng tôi về phân loại và đặt tên tây u gì đó dài thượt mà tôi mong các bạn hãy tạm quên đi để chỉ nghe tiếng nói của lòng tôi, một tiếng nói nhỏ như hơi sương, hơi gió thổi dài ...

Họ hàng chúng tôi không quá tự hào nhưng rất hãnh diện vì có một loại cây nào mà từ hàng Vua Chúa vương giả đến người nông dân quê mùa, đều ưa chuộng để dùng từ sáng tới khuya, trong mọi hoàn cảnh : Để chúng tôi vào chung nhỏ, dân lên thờ Phật tôn kính trong ngôi cổ tự, hoặc nghiêm trang đãi khách quý trong phòng ốc sang trọng, hay uống cho đỡ khát giữa đồng ruộng nắng cháy ?

Họ hàng nhà trà chúng tôi được

người đời cầu kỳ trình bày hình thức bọc bên ngoài bằng các loại hộp thiếc, lon nhôm in hình màu xanh đỏ mang tên rất kêu như Thiết Quan Âm, Kỳ Chưởng, hoặc những hộp giấy cứng có vẽ hình cô thiếu nữ yếu điệu của xứ Trung Quốc, hay bình dân hơn thì có những gói bằng giấy nhứt báo in hình con cua xanh, hai càng tám ngoe cứng đờ, có gói in hình bông sen màu đỏ ... Nhiều lắm, nhiều hình thức trình bày, nhiều danh hiệu rất kêu tùy theo mỗi quốc gia sản xuất, nhiều loại được pha chế chung với chúng tôi như nhân sâm Cao Ly để họ trà có thêm đứa con lai là Trà sâm. Đây là loại trà cao giá, giúp các cụ già về sức khỏe chớ không giúp thêm tinh thần sáng khoái như anh em nhà quê nguyên chất của chúng tôi hàng ngày quán quít bên ông bà già chất phác.

Xin theo chân chúng tôi, trước tiên ta về miệt ruộng vườn quê mùa.

Trời còn mờ mờ chưa sáng hẳn. Sương đêm đọng ướt trên tàu lá, hơi lạnh từ đất xông lên ẩm ướt, các cụ già đã lợ mọ ngồi bên bếp lửa nấu ấm nước sôi bằng rơm rạ hay bằng tàu lá cau, lá dứa.

Từ đầu làng có tiếng gà đua nhau gáy ó o ... Vài tiếng chó sủa râm ran. Có tiếng người nói thoang thoảng ngoài bờ tre. Ông nói với bà :

- Tiếng ai như thằng Tư Hiếu với Tám Thọ. Tụi nó ra đồng sớm quá hả? Hổm rày lúa đã trở đòng đòng rồi, đâu cần thêm phân, thêm nước gì cả...

Bà ngồi trên bộ ngựa vừa già trâu bằng ống ngoáy, trả lời:

- Ổ.. ờ .. chắc tụi nó ra vét đường nước cho ruộng mau khô. Tụi nó siêng

năng nên mùa nào cũng trúng ...

Hai ông bà trao đổi với nhau những mẩu chuyện lật vạt về mùa màng, về bà con lối xóm mà quanh đi quẩn lại ngày nào tôi cũng được nghe bên bếp lửa cháy bùng bùng.

Ngọn lửa cản cái lạnh của buổi sáng tinh mơ ngoài hè chực ủa vào và làm ấm hai cơ thể già, chỉ một lúc đã làm cho ấm nước reo sôi. Tôi thầm nghĩ : Mình sắp làm phận sự đây. Hai ông bà già sẽ nhờ tôi giúp cho sáng khoái tinh thần trong gian nhà nhỏ vắng im đúng nghĩa của một trà thất.

Hai người an phận với cái trà thất của mình, vì chưa bao giờ ông bà biết đến cái trà thất cầu kỳ bên Nhứt Bồn. Ở đấy, trà được người dân tôn sùng đến mức uống trà cũng thành cái đạo : “Trà đạo”.

Trà thất cầu kỳ không phải to lớn mà là xây dựng phải phù hợp với nếp sống hòa với thiên nhiên của Đạo gia và Thiền sư. Có nhiều trà thất là căn phòng biệt lập yên tịnh bên cạnh ngôi nhà lớn, có những trà thất được chủ nhân xây nơi góc khu vườn. Muốn đi vào phải qua cổng riêng đi theo lối nhỏ đầy bóng mát của những cây trúc lá reo rì rào. Chủ nhân cho khách đi hết “lộ địa” này có dụng ý cho khách cắt đứt hết mọi liên lạc bên ngoài, không còn nghe các âm thanh náo nhiệt để gây thêm cảm giác lảng lảng, sáng khoái sắp đón nhận trong trà thất. Vì hiểu rõ như vậy nên khác được mời, dầu đi lẻ loi hay đến cùng vài ba người, khi bước chân lên lối mòn này, ai ai cũng im lặng, không trò chuyện, đi chậm rãi nhẹ nhàng, tâm hồn thư thái, để lại sau lưng mọi phiền toái

hàng ngày.

Sau khi tâm hồn được chuẩn bị như vậy, khách lặng lẽ tiến gần cửa trà thất, cúi thấp người xuống chui qua cái cửa không cao quá 1m50 để vào phòng. Động tác này là bốn phần của mọi tân khách, bất cứ sang hèn, vì chủ ý là nhắc nhở khách “học” lấy đức tánh khiêm nhường. Từng người nhẹ nhàng đến chỗ của mình ngồi xuống cúi rạp người, kính cẩn chào nhau. Chủ nhân đợi khách yên chỗ đầu vào đấy và trong phòng hoàn toàn im lặng không có tiếng động nào khác, mới bước vào.

Gian phòng chỉ trang trí một bức tranh hay lọ hoa, với bình trầm nhỏ nơi góc phòng nhẹ tỏa hương thơm. Ánh sáng dịu dàng, ngay cả ban ngày. Dụng cụ pha trà, gọi là trà cụ, phải tinh khiết mặc dầu trông rất cũ kỹ, không có một vật dụng nào có nét ngoại lai hay bằng kim loại sáng chói. Chén uống trà là loại nổi tiếng hình dung nhỏ xíu, để khách vừa uống hương vị trà vừa ngắm nhìn nét mỹ quan của chúng. Ấm pha trà phải là loại có tiếng làm tại phủ Nghi Hưng bên Tàu. Nghi Hưng là một danh địa nằm về phía Tây Thái Hồ và cạnh vùng Tô Châu thơ mộng. Ấm Nghi Hưng không phải vì làm bằng đất sét pha trộn công phu để khi nung xong nó có màu gan gà, màu thổ hoàng v.v... mà vì ấm Nghi Hưng còn là một tác phẩm điêu khắc do những danh bút viết khắc vào.

Đó là trà thất đặc biệt, cũng có trà thất ít cầu kỳ nhưng vẫn đượm nét trang nghiêm, xây dựng trong cùng nhà, và thiết kế thành phòng riêng biệt, vì chủ nhân thường xuyên có khách đến chơi.

Dầu được mời đến trà thất nào, khi

được mời đến, ai ai đều biết lễ nghi để tận hưởng buổi uống trà, vì vậy cũng phải là một thư phòng trang nhã. Mọi người từ chủ nhân đến khách phải ăn mặc chỉnh tề ngồi im lặng nghiêm túc nhìn nữ chủ nhân nét mặt nghiêm trang vén nhẹ tay áo để lộ bàn tay búp măng trắng nuột, cầm một gáo nhỏ múc nước sôi trong nồi miệng rộng loe tròn, sau đó trình trọng rót vào chén có đựng nhúm trà xanh nghiền nát thành bột rồi khuấy đều tay bằng cây đũa lớn. Nữ chủ nhân chuyên ra mấy chén nhỏ tùy theo số người dự, trình trọng đẩy chén đến trước mặt khách. Sau đó chủ nhân hai tay bưng chén trà của mình lên ngang mày để mời khách. Các vị khách đồng loạt phất tay áo rộng, hai tay cầm lấy chén trà nâng ngang trán ngụ ý cảm ơn rồi hớp một ngụm. Một ngụm thôi, xong ngừng lại như cho vị trà thấm vào vị giác của mình độ nửa phút rồi mới uống thêm ngụm sau ... Chén trà chứa khoảng hai ngụm. Ai nấy uống xong nhẹ nhàng để chén trà xuống, nét mặt lộ vẻ hân hoan chứng tỏ trà xanh được pha chế và pha đúng lượng nước sôi nên làm họ lâng lâng sáng khoái. Không ai nói lời nào kể cả tiếng khen. Họ chỉ biểu lộ lời khen qua ánh mắt. Không khí “buổi uống trà” còn đượm thơm ngát vì có lư trầm nhỏ nơi góc phòng, có hình ảnh siêu thoát của bức tranh thủy mặc trên vách, nên không biết anh họ trà của tôi có tiết ra hết chất ngon của ảnh để làm vừa lòng khách mộ điệu ?

Riêng tôi ở quê nghèo nầy tin chắc ông bà già nầy sáng sớm nào cũng “ghiền” tôi rồi đây. Ông già đã từng nói :

- Nè bà, bà uống với tôi một tách trà

sáng. Có ngon không bà? Trà này hồng phải là trà hiệu Con Cua bà mua ngoài chợ Vãng đâu ghen.

Bà nhả bã trà vào ống nhổ rồi cười với ông :

- Vậy nó là trà gì ? Thôi tui biết rồi. Thì bằng hàng rào cây trà trước sân mình chớ gì. Uống loại này thì tốt quá. Nó giúp mình ăn uống dễ tiêu ... ờ, mà sao như nó thơm hơn hôm qua ?

Ông già như được dịp, nói liền :

- Đó đã. Cái hay của tui là chỗ đó. Tui lấy nhụy bông cây ngâu trước sân, phơi cho khô, rồi mỗi lần pha trà bỏ vào một nhúm, mùi trà được thơm thêm mà lại có vị ngọt hậu nữa. Bà nghe tui, uống xong một hớp, nuốt xuống ... sẽ cảm thấy có vị ngọt trong cổ phải không nè ?

- À há. Ngọt mà thơm. Cái mùi thơm của bông ngâu khác hơn cái thơm của bông sen, ông há ?

- Chớ sao. Bông sen thơm lừng quá vì mùi sen ngào ngạt hơn bông ngâu, nhưng phải là do mình ướp kìa, chớ mấy chú Ba tàu buôn bán kiếm lời, họ ướp không nhiều và đúng cách nên uống cũng thơm mùi sen nhưng có vị đắng nơi cổ, là vì họ trộn nhụy vàng của bông sen chung với lá trà rồi mới sấy cho hương hòa vào nhau.

Nói đến đây, ông bập bập một hơi thuốc, nhìn ra sân, mơ màng nói:

- Nếu nhà mình có ao sen để tui tự ướp lấy, chắc ... ngon hơn ...

- Ông mà biết làm sao ?

- Tui chưa làm bao giờ, nhưng có đọc sách và nghe bạn bè kể chuyện, thì tui làm được chớ bộ. Nè, nếu có ao sen quanh nhà, bà tưởng tượng đi, có nhiều hoa sen búp bằng nắm tay màu xanh

ngọc thạch còn ôm lấy cánh hoa màu hồng vươn lên khỏi mấy lá xanh tròn xoe trên mặt nước ... Đẹp lắm phải không nè ? Thế nào bà cũng phải cắt mấy bông để cúng trên bàn Phật. Bông sen tinh khiết dùng để cúng Phật mà ! Nhưng bông nhiều quá làm sao bà cúng cho hết, vì vậy tui mới có để ướp trà chớ. Tôi sẽ ngồi xuống bơi vào hồ sen, đem theo hộp trà hiệu bông sen hay con cua gì đó. Mỗi ngày khi chiều xuống, tui bơi xuống đến bên mỗi bông búp, vạch cho khéo cái hoa còn ôm ấp nhụy vàng trinh nguyên của nó để bỏ nhúm trà vào ... Từ cái bông, từ cái bông ! Bà thấy tui có sương không ? Bên dưới có nước trong leo lẻo, bên trên là trời chiều mát rượi, ngọn gió nhẹ đưa hương thơm của bông sen hòa với bông cau, bông bưởi, của lá non vừa nở làm cho tui càng thấy mến yêu quê nghèo ! Tui ngồi xuống loanh quanh trong hồ sen ... Sau một đêm gởi trà vào cho hòa với hương trinh nguyên của bông sen tui lại bơi xuống ra đến bến, những bông sen đó mà nhẹ nhàng vạch cánh hoa, trút lại nhúm trà của mình. Đó là tui rảnh rỗi và muốn chừa bông cho nở rộ trong hồ để còn tạo thành gương sen cho tụi nhỏ ăn, chớ tui cắt nguyên cái bông vô phơi thêm một nắng thì mau hơn. Nhưng lúc đó hương trà quá nồng đượm, hết "tươi" phải không bà ?

Ông chép miệng than:

- Nhưng mà nhà mình không có hồ để trồng sen !..

Như sợ ông già buồn vì không có hồ trồng sen, bà hỏi qua chuyện khác mà ông rất rành và rất thích kể :

- Ông nè, mấy loại trà do ông pha

chế uống cũng ngon, cần gì có trà Kỳ Chuông, Long Tỉnh gì đó. Mà trà Long Tỉnh là trà gì vậy ông ?

- Trà Long Tỉnh là tên chung loại trà đặc chế ở vùng phía nam Hàng Châu, tỉnh Triết Giang bên Tàu. Đây là đệ nhất thắng cảnh được nhiều thi hào ca tụng. Hàng Châu từ lâu đã nổi tiếng với những rừng đào bạt ngàn, những đồi núi bát ngát với nhiều cổ tự danh tiếng, những cô gái đẹp nức tiếng mỹ nhân trong thiên hạ, mà Hàng Châu còn nổi danh nhờ có trà Long Tỉnh và suối nước Hồ Tuyền. Trà này với nước suối này pha vào nhau thì ngon lắm.

Bà già cười nhẹ nói vô :

- Ông chỉ nghe thôi chớ được uống chưa ?

- Chưa bà ơi. Nó mắc tiền lắm. À, mà bà biết tại sao gọi là trà Long Tỉnh ? Trước đây vùng này tên là Cổ Tỉnh, vào khoảng thế kỷ thứ ba, toàn khắp Hàng Châu bị nạn hạn hán khủng khiếp. Người và muôn vật, cây cối như muốn tiêu vong bỗng có một đạo sĩ đi ngang báo rằng hiện có con rồng đang ở ẩn trong một giếng gần cổ am trong vùng. Sau khi đạo sĩ làm lễ cầu rồng làm mưa, thì quả thật, một cơn lốc bốc lên, thế rồi mây đen ùn ùn kéo đến làm mưa liên tiếp mấy ngày đêm, cứu nạn hạn hán. Thế là từ đó vùng Cổ Tỉnh được mang tên Long Tỉnh để ghi nhận sự tích trên.

Trà vùng này ngon có tiếng mà lại được có nước suối Hồ Báo Tuyền. Người ta kể rằng nguyên dòng suối này mới xuất hiện thời Đường Hiến Tông (806-821). Cũng vào năm nắng hạn, giếng chùa khô cạn, sư cụ khẩn khẩn, thì có

đôi cọp từ rừng chạy vòng sân chùa. Và cọp chạy tới đâu, từ đâu chum, nước trào lên trong vắt.

Đó chỉ là truyền thuyết thôi, bà ơi. Nhưng uống trà ngon, nghe truyền thuyết hay, cũng thú vị lắm phải không bà ?

Tôi đã nghe chuyện tâm tình của ông bà ở quê nghèo cũng như từng biết những tình cảm vụn vặt của đôi trai gái nông dân khi ngồi nghỉ trên bờ mấu dưới hàng cây trám bầu râm mát. Lúc này một tô nước trà đựng trong cái bầu bằng sành, dù nước chúng tôi đã nguội lạnh vì đem theo từ sáng, nhưng giúp họ mát cổ, mát người sau mấy giờ làm lụng dưới cái nắng chói chang.

Lúc đang khát nước, họ không cần chén ly, tách kiếu, chỉ cần một tô lớn bằng sành, có khi là cái gáo dừa gọt nhẵn thín để rót chúng tôi vào đó. Các cô thôn nữ còn uống e dè thắm giọng, các chàng trai ngực nở lưng trần ngửa cổ uống ừng ực. Nước trà tràn miệng nhỏ giọt xuống bộ ngực nhể nhại mồ hôi ... Lúc đó chúng tôi là nước Cam Lộ đối với họ.

Gió từ đồng ruộng ve vuốt mọi người. Gió rì rào trong đám lá. Vài con cò in cánh trắng trên trời xanh, sóng lúa nhấp nhô gợn gợn là bức tranh sống động hơn buổi uống “trà đạo” nhiều ...

Tôi yêu quê nghèo là vậy, nhưng cũng yêu những nơi nửa quê nửa tỉnh như ở vùng ven đô Sài Gòn vào những năm chưa khói lửa và thời đó máy móc, xe cộ chưa quá phát triển.

Lúc đó xe ngựa còn là phương tiện giúp người dân ngoại ô mỗi khuya chở rau cải, hoa quả vào đô thành để bán,

cũng như người dân nghèo chưa có xe gắn máy, xe đạp, nhờ xe ngựa để ngồi chen chúc ẩm cúng từ nhà đến Sài Gòn làm việc.

Mới bốn giờ sáng, đèn đường ven đô không đủ soi sáng con đường quốc lộ từ Tây Ninh xuống. Vùng hòa Hưng lúc bấy giờ chỉ có leo heo một dãy phố gạch cũ và mấy căn nhà ngói, nhà tranh. Chưa có ngôi chợ để họp ồn ào, chỉ có một quán nước của chú Ba Tàu tên Kíu bán cà phê, bánh bao từ ba giờ khuya cho các bác đánh xe ngựa, xe ba bánh thức khuya chờ khách.

Dù còn khuya nhưng đã thấy những gương mặt quen thuộc hàng ngày mà chú Kíu nhớ rất rõ từng sở thích : Ông Ba già, gánh gánh xôi cho bà vợ ra đây bán, thích ngồi im lìm gần vách, bên ly “xây chừng” (cà phê đen nhỏ), thằng Tám-xe-ba-bánh với ly sữa lớn ít cà phê đang ăn gói xôi bấp ngon lành (ngày nào nó cũng ăn gói xôi tổ bố mà chưa thấy ngán), chị Sáu-hàng-bông với bà Bảy bán gà lúc nào cũng ngồi chung bàn sát ngoài sân để dễ coi chừng mấy bội gà và hai giỏ cần xé đầy bó bông huệ trắng. Một người khách quen thuộc khác là thầy Năm. Thầy là thân chủ của chú Kíu mà cũng là của tôi. Thầy không uống cà phê, chỉ uống trà tàu đậm để ăn với bánh bao.

Vì là thân chủ quen thuộc nên trời còn mờ mờ khi thấy bóng áo trắng trong xóm đi ra, chú Kíu đã biết là thầy Năm, chú không cần khách kêu gọi, tự động lau sơ cái tách để lên đĩa sành, lấy một nhúm trà Siêu Chủng trong hộp thiếc, bỏ vào chiếc bình nhỏ tráng men vẽ hoa xanh đỏ. Chú biết tánh thầy Năm thích

trà ngon, pha vừa nước sôi, nên làm đúng ý thầy, cho nên tôi rán tiết hết hương vị của tôi để lúc nào cũng đượm với nước nhứt hoặc nước nhì.

Ngày ngày càng hiểu nhau, tôi biết thầy là người làm báo, ít nói, thích nghe và có tâm hồn mơ mộng. Thấy thích ra đây sớm để ngồi bên ẩm trà. Có lần thầy nói với chú Kíu khi chú hỏi thầy làm ở đâu mà đi sớm quá. Thầy trả lời :

- Tôi làm ở nhà báo nhưng cần ra nhà in sớm để kịp coi lại bài cho thợ sắp chữ. Thiệt ra cần có mặt tại nhà in 7 giờ thì ra đây khoảng 6 giờ rưỡi để ngồi xe ngựa đến đó cũng kịp, nhưng tôi thích ra đây ngồi nhìn sinh hoạt buổi sáng của bà con, và nhứt là nghe tiếng ... lục lạc của xe ngựa.

Bà Bảy vừa cầm cái bánh tiêu chấm vô đĩa sữa nghe vậy cười hỏi :

- Ngộ quá hén. Nó kêu leng keng, có gì mà thầy thích nghe ?

Thầy Năm nhà báo uống một hớp trà rồi nhẹ nhàng trả lời :

- Dạ, nghe hay chớ bà Bảy. Bà đi xe ngựa quen nên không để ý. Chớ trong đêm khuya thanh vắng nghe tiếng lục lạc ở cổ ngựa rung leng keng đều đều theo tiếng bốn vó ngựa gõ đập đập trên đường nhựa ... lâu lâu lại có một tràng tiếng chuông đồng gắn theo bánh xe do bác đánh xe ngựa rà cán roi vào, tạo âm thanh kêu rộn ràng làm cho người đi đường biết mà tránh. Những âm thanh của vó ngựa, của lục lạc, của chuông đồng vang đều đều trên đường khuya ở vùng ngoại ô tịch mịch này nghe như bản nhạc vậy đó. Người sống nơi thành thị ồn ào làm sao nghe được nó, may mà

tôi và gia đình được ở đây, gần bà con, mới được nghe tiếng nhạc ...

Không biết bà Bảy, chị Sáu có thấy tiếng leng keng đó hay đến thế nào mà thầy Năm nhà báo mê, chớ tôi biết thầy nói đúng như lòng cảm nghĩ của thầy.

Rõ ràng ngày nào thầy cũng ngồi bên ấm trà ngon, lắng nghe tiếng nhạc ngựa từ đằng xa, đến chừng xe ngựa dừng lại trước quán để rước khách, thầy vẫn trù mền nhìn con ngựa ốm, chiếc xe thổ mộ cũ kỹ mà âm thanh như còn quỵện đầu đây ... trong khi các khách vội vàng thán nhiên bước lên xe.

Chiếc xe ngựa lại ra đi hướng về Sài Gòn. Tiếng lọc cọc, leng keng tiếp tục lên đường ... Năm bảy phút sau lại có chiếc khác. Vẫn tiếng nhạc ngựa vắng lại từ xa ...

Tôi chứng kiến và hiểu tâm hồn nghệ sĩ của thầy. Nhiều lúc tôi tự nhủ: Thấy thích tiếng nhạc ngựa chớ đâu phải vì tôi ? Tôi thấy buồn buồn nhưng sau đó chợt nhớ : À ... dù tâm hồn thầy hướng về tiếng nhạc ngựa nhưng thầy chỉ uống trà ngon, không thích cà phê đậm nhạt gì cả. Khẩu vị uống trà của thầy đã giúp cho tâm hồn thầy đó chớ ! Vậy chính tôi đã giúp cho tâm hồn thầy sáng khoái thêm mới cảm thông với vạn vật trong buổi bình minh này.

Nghĩ vậy tôi thấy lòng hân hoan vô cùng. Tôi giúp tâm hồn thầy sáng khoái cũng như những “người anh họ trà” của tôi đã từng giúp vị sư già ở ngôi cổ tự trên đồi cao, sáng sáng sau thời kinh, ngồi trầm ngâm bên ấm trà nhỏ xíu màu nâu đen như màu gan gà, tay nâng chiếc cốc nhỏ như hạt mít, chiêu từng ngụm

nhỏ nước trà thơm ngát được vị sư pha với nước giếng sau chùa. Người chỉ pha trà với nước giếng này thôi, vì giếng sau chùa ở vào nơi có mạch nước tốt, không phèn, không chất vôi nồng làm hư cái vị của trà. Nước giếng của người đã được các bạn già, các nhà nho ẩn sĩ qui điền không màng danh lợi của chốn phồn hoa, chỉ thích cùng nhau đàm luận văn chương, nhưng nghiện trà ưa thích. Các vị chỉ ưa nước giếng của chùa nên giếng chùa lúc nào cũng được các tiểu đồng đến quấy nước về (Vang bóng một thời của Nguyễn Tuấn).

Không như thầy Năm nhà báo uống trà trong ấm tích sành tráng men, các cụ nhà nho uống trà chỉ như để hưởng mùi thơm và nếm lấy vị nên dùng chiếc ấm bé tí cỡ trái cam, mỗi lần rót vào ba cốc nhỏ xíu như hạt mít cho ba vị là vừa hết một ấm. Các cụ hộp xong, nhìn nhau gật gù :

- Ngon thiệt. Uống ngụm trà thơm trong khung cảnh tịch mịch này mình mới thấy như mùi thơm “đi” từ miệng vào óc. Thơm quá ! Nhất là mùi trà của bác có bỏ vào vài cánh bông lái (hoa nhài) nên mùi thơm có vẻ ... quán quít mùi Liêu Trai ... hà hà ...

Cụ già chủ nhà cười theo :

- Cám ơn bác quá khen. Bác sành uống trà nên uống vào là biết hương vị trà có bông lái. Đúng nó đấy. Mùi thơm của hoa nồng nàn quá, không thanh nhẹ như nhụy sen, nhưng mùa này sân vườn nhà tôi hoa nở rộ trắng xóa, tôi ướp một ít vào trà để uống kéo phí đi. Vả lại chúng mình cũng nên uống trà mùi hoa nhài để mùi hương nồng nàn của hoa

kéo chúng ta trở lại cõi trần tục, kéo chúng ta ... thành tiên hết sao ...

Các cụ cười ha hả.

Nhưng nhiều buổi uống trà như vậy rồi cũng bắt dần theo đà văn minh. Những cái ấm gan gà hiệu Mạnh Thần, Thái Đức mà các cụ chất chiu mua để làm gia bảo ... mất dần như những cái bình tích của người dân quê miền Nam để trong vỏ trái dừa khô, đập bằng miếng vải tròn dày, do nhiều mảnh vải kết lại, bị thay thế bằng cái bình thủy tinh sản xuất từ bên Trung quốc.

Những buổi ngồi bên lò than nhỏ để nấu sôi từng ấm nước giếng của các cụ nhà nho cũng mất dần thay vào đó là cái ấm nhôm nấu nước máy. Các cụ buồn buồn nhìn nhau, không chế nước có nhiều độ nồng của hóa chất, cũng không còn vừa uống vừa ngắm nghĩ xem phải trong nhúm trà có lộn một vỏ trấu nên vị trà mất mùi ngon? Ở nhà quê vẫn còn những bếp đốt rơm, tàu cau, tàu dừa buổi sớm để nấu nước, nhưng trên thành thị các cụ đã “phải” xài lò điện để nấu nước sôi.

Thương cho các cụ nhà nho theo con cháu sống ở đô thành đầy mùi cơ khí, mất hết cảnh thiên nhiên, đâu còn mùi thơm của bông ngâu, bông sen, bông lài ... Các cụ không còn khó tánh như lúc trước, lúc rảnh rỗi đi lang thang trong vườn lượm những trái ổi già đem về phơi khô để mỗi sáng đốt lò nấu nước pha trà bằng nước giếng hay nước mưa. Các cụ cho rằng trái ổi khô tốt hơn than củi, không cháy quá hỗn để nước bị sôi già và không có mùi khói.

Có cụ giờ đây ngồi một mình uống trà bằng tách tráng men sứ. Cụ ngồi đọc ấm âm thầm nhìn chiếc tử kiếng còn giữ lại vài bộ đồ trà yêu quý ngày xưa. Còn đâu những ngày cụ vác ô đi tìm mua cho được bộ ấm chén quý giá mơ ước :

Thứ nhất Thế Đức gan gà,

Thứ nhì Lưu Bội,

Thứ ba Mạnh Thần ...

Những cái ấm màu gan gà, những cái chén hạt mít nằm bên cái chén tổng da rạn cũng âm thầm nhìn thời gian đi qua ...

Đã qua rồi cái thời uống trà tay đôi, tay ba trong thảo lư xinh xắn có hương trầm. Đã qua rồi lúc tản cư chạy giặc, các cụ phải uống trà bằng lá của một loại cây trà trồng làm hàng rào trước sân, có nơi phải uống lá cây sa kê phơi khô. Các cụ uống bằng tô đá lớn, không còn chê khen là : “Uống ừng ực như ngư ầm”. Các cụ đã qua thời uống trà đêm với kẹo đậu phộng ngồi nghe tiếng bom đạn từ xa ì ầm vọng lại ...

Đã qua rồi thời các cụ khi xế bóng phải sống vào bàn tay tần tảo của bà vợ, cái thời kinh tế lao đao, các cụ uống trà do Ba Tàu bán, loại trà gói giấy in hình con cua, mỗi khi uống hết, các cụ nâng niu vuốt thẳng tờ giấy để dành cuốn thuốc hút ...

Giờ đây các cụ có đủ thứ trà dưới tay. Nào là trà *sâm Cao Ly*, trà *Lipton* pha vào nước không cần lược bã trà, nào là trà bột trong hộp thiếc đẹp đẽ, trà bột khuấy tan vào nước sôi liền ... Các cụ có thể uống trà *đường*, trà *chanh*, trà *sữa*, các cụ cũng được dịp uống lại trà đậm trong những buổi ăn “*tỉm sấm*” tại cao

lâu để mà ngâm ngùi nhớ tô trà huế, bát nước chè tươi ăn với cái bánh ú trong quán lá nghèo bên đường làng ngày xưa ở quê hương ...

Đôi khi các cụ được con cháu mua về loại nước trà pha sẵn trong hộp giấy, trông rất hợp vệ sinh và gọn ghẽ nhưng làm cho các cụ buồn buồn nhớ đến những ly trà đá trên bến đò Mỹ Thuận do các em bé nghèo áo vải, quần cụt, xách từng chùm bao ny lông chạy theo mời mọc khách hàng đang một lũ vì chặng hành trình đầy nắng.

Nhớ đến loại nước đá trà này tôi tủi lắm nhé. Có nhiều người bán gian hùng không pha nước trà bằng chúng tôi, dù chỉ là nước trà giảo. Họ pha với nước máy, chế vào một chút nước cà phê dợt cho có màu vàng, bỏ vào mấy cục nước đá ... thế là xong. Khách đi xe hay đi bộ đang khát nước, mua uống cho mát dạ, đâu có thời giờ nhắm nháp để biết là nước này pha với loại trà nào ?

Loại nước trà giả đó cũng may, không có gây cho ai đau bụng, nhưng cũng giúp cho các em bé nghèo bán dạo có cơm ăn và làm giàu thêm cho con buôn không lương tâm.

Tôi thương các cụ già lưu lạc bốn phương trời dù các cụ có gặp lại họ hàng nhà trà chúng tôi, thì chúng tôi đã bị biến thể, pha chế khác xưa rồi. Các cụ đành âm thầm chấp nhận uống trà như những người ở phương trời khác mình. Họ uống để lấy no, lấy bổ, không phải uống từ ngậm nhỏ lấy hương vị. người phương Tây sống vội sống vàng với vật chất kỹ thuật đâu giống các cụ phương Đông chỉ sống hòa hoãn với tinh thần !

Như đã nói ở phần trên, họ hàng nhà trà chúng tôi bị đưa đến phương trời Tây nhưng chúng tôi đâu có bám rễ vào đất đầy tuyết trắng này. Ở đây đâu có tiết trời ấm thích hợp cho chúng tôi phát triển thành những vùng đồi chè xanh ngút ngàn để ngày ngày thấp thoáng bên nương chè có bóng dáng các cô thôn nữ xinh tươi, má thắm môi hồng dưới vành nón lá. Và để lâu lâu có tiếng hò cất lên chọc ghẹo :

Rủ nhau lên núi hái chè ...

Ôi những đồi chè ! Những đồi chè của quê hương rất hiền hòa và rất dễ ngắt ngọn do các bàn tay ngón nhỏ xinh xinh, không phải những đồi chè cheo leo hiểm trở trong truyền thuyết : *Trảm mã trà !*

Theo truyền thuyết : Có loại trà ngon ở tận Vũ Di sơn xa xôi khó hái lá, cần phải nhờ giống ngựa khỏe đến đó để, không như các thôn nữ thoăn thoắt hái bằng đôi tay, mà con ngựa ăn ngọn ăn gấu lá dọt non vào dây bao tử, vì chúng bị người ta không cho ăn mấy ngày nên quá đói. Hai ngày sau, người ta đến bắt ngựa về chuồng để chủ ngựa cắt đầu, mổ bụng lấy bao tử ngựa còn chứa lá trà tươi. Lá trà chưa bị tiêu hóa nhưng đã thấm vị toan của ngựa, lên men đúng độ, nên trà trở nên ngon hơn (?) khi nấu với nước sôi. Loại trà chỉ có trong truyền thuyết hay chỉ là trà dành cho nhà Vua ? Quá đắt vì muốn uống trà phải hy sinh con tuấn mã, ai uống nổi ?

Hôm nay nhân mùa xuân, các cụ lại nhớ đến một loại trà quý, hiếm ở phương Đông : *Hầu trà.*

Phương trời Tây nhiều núi cao

quanh năm tuyết phủ nên không có loại cây nào sống nổi ngoài trừ cây thông, không như các ngọn núi phương Đông, vùng Triết Giang bên Tàu, có loại cây trà sống trên đỉnh cao hút lấy ánh dương mặt trời và sương khuya để phát triển theo sinh thái tự nhiên không cần phân đất. Muốn thu hoạch loại trà quý này phải nhờ đến giống khỉ tinh khôn.

Nói khỉ là giống vật tinh khôn nhưng cũng không khỏi bị cái khôn của con người kèm chế.

Trà mọc cheo leo quá, người dân dưới chân núi đó nuôi bầy khỉ và cho chúng uống một chất nhựa như á phiện để chúng bị ghiền, sau đó người ta dạy cho khỉ biết cách hái lá trà trên đỉnh cao chơn chớ kia. Khi khỉ thuần thục, mỗi sáng người ta đeo vào lưng khỉ một cái giỏ, truyền lệnh cho chúng leo lên đỉnh hái đọt trà quý đầy giỏ đem về. Bầy khỉ đã bị ăn chất nhựa, ghiền rồi, không thể nào rời bỏ người nuôi đang có trong tay chất ma túy đó nên cố hái cho mau để trở về nhà lãnh công bằng viên nhựa nhỏ ...

Anh họ trà của tôi muốn sống độc lập thoát mái trên núi cao lộng gió vẫn không thoát khỏi bàn tay con khỉ mà con khỉ cũng không thoát khỏi chất ma túy cám dỗ do loài người tham lam trao cho !

(Viết theo tâm sự của loài trà vào dịp đầu xuân ở quê người ...) (Trích trong XÓM CŨ của tác giả)



Thơ - Bác sĩ Phan Quang Đán

VỀ LÀNG

Thị thành lìa bỏ về làng,
Xa nơi bụi bặm rộn ràng ngựa xe.
Phồn hoa náo nhiệt người mê,
Diễn viên ta thích thú quê dịu dàng.



Về đây buông phởi nơ nang,
Ung dung bộ óc, an nhàn trái tim.
Tử bễ hoa lá bướm chim,
Vui tai, vui mắt, càng thêm vui lòng.



Về đây gió mát trăng trong,
Quần đùi, áo cánh, thong dong nhẹ mình
Đêm đêm giấc ngủ ngon lành,
Mây phiến tan sạch, tâm tình láng láng.



Về đây mềm đá cứng chân,
Kéo gàu, phác cỏ, bón phân, cuốc vườn.
Cần cù một nắng hai sương,
Lồng chùm long nhãn, sơn chuồng bồ câu



Về đây xay lúa, chẻ cau,
Đào giun nuôi vịt, hái dâu dưỡng tằm.
Sửa sang chăm chút quanh năm,
Hết ao rau muống đến giàn dưa leo.



Về đây non nước trong veo,
Bông lau phơ phất, cánh bèo lững lơ.
Vợ chồng dệt vải quay tơ,
Mẹ già niệm Phật, con thơ thả diều.



Hương thôn phong cảnh mỹ miều,
Hiên dài, sân rộng, sớm chiều thanh thang.
Bốn mùa làm lụng nhịp nhàng,
Vui vầy mạnh khỏe, địa đàng là đây.

Ăn Chay

Bác Sĩ
Trần Xuân Ninh

Tại các nước kỹ nghệ phát triển, thịt cá là một phần quan trọng trong đồ ăn. Riêng tại Hoa Kỳ giàu có, thịt là món ăn chính trong bữa đối với nhiều người. Nhưng trong những thời gian gần đây, ăn chay đã trở thành một phong trào. Đồ chay chế biến đủ loại bày bán trong các tiệm thực phẩm sức khỏe (health food stores). Trong khung cảnh này, người ta ăn chay vì những lý do khác nhau: Bảo vệ môi sinh, chăm lo sức khỏe, thương yêu súc vật, lý do thời thượng, và cả vì lý do quảng cáo thương mại.

Khi có người ăn chay thì có người chế tạo đồ chay theo phương pháp kỹ nghệ đem bán. Và dĩ nhiên để gia tăng doanh số cũng như lợi tức thì người ta đề cao ích lợi của ăn chay nhằm gia tăng số người tiêu thụ đồ chay. Ở đây không đề cập đến ăn chay như là một hiện tượng xã hội Âu Mỹ này, mà chỉ suy nghĩ về ăn chay trong Phật giáo, và dưới khía cạnh dinh dưỡng tổng quát.

1. Ăn Chay Trong Đạo Phật:

Người Việt Nam thường cho rằng ăn chay là một yêu cầu tu tập của các tăng sĩ và các Phật tử. Các tăng sĩ phải ăn trường chay, tức là hoàn toàn không trong trường hợp nào được ăn thịt cá. Các tín đồ thì tùy tâm nguyện mà ăn chay một hay nhiều ngày trong tháng

hoặc theo trường chay. Nói cho đúng thì yêu cầu ăn chay chỉ áp dụng với các tăng sĩ theo Phật giáo Đại thừa, truyền từ Trung Hoa sang, còn gọi là Phật giáo Bắc Tông. Các tăng sĩ Phật giáo Nguyên Thủy, hay Nam Tông, có truyền thống khát thực, thì không bắt buộc ăn chay, mà ăn những thực phẩm do quần chúng tùy duyên trao tặng.

Sự khác biệt này đã khiến một số nhà nghiên cứu tìm tòi sách vở để xem lời Phật dạy đối với vấn đề ăn chay ăn mặn ra sao, nhằm phân định phải trái. Những dẫn chứng dĩ nhiên là khác nhau tùy theo nguồn kinh sách và tùy theo định kiến cá nhân đối với ăn chay.

Phật giáo Nguyên Thủy cho rằng Đức Phật không phải là người ăn chay, không đặt vấn đề chay mặn, và hàng tỳ kheo đi khát thực đón nhận, không phân biệt, thực phẩm dân chúng đóng góp cúng dường. Ngược lại, ăn chay là một yêu cầu tu tập bắt buộc trong các kinh điển Phật giáo Đại thừa Trung Hoa. Vì thế, nhiều người cho rằng ăn chay là một nét đặc thù của Phật giáo Đại thừa. Thực sự thì ta nên biết rằng một số tu sĩ Nhật bản thuộc Phật giáo Đại thừa cũng ăn thịt. Ngoài ra, một giáo phái đại thừa Tây Tạng (áo đỏ) cũng ăn thịt. Ngay một số đệ tử đức Đạt Lai Lạt Ma lúc sang Mỹ thuyết giảng khi được hỏi về thực phẩm cũng không đặt vấn đề chay mặn. Trong sách *"Quan Điểm Về Ăn Chay của Đạo Phật"* tác giả Tâm Diệu đã viết rằng *"ăn chay không phải là nét đặc thù của Phật giáo Đại thừa nói chung và của Phật giáo Đại thừa Trung hoa nói riêng"*. Tâm Diệu đã dẫn một số tài liệu để khẳng định *"ăn chay đã có trong thời kỳ Phật còn tại"*

thế và được phát triển mạnh mẽ vào thời đại Asoka, vị hoàng đế Ấn Độ trị vì từ năm 274 đến năm 232 trước Thiên chúa giáng sinh”.

Tác giả Tâm Diệu vừa viện dẫn kinh sách, vừa lý luận dựa trên một số tài liệu khoa học và bài viết hiện đại về môi sinh để cổ võ việc ăn chay. Bài này không nhằm mục đích đó mà chỉ muốn đưa lên một số suy nghĩ về ăn chay, trên cơ sở hiểu biết cá nhân về đạo Phật cũng như về dinh dưỡng.

Các tu sĩ Phật giáo Nguyên Thủy cho rằng sự giải thoát không do nơi ăn uống, mà do nơi thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý. Ăn chay mà thân khẩu không lành, ý chứa gươm đao, giới luật không giữ thì không lợi ích gì. Luận cứ này không khác gì mấy lối nghĩ của người bình dân “*ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối*”. Cái lý luận bình dân này xét ra cũng hơi có tính bài bác ăn chay.

Ngược lại, theo Phật giáo Trung Hoa, ăn chay là một phần của việc thì hành giáo pháp. Triều đại nhà Lương (thế kỷ thứ 6 sau Thiên chúa), nhà vua cấm thịt cá trong các yến tiệc hoàng cung, kêu gọi dân chúng ăn chay và cấm giết thú vật trong các nghi lễ của Đạo giáo. Thời Minh (thế kỷ 16-17), hòa thượng Vân Thê Châu Hoàng là người cổ võ ăn chay mạnh mẽ, vì thế có người đã cho rằng ăn chay bắt đầu từ thời này. Bênh vực cho yêu cầu ăn chay trong việc hành trì đạo pháp, có nhiều luận cứ trong kinh sách Đại thừa, như Lăng Già, Lăng Nghiêm, Đại Bát Niết Bàn ... Chủ yếu coi ăn chay là thì hành giới cấm sát sinh, và cũng là thực hành hạnh từ bi.

Ngoài ra, ăn chay cũng là để tránh ăn thịt lẫn nhau, trong đó có thể có người thân thích cật ruột của mình bị trầm luân theo luật luân hồi. Nếu nhận rằng giới cấm sát sinh và hạnh từ bi không chỉ áp dụng với người mà còn phải áp dụng với mọi loài từ con sâu cái kiến trở đi, thì ăn thịt sinh vật không thể nào biện giải được. Nếu tin tuyệt đối vào luân hồi, làm kiếp người hay kiếp thú vật hoàn toàn tùy duyên nghiệp nhân quả quyết định, thì rõ ràng ăn thịt động vật cũng là ăn thịt con người. Tuy nhiên cái lòng tin tuyệt đối này cũng như sự diễn dịch giáo lý của Phật có khác nhau, tùy theo văn hóa và trình độ phát triển của từng dân tộc cũng như tùy sự hiểu biết cá nhân.

Truyện kể lại rằng vào đời nhà Trần trong một bữa tiệc do hoàng thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm thiết đãi có cả món chay lẫn món mặn, thì Tuệ Trung Thượng Sĩ, người sáng lập ra Thiên Phái Trúc Lâm Yên Tử Việt Nam, đã điềm nhiên ăn thịt cá. Thái hậu ngạc nhiên hỏi : “*Anh tu thiền mà ăn thịt cá thì thành Phật sao được ?*” Ngài cười đáp : “*Phật là Phật, anh là anh. Anh không cần làm Phật. Phật không cần làm anh*”. Tuệ Trung Thượng Sĩ là một bậc tu hành giác ngộ. Lời nói của ngài không phải là lời kẻ tục tử đáp xằng. Việc ăn thịt cá của ngài Tuệ Trung dĩ nhiên là trái hẳn kinh sách Đại thừa. Vậy thì sự thực ở đâu ? Ăn chay là phải, hay ăn mặn là phải trong việc tu hành theo Phật pháp ?

Câu trả lời của Tuệ Trung Thượng Sĩ hàm ý cho thấy cái quan trọng của tâm tu và cái phá chấp trong phương tiện tu hành.

Thời nay, ta thấy có những trường hợp các bữa cơm chay trong chùa đầy rẫy các món như giò, chả, thịt kho, cá hấp, tôm xào ... làm bằng đồ chay. Về vật chất, đúng rằng các món này thuần làm bằng rau đậu, không có cá thịt. Nhưng về tinh thần, cái ý thức ăn giò, chả, thịt kho, cá hấp ... rõ ràng biểu lộ sự trói buộc vào trong những ý niệm qui ước nặng nề thân khẩu ý, không giúp ích chút nào cho sự tu trì. So với một tu sĩ Phật giáo Nguyên Thủy, đón nhận tự nhiên mọi thực phẩm dân chúng cúng dường, không chú ý tìm cái ngon trong đó, coi ăn như một nhu cầu bình thường và tự nhiên để sống và tu hành, thì người ăn chay với các món cầu kỳ sửa soạn để phục vụ khẩu vị, sắc hương .. chưa chắc đã là người tiến gần hơn đến chỗ giác ngộ. Nói như vậy cũng không phải để bênh vực những kẻ cố tình khai thác cái ý “*phá chấp*”, “*cốt ở tâm tu*” để mà sa đà ăn mặn, dối mình, gạt người.

2. Ăn Chay Và Dinh Dưỡng :

Ăn, khởi thủy vốn là một yêu cầu tự nhiên để sống còn, nhưng dần dần đã trở thành một cái dục thú lớn ở đời, và là một trong những động lực thúc đẩy con người vật lộn đấu tranh. Từ chỗ sống nhờ ăn, người ta trở thành khổ vì ăn. Khổ trong sự tìm kiếm đồ ăn đã đành, khổ còn vì ăn không đúng mà trở thành đau bệnh. Trong cái mạch suy nghĩ này, nếu giữ cho cái ăn không trở thành một ám ảnh, với những yêu cầu phức tạp thêm thắt quanh đó thì đã là một bước diệt dục. Người Mỹ có câu “*you are what you eat*”, ý nói rằng thực phẩm ảnh hưởng nhiều vào con người. Một cách đơn giản, ăn đường mỡ béo bổ nhiều thì

để mập phì, sinh bệnh tim mạch hay ung thư v.v... Câu này thường nêu lên bởi những nhà dinh dưỡng, mục đích là nhằm khuyên con người để ý đến việc chọn đồ ăn tốt cho sức khỏe mà tránh những thức độc hại dầu ngon miệng, hợp khẩu vị.

Các cụ ta ngày xưa không nói như người Mỹ nhưng cũng có quan niệm rằng những giống vật ăn thịt thường là bạo tợn, như hổ báo, còn các giống ăn cỏ thường là hiền lành như hươu nai trâu bò. Nền văn hóa của những giống dân du mục, sống bằng săn thú và thịt động vật cũng có những nét hung dữ năng nổ hơn là văn hóa của những giống người sống bằng nông phẩm trồng trọt. Đối với con người thì rượu nồng dê béo ... thường được coi là những món ăn kích động thú tính con người. Và không lấy gì làm lạ là những người tham dục thường tìm đến nào là huyết chim sẻ, máu rắn hổ mang, thịt dê đực vân vân, chứ ít ai tìm ăn rau cỏ trái cây. Tóm lại thức ăn ảnh hưởng quan trọng đến cơ thể và tinh thần con người. Sự quan trọng này của thực phẩm đã được trường phái dưỡng sinh Osawa gào gào lúc muối mè khai triển triệt để trong cách phòng bệnh cũng như chữa bệnh nan y, và được chú ý tại Việt Nam thập niên 60-70. Tuy nhiên, những luận lý chứng minh đưa ra của trường phái này đã trộn lẫn những dữ kiện khoa học Tây phương với những dữ kiện y lý và huyền bí Đông phương như ngũ hành sinh khắc, hàn nhiệt ... gán cho các loại thực phẩm một cách tùy tiện. Vì thế người theo Osawa không chỉ dựa trên lý luận và tri thức mà còn phải có cả yếu tố lòng tin ở những phán truyền

này.

Nhiều người, trong sự hăng say cố võ ăn chay, đã đi tới chỗ khẳng định ăn chay tốt hơn và làm con người khỏe hơn ăn mặn (tức là ăn thịt, cá ...) Ngược lại, những người tin tưởng mù quáng vì không hiểu nhiều y học Tây phương lại cho rằng cá thịt ... là những thực phẩm không thể thiếu để làm cho cơ thể khỏe mạnh. Thực sự vấn đề không đơn giản như thế. Có nhiều người Ấn độ ăn chay từ nhỏ đến lớn mà vẫn khỏe mạnh không tật bệnh. Có nhiều người chỉ ăn thịt cá mà bệnh tật ốm đau đủ thứ. Nói chung, ăn mà không đúng cách thì bất kể chay mặn đều là không tốt. Riêng nói về ăn chay, thì có thể khẳng định rằng các thực phẩm chay đủ cung cấp cho người ta các yếu tố dinh dưỡng cơ bản cần thiết cho cơ thể, gồm chất bột, chất béo, chất đạm, chất xơ và các sinh tố cũng như muối khoáng. Ngày nay người ta đã phân biệt ra ba loại ăn chay. Loại thứ nhất gồm các loại nông phẩm như rau, đậu, hạt, trái cây, trứng sữa và phó sản (như bơ, kem, phó mát ...). Loại ăn chay thứ hai cũng gồm các thực phẩm như trên, trừ trứng. Loại thứ ba chỉ gồm có rau đậu trái cây mà không có trứng và sữa cùng các phó sản. Người Việt Nam trước đây, vì không phát triển chăn nuôi, ít có sữa và ít dùng sữa, và coi trứng là có đời sống, nên ăn chay thuộc loại thứ ba. Về phương diện khoa học, trứng chỉ là một tế bào trong một môi trường dinh dưỡng. Nếu có thụ tinh thì trứng mới trở thành một bào thai và phát triển thành sinh vật khi có nhiệt độ thuận lợi do ấp trứng thiên nhiên hay trong máy ấp. Một cách thực tế là gà

nuôi kỹ nghệ để cho đẻ lấy trứng thì không có thụ tinh và trứng chỉ là một tế bào, như nhiều người tế bào khác loại ra hàng ngày. Nói chung, lối ăn chay có trứng sữa không ngại thiếu dinh dưỡng. Nhưng lối ăn chay loại ba, thì khó tránh khỏi thiếu dinh dưỡng nếu không biết đặc tính của từng loại thực phẩm để mà chọn lựa sử dụng theo những tỉ lệ thích hợp. Thực vậy, trong các loại đậu, đặc biệt là đậu nành thì có chất đạm, các hạt như hạt vừng (mè), hạt điều thì có nhiều chất béo ... Nếu ăn chay nhà nghèo theo kiểu Việt Nam ngày xưa chủ yếu toàn rau mà thiếu đậu cùng các loại hạt và những phó sản (đậu phụ, dầu, sữa đậu nành ...) thì suy dinh dưỡng là chắc chắn. Ngược lại, người Việt tại Mỹ hiện nay, trong cách sửa soạn đồ chay thường rộng rãi sử dụng dầu, mè (vừng), đậu phụng, nước cốt dừa, đường v.v... để cho các món ăn ngon lành, bùi béo. Do đó đã tạo nên một loại dinh dưỡng không thăng bằng, không tốt cho cơ thể. Lý do chỉ vì dùng chất béo và chất đường quá nhiều, là những thứ dễ sinh bệnh tim mạch và tiểu đường. Tóm tắt lại thì nếu biết rõ đặc chất dinh dưỡng của từng loại đồ chay để mà chọn lựa ăn chay một cách quân bình theo những hiểu biết khoa học, thì ăn chay có khả năng dinh dưỡng không khác gì ăn mặn, mà còn có những lợi điểm giúp con người trầm tĩnh xuống, thích hợp cho sự tu hành yên lặng của tâm hồn.

3. Ăn Chay Và Tu Hành Phật Pháp:

Nếu cứ viện dẫn và diễn dịch kinh điển để nói rằng tu hành theo Phật giáo là phải hay không phải ăn chay thì cuộc luận bàn tìm đúng sai này sẽ không bao

giờ chấm dứt. Bởi vì như trên đã nói, kinh điển khác nhau tùy theo nguồn gốc Đại thừa hay Nguyên thủy. Những luận cứ Đại thừa cũng như Nguyên thủy đều có những cái lý của chúng. Đạo Phật lại đã trải qua một thời kỳ trầm lắng gần ba thế kỷ sau khi Đức Phật viên tịch khiến cho sách vở cũng như những điển truyền không tránh khỏi khác nhau. Vả lại những kỳ kết tập của các đệ tử trong khoảng vài trăm năm sau khi Phật viên tịch để thảo luận về giới luật đã không có sự hoàn toàn thống nhất ý kiến.

Ở đây chỉ xin trình bày một cách nhìn thực tiễn về ăn chay, không mang tính cách trường phái, giáo điều. Như đã tóm lược ở trên, thực phẩm chay có đầy đủ các chất chính cần thiết cho nhu cầu dinh dưỡng của con người (chất đạm, chất béo, chất bột, chất xơ, sinh tố và các khoáng chất). Cho nên ăn chay đúng cách không khác gì ăn mặn về khía cạnh dinh dưỡng. Ngoài ra nhìn chung thực phẩm chay còn có những ảnh hưởng tinh lành lên phản ứng con người, ngược với những đồ ăn gốc động vật.

Đứng về phương diện khẩu vị, tất cả chỉ là thói quen. Nếu quen ăn nhiều mỡ và thịt cá thì không thể thích các đồ ăn chay nhiều chất bột chất xơ. Ngược lại, nếu không ăn thịt cá quen thì chỉ thấy ngon miệng với rau đậu. Con người vốn thuộc loài ăn tạp (*omnivore*), nghĩa là ăn đủ thứ, nếu bỗng nhiên chỉ ăn có một loại thực phẩm chay thì sẽ có khó khăn. Vượt qua khó khăn này chính là một nỗ lực tu hành, gạt bỏ những trói buộc của thân khẩu ý. Tuy nhiên, khi đã ăn chay mà còn bày vẽ vọng tưởng, nào là giò, chả, cá, thịt, thì tinh thần này lại làm

cho con người bị trói buộc mà giảm mất ý nghĩa của sự chọn lựa ăn chay.

Nhìn ra như vậy người cư sĩ Phật giáo sẽ chọn được cho mình một thái độ thích hợp đối với vấn đề ăn chay trên con đường tìm tới thân tâm an lạc. Một cách dung dị và thực tế, có thể nói ăn chay là một phương tiện tu hành hữu ích.

THƠ VƯƠNG ĐĂNG

Hăm mấy năm qua

*Hăm mấy năm qua như gió thoảng ;
Mỗi năm đất khách, mỗi yêu thương
Những người ở lại quê hương cũ ;
Biết đến bao giờ thôi vấn vương ?*



*Biết đến bao giờ tôi thấy lại
Chợ đêm nhộn nhịp giữa quê hương,
Giao thừa, Mừng Một, Mừng Hai Tết,
Xác pháo tung bay khắp nẻo đường ?*



*Xác pháo tung bay, cờ phất phới
Những ngày ngà ngọc sống trong tôi ;
Dấu dòng lịch sử trôi, trôi mãi
Tôi vẫn nung niu cả cuộc đời*



*Tôi vẫn nung niu hình bóng cũ ;
Lắm đêm trần trọc nhớ quê hương ;
Dù trời ngăn cách muôn ngàn dặm
Vẫn nhớ những gì tôi mến thương*

**THƯ GỬI PHÁI ĐOÀN LIÊN HIỆP QUỐC
VỀ VIỆC NHÀ NƯỚC CỘNG SẢN VIỆT NAM VI PHẠM
NHÂN QUYỀN VÀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG
ĐỐI VỚI GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT.**

Kính thưa quý ngài,

Chúng tôi là những nam nữ tín đồ Phật tử thuộc Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất, rất vui mừng khi nghe tin quý ngài trong phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến Việt nam với sứ mệnh là tìm hiểu sự thật về tình hình Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất bị nhà cầm quyền sở tại đàn áp và tiêu diệt. Sự có mặt của quý ngài ở đây, là một điều cần thiết và cao quý đối với chúng tôi, và hơn nữa “chúng” nói lên được sự quan tâm của cơ quan Liên Hiệp Quốc đối với vấn đề nhân quyền, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng được quý cơ quan thể hiện một cách tích cực trong công bằng và vô tư, nhưng nghe đâu thời gian của quý ngài đến đây là quá ít. Với thời gian ít ỏi như vậy, chúng tôi e rằng quý ngài khó có thể tìm hiểu và điều tra được những gì là sự thật, theo sự mong muốn của quý ngài, và ngay cả chúng tôi.

Vì như quý ngài biết, chủ nghĩa Cộng sản nói chung và nhà nước Cộng sản Việt nam nói riêng, họ luôn luôn chú trọng đến hình thức và, việc tuyên truyền được họ coi như là chánh sách hàng đầu trong việc cố xúy đấu tranh giai cấp giải phóng các dân tộc nghèo đói trên thế giới. Trong khi họ tuyên truyền, họ luôn luôn nói đến cái hay cái tốt của họ ; còn những việc làm chống lại quyền làm người, trong đó các thứ quyền tự do tối thiểu của con người như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, tự do đi lại, tự do hội họp, tự do chính trị, tự do tư tưởng, tự do dân chủ ... luôn bị họ hạn chế tối đa và tước đoạt một cách thô bạo bằng thế lực của súng đạn, tù đày, những việc làm này, thì họ không bao giờ rêu rao tuyên truyền. Nghĩa là những gì họ làm tốt thì họ khoe, còn những gì họ làm xấu đối với người dân thì họ dấu kín, ém nhẹm, bưng bít sự thật. Trong thời gian ngắn ngủi ít ỏi như vậy, thì làm sao các ngài đủ thời gian để tìm hiểu và tra cứu, nếu các ngài không có nghiệp vụ chuyên môn; trong khi các ngài bị nghe họ nói và tuyên truyền bưng bít xuyên tạc qua những hình thức đã được họ dàn dựng lên để đánh lạc hướng các ngài, vì trong tay họ đang là những người nắm giữ mọi quyền hành, và phương tiện có thể dàn xếp đổi đen ra trắng nếu cần ?

Thưa quý ngài, hiện tại trên đất nước chúng tôi không có bất cứ một thứ tự do nào hết ngoài thứ tự do theo đảng nhà nước Cộng sản, và kinh tế đối với người nước ngoài, nhưng đối với tư nhân trong nước thì vẫn bị hạn chế, đó là một sự

thật phũ phàng mà nhân dân và Phật tử chúng tôi phải gánh chịu. Trên thực tế thì nhà nước Cộng sản luôn luôn rêu rao với thế giới rằng : “Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam là một nước : Tự Do Dân Chủ”. Nhưng thưa các ngài, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam thật sự có dân chủ tự do hay không, thì các ngài chỉ nhìn vào cơ cấu tổ chức nhà nước thì sẽ rõ qua những phân tích của chúng tôi sau đây :

Trên mặt hình thức tổ chức, nếu đứng ngoài nhìn vào, thì chúng ta thấy nhà nước Việt nam cũng có ba cơ quan đó là Lập pháp - Hành pháp - Tư pháp. Trong ba cơ quan này chỉ có cơ quan Lập pháp là có bầu cử (không có ứng cử, vì họ không cho bất cứ người dân nào, nếu không phải là Đảng viên và không được đảng chỉ định), còn Hành pháp thì do cơ quan Lập pháp chỉ định cũng phải là Đảng viên được họ bầu lên, và Tư pháp thì cũng do Đảng chỉ định. Qua ba cơ quan này chúng ta thấy có tự do dân chủ bầu cử rõ ràng trên mặt hình thức, nhưng nếu xét về nội dung thì đây chỉ là một trò tự do dân chủ lừa bịp. Vì tất cả những người ra ứng cử đều do Đảng chỉ định, mà Đảng chỉ định thì họ là những đảng viên Cộng sản. Thường thường mỗi đơn vị như vậy, lấy bao nhiêu người thì họ chỉ định Đảng viên của họ ra ứng cử nhiều hơn số người đã được ấn định cho đơn vị đó nhiều hơn một hay hai người gì đó, và những người dư ra đó là những người bị thất cử, để có vẻ là tự do dân chủ nên có người đậu có người rớt, nhưng trên thực tế những người rớt đó cũng là Đảng viên được đưa ra để làm con cờ thí cho nước cờ chính trị tự do dân chủ của họ. Nói đúng ra là đảng đã chỉ định sắp xếp tất cả rồi, dù có bầu hay không có bầu thì những đảng viên này vẫn trúng cử, và những đại biểu Quốc hội Lập pháp này hoàn toàn là Đảng viên Cộng sản, còn người dân là chỉ biết có đi bầu mà thôi chứ không có quyền không đi bầu, nếu người nào không đi bầu thì họ sẽ mang thùng phiếu đến tận nhà bắt phải bỏ ; nhờ thế cho nên chúng ta thường nghe kết quả của mỗi kỳ bầu cử tại Việt nam luôn luôn là 99% hay 100% là vậy. Như vậy rốt cuộc cả ba cơ quan này hoàn toàn là Đảng viên Cộng sản ; ba cơ quan này là công cụ của Đảng, tuy nói là ba trên mặt hình thức chứ thật ra chỉ là một, đó là Đảng Cộng sản Việt nam chỉ huy và lãnh đạo, còn người dân không là Đảng viên thì luôn luôn là những kẻ bị trị, chỉ có Đảng viên đảng Cộng sản mới là những kẻ thống trị mà thôi. Chúng tôi đưa ra những chiêu bài lừa bịp của Đảng Cộng sản Việt nam qua cơ cấu tổ chức nhà nước Việt nam để cho quý ngài biết rằng, hiện tại trên đất nước Việt nam này không có bất cứ một hình thức tự do dân chủ nào tồn tại và hiện hữu ở đây cả, mà họ chỉ áp dụng chánh sách một chiều trong mọi lãnh vực, chỉ có lãnh vực kinh tế mới đổi mới vào năm 1986 mà thôi, ngoài ra tất cả đều là những hình thức giả dối được dựng lên để lừa bịp thế giới của nhà nước này mà thôi.

Thưa quý ngài, vậy thì việc thành lập Giáo hội Phật giáo mới của họ, cũng chỉ là hình thức cho một chiêu bài, mà nội dung của nó là ý thức một chiều. Nghĩa là họ dùng cái tổ chức Phật giáo tay sai của riêng họ để tiêu diệt Phật giáo

thống nhất là Phật giáo truyền thống. Khi mà quý ngài đến đất nước này, quý ngài thấy Phật giáo Việt nam hiện đang sinh hoạt bình thường, chùa chiền Phật tử tới lui lễ bái không có bất cứ một triệu chứng nào là đàn áp hay tiêu diệt gì cả. Nhưng các ngài có biết rằng tất cả những chùa chiền cơ sở đó, trước đây là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất. Ngày nay cái tổ chức Giáo hội mới được nhà nước lập ra, và họ dựa vào đó để chiếm đoạt rồi thay tên đổi họ. Chúng tôi là những tín đồ nam nữ Phật tử thuộc Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất hiện giờ không còn chỗ sinh hoạt tôn giáo nữa, buộc chúng tôi phải đến những chỗ đó để sinh hoạt. Hơn nữa chúng tôi là Phật tử của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, nhưng trên hình thức họ không biết, không phân biệt được, nên đến những nơi này chúng tôi không bị ngăn cấm.

Thưa quý ngài, về cơ sở của Giáo hội chúng tôi là như vậy, còn vấn đề nhân sự của Giáo hội chúng tôi cũng rơi vào tình trạng bi đát không kém: Quý Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng, ni thuộc thành phần lãnh đạo, cũng như các thành viên trong Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất hầu hết đều bị bắt và tù đầy như quý ngài đã biết, ngoài ra còn một số vị đã bị chết trong tù mà thế giới và các cơ quan nhân quyền, nhân đạo của Liên Hiệp Quốc chưa biết, đó là trường hợp Hoà thượng Thích Thiện Minh, Thượng tọa Thích Pháp Hải chưa được đưa ra ánh sáng. Trường hợp Hoà thượng Thích Thiện Minh thì bị Công an thành phố chở Hoà thượng đi ra ngoài đường rồi chặn xe lại mời về sở công an làm việc, rồi sau đó nhốt luôn cho đến khi chết, họ mang xác Hoà thượng ra tận ngoài Bình Tuy, và mời Hoà thượng Thích Trí Thủ ra nhận diện. Trong khi nhận diện họ chỉ cho Hoà thượng Thích Trí Thủ nhìn mặt mà thôi, chứ không cho đỡ tấm ra đang đắp trên người Hoà thượng để xem phần thân thể (?) Trường hợp Thượng tọa Pháp Hải cũng là một trường hợp bị chết một cách oan uổng trong nhà tù quận Tân bình, bị kết vào cái tội "Tụ tập bất hợp pháp". Trong vụ bắt người này gồm có năm thầy : thầy trụ trì chùa Phổ Hiền gần ngã tư Bảy Hiền; hai thầy ở chùa Già lam Gò Vấp là thầy Đức Thắng và thầy Nguyên Hỷ; hai thầy ở chùa Quán Thế Âm Phú Nhuận là thầy Trừng Hiện và thầy Pháp Hải. Đó là năm thầy bị bắt vào ngày 22 tháng 12 năm 1978 dương lịch tức là ngày vía đức Phật A Di Đà vào tháng 11 âm lịch (do vì không mang theo giấy tùy thân nên bị bắt với tội danh như trên, còn bao nhiêu người có giấy tùy thân thì họ cho ra về hết). Ngày này là ngày lễ của Phật giáo, theo thường lệ thầy trụ trì ở đây mời quý thầy về làm lễ và dùng cơm chay thân mật, nhưng cũng chính ngày này quý thầy đã bị Công an phường sở tại phối hợp với Công an quận Tân bình bắt cho vào nhà tù quận, và sau đó không hiểu vì sao Thầy Pháp Hải đã chết (?) trong tù, và cũng nhờ cái chết của thầy Pháp Hải mà bốn thầy kia được tam tha (theo giấy ra nhà tù ghi) (?) Đó là những cái chết mờ ám chưa được đưa ra ánh sáng, và có thể vẫn còn biết bao nhiêu vụ nữa mà chúng tôi chưa được biết, chỉ vì sự bùng bít của chế độ này quá ư tinh vi.

Thưa quý ngài, nếu quý ngài muốn biết rõ sự thật và chính xác về tình trạng đàn áp và cách tiêu diệt Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất của chế độ này có hay không, thì chỉ có một cách là quý ngài hãy sống với cộng sản và chiêm nghiệm câu nói này : “Đừng nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì cộng sản làm” thì câu nói này nó sẽ đánh rơi chiếc mặt nạ và lột trần bộ mặt thật của nhà nước Cộng sản Việt nam đối với các ngài ngay.

Cuối thư chúng tôi thay mặt tín đồ nam nữ Phật tử thuộc Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất trước hết xin được nêu ra những nguyện vọng như sau, qua phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc đối với nhà nước Cộng sản Việt nam :

1) Yêu cầu nhà nước Cộng sản Việt nam đừng xen vào nội bộ Phật giáo, và để Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất tự do sinh hoạt bình thường.

2) Yêu cầu nhà nước Cộng sản Việt nam hoàn trả lại tất cả bất động sản của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, và những cơ sở tôn giáo mà Giáo hội mới do nhà nước dựng lên, đã chiếm đoạt lâu nay.

3) Yêu cầu nhà nước Cộng sản Việt nam hãy thả Hòa thượng Thích Huyền Quang cùng tất cả những Tăng, ni và Phật tử đang bị nhà nước giam giữ chỉ vì vấn đề bảo vệ Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất.

Và sau cùng chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự chiếu cố của phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc đối với Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất chúng tôi. Chúng tôi luôn tin tưởng vào sự sáng suốt và vô tư của quý ngài đối với công việc của mình, và cầu chúc quý ngài thành công trong sứ mệnh của mình mà Liên Hiệp Quốc đã giao phó cho.

Trân trọng trình thư,

Việt nam, ngày 21 tháng 10 năm 1998.

Cư sĩ Minh Giác đại diện nam nữ Phật tử
Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất

GIỚI THIỆU ĐẠI TẠNG KINH

Bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh bằng Hán văn được tu chỉnh công phu, gồm 100 quyển, khổ 8x11, bìa dày mạ vàng, giấy tốt, chữ rõ ràng, trang nhã vô cùng giá trị. Giá mỗi bộ là US\$2300.⁰⁰ (Hai ngàn ba trăm dollars Mỹ). Địa chỉ nhà Xuất Bản:

Shyh Hyah Printing Co. LTD

No 23, 1F1, Section 3, Shing Sheng South Road, Taipei

TAIWAN - R.O.C

Tel. (2) 2363-2220 ; Fax. (2) 2362-8523

TIN TỨC PHẬT SỰ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

GIÁO HỘI ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN:

Đại hội thường niên của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo thường tổ chức vào dịp lễ Columbus, vào địa điểm tổ chức Đại Hội tùy duyên chuyển đổi. Một ngôi chùa Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại kiến trúc theo lối Việt Nam vừa mới hoàn thành và màu y vàng của tăng già trong ba ngày Đại hội 9, 10 và 11 tháng 10 năm nay đã mang lại cho thành phố Dallas thật trang nghiêm cho những ngày đầu mùa Thu. Hơn sáu chục tăng ni và trên ngàn Phật tử về tham dự Đại hội và lễ Khánh thành chùa.

Lịch trình đại hội gồm có : Tiền Hội Nghị, Khai Mạc, các Khoáng Đại, Bế Mạc và phiên họp đặc biệt của Hội Đồng Điều Hành. Bản Quyết Nghị Đại Hội nhắm vào :

a- Tiếp tục công cuộc vận động phục hoạt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tinh thần từ bi bất bạo động.

b- củng cố sự tu học cho tăng ni và quần chúng Phật tử.

c- Phương tiện thiện xảo trong công cuộc duy trì và phát triển các cơ sở Giáo Hội. Ngoài ra, Đại hội còn chú trọng vào Phật sự tìm kiếm xây dựng trụ sở trung ương của Giáo Hội.

Sự thành công lớn lao đầu tiên của Giáo Hội và cũng tiêu biểu cho Phật

Giáo Việt Nam ở hải ngoại là sự hợp quần đồng đảo của bốn chúng đệ tử Phật trong tinh thần “tương kính, tương thuận”. Chư Hòa thượng giáo phẩm của Giáo Hội ở Hoa Kỳ gồm quý Hòa Thượng : Thích Hộ Giác, Thích Chánh Lạc, Thích Thắng Hoan, Thích Đức Niệm, Thích Trí Chơn, Thích Giác Lượng, Pháp sư niên trưởng Thích Giác Đức ... và khoảng hơn bốn mươi vị Thượng tọa, Đại đức, Ni sư đại diện cho các Hội Đồng, Vụ, Miền và hơn ba mươi cư sĩ Phật tử đại diện cho Vụ và Cơ sở. Đại hội không chỉ quy tụ những thành viên ở Hoa Kỳ mà bao gồm các Châu nữa. Ban tổ chức cho biết Hòa thượng Thích Minh Tâm dẫn đầu một phái đoàn đại diện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu châu gồm có Thượng tọa Thích Tánh Thiệt, Thượng tọa Thích Quảng Bình và vài tăng ni. Hai Thượng tọa Thích Viên Diệu và Thông Đạt đại diện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất tại Canada. Về phía Úc châu, có Thượng tọa Thích Quảng Ba, Tu Viện Trưởng Tu Viện Vạn Hạnh.

Khi được hỏi, Đại hội này có gì đặc biệt. Một Thượng tọa đại biểu đã trả lời bằng cách lập lại lời phát biểu của Hòa thượng Thích Hộ Giác, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành trong phiên tiền hội nghị : “Đại hội hôm nay chúng ta thật vô cùng sung sướng vì chúng ta chào đón Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng hai vị

Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu được trả tự do sau hơn mười lăm năm tù đầy ải”. Vị Thượng tọa này cho biết là Hòa thượng đã ghen ngào và nước mắt Ngài đã tuôn trào trong khi Ngài phát ra lời ấy. Thượng tọa ấy nói thêm, Đại hội kỳ này đặt nặng nhiều vào đối nội để phát triển Giáo Hội và đáp ứng các nhu cầu Phật sự địa phương.

Hòa thượng Thích Đức Niệm, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Đại Diện, trong phần khai mạc, đạo từ của Ngài đã mang tải một ý nghĩa lớn. Ngài dạy : “Hãy dùng đạo tâm phục vụ đạo pháp, Phật sự viên thành, lòng rữ nhẹ không”. Ngài khuyên mọi người hãy siết chặt tay nhau đồng kham chịu khổ để quang huy Giáo Hội. Giáo Hội mẹ thì điều linh và chúng ta đang lạc loài nơi đất lạ. Ngài nói : “Sự thương yêu siết chặt tay nhau của chúng ta là một sức mạnh để tự tồn và đương đầu với nhiều thế lực vô minh manh động. Con thuyền Giáo Hội sẽ lướt qua trên cơn biển động sóng dữ ba đào của bão táp để tiến đến chân trời cao rộng trong ánh bình minh xuân dương huy hoàng. Sự huy hoàng của Đạo pháp cũng là sự huy hoàng của dân tộc”. Được biết Hòa thượng là bậc thạc trí, thạc đức. Ngài có văn bằng tiến sĩ văn triết học tại Đài Loan và xuất gia từ thuở ấu thơ, nhưng lúc nào Ngài cũng tỏ ra thật khiêm cung và dung dị với mọi giới.

Khi phỏng vấn một Thượng tọa đại biểu khác : “Trong hàng giáo phẩm, vị nào xuất sắc nhất trong việc điều hợp các phiên Khoáng đại ?” Vị Thượng tọa cho biết : Hòa thượng Thích Chánh Lạc

và Ngài là con người rất mực thước. Vị Thượng tọa nói rằng, Hòa thượng rất đúng nguyên tắc từ giờ giắc, thời gian phát biểu. Đặc biệt hơn hết là Ngài có giọng nói rất sắc sảo và hùng lực. Khi được hỏi về phía cư sĩ đã đóng góp được gì trong các phiên Khoáng đại. Vị thượng tọa đại biểu ấy trả lời : Bài tham luận của Giáo sư Trần Quang Thuận trong phiên khoáng đại 1 thật là xuất sắc. Đại đa số đại biểu đã đón nhận những điều khoản trong bài tham luận này. “Giáo sư Thuận quả là một nhân sĩ trí thức Phật tử” Vị Thượng tọa nói thêm. Ngoài ra, vị Thượng tọa còn cho biết một nhân sĩ Phật tử khác, Luật sư Nguyễn Trọng Nho cũng có một bài tham luận đã gây nhiều xúc động cho đại biểu. Luật sư Trần Văn Thuận có sáng kiến về nội quy chung cho các Hội, các Chùa và bảo hiểm sức khỏe.

Khi hỏi Giáo sư Võ Văn Ái, Giám đốc Phòng Thông tin Phật Giáo Quốc tế, ngoài các Quyết nghị, Thông cáo báo chí, Đại hội còn có những văn kiện nào quan trọng khác. Ông Ái cho biết : Đại hội có thông qua một văn thư gửi về nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, hai vị lãnh đạo Giáo hội tại quốc nội. Giáo sư Ái cho biết, nội dung lá thư ấy đề cập đến sự tuân thủ của Giáo hội hải ngoại đối với Giáo Hội mẹ ; con đường phụng sự của Giáo Hội xây dựng trên tinh thần từ bi, tương sanh, cộng tồn ; và đánh lễ ý chí hùng lực của quý Ngài.

Một đạo hữu trong Ban tổ chức cho biết : Thượng tọa Thích Tín Nghĩa, Trưởng ban tổ chức Đại hội kiêm Viện Chủ Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại đã làm

việc không ngày đêm gần hai tuần qua để chuẩn bị cho Đại hội và lễ khánh thành. Hình ảnh trong buổi lễ Khánh thành thật là cảm động. Đó là Thượng tọa Tín Nghĩa đã đem số tịch chùa Từ Đàm dâng cúng cho Giáo Hội. Ngài nói : “Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, từ giờ phút này thuộc về tài sản của Giáo Hội”. Khung cảnh của hơn ba trăm người trong chánh điện lúc ấy bỗng dưng trở nên im phắc, để cùng nghe và cùng đồng cảm động trong lời tác bạch hiến dâng cơ sở Từ Đàm của Thượng tọa.

Khi Phỏng vấn Ban Tổ Chức về những khó khăn nào trong các ngày Đại hội. Một đạo hữu cho biết có, nhưng rồi cũng được êm xuôi.

Một điều rất đặc biệt, Ban Tổ Chức cho biết, trước khi Đại hội, thời tiết Dallas vô cùng oi bức, nhưng bắt đầu ngày thứ Năm và suốt thời gian Đại hội, trời thật mát và êm dịu. Phải chăng đây là sự gia hộ của chư Phật, Bồ Tát biểu lộ sự đồng tình và che chở cho Giáo Hội nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung trên chặng đường hoàng pháp ly hương.

NGUYỄN NGHĨA tường thuật



**DIỄN VĂN CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI
THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 2, NHIỆM KỲ II**

GHPGVNTNHN-HK,

VĂN PHÒNG 2 VIỆN-HÓA-ĐẠO

của T.T Trưởng Ban Tổ Chức

THÍCH-TÍN-NGHĨA.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ngưỡng Bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,

Kính thưa Quý Vị Quan khách,

Kính thưa Quý vị Đại biểu và toàn

thể Phật tử.

Trước tiên, thay mặt Ban Tổ Chức, chúng tôi xin hân hoan chào mừng chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, Quý vị Quan khách, Quý vị Đại biểu và toàn thể đồng bào Phật tử đã quang lâm tham dự lễ khai mạc Đại Hội Thường Niên lần thứ 2, nhiệm kỳ II của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Văn phòng 2 Viện Hóa Đạo, hôm nay.

Được giao phó trách nhiệm tổ chức Đại Hội Thường Niên của Giáo Hội, tuy có những khó khăn về nhân sự và tài chánh, nhưng toàn thể Tăng Ni và Phật tử địa phương chúng tôi đều rất vui mừng vì đây là một phước duyên được cung nghinh Chư Tôn Đức, được tiếp đón quý vị đại biểu và được đóng góp phần nào cho sự thành công của Đại hội.

Kính thưa quý vị,

Đại Hội Thường Niên của Giáo Hội lần này được khai diễn trong một thời điểm khá đặc biệt. Đó là, trong tháng 9 vừa qua, chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã phải trả tự do cho Hòa thượng Thích Quảng Độ, các Thượng tọa Trí Siêu và Tuệ Sỹ cùng một số các vị tranh đấu cho tự do và nhân quyền. Tuy những yêu sách chính đáng của giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chưa được giải quyết, những quyền căn bản của con người tại Việt Nam vẫn còn bị khước từ nhưng diễn biến này là kết quả mà cuộc vận động giải trừ Pháp nạn của Giáo Hội và sự tranh đấu bền bỉ, liên tục và đều khắp của Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại đã là một yếu tố quan trọng bên cạnh những khó khăn nội bộ của Cộng sản Việt Nam và những áp lực

nặng nề của quốc tế. Kết quả này đã khẳng định vị trí và vai trò quan yếu của các tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại, đặc biệt là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hòa Kỳ, Văn phòng II Viện Hóa Đạo trong công cuộc vận động giải trừ Pháp nạn nói riêng, và nhân quyền cho Việt Nam nói chung trong những ngày tháng sắp đến. Chính với vị trí và vai trò quan yếu như thế mà Giáo Hội luôn luôn quan tâm đến vấn đề củng cố nội bộ, kiện toàn tổ chức cũng như thường xuyên cảnh giác trước những hiện tượng có thể làm giảm sút năng lực chu toàn trách nhiệm của mình như nội dung Đại Hội kỳ này đã nhắm đến.

Kính thưa quý vị,

Là một tôn giáo có truyền thống gắn liền với vận mệnh thăng trầm của dân tộc, Phật giáo Việt Nam, xưa cũng như nay, luôn luôn hòa mình vào những công cuộc vận động lịch sử vì lợi ích chung của đất nước. Truyền thống này đã mang lại vinh quang cho Phật giáo Việt Nam. Nhưng cũng truyền thống này đã mang lại cho Phật giáo Việt Nam nhiều cay đắng. Một mặt, Phật giáo Việt Nam luôn luôn là đối tượng triệt hạ của những thế lực phản dân tộc. Mặt khác, nhiều khi lực bất tòng tâm, nên trong quá trình hoạt động của Giáo Hội, có những lúc những thành tựu không bù được cho những đổ vỡ. Ý thức rõ thực tế này, Phật giáo Việt Nam trong quá khứ, đã có những đợt chuyển mình quan trọng để củng cố và tăng cường nội lực cũng như xây dựng và phát triển khả năng ứng cơ nhằm đối phó với những khó khăn và thích nghi với thời đại. Điển hình là

Phong trào Chấn hưng Phật Giáo Việt Nam khởi đi từ thập niên 30, quyết định thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất năm 1964 và gần đây hơn, quyết định thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ cũng như tại các nước khác từ năm 1992. Nếu không có những bước đi lịch sử này, chắc hẳn Phật giáo Việt Nam không có một tầm vóc và những khả năng như ngày nay dù rằng chúng ta thấy vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Do đó, càng ý thức được công lao và ân đức của các bậc tiền bối cũng như chư tôn giáo phẩm trong Hội Đồng Lương Viện hiện nay, trong công cuộc xây dựng và phục hưng Phật giáo Việt Nam, chúng ta càng thấy trách nhiệm phải bồi dưỡng nội lực để kiện toàn tổ chức và phát triển sinh hoạt của Giáo Hội.

Là một tôn giáo mà đặc biệt là Phật giáo, nội lực trước tiên phát xuất từ giới hạnh, đức độ của Tăng Ni và đời sống tâm linh vững mạnh của Phật tử.

Phát huy nội lực chính là phát huy bản thể Tăng già, lấy giác ngộ giải thoát làm cứu cánh, lấy bản nguyện độ sanh làm sự nghiệp, lấy đoàn kết hòa hiệp làm phương châm lấy giới đức thanh tịnh làm hướng tiến, như nội dung bức Tâm thư của Đức Cố Đại lão Hòa thượng Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Viện Tăng Thống đã ân cần nhắc nhở Tăng Ni Hải Ngoại cách đây 7 năm. Đây là một thứ nội lực mà trên đường dài không có một bạo lực thế gian nào có thể khuất phục được. Đây là một thứ nội lực mà nếu không có, chúng ta dễ dàng bị biến chất và lạc hướng trên con đường thực hành Bồ tát hạnh để cứu đời.

Phát huy nội lực của Giáo Hội cũng là phát huy đời sống tâm linh vững mạnh của Phật tử. Mỗi một Tự Viện, mỗi một Niệm Phật Đường, mỗi một cơ sở của Giáo Hội là nơi trường dưỡng tín tâm và là đạo tràng tu học tinh chuyên, thanh tịnh cho Phật tử ; là nơi gieo hạt giống Phật pháp cho tuổi trẻ Việt Nam ; là nơi duy trì, bồi dưỡng truyền thống văn hóa dân tộc và Phật giáo ; và cũng là nơi mà mọi người, không phân biệt quá khứ, không phân biệt chính kiến tìm được lẽ sống và sự an lạc cho tâm hồn sau những năm tháng nổi trôi trong cuộc đời thị phi, nghiệp chướng ; nói cách khác, đây là nơi mà người đồ đệ có thể buông dao để thành Phật. Phát huy đời sống tâm linh vững mạnh của quần chúng Phật tử chính là phát huy sức mạnh tiềm ẩn của Phật giáo. Trong những thời kỳ đen tối, lu mờ nhất của lịch sử Phật giáo Việt Nam, trong lúc những kiến trúc thượng tầng của Phật giáo bị hủy diệt, thì hình ảnh ngôi chùa làng, ngay cả những lúc không còn ai chăm sóc hương khói, vẫn là chỗ nương tựa tinh thần, vẫn là biểu tượng của lẽ phải và đạo đức. Đó chính là sức sống của Phật giáo Việt Nam, tuy âm thầm lặng lẽ, nhưng bất diệt.

Sứ mệnh của Giáo Hội trong những ngày tháng tới là tiếp tục công cuộc vận động giải trừ Pháp nạn. Nhưng công cuộc vận động này sẽ không được thành tựu hoàn toàn nếu không được gắn liền với công cuộc vận động khôi phục truyền thống văn hóa dân tộc mà chiến tranh, chủ nghĩa Cộng sản và nếp sống sa đọa vật chất của Tây phương đã làm sụp đổ. Khi nói Phật giáo và Dân tộc là

một, chính là muốn nhấn mạnh đến tinh thần Phật giáo và Văn hóa Dân tộc không thể tách rời. Khi nói Phật giáo thăng trầm theo vận nước, chính là muốn nhắc đến những kinh nghiệm lịch sử cho thấy những lúc đất nước loạn ly, văn hóa đổi trụ thì đó cũng là lúc Phật giáo Việt Nam bị suy yếu. Do đó, khôi phục truyền thống Văn hóa Dân tộc chính là khôi phục sức mạnh của dân tộc cùng lúc khôi phục tiềm lực của Phật giáo Việt Nam.

Do hậu quả của nền văn hóa dân tộc bị suy đồi mà những khó khăn lớn của Việt Nam trong thế kỷ tới sẽ phát xuất từ hận thù, phân hóa, mâu thuẫn và nếp sống hưởng thụ vật chất. Những khó khăn này cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi cộng đồng dân tộc, trong đó có Phật giáo Việt Nam. Đối phó và giải quyết những khó khăn này không phải là công việc của các tổ chức có bản chất là bạo lực. Đây chính là sứ mệnh của các tổ chức văn hóa và tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo Việt Nam.

Ngưỡng bạch chư tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý vị,

Là một thành viên của Giáo Hội, nhân dịp chào mừng Quý Ngài và Quý Vị quang lâm tham dự lễ khai mạc Đại Hội ngày hôm nay, chúng tôi xin bày tỏ một số những thao thức và suy nghĩ thô thiển như trên, kính mong chư tôn đức Tăng Ni chứng minh và toàn thể quý vị hoan hỷ. Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ Đại Hội thành công viên mãn.

**NAM MÔ BỔN SƯ
THÍCH CA MÂU NI PHẬT.**

**DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI
CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH HỘ GIÁC**
Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành.

Kính bạch Chư Tôn đức Tăng Ni
Kính thưa Đại Hội,

Chúng tôi xin bày tỏ niềm cảm kích chân thành đối với sự hiện diện đông đảo của các thành viên thuộc các Hội đồng, Vụ, Miền đã về đây tham dự Đại Hội. Chúng tôi đặt trọn niềm tin ở nguyện lực và trí huệ của quý vị cho tất cả Phật sự của Giáo Hội.

Kính bạch quý Ngài

Kính thưa quý vị,

Hòa thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo tại quê nhà vừa rời nơi lao tù cùng với nhị vị Thượng tọa Tuệ Sĩ và Trí Siêu. Chúng ta hân hoan đón nhận tin này với niềm hy vọng to lớn vào những đóng góp trong tương lai của Hòa thượng cùng nhị vị Thượng tọa cho sự phục hoạt của Giáo Hội Mẹ cũng như những đóng góp văn hóa khác. Hình ảnh của Chư Tôn Giáo Phẩm tại quê nhà nhắc nhở chúng ta một sứ mạng cấp thiết hiện nay là dồn mọi nỗ lực cho sự sống còn của Giáo Hội. Trong lúc tại Việt Nam Giáo Hội đang phải tồn tại trong sự đàn áp trừ dập của nhà cầm quyền thì sự hiện hữu của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hải Ngoại, không cần phải nói nhiều, tự nhiên là vô cùng hệ trọng. Những thế lực ma vương có đủ mọi lý do để làm suy yếu và tiêu diệt Giáo Hội tại Hải Ngoại. Nhận thức rõ ràng như vậy, chúng ta phải đặt sự tồn vong của Giáo Hội trên hết trong mọi công tác Phật sự.

Là người con Phật, tất cả chúng ta

đều hiểu tánh cách quyết định của yếu tố nội giới. Đức Phật đã nhấn mạnh nhiều lần rằng chính những phiền não trong lòng mới là trở lực lớn nhất phải vượt qua. Điều này không phải chỉ là một lời cảnh tỉnh mà còn mở ra cánh cửa hy vọng. Bởi vì khi nói đến nội tại thì ước vọng trở thành khả thi. Chúng ta không thể khiến cả thế giới này theo ý muốn của mình nhưng sự giải thoát giác ngộ trong lòng chắc chắn sẽ đến với người hữu chí. Sự thật này có thể áp dụng trong Phật sự của Giáo Hội. Nếu tất cả chúng ta cùng đồng tâm hiệp lực, sống chết có nhau, đồng vui cộng khổ, đặt Phật sự chung trên hết thì chúng tôi thiếu nghĩ rằng không có một thế lực ma chướng nào có thể lung lay được tiền đồ của đạo pháp.

Hôm nay chúng ta về đây tham dự đại hội cũng vào dịp Khánh Thành tân chánh điện Tổ Đình Từ Đàm. Tự nhiên cơ duyên này mang lại niềm hoan hỷ to lớn. Thật là đáng phấn khởi thấy rằng trong nhiều năm qua mỗi lần Đại hội thường niên đều có lễ Khánh Thành một cơ sở của Giáo Hội. Nhưng chắc chắn chúng ta cũng không thể quên rằng giáo sản lớn nhất, quan trọng nhất chính là người chứ không phải là cơ sở. Sự liên tục hiện hữu của hàng Giáo phẩm tại quê nhà là thí dụ điển hình. Ở ngoài nước điều này cũng không khác. Tất cả thành viên của Giáo Hội dù ở vai trò nào cũng đều là những tài sản vô giá phải được trân quý, gìn giữ, và cũng ở sự phát triển nhân sự chúng ta phát triển Giáo Hội.

Kính bạch quý Ngài

Kính thưa quý vị

Chúng tôi một lần nữa xin chân thành tán thán tâm nguyện phụng sự của quý Ngài, quý vị. Xin dành một phần thì giờ quý báu này để thành tâm cầu nguyện cho Giáo Hội Mẹ và chư tôn Giáo phẩm tại quê nhà sớm đạt được kỳ vọng mà Hòa thượng Quảng Độ đã bày tỏ 'là ngày mà cá được về với đại dương' để chúng ta có thể làm thật nhiều hơn nữa trong sứ mạng hoàng trì chánh pháp lợi lạc quần sanh. Kính chúc chư liệt vị vô lượng cát tường.

NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

**QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN
LẦN THỨ 2, NHIỆM KỲ II
GHPGVNTNHN-HK**

**VĂN PHÒNG 2, VIỆN-HÓA-ĐẠO,
tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại
ở Dallas, bang Texas, Hoa Kỳ,
từ ngày 9 đến 11/10/1998**

56 Tăng Ni và 2000 Phật tử, đại biểu của trên một trăm cơ sở trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất trên toàn quốc Hoa Kỳ, Á châu, Âu châu, Gia Nã Đại, Úc châu và vùng Dallas-Fortworth đã vân tập về Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại ở Dallas dự lễ Khánh Thành ngôi Tổ đình nghiêm trang hùng vĩ vừa hoàn mãn việc xây cất, và tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ 2 nhiệm kỳ II của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo từ ngày 9 đến 11.10-1998. Qua ba ngày hội họp trong tình tương thân, tương kính, tương sinh để xây dựng nền Phật giáo Việt Nam trong xu thế mới của thế giới và

trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, nghe báo cáo Phật sự trong thời gian qua cùng hoạch định kế hoạch phát triển các Hội đồng cũng như Cơ sở của Giáo Hội ở bước ngoặc mới đang biến chuyển của tình hình trong nước. Toàn thể đại biểu trực thuộc các Hội đồng, Vụ, Miền, Phòng và các cơ sở địa phương đã đồng thanh quyết nghị :

1- Đại Hội hân hoan chào đón Hòa thượng Thích Quảng Độ, Thượng tọa Thích Tuệ Sĩ và Thượng tọa Thích Trí Siêu vừa được trả tự do cùng lượt với một số tù nhân chính trị hay tù nhân vì lương thực rất hạn chế so với số lượng tù nhân tôn giáo hay vì chính kiến hiện còn bị giam giữ trong 150 nhà tù và Trại cải tạo. Đại hội nhận định rằng, đây là thành quả bước đầu của cuộc vận động quốc tế kiên trì và liên tục của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, các tổ chức của Giáo Hội tại Âu châu, Úc châu, Á châu, và Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ;

2- Tiếp tục và phát huy một cách quy mô, rộng rãi, cuộc vận động quốc tế nói trên trước tình hình mới để cho :

a) Nhân quyền được tôn trọng, Dân chủ được phát huy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được sinh hoạt tại Việt Nam và chấm dứt Pháp nạn dưới mọi hình thức ;

b) Hàng giáo phẩm Tăng, Ni và Phật tử vừa được trả tự do được phục hồi quyền sinh hoạt tôn giáo cũng như các quyền tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do sáng tác, tự do hội họp ... như đã quy định trong bản "Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền" và "Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị" của LHQ mà nhà nước

CHXHCN Việt Nam đã ký kết gia nhập từ ngày 24.9.1982 ; chứ không còn bị câu thúc vào chỉ thị 31/CP bắt quản chế từ 6 tháng đến 2 năm không cần thông qua lệnh của tòa án, như trường hợp các Đại đức Thích Trí Tựu, Thích Hải Tạng, Thích Hạnh Đức, Thích Trí Lực, Thích Hải Thịnh, Thích Hải Chánh đang bị đối xử từ ngày ra khỏi tù ;

3- Kêu gọi Nhà nước CHXHCN Việt Nam trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho Hòa thượng Thích Huyền Quang, Quyền viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, hiện bị quản thúc tại quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1982, để Hòa thượng được trở về nơi hộ khẩu thường trú ở Saigon ; Các Thượng tọa Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Thiện Minh, Thích Huệ Đăng hiện bị giam giữ tại trại Z 30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cũng như nhiều Tăng, Ni và Phật tử khác hiện còn giam giữ trong các Trại Cải Tạo hay nhà tù ;

4- Kêu gọi Nhà nước CHXHCN Việt Nam khai mở một Nhà nước pháp quyền bằng cách đưa các điều khoản công nhận và bảo đảm những quyền tự do căn bản trong “**Công ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị**” và “**Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền**” của LHQ vào Bộ luật Hình sự và Tố tụng hình sự hiện hành, hủy bỏ khái niệm “*an ninh quốc gia*” trong hai bộ luật này như một bình phong để tự do bắt bớ trái phép bất cứ ai phê phán hoặc nói lên một cách ôn hòa ý kiến, ngưỡng vọng, lý tưởng tôn giáo và tín ngưỡng họ trước hiện tình suy thoái đạo đức, khủng hoảng văn hóa, kinh tế, xã hội hiện nay ;

5- Kêu gọi Nhà nước CNXHCN Việt Nam tiếp đón ân cần cũng như cung cấp mọi phương tiện di chuyển tiện lợi và nhanh chóng cho Phái đoàn LHQ điều tra tôn giáo do Giáo sư Abdelfattah Amor cầm đầu đến Việt Nam từ ngày 19 đến 28.10.1998 trong thời gian Phái đoàn ở Việt Nam ; để Phái đoàn LHQ được tự do đi lại và tiếp xúc bất cứ nhà lãnh đạo tôn giáo nào thuộc các tôn giáo lớn tại Việt Nam, như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, Giáo Hội Cao Đài, Giáo Hội Hòa Hảo, Giáo Hội Tin Lành ;

6- Đại hội quyết tâm khai triển nền văn hóa Phật giáo như bức cẩm nang của thời đại trong việc giao lưu kết hợp với các quốc gia có truyền thống Phật giáo ở vùng Á châu Thái Bình Dương, xem đây như công tác thế kỷ trong việc phục hồi đạo Phật và bảo vệ hòa bình, an ninh, thăng tiến xã hội tại các nước Đông Nam Á nói riêng và Á Châu nói riêng ;

7- Đối nội, đặt trọng tâm vào việc kiện toàn cơ sở, đào tạo Tăng tài và nhân sự ; khởi động sự dấn thân cố hữu của giới Cư sĩ theo truyền thống đạo Phật Việt Nam, như dung hóa linh hoạt với xu thế toàn cầu ; thành lập một Trung tâm học liệu ; áp dụng và phát triển các phương pháp truyền thông hiện đại trên mọi lĩnh vực báo chí, truyền thanh, truyền hình, internet ... ; kiến tạo trụ sở trung ương của Giáo Hội ; cấp tốc tổ chức các đoàn thuyết trình về hiện tình Phật giáo tới các cơ sở địa phương cũng như quốc tế ; hỗ trợ tích cực cho Vụ Thanh Niên phát triển Gia đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ và đặc biệt

quan tâm đến thế hệ trẻ ;

8- Đại hội đề cao tinh thần khai phóng, cứu độ của Phật Giáo Việt Nam thể hiện trong mọi động thái tu học cũng như xã hội, theo châm ngôn tương sinh chứ không tương sát, cộng sinh chứ không cộng hủy để Phật giáo Việt Nam hoàn thành sứ mạng giác ngộ và cứu khổ trừ nguy, đưa dân tộc nhịp bước cùng thế giới vào thế kỷ cộng tác huynh đệ trong vòng 15 tháng tới. Nhân lành này, mà Đại hội cứu mang và chuẩn bị, sẽ là thành quả huy hoàng cho tiền đồ Phật giáo nói riêng và đại đa số quần chúng Việt Nam nói chung.

Làm tại Dallas, ngày 11.10.1998

**TÂM THƯ CỦA ĐẠI HỘI KÍNH GỬI NHỊ VỊ
HÒA THƯỢNG THÍCH-HUYỀN-QUANG -
THÍCH-QUẢNG-ĐỘ VÀ CHƯ TÔN ĐỨC
LÃNH ĐẠO GHPGVNTN**

*

Phật lịch 2542. Dallas,

Ngày 11.10.1998

Ngưỡng bạch Chư Tôn Đức,

Năm mươi sáu Tăng Ni và 2000 Phật tử, đại biểu của trên một trăm cơ sở thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trên toàn quốc Hoa Kỳ, Á châu, Âu châu, Gia Nã Đại, Úc châu và vùng Dallas-Fortworth đã vân tập về Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại ở Dallas, bang Texas, Hoa Kỳ, dự lễ Khánh Thành ngôi Tổ Đình trang nghiêm, hùng vĩ, vừa hoàn mãn việc xây cất và tham dự Đại Hội Thường Niên lần 2 Nhiệm Kỳ II Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, xin đề đầu

đánh lễ và vấn an nhị vị Hòa thượng cùng chư Tôn Đức lãnh đạo Giáo Hội.

Dù bề bộn theo các báo cáo Phật sự và ưu tư thảo hoạch chương trình hoạt động tương lai, lòng chúng con vẫn rộn ràng niềm hân hoan với tin Hòa thượng Quảng Độ, Thượng tọa Tuệ Sỹ và Thượng tọa Trí Siêu vừa thoát vòng lao lý trở về nơi viện cũ chùa xưa. Thân tâm chúng con vừa hân hoan, vừa nhẹ nhõm đôi phần trước mặc cảm bất lực khi chư Tôn Đức mới mòn nơi lao ngục.

Tuy nhiên, trong hân hoan có lo lắng. Lo lắng cho hoàn cảnh quản thúc của Hòa thượng Quyền Viện Trưởng Thích Huyền Quang chưa được tự do trở về nơi nhiệm xứ ở Saigon, cũng như biết bao Tăng, Ni, Cư sĩ giờ này vẫn còn nơi ngục thất.

Nhưng giáo lý vô thượng của Phật đà đang giúp chúng con hoán chuyển lo âu, mặc cảm, thành hành động đổi thay nghịch cảnh ; biến đau thương thành sức mạnh cứu độ.

Ngưỡng bạch chư Tôn Đức,

Chỉ còn 15 tháng nữa là nhân loại bước vào thế kỷ 21. Chúng con, toàn thể Đại hội, lấy sự nhớ tưởng Chư Tôn Đức làm quyết tâm quang hưng Phật Giáo Việt Nam. Vì chúng con từ khước sự tái diễn thế kỷ 20, một thế kỷ tranh chấp, manh động, chiến tranh, do sự hoành hành của các ý thức hệ làm cho số lượng tử vong oan ức lên hàng trăm triệu. Nếu thế kỷ 20 còn gì đáng để lại, thì đó là Ánh sáng Phật giáo, Ánh sáng Từ Bi và khai thị các khối sân si, bùng lên từ pháp thân của Bồ Tát Quảng Đức vào ngày 20 tháng Tư năm Quý Mão (11.6.1963) tại thủ đô Saigon.

Chính Ánh sáng ấy dẫn dắt Phật tử Việt Nam và nhân loại bước lên đường khai hóa thế giới, mà thế kỷ 21 được thừa hưởng để mở ra kỷ nguyên mới thắm nhuần tình huynh đệ.

Ý tưởng như thế, nhưng trong thực tế, thì những quốc thổ Phật giáo ở Á châu đang bị các thế lực đen tối và bạo động đẩy lùi từng bước. Do đó, mà nỗi quan tâm của Đại hội chúng con đặt nặng vào sự khai triển nền văn hóa hòa bình và nhân quyền của Phật giáo, như bức cẩm nang của thời đại, trong việc giao lưu kết hiệp với các quốc gia có truyền thống Phật giáo ở vùng Á châu Thái bình dương. Xem đây như công tác thế kỷ trong việc hồi phục Đạo Phật và bảo vệ hòa bình, an ninh, thăng tiến xã hội tại các nước Đông Nam Á nói riêng và Á châu nói chung.

Đường hướng tương lai là như thế. Nhưng hoạt động trước mắt, chúng con vẫn tiếp tục kiên trì trong cuộc vận động quốc tế để giải trừ quốc nạn và pháp nạn. Bằng đấu tranh, chúng con muốn hiện thực sự trông mong của 80% quần chúng Phật giáo Việt Nam, là phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Đây không phải là sự tranh chấp hệ phái hay danh xưng, mà là chữa tận gốc căn bệnh trầm kha của dân tộc ta ngày nay. Căn bệnh này lộ liễu qua tình trạng suy thoái đạo đức, khủng hoảng văn hóa, bạc nhược kinh tế và rối ren xã hội. Gốc trị liệu ấy, là nền Phật giáo dân tộc với tinh thần khai phóng, cứu độ, được chứng thực qua trường kỳ lịch sử Việt Nam 20 thế kỷ. Tinh thần ấy nhắm xây dựng cuộc sống tương sinh thay vì tương tranh. Tinh thần

ấy làm nền tảng cho xã hội cộng sinh chứ không cộng hủy, làm bối cảnh cho sự giải phóng và giác ngộ của mỗi con người.

Sự quyết tâm trên đây đã nảy sinh từ ba ngày Đại Hội mà chúng con sum vầy thảo luận trong tình tương thân, tương kính, để tương sinh phục vụ Giáo Hội.

Chúng con mong mỗi sức khỏe của Chư Tôn Đức, ý chí bất khuất và đạo phong Đại hùng Đại lực Đại Từ bi của Chư Tôn Đức là lá bùa hộ mệnh cho tất cả chúng con trên bước đường thể hiện hạnh Bồ Tát của đạo Phật Việt Nam.

Toàn thể Đại Hội xin đề đầu đánh lễ Chư Tôn Đức lãnh đạo và cầu Phật gia hộ nhị vị Hòa thượng cùng Chư Tôn Đức pháp thể khinh an, chúng sinh đi độ.

KÍNH CẢN BÀI THƯ.

**DIỄN VĂN ĐẠI LỄ KHÁNH THÀNH
TÂN CHÁNH ĐIỆN TỬ ĐÀM HẢI NGOẠI**

của Thượng Tọa Viện Chủ
THÍCH-TÍN-NGHĨA.

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa liệt quý vị quan khách,
Kính thưa toàn thể đồng bào Phật tử,

Kính thưa liệt quý vị,

Trong giờ phút trang nghiêm, trước Tam Bảo uy nghi, với một chánh điện rộng rãi quyện tỏa khói trầm hương ; chúng tôi vô cùng vui mừng và hãnh diện được cung đón chư tôn thiện đức và tiếp rước hàng hàng lớp lớp Phật tử từ bốn phương của xứ Hoa Kỳ bao la đã về đây để chứng minh và tham dự ngày

trọng đại của Từ Đàm Hải Ngoại, cử hành Đại lễ Khánh Thành Tân chánh điện.

Kính bạch Quý Ngài,

Kính thưa quý vị,

Hôm nay có thể nói là ngày huy hoàng nhất của Từ Đàm kể từ tháng 10 năm 1983 không những chỉ riêng chúng tôi, mà chung cho tất cả hàng con Phật tại hải ngoại, mà đặc biệt là tại vùng Dallas kể từ biến cố 30 tháng tư 1975.

Sau biến cố 1975, con dân nước Việt như đàn chim bị đạn tan vỡ lang thang hoàn cầu chưa có một ý niệm hay cùng hện một ngày về cố quốc. Tính từ ngày đó, riêng tại Hoa Kỳ, theo một vài tài liệu mới nhất đã có trên 350 Tăng Ni và trên 150 ngôi chùa, Tự Viện, Tu Viện, Tổ Đình, Niệm Phật Đường lớn nhỏ. Trong số này có sự hiện diện của Từ Đàm Hải Ngoại.

Từ tháng 10.1983, nhân duyên hồng pháp đã đưa đẩy chúng tôi từ già Phật Học Viện Quốc Tế để về đây tạo dựng ngôi Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại ; mặc dầu lúc đó chúng tôi là trưởng ban hướng dẫn Tăng Ni sinh của viện, và Hòa thượng Thích Đức Niệm cũng chưa có nhân sự.

Về đây với bao xa lạ, ngỡ ngàng. Sống với một căn nhà cũ nát. Mùa đông không có sưởi, mùa hè không có nhà tắm. Chúng tôi phải nương nhờ nhà Phật tử gần sáu tháng trời. Mỗi lần cung thỉnh chư Tăng đến thuyết giảng, chứng minh đại lễ thì phải bóp bụng gởi tạm nhà Phật tử để nhờ nhu cầu tiện nghi ngủ nghỉ. Trong số chư Tăng được cung thỉnh, Hòa thượng Thích Đức Niệm là vị chia xẻ nhiều nhất kể từ khi có Từ Đàm.

Nhân đây, kính xin quý ngài và liệt quý vị hoan hỷ cho phép chúng tôi một giây phút đặc biệt hướng về để tri ân : Hình ảnh Hòa thượng Thích Đức Niệm đã gắn bó từng giây phút từ khi Từ Đàm có mặt với mái tranh vách đất sơ sài cho đến khung cảnh vững bền, trang nghiêm như bây giờ. Ngài quả đúng là bậc thiên môn nghi tượng. Với giai đoạn phôi thai, trong sự thiếu kém chính của Ngài tại Phật Học Viện mà dám quên mình, hy sinh để đứng ra bảo lãnh trả hàng tháng tiền nhà cho Từ Đàm gần năm tháng liên tiếp. Không có một khó khăn nào của Từ Đàm từ vật chất đến tinh thần mà ngài không để tâm. Song song bên cạnh đó, chúng tôi cũng có những vị đồng sự pháp lữ hết lòng giúp đỡ vật chất, khích lệ tinh thần dưới mọi chiều hướng, đó là Thượng tọa Thích Tịnh Từ, Thích Minh Đạt và Ni sư Thích Nữ Nguyên Thanh. Một điểm đặc biệt khác nữa mà không kém phần quan trọng, đó là: Được sư cô Thích Nữ Hạnh Thanh, hiện là Quán sự của Từ Đàm, cũng đã tận tụy, đem hết chí nguyện của một nữ lưu xuất gia để cùng chung lo Phật sự tại đây với chúng tôi mà chưa hề có một tâm niệm phân biệt. Những ân tình trên đây, chúng tôi chỉ biết âm thầm ghi khắc nơi lòng coi như niềm khích lệ để cố gắng hết mình trong cương vị vừa một sứ giả Như Lai là thượng hồng chú không hề nói lên đây với hai chữ cảm ơn bình thường được.

Kính bạch quý ngài,

Kính thưa quý vị,

Suốt thời gian dài của một thập niên (1983-1993), Từ Đàm Hải Ngoại chỉ biết sống âm thầm, đạm bạc và an phận

với túp lều nhỏ hiện đang còn bên cạnh Tân Chánh Điện trong khuôn viên ở phía trước. Tuy thế, không một công tác Phật sự nào của Giáo Hội đề ra mà Từ Đàm Hải Ngoại không hưởng ứng, đóng góp một cách tích cực. Hằng năm thường đi đó đây để chứng minh, thuyết giảng qua những ngày đại lễ hoặc hướng dẫn quần chúng Phật tử tu học. Khi thì Gia Nã Đại, khi thì Âu châu với những lớp tu học giáo lý mùa hè. Chắc quý Ngài và chư Phật tử đã nhận thấy điều đó.

Tuy nhiên, việc gì rồi cũng do Tam Bảo sắp đặt cả. Đáp ứng nguyện vọng chung của hàng con Phật là làm thế nào để có một chánh điện tương đối khả dĩ để làm nơi tu học và chiêm bái. Với thao thức chung, nhất là sự trợ lực của Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng với sự nhiệt tâm đóng góp của hàng Phật tử tại địa phương cũng như khắp trên toàn thế giới, tháng Tư 1993, Từ Đàm bắt đầu vận động xây cất chùa. Vừa vận động, vừa xin giấy phép, vừa chuẩn bị xây cất. Thời gian thấm thoát trôi qua gần hai năm rưỡi mới hoàn thành với một công trình mà kinh phí trên một triệu hai mỹ kim. Chính quyền địa phương đã chấp nhận Từ Đàm có đủ pháp lý, pháp môn và hoàn toàn chính thức vào tháng Giêng năm 1998. Năm Mậu Dần là cái Tết đầu tiên được đón xuân tại tân chánh điện này.

Kính bạch Quý Ngài,

Kính thưa Quý Vị,

Khi lập Tổ Đình Từ Đàm, chúng tôi có những ước nguyện làm sao có chứng sắc thái đặc thù như là :

- Tính chất dân tộc, tông phái truyền thừa, phát triển, phát huy về

những đóng góp và xây dựng tín ngưỡng cũng như văn hóa dân tộc trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Trước tiên, xây dựng ngôi Từ Đàm là đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu của hàng con Phật ngày một đông đúc, vì sắc thái ở đây ngày một đa dạng. Phật giáo du nhập vào xứ cờ hoa này khoảng năm 1839, đã có trên 40 tổ chức Phật giáo gồm nhiều hệ phái khác nhau. Một xứ Hiệp Chúng Quốc như Hoa Kỳ, đa dạng, thì Phật Giáo cũng phải đáp ứng như vậy.

- Học hạnh xuất gia, theo con đường Phật Tử : Xây dựng một ngôi chùa là trực tiếp đóng kín một lao tù. Giấy rách phải giữ lấy lề. Cho nên Từ Đàm Hải Ngoại cần phải được phát triển và phát huy những giá trị theo nhiều góc độ đúng với truyền thống Phật Giáo và văn hóa cổ truyền của dân tộc. Nhất là phải thích nghi với xã hội và địa phương mình đang trú xứ.

Kính bạch quý ngài,

Kính thưa quý vị,

Xây dựng một cảnh già lam đã khó, nhưng duy trì và phát triển lại càng khó hơn. Nhiều tổ chức Phật Giáo trong đó có Phật Giáo Việt Nam chúng ta, sự phát triển phải gặp nhiều sự khó khăn. Vì xứ Hoa Kỳ bao la nầy vốn chịu ảnh hưởng nặng nề của nền văn minh cơ khí, nên dễ dàng bị đánh mất niềm tin cần thiết cho tâm linh con người. Chúng ta không thể thoát ra ngoài ảnh hưởng đó. Chúng ta e ngại rằng trong vòng Mười Năm, Hai Mươi Năm tới đây liệu có còn giữ được Niềm Tin và Đạo Pháp như ngày hôm nay không ? Đó là một vấn đề lớn cần phải được tư duy hàng đầu cho Từ Đàm

mà cũng là vấn đề chung cho Giáo Hội và Phật Giáo Việt Nam.

Đến đây, quý Ngài và quý vị cho phép chúng tôi có đôi lời với Ban Quản Trị của Từ Đàm và hàng Phật tử địa phương. Mặc dù, thầy đã từng tán thán công đức của quý vị đã trực tiếp đóng góp công, góp của để chung lo Phật sự với thầy từ lúc ban đầu sơ khai mãi cho đến bây giờ và kéo dài trong tương lai nữa ; quý vị đã đến với thầy trong tình đời nghĩa đạo thật chân tình. Quý vị đã cùng thầy biến một nơi bùn lầy nước đọng đầy cỏ cây của mười năm trước để thành một cánh gà lam trắng lẹ. Quý vị lúc nào cũng sát cánh cùng thầy. Nắng cũng như mưa, ngày cũng như đêm, có lúc phải hy sinh những công việc của gia đình để lo cho Từ Đàm. Nhưng trong giây phút thiêng liêng này, cho thầy được nói lên cái chân tình đặc biệt của thầy là : Ghi nhận những tấm lòng hộ đạo nhiệt tình và ý chí sắt son ấy, thầy chỉ biết dâng lên Tam Bảo chứng minh ; đồng thời nguyện cầu cho quý vị chân cứng đá mềm để đem bản thân và tâm nguyện lo cho Đạo Pháp và Dân tộc.

Kính bạch quý ngài,

Kính thưa quý vị,

Đến đây, chúng tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc ngày Đại lễ Khánh Thành Tân Chánh Điện Từ Đàm Hải Ngoại.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ quý Tôn Đức Tăng Ni, pháp thể khương an, chúng sanh dị độ, Phật sự viên thành ; chư Phật tử và hữu duyên luôn luôn được vạn điều phúc lạc, thịnh vượng.

Đồng thời, chúng tôi được nhờ hồng

ân của Chư Tôn Giáo Phẩm và đồng bào Phật tử góp lời cầu nguyện chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, Hội Đồng Lương Viện, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và hơn bảy mươi triệu đồng bào ruột thịt tại quê nhà sớm được tự do tín ngưỡng, cơm no áo ấm, sống cảnh thanh bình, an lạc. Các tù nhân chính trị sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

Trân trọng kính chào liệt quý vị.

THỜI ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

SƠN DIỄN
NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Bức tâm thư và nghị quyết 8 điểm của Đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ họp tại Dallas (Được trang trọng tổ chức ba ngày 9,10,11 tháng 10 tại Tổ đình Từ Đàm Hải Ngoại) tuần qua là một dấu mốc quan trọng trên chặng đường tranh đấu chống gai cho tự do tôn giáo ở Việt Nam. Chúng tôi nghĩ đây là việc làm đúng thời đúng điểm.

Hồi tháng 8 năm nay khi Đại Hội La Vang kỷ niệm 200 năm đức Mẹ hiện lên được tổ chức thành công rực rỡ với trên một trăm ngàn giáo dân tham dự, chúng tôi đã viết những khó khăn cho việc Hà Nội kiểm soát tôn giáo chỉ mới bắt đầu. Đức tin tôn giáo đã thắng và bước lùi kế tiếp. Đầu tháng 9 năm nay, Hà Nội đã phải thả một số tù chính trị và lương tâm nổi tiếng trên thế giới, trong đó có Hòa thượng Thích Quảng Độ và hai vị

Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu. Những sự kiện dồn dập đó là những kích lệ rất lớn cho phong trào đòi hỏi tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Đầu tuần này, sứ giả đặc biệt của Liên Hiệp Quốc, ông Abdelfattah Amor, thuyết trình viên về bất dung tôn giáo, đã khởi sự cuộc điều tra trong 10 ngày về những vi phạm quyền tự do tín ngưỡng ở Việt Nam. Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Hoa Kỳ họp tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại thành phố Dallas, Texas, đã đến đúng lúc, vì vị sứ giả Liên Hiệp Quốc đến Hà Nội vào ngày 17-10 thì trước đó một tuần, Đại Hội đã họp để nói lên tinh thần đoàn kết keo sơn của các cộng đồng Phật tử Việt Nam trên khắp thế giới nhất trí đứng sau Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đòi hỏi tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Trong nghị quyết của Đại hội có một đoạn rất thích ứng với sự biến chuyển của thời cuộc là đòi chế độ Hà Nội “phải cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc được tự do đi lại và tiếp xúc với bất cứ nhà lãnh đạo tôn giáo nào thuộc các tôn giáo lớn tại Việt Nam như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, Giáo Hội Cao Đài, Giáo Hội Hòa Hảo, Giáo Hội Tin Lành ” Tâm thư cũng nhấn mạnh các Thượng tọa Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Thiện Minh, Thích Huệ Đăng hiện bị giam giữ tại trại Z-30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cũng như nhiều Tăng Ni, Phật tử khác còn bị giam giữ trong các trại cải tạo và nhà tù trên khắp cả nước.

Bức tâm thư và nghị quyết được

công bố ngày 11 tháng 12 thì, Lê Quang Vinh, Trưởng Ban Tôn Giáo Nhà Nước Cộng sản Việt Nam phải lên tiếng nhìn nhận chính quyền Cộng sản Hà Nội sẽ cho phép ông Amor được hội kiến riêng tư với hai vị Thượng tọa Thích Không Tánh và Thích Nhật Ban trong nhà tù. Tiếng nói của khối đồng bào Phật tử hải ngoại đã có một sức nặng không phải nhỏ.

Chủ nghĩa Cộng sản đã nổi danh về thủ đoạn chụp mũ những tội vu vơ như “phản động” hay “lật đổ” để bắt giam những người đòi hỏi tự do tôn giáo. Như trường hợp hai vị Thượng tọa Không Tánh và Nhật Ban có lẽ điển hình nhất. Hai vị cao tăng này đã bị bắt cùng với một đoàn Phật tử hồi tháng 8 năm 1995 khi họ đi phân phối đồ tiếp tế cho các nạn nhân bão lụt. Họ bị buộc tội làm mất thế đoàn kết tôn giáo vì đã làm việc thiện bất hợp pháp. Trên thế giới có lẽ chỉ có nước Việt Nam dưới sự cai trị của Cộng sản, đi phân phối đồ tiếp tế cứu nạn nhân thiên tai là một “tội” bị bỏ tù hơn ba năm chưa biết đến ngày nào ra.

Hai vị cao tăng đó đã “phá hoại sự đoàn kết tôn giáo” chăng ? Sự thật chế độ Hà Nội sợ có sự đoàn kết tôn giáo trong một tổ chức tôn giáo mà họ không kiểm soát được. Đó là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã được hình thành từ trước ngày quân đội Cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam. Họ sợ không có “đoàn kết” cho tổ chức sư quốc doanh của họ thì đúng hơn. Vấn đề căn bản cho tín ngưỡng ở Việt Nam vẫn là tự do tôn giáo. Hiến pháp của Cộng sản nói đến tự do tôn giáo, nhưng cái tự do trên văn bản pháp lý này vẫn chỉ là thứ tự

do ngược ngạo như mọi cái “tự do” khác của họ. Đó là “tự do” trong vòng đai kiểm soát ngặt nghèo.

Cộng sản giải thích như thế nào trước quốc tế về cái gông chế ngự Đức tin này ? Họ nói trong một trăm năm nay đế quốc và thực dân đã lợi dụng tôn giáo để phá hoại nền độc lập của đất nước. Đây là một lời nói ngang ngược, bởi vì trong lịch sử đấu tranh giành độc lập từ đầu thế kỷ này, ngay cả trước khi chủ nghĩa Cộng sản ra đời, các nhà sư Việt Nam đã từng tham gia phong trào chống thực dân Pháp, và chính các nhà cách mạng Việt Nam cũng đã từng mượn cửa thiên an núp che mắt bọn Mật Thám Pháp. Cộng sản nói ngược vì trong thời kỳ bịp bợm hô hào tranh đấu cho độc lập tổ quốc, chính họ đã dùng chiêu bài dân tộc để quyến rũ Tăng Ni vào hàng ngũ của họ. Phật giáo chống thực dân đế quốc, đó là sự thật. Bây giờ Cộng sản sợ Phật Giáo thì chỉ có một lý do đơn giản : Chính họ đã trở thành một thứ thực dân đế quốc rồi.

Một ngày sau khi ông Amor đến Hà Nội, Cộng sản đã cho một nhà sư quốc doanh hàng đầu của họ lên tiếng nói chỉ có một thiểu số Phật tử ủng hộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Tuy nói vậy, ông ta thấy cần phải kêu gọi toàn thể các vị Tăng Ni Việt Nam hải ngoại trở về giúp đất nước. Sư quốc doanh đã sợ sức mạnh Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại. Bây giờ mới thấy rõ chính các ông “quốc doanh” là kẻ phá hoại tình đoàn kết tôn giáo chớ không ai hết. Thế kềm chế tôn giáo của Cộng sản đã lung lay.

Chúng tôi bái phục tâm thư và nghị

quyết của đồng bào Phật tử đúng thời điểm chiến lược. Lúc này không đánh còn chờ đến lúc nào ?

(trích báo Bút Việt,
Dallas, TX. 21.11.98)

(xin xem tiếp tin tức trang 121)

Thơ TUỆ NGA

Mùa xuân em mặc áo vàng

Mực say lòng giấy thơm trang
Mùa xuân em mặc áo vàng dâng hương
Nguyện cầu chư Phật mười phương
Ba ngàn cảnh giới lừng hương chiên đàn
Mùa xuân hoa cỏ thên thang
Quán âm phổ độ nhân gian an hòa
Việt nam quê mẹ hoan ca
Đàn con lưu lạc phương xa trở về
Đón xuân bút lông thơ đề
Xuân trong vọng tưởng ngày về hoài
mong
Thanh bình xuân đẹp nắng hồng
Thời kinh bát nhã khai dòng thịnh hưng
Bốn phương tứ chúng vui mừng
Ba miền non nước vang lừng đạo ca
Mùa xuân em mặc áo hoa
Em dâng khấn nguyện An Hòa Quê
Hương.

TIN TỨC SINH HOẠT PHẬT GIÁO

Chiều Chủ Nhật ngày 6 tháng 12 năm 93 vừa qua. G.H.P.V.N.T.N Âu Châu cùng Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và phòng thông tin Phật Giáo Quốc Tế đã tổ chức lễ cầu nguyện cho những người đấu tranh bảo vệ nhân quyền trong thế giới tại chùa Phật Giáo Quốc Tế Vincennes, Paris để chú nguyện cho sự ra đời của bản tuyên ngôn mới do Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc hợp bàn, chuẩn y có tên là “Tuyên Ngôn Bảo Vệ Những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền Trong Thế Giới”, nhân kỷ niệm 50 năm “Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền” (10.12.1948-10.12.1998).

Buổi lễ được tổ chức trong trang nghiêm suốt 3 tiếng đồng hồ với sự tham dự của 300 đại biểu Tăng Ni, Phật tử đại diện Phật Giáo Việt Nam, Tây Tạng, Miến Điện, Đại Hàn, Lào, Campuchia, Tích Lan, Thái Lan, và Trung Quốc.

Trong bài diễn văn khai mạc lễ cầu nguyện, Hòa Thượng Trưởng ban tổ chức Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) Âu Châu đã đề cao vai trò của Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền. Hòa Thượng nói : “50 năm qua, biết bao Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền bị đàn áp, bị tù đày, bị tra tấn, bị thẩm sát, chỉ vì họ hành động để thể hiện lý tưởng nhân bản của họ bằng phương pháp bất bạo động. Chính những người này là những chiến sĩ can cường chấp nhận mọi điều kiện gian khó để cho bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được luôn luôn sáng chói như một chiếc phao cứu mạng của các tầng lớp

dân chúng bị áp bức”.

Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, cầm đầu phái đoàn gồm có Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Hòa Thượng Thích Giác Lượng, Thượng Tọa Thích Viên Lý và Thượng Tọa Thích Giác Đăng, đã nhấn mạnh khi ban Đạo từ cho cuộc lễ rằng : “*Trong thế kỷ này chúng ta chứng kiến được sự ra đời của một văn kiện mang tính đồng điệu với lời Phật dạy được nhiều quốc gia đón nhận, đó là bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (...) Lý tưởng hoạt động của những chiến sĩ tình thương ... những Người Đấu Tranh Bảo Vệ Nhân Quyền ... là lắng nghe và đáp lời những tiếng kêu cứu của đồng loại”.*

Sau nghi thức cầu nguyện theo ba truyền thống Phật Giáo Tây Tạng (Kim Cang Thừa), Phật Giáo Theravada (Nam Tông) và Phật Giáo Đại Thừa (Bắc Tông) để chú nguyện cho bản Tuyên Ngôn mới sắp ra đời gây xúc động mãnh liệt mọi người tham dự, hội trường đã chăm chú lắng nghe 4 bức Thông điệp của 1/ Đức Dalai Lama, 2/ Hòa Thượng Thích Huyền Quang, 3/ Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc và 4/ Bà Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc gửi đến chào mừng cuộc lễ, và các lời phát biểu về hiện trạng nhân quyền tại ba nước Tây Tạng, Miến Điện và Việt Nam.

* Nội dung Thông điệp của ông Kofi Annan, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, ca ngợi : “*Thần trí của những ai đã tuyên xưng các quyền con người, và cung kính với những ai đã hy sinh thân mạng bảo vệ các quyền ấy”.*

* Nội dung Thông điệp của Bà Cao Ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc bộc lộ tính quan trọng của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền vì đã chỉ đạo mọi hoạt động của Liên Hiệp Quốc trong sự thăng tiến và bảo vệ mọi quyền của con người, nhưng không quên nhấn mạnh : “Cuộc kỷ niệm hôm nay phải là lúc chúng ta tận tụy mở lại với các nguyên tắc soạn thảo trong lời nói đầu và 30 điều khoản của Tuyên Ngôn. Đây là điều quan trọng không kém. Đây phải là lúc chúng ta dần dần thực hiện công tác dang dở, để bất cứ ai và ở đâu đều được bảo đảm hưởng quyền. Tương lai của Nhân Quyền ở trong tay chúng ta. Hãy chung vai đấu cật thực hiện các quyền con người cho mọi người”. Quyền Con Người cho Mọi Người (All Human Right for all) chính là tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc kỷ niệm 50 năm Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền năm nay.

* Đức Dalai Lama cũng đã gởi đến một Thông điệp rất ân cần và khẳng định trách vụ của người Phật tử ngày nay, của đạo Phật ngày nay : “Tôi nghĩ rằng hoạt động hay đấu tranh cho nhân quyền là một cách tu tập cho đời sống tâm linh”. Ngài cũng bác bỏ luận đề của những kẻ chủ suy “Ngoại lệ nhân quyền Châu Á” : “Một số chính phủ cho rằng các tiêu chuẩn nhân quyền thể hiện trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền chỉ là những tiêu chuẩn của Tây Phương không thể đem áp dụng cho Châu Á và các quốc gia Đệ Tam Thế giới, là những nơi có nền văn hóa, xã hội và kinh tế khác biệt. Tôi không chia xẻ quan điểm ấy và tôi tin chắc rằng đa số những người dân bình thường cũng

không chấp nhận. Tôi tin rằng những nguyên tắc bộc lộ qua Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã thể hiện luật rất tự nhiên mà mọi giống dân và mọi chính quyền phải noi theo”. Rồi Ngài tuyên xưng :

“Là những Phật tử, khái niệm nhân quyền không xa lạ với chúng ta. Nơi trung tâm điểm của giáo lý Đạo Phật, tiềm lực giác ngộ và viên mãn hiện hữu trong mỗi con người được công nhận, nỗ lực tinh tấn của mỗi cá nhân sẽ thức dậy tiềm lực ấy. Đức Phật đã tuyên bố rằng mỗi cá nhân là vị thầy của chính vận mệnh mình : Đức Phật nhấn mạnh đến khả năng giác ngộ của mỗi con người. Trong nghĩa đó, từ căn bản, sự bình đẳng giữa loài người được thiết lập trong thế giới quan Phật giáo. Nền tảng nhận thức Phật giáo đặt trên nguyên tắc mọi người đều giống như nhau, mỗi người trong chúng ta đều có quyền sống, quyền tự do, quyền hạnh phúc. Dù chúng ta giàu hay nghèo, có học hành hay thất học, theo tôn giáo này hay tôn giáo kia, mỗi chúng ta là con người như mọi người khác. Không những chúng ta mong cầu hạnh phúc, mà còn muốn thoát ly khổ ách, hơn thế, mỗi người trong chúng ta đều có quyền như nhau trong mưu cầu các mục tiêu ấy ...

* Trong bức Thông điệp từ trong nước gửi ra, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Hóa Đạo GHPGVNTN đã viết : “Thật không có gì trang nghiêm hơn khi chư tôn Giáo Phẩm cao cấp, trung cấp và Tăng Ni hòa hợp chú nguyện cho sự an lạc của thế giới loài người ! Thật không có gì hùng lực hơn khi quý vị Phật tử nam nữ thập tùng

chư Tăng Ni nhập từ bi quán cho nhân quyền thế giới và Việt Nam !” Hòa Thượng nhận định : “Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền bảo đảm các quyền căn bản của con người, như các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do tư tưởng, tự do lập hội, tự do đi lại, v.v... Nhưng than ôi, tranh chấp ý thức hệ làm phân đôi thế giới, khiến đời sống nhân loại bị căng thẳng, băng hoại suốt năm mươi năm qua. Nơi thì chiến tranh lạnh nuôi dưỡng sự khủng bố và đàn áp nhân quyền, nơi thì chiến tranh tàn khốc thảm sát lương dân vô tội.

Về quan điểm nhân quyền của Phật giáo, Hòa Thượng giải thích : “Người Phật tử hiểu biết hơn ai hết, rằng từ 2500 năm trước, Đức Phật là người đầu tiên tuyên ngôn bảo vệ và tôn vinh con người trong thập loại chúng sanh. Ngài cũng là người đầu tiên phá bỏ bất công xã hội, phá bỏ kỳ thị giai cấp và đem lại bình quyền nam nữ. “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có giai cấp trong giọt nước mắt cùng mặn”. Ngài đã tuyên ngôn và hành động như thế. Ngài cũng tuyên bố : “Chúng sinh là Phật sẽ thành !. Thật không còn lời nào quý trọng hơn, yêu thương hơn đối với con người”. Rồi Ngài nhận định :

“Sự chú nguyện của chư Tăng Ni và Phật tử nam nữ nhập từ bi quán hôm nay (trong lễ cầu nguyện), là điều tối ưu cần thiết để tỏa chiếu Ánh Đạo Vàng vào những nơi hắc ám, đẩy lùi các thế lực gian ác, biến nhân gian thành cõi Tịnh độ. Đặc biệt tại Việt Nam, nơi mà một tôn giáo lớn như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có truyền thống 20 thế kỷ và đại biểu cho 80% dân số lại bị đàn

áp khốc liệt, cấm không cho hoàng pháp độ sinh theo giáo lý diệt khổ của Đức Thích Ca Mâu Ni. Cuộc pháp nạn thứ hai này đã mở đầu từ ngày 30.04.1975 kéo dài cho tới ngày hôm nay. Hiện tại, sinh hoạt Phật giáo ở Việt Nam chỉ là hoạt động của một Giáo Hội Nhà Nước được Đảng Cộng Sản dựng lên năm 1981 để làm công tác tuyên truyền chính trị cho chế độ mà thôi. Bởi thế, chúng ta không thể im lặng trước sự vi phạm tự do tôn giáo, vi phạm nhân quyền trầm trọng như thế : Mà phải thông tin cho thế giới được biết để nhờ can thiệp”.

Sau phần đọc Thông điệp là phần phát biểu hiện tình nhân quyền tại ba nước Tây Tạng, Miến Điện và Việt Nam do các ông Lobsang Nyandak, Giám Đốc Điều Hành Trung Tâm Nhân Quyền và Dân Chủ Tây Tạng. Ông Aung Ko “Đại Diện cho bà Aung San Suu Kyi, giải Nobel Hòa Bình năm 1991 và là lãnh tụ Phong trào đấu tranh đòi Dân chủ tại Miến Điện” và ông Võ Văn Ái, Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kiêm Phó Chủ Tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền trình bày.

TIN SACRAMENTO:

Ngày thứ Bảy 7-11-1998, Chùa Viên Chiếu thuộc thành phố Sacramento do Thượng tọa Thích Đồng Trí làm Viện chủ, đã tổ chức lễ An Vị Phật và lễ vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thật vô cùng trang nghiêm và long trọng. Số người khoảng 800 đồng hương Phật tử tham dự và hơn 25 Chư Tôn Đức Tăng già : Hòa thượng Thích Đức Niệm và Thượng tọa Thích Nguyên Trí, Thượng tọa Thích Minh Dung đến từ miền Nam California,

Nguyên Thanh đến từ San Jose, Thượng tọa Thích Tín Nghĩa đến từ Texas, một số Chư Tôn Đức đến từ Canada, Úc Đại Lợi và nhiều nơi khác tại Hoa Kỳ. Về phía Tổng Hội Cư Sĩ thì có đạo hữu Huỳnh Tấn Lê, đạo hữu Nguyên Lượng và đạo hữu Đức Hạnh. Lúc 10 giờ 30 sáng thời pháp của Thượng tọa Tín Nghĩa bắt đầu, tiếp đó là lễ chính thức. Điểm kỳ lạ là trong suốt buổi sáng vùng Sacramento trời đất mịt mù mưa to gió lớn, nhưng khi buổi lễ bắt đầu thì mưa gió dịu dần và sau đó trời nắng đẹp, Chư Tôn Đức cũng như Phật tử tại Chùa cảm thấy như một sự linh diệu của đức Quán Thế Âm Bồ

Tát.

Trong phần đạo từ, nhân danh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Hòa thượng Thích Đức Niệm tán dương công đức và khuyến lệ Thượng tọa Đồng Trí cũng như chư Phật tử xa gần đã phát tâm hộ đạo tạo thành Chùa Viên Chiếu. Mặc dù chưa đầy 4 tháng, nhưng thành phần nhân sự của Chùa cũng như Ban tổ chức đại lễ tỏ ra vững vàng. Sau đó là phần văn nghệ giúp vui với nhiều ca sĩ nổi tiếng kéo dài đến hơn 6 giờ chiều.

Diệu Đức tường trình.

Dịch âm:

LIỄU NHIÊN KỆ

Ngã thân thiên môn tại,
Ngã nguyện cực lạc quy,
Dục đắc niết bàn lộ,
Nhất hướng niệm vô vi.

TÍN NGHĨA TÁC

MẬU DẦN - 1998

Dịch nghĩa:

KỆ LIỄU ĐẠO

Thân tôi nương náu cửa thiên,
Tâm tôi nguyện hướng về miền lạc bang.
Muốn cho sớm đến niết bàn,
Một lòng hướng đến con đường vô vi.



了然偈
我身禪門在
我願極樂歸
欲得涅槃路
一向念無微
戊寅孟春 信義作
戊寅秋分 梁鏡輝抄於瑞吉



HÌNH ẢNH SINH HOẠT



*Hòa Thượng Thích-Hộ-Giác Chủ tịch Hội Đồng Điều hành Giáo Hội PGVNTNHN-HK
đọc diễn văn khai mạc Đại hội Thường niên Giáo hội kỳ 2, nhiệm kỳ II
tại chánh điện Từ Đàm Hải Ngoại Dallas, Texas, ngày 9/10/98.*



Hòa Thượng Thích-Đức-Niệm ban Đạo từ Đại Hội.



*Chư Tôn Đức Tăng già và đồng bào Phật tử tham dự
Đại lễ khai mạc Đại Hội Thường Niên.*



*Các đại biểu thành viên Giáo hội và đồng bào Phật tử đang chăm chú
theo dõi diễn văn khai mạc Đại hội và Đạo từ.*



*Hội đồng chứng minh và Chủ tọa đoàn Đại Hội.
Đại hội diễn tiến suốt ba ngày 9, 10, 11 tháng 10 năm 1998.*



*Quang cảnh hội trường Đại Hội trang nghiêm. Đại biểu dự hội vô cùng hào hứng
phấn khởi trong tinh thần lực hòa phụng sự lý tưởng Đạo pháp và Dân tộc.*



Góc độ của hội trường Đại hội trong bầu không khí thuận hợp, sáng kiến, xây dựng.



Thượng Tọa Thích-Tín-Nghĩa Viện chủ Từ-Đàm Hải-Ngoại kiêm Trưởng ban tổ chức Đại Hội, thành tâm tác bạch cúng dường chư Tăng, Đại biểu.



Các Đại biểu Phật tử tay bắt mặt mừng nhìn quang cảnh sinh động dưới mái chùa Từ-Đàm hùng vĩ uy nghiêm, cảm như đang sống trên quê hương thuở nào.



Chư Tôn Đức Tăng già và Đại biểu Phật tử lưu ảnh kỷ niệm, sau ba ngày Đại hội thành công viên mãn.



T.T Thích-Tín-Nghĩa Viện chủ Tổ Đình Từ-Đàm Hải-Ngoại đọc diễn văn khai mạc Đại lễ Khánh Thành tân chánh điện Từ-Đàm khiến cho mọi người cảm động trong niềm hân diện về công trình kiến trúc ngôi chùa hùng vĩ mang sắc thái quê hương.



Chư Tôn Thiển Đức và hàng hàng lớp lớp Phật tử tham dự Đại lễ Khánh Thành Tổ Đình Từ-Đàm Hải-Ngoại vào lúc 11 giờ sáng, ngày 10/10/1998, Mậu Dần.



Ba vị Hòa Thượng Thích-Thuyền-Ấn, Thích-Hộ-Giác và Thích-Đức-Niệm
đồng cắt băng Khánh Thành chánh điện chùa Từ Đàm.
Trên đây là Hòa Thượng Thích-Thuyền-Ấn đang cắt băng Khánh Thành.



Chư Tôn Hòa Thượng chứng minh Đại lễ Khánh Thành Từ-Đàm. Đặc biệt Thượng Tọa
Thích-Thiện-Trì Chủ tịch Hội đồng Giám luật, khắc phục sức khỏe với tinh thần dũng mãnh
tham dự suốt thời gian Đại Hội Đại Lễ Khánh Thành, người ngồi xe lăn bìa phía mặt.



Ngày trọng Đại lễ Khánh Thành, Thượng Tọa Viện chủ Thích-Tín-Nghĩa cùng môn đệ thành tâm quy hiến dâng ngôi chùa Từ-Đàm Hải-Ngoại lên Chư Tôn Đức lãnh đạo Hội đồng Giáo hội để làm giáo sản cho Giáo Hội PGVNTNHN-HK.



Chư Tôn Đức Tăng già và Phật tử sau khi Đại lễ Khánh Thành viên mãn, lưu ảnh kỷ niệm ngày hân hoan huy hoàng Phật sự.



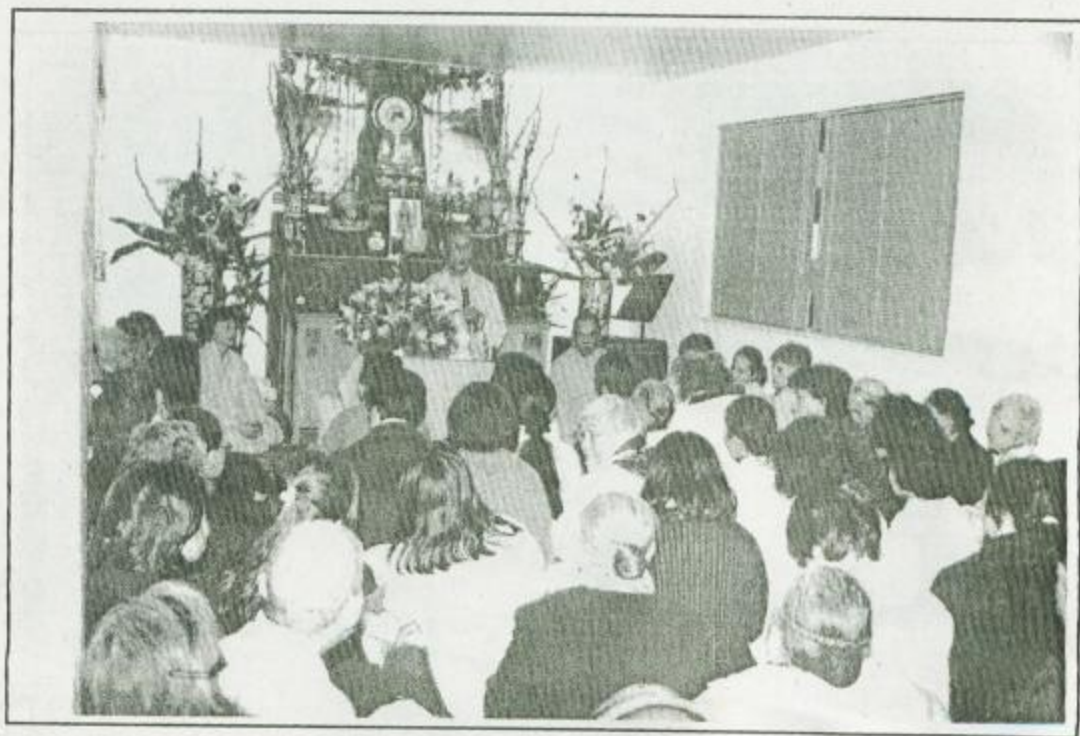
11 giờ sáng ngày 7-11-98, tại Sacramento Thủ phủ Tiểu bang California, Đại Đức Thích Đồng Trí Viện chủ chùa Viên Chiếu đọc diễn văn khai mạc Lễ An Vị Phật ngôi chùa mới thành lập.



Đông đảo chư Tôn Đức Tăng già tham dự lễ An Vị Phật chùa Viên Chiếu. Đây là ngôi chùa mới lập thuộc Giáo Hội PGVNTNHN-HK.



*Hòa Thượng Thích-Đức-Niệm ban Đạo từ trong lễ
An Vị Phật chùa Viên Chiếu.*



*Đông đảo Phật tử về tham dự lễ An Vị Phật chùa Viên Chiếu đang chăm chú nghe
Thượng Tọa Thích-Tín-Nghĩa thuyết pháp.*

TRI ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Trí-Chơn	\$600.00	Hội Phật Giáo Việt Nam tại Jackson	\$100.00
H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00	Chùa Phật Ân (Minnesota)	\$100.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00	Chùa Giác Hoa	\$90.00
T.T. Thích-Nguyên-Trí	\$200.00	Chùa Pháp Hoa (Wichita, KS)	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Siêu	\$100.00	Chùa Quang Minh	\$200.00
T.T. Thích-Tâm-Quang	\$100.00	Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00
Ni-Sư Thích-Nữ Nguyễn-Thanh	\$100.00	Pt. Huỳnh-Tấn-Lê Pd. Quảng Phước	\$300.00
Phật tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$50.00	Pt. Minh Vân	\$70.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$300.00	Pt. Đặng Trinh Ky	\$60.00
Pt. Phan-Chức Pd. Tâm Nguyễn	\$100.00	Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiến...	\$50.00
Pt. Lê Quang Tồn Pd. Nguyễn Minh	\$100.00	Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00
Pt. Sandy Thái	\$100.00	Pt. Phan Quang Đán	\$50.00
Pt. Nguyễn Thanh & Nguyễn Hiếu	\$50.00	Pt. Vinh Nguyen & Van Ta	\$50.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Nguyễn Phương Hảo Pd. Quảng Thiện .	\$50.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Vincent Hương	\$50.00
Pt. Thanh Hoàng	\$50.00	Pt. Nguyễn Minh Thư	\$50.00
Pt. Thắng Tín	\$50.00	Pt. Diệu Hiến	\$50.00
Pt. Duyên Ngọc Trần Ngọc An	\$40.00	Pt. Trần Văn Cồn & Trần Thị Tri	\$50.00
Pt. Metta Khanti	\$30.00	Pt. Đoàn Minh Hoàn	\$30.00
Pt. Nguyễn Huy Phong	\$25.00	Pt. Quách Kim Âu	\$20.00
Pt. Pháp Ngọc	\$20.00	Pt. Nguyễn Xuân Khương	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Đạo Tâm	\$20.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00	Pt. Quảng Thức Nguyễn Quang Đông ...	\$20.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00	Pt. Lê Văn Chi	\$20.00
Pt. Diệu Trí	\$20.00	Pt. Phan Văn Mộc	\$20.00
Pt. Chơn Quán	\$20.00	Pt. Em Tuấn Lê & Thoi Le Phan	\$20.00
Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ..	\$10.00	Pt. Fong So	\$15.00

Ủng hộ Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại là ủng hộ công cuộc hoằng pháp truyền bá tư tưởng giác ngộ, tạo nhân trí tuệ giải thoát.

Toàn Ban Biên Tập Phật Giáo Hải Ngoại chân thành tri ân
liệt quý vị hảo tâm ủng hộ.

THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn thi hữu cùng quý thân chủ quảng cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại.

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niệm ân thành tình hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa. Nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI-ÂN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hãy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin có thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muôn sự trông cậy vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

Nam-Mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

TÒA-SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

GÓP PHẦN ỦNG HỘ MUA BÁO DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

- ✈ Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) **15MK một năm.**
- ✈ Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) **20MK một năm.**

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phương danh ở mục TRI AN của tập san.

☒ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin để : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

☒ *Thư từ mua báo* hoặc *ủng hộ báo* xin gửi về địa chỉ :

PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A

☎ Điện thoại: **(818) 893-5317**

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập với tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích đó, trong suốt gần hai mươi năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng ngàn kinh sách giá trị cung cấp khắp nơi, nhất là các trại tỵ nạn trước đây, và tặng các chùa ba miền Việt-Nam.

Đặc biệt, bộ tranh Lịch Sử đức Phật gồm 32 tấm từ Đản sanh đến nhập Niết Bàn, khổ lớn (11x16) inches, màu sắc tuyệt đẹp, dưới mỗi bức tranh đều có chú thích ý nghĩa bằng Việt Anh rõ ràng dễ hiểu, mà từ xưa đến nay chưa có bộ tranh Phật nào trang nhã tuyệt đẹp, ghi chú đầy đủ như vậy. Đây là kết quả công trình của Hòa Thượng Thích Đức Niệm trải bao chục năm mang tâm nguyện sưu tầm, nay mới hoàn thành. Có thể nói đây là lần đầu tiên bộ tranh Phật đầy đủ tuyệt đẹp trong lịch sử Phật giáo vậy.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có Chùa, có Hội Phật Giáo hay Cộng đồng người Việt thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vướng bận ân tình thân sơ.

Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuần chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trải rộng tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng đào tạo nhân tài, phục vụ văn hóa, đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa, nhưng vẫn duy trì truyền thống thiền môn quy củ. Tăng ni sinh sáng chiều chuyên tâm kinh kệ, bá sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh trong tinh thần Lục hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc trong đời sống để phục vụ nhân sinh. Phật-Học-Viện có đầy đủ kinh sách Việt, Anh, Hán. Đặc biệt Hán tạng có 4 bộ : Đại Chánh Tạng, Vạn Tự Tạng, Càn Long Tạng và Phật Giáo Tạng.

Mỗi đầu tháng Viện có tổ chức khóa tu Tịnh Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Tịnh Độ. Hằng tháng Bồ-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng chủ nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật tử bốn phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám-Hồng-Danh với sự hướng dẫn tận tình của chư Tăng. Tiếp theo, nghe thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ vân tập quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều chủ nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, tiếp theo đó có thời thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của các Phật tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách thánh hiền, ngắm nhìn hình ảnh Phật, sẽ cảm thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp bắc nhịp cầu thông cảm với tư tưởng Thánh Hiền. Đọc kinh sách, ngắm nhìn tranh ảnh Phật là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí huệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi Chùa Viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách, bộ tranh Phật để làm phương tiện khai triển trí huệ, xây dựng hạnh phúc, thánh thiện hóa đời mình cùng con cháu và bạn bè. Tiền của vô thường. Kinh sách chan chứa lời thánh hiền, đạo đức còn đời đời, tạo cho người nguồn sống an lạc.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật, sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ đề tình con Phật tử bi trong tình đồng hương viễn xứ, đồng thời để cho lòng vui nhẹ ưu tư, tĩnh lặng thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh, hướng thiện người tu tâm dưỡng tánh.
- 2/. Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có chọn lọc kỹ, chỉ có khả năng in một lần, và luôn luôn đổi mới.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TE**

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827

BẢN MỤC LỤC THÁNG 2 - 1999

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$96.00
Kinh Nhựt Tụng	(Tụng Niệm hằng ngày)	\$12.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm (gồm đủ loại nghi thức)	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Sớ Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích Nữ Như Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng) ...	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Đại Nhựt	Pram Nguyễn	\$9.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại Bi Sám & Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (Hình màu tuyệt đẹp)	Thích Thiện Tâm	\$13.00
Kinh Tâm Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (Loại bỏ túi hình màu tuyệt đẹp)	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh Giải Thâm Mật	Thích Trí Quang	\$7.00
Kinh Hiền Ngụ	Thích Trung Quán	\$10.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Bát Nhã Giảng Luận	Thích Đức Niệm	\$8.00
Kinh Lăng Già Tâm Ấn	Thích Thanh Từ dịch	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$13.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$14.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Việt-Anh, bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiền Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Ấm-Nghĩa, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày)	Thích Bích Liên	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang dịch	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch giải	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh) ...	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Văn Thù Thọ Ký	Thích Trí Tịnh	\$5.00
Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ dịch	\$5.00
Kinh Viên Giác	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Viên Giác	Huyền Cơ	\$4.00
Kinh Vô Lượng Thọ	Thích Đức Niệm	\$6.00
Ánh Đạo Vàng	Võ Đình Cường	\$5.00
Bài Học Ngàn Vàng	Thích Thiện Hoa	\$8.00

Bát Quan Trai Thập Giảng	Diễn Bối Đại Sư	\$7.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa)	Đỗ Đình Đồng	\$6.00
Con Đường Vô Tận	Huỳnh Trung Chánh	\$8.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cuộc Đời Đức Phật (Anh-Việt)	Thích Trí Chơn	\$7.00
Cương Yếu Giới Luật	Thích Thiện Siêu	\$6.50
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vắn Mở	Diệu Nga	\$9.00
Cho Trọn Mùa Xuân	Thích Đức Niệm	\$7.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chết Có Thật Đáng Sợ Không (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang dịch	\$7.00
Chú Lăng Nghiêm - Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi) ...		\$3.00
Chư Thiên Đức Hành Trạng (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đạt Ma Huyền Trang	Thích Tín Nghĩa	\$7.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật & Dòng Sử Việt	Thích Đức Nhuận	\$15.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Đường Về Cực Lạc (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Trí Tịnh	\$11.00
Giáo Lý Bí Mật Về Thân Trung Âm	Pram Nguyễn	\$24.00
Giọt Lệ Như Sương	Diệu Nga	\$8.50
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh dịch	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh dịch	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Pháp Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo	Thích Bảo Lạc	\$12.00
Lá Thư Tịnh Độ	Liên Du	\$7.50
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy Và Mục Đích Của Cuộc Đời ..	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lăng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Lối Vào Nhân Minh Học	Thích Thiện Siêu	\$6.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ	\$7.00

Luật Sa-Di & Sa-Di-Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luận Câu Xá Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Luận Nhiếp Đại Thừa	Thích Trí Quang	\$8.00
Luận Thành Duy Thức	Thích Thiện Siêu	\$12.00
Luận Đại Thừa Khởi Tín	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán	\$72.00
Lược Truyện Tiên Thân Đức Phật	Thích Đức Niệm	\$6.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật	Hạnh Cơ	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith	\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thể Quán	\$12.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muôn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường và Thể Quán	\$3.00
Ngụ Ngôn	\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
Như Thế Mà Trôi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Những Chuyện Luân Hồi Hiện Đại	Thích Tâm Quang	\$7.00
Những Mùa Vu Lan	Thích Đức Niệm	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc ...	Thích Trí Chơn	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa ... mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiện Tâm	\$20.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm ..	\$7.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Ấn Thuận Đại Sư	\$7.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Và Thánh Chứng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
Phật Giáo Cho Người Mới Học	Ngài Narada	\$8.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Trí Nghiêm	\$6.00
Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Môn Tịnh Độ	Thích Trí Thủ	\$7.00
Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$6.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Sự Tích Phật A Di Đà, Chư Bồ Tát Và Tổ Sư	\$9.00
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tâm Kinh Yếu Giải	Thích Đức Niệm	\$6.00

Tế Diên Tăng	Khánh Vân dịch	\$7.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiên Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Tư Tưởng Phật Giáo Trong Văn Học Thời Lý	Nguyễn Vĩnh Thượng	\$9.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Quỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Đốn Ngộ	\$7.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Thiền Tĩnh Quyết Nghi	Thích Trí Tịnh	\$3.00
Thiện Tài Cầu Đạo	Thích Đức Niệm	\$8.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
Triết Học Về Tánh Không	\$7.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$6.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu	\$15.00
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh)	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luận Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vì Sao Tin Phật (Tập 1, 2, 3) - (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang ... mỗi tập	\$10.00
Vô Ngã Là Niết Bàn	Thích Thiện Siêu	\$7.50
Vết Nhạn Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh.....	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ ... mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
Bộ Tranh Lịch Sử Đức Phật 32 tấm từ Sơ-Sanh đến Niết-Bàn (cỡ 11x16) màu sắc trang nhã tuyệt đẹp	\$96.00
* Cờ Phật Giáo bằng giấy (10x17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.75

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt và Chuỗi Trảm 108 hạt	\$9.00
Chuỗi Kim Cang Minh Nguyệt 108 hạt	\$48.00
Chuỗi Mã Nã 108 hạt	\$64.00
Chuông-Mô cỡ lớn 5 inches,	\$86.00
Chuông-Mô cỡ nhỏ 3 inches	\$70.00
Khánh Dẫn Lễ	\$40.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại thường)	\$46.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại hoa sen)	\$95.00

**LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI
FREEWAY:**

TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

Lấy FREE-WAY 5 SOUTH - Exit OSBORN queo mặt - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 405 SOUTH - Exit NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SAN DIEGO:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH BAKERSFIELD - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

Lấy FREE-WAY 101 WEST - đổi FWY 170 N. đổi qua FWY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SANTA ANA:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SAN BERNADINO FREE-WAY:

Lấy FREE-WAY 605 NORTH - đổi 10 WEST đổi 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

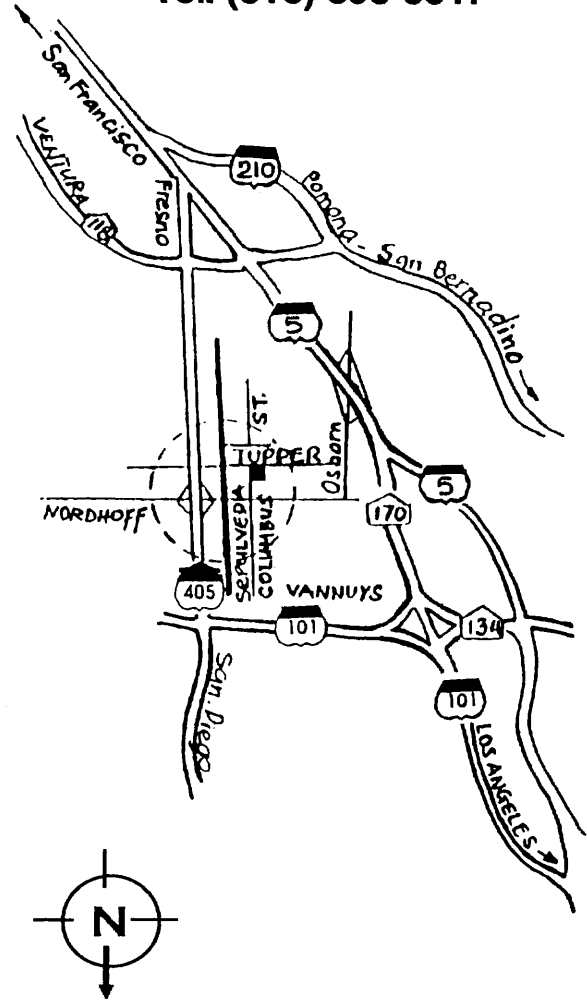
HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317



TỪ OXNARD - VENTURA:

Lấy FREE-WAY 101 SOUTH LOS ANGELES đổi FWY 405 N. SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SIMI VALLEY:

Lấy FREE-WAY 118 EAST đổi 405 SOUTH - Exit NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì PHV nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG THỂ THIẾU:

Các tác phẩm có giá trị, công phu, trung thực và khoa học do Thích-Tâm-Dương soạn dịch:

- 1- HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI : \$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 2- LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY : \$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 3- LÀM SAO TRÁNH KHỎI SỢ HÃI VÀ LO LẮNG :.. \$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 4- PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI : \$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 5- PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC : ... \$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 6- BA NGÀN NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI : \$8.00 + \$1.50 C.P
- 7- NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI : \$9.00 + \$1.50 C.P
- 8- NỀN TẢNG CỦA ĐẠO PHẬT (HẾT):\$10.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 9- CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG ? : \$7.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
- 10- VÌ SAO TIN PHẬT (TẬP I, II, III) :\$10.00 + \$1.50 C.P (SONG NGŨ - ANH VIỆT)

SẮP PHÁT HÀNH

Người Chết Vẫn Sống

NƠI PHÁT HÀNH: CHÙA TAM BẢO

P.O. BOX 1903 FRESNO, CA 93718 - U.S.A.

TEL. (209) 264-2728

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A.

TEL. (818) 893-5317

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu tâm long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tả thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều tầng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trưng-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gấp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIỂU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây má cho hợp với thể đất..\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu.

Cắm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng LƯU-KIM-CƯƠNG (không quán) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miên

Ra đi gặp giặc mình liền tan thây!"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đại phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông NGUYỄN-VĂN-BÔNG (Viên-Trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thành-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá BẦU về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Tỵ của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng DUƠNG-VĂN-MINH với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài ĐỖ-VẠN-LÝ khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-DOÃN nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyển đi đây gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Có bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyển đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi dừng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá QUÁCH-NGỌC-LÂM (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHÁI-HUYNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT: (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều: "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười: "Chồng ở mô mà sẵn rứa?" (Vị lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/. ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chi số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mã-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/. Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đường sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIỂU

- * Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5
- * Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- * Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu: Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.
Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ: Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó: Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PĐM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NANG CALI số 151

(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi dấu-số và thầy địa-lý; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi ùm đến ông sau nhiều rủi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi dấu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA

(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)

11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUÀ: = Cưới = Sinh Nhật
= Thôi nôi = Đầy tháng

dem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

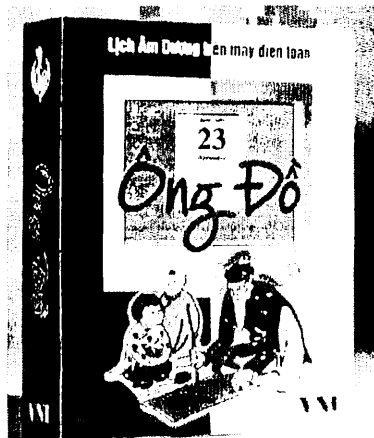
- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

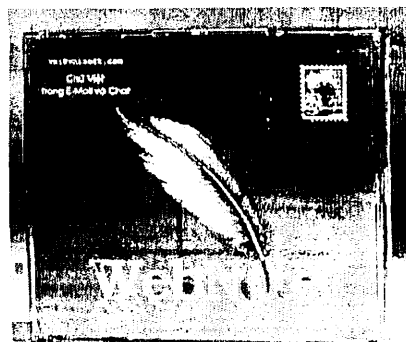
VNI hân hạnh giới thiệu các sản phẩm:



**BỘ CHỮ VIỆT VNI TÂN KỲ 2.95
CHO WINDOWS 3.1/95/98**

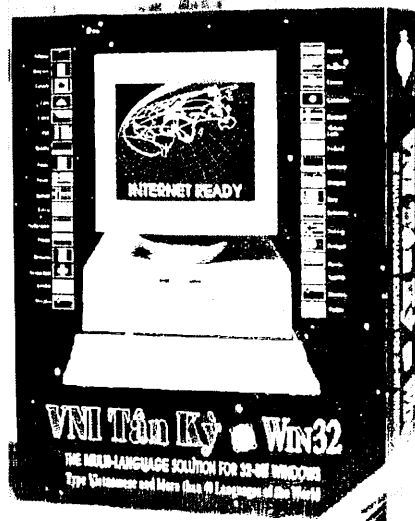


**LỊCH ÂM DƯƠNG
TRÊN MÁY ĐIỆN TOÁN**



**GỬI E-MAIL CÓ DẤU CHỮ VIỆT
TRÊN INTERNET VỚI WEBNOTE**

**BỘ CHỮ VIỆT VNI TÂN KỲ 4.0
CHO WINDOWS 95/98 & NT**



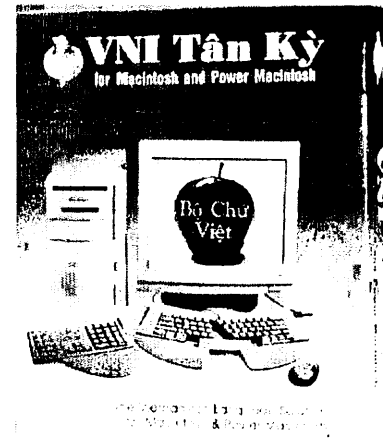
DỄ DÙNG ĐƠN GIẢN

**KHÔNG THỂ THIẾU trong
bất cứ công việc gì cần
chữ VIỆT trên computer.**

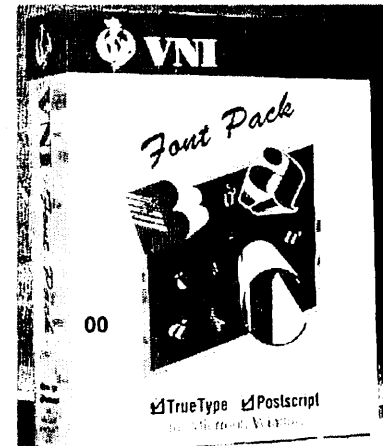


VNI

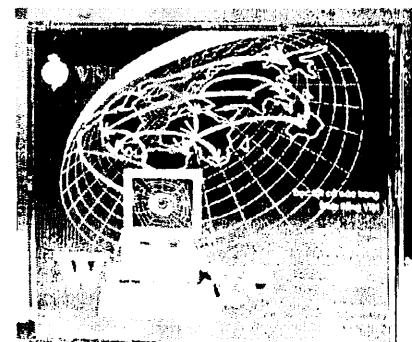
15103 Moran St.,
Westminster, CA 92683, USA.



**BỘ CHỮ VIỆT VNI TÂN KỲ
CHO MACINTOSH**



**BỘ FONT BỔ TÚC CHO
WINDOWS & MAC**



**ĐỌC BẤT CỨ TRANG WEB
TIẾNG VIỆT NÀO TRÊN INTERNET**

Phone: (714) 891-7656 • Internet: www.vnisoft.com

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY

BÁC SĨ

PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 SHERMAN WAY # 104,, RESEDA, CA 91335

(Trong khu bánh mì Ba Lẹ & Nhà Hàng Tuyết Anh)

Tel. (818) 342-8171 ☺ (818) 342-8172



- ☆ TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.
- ☆ HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.
- ☆ BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG
CHO NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

NHẬN CÁC LOẠI MEDICAL PLAN:

BLUE CROSS - MAXICARE
- COMMUNITY HEALTH PLAN -
TOWER - FOUNDATION - MOLINA
- UNITED HEALTH PLANE -

NHẬN CÁC LOẠI PPG HMO BẢO HIỂM :

- ☆ AETNA - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - CIGNA
- ☆ CARE AMERICAN - HMO CA - FOUNDATION
- ☆ HEALTH NET - MAXICARE - PACIFIC CARE
- ☆ TAKE CARE - ONE HEALTH PLAN - BPS
- ☆ UNITED HEALTH CARE

DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ

- ⇒ Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp. (C.H.D.P)
- ⇒ Truy tầm ung thư ngực cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (B.C.E.D.P)
- ⇒ Chương trình kế hoạch hóa gia đình và cấp thuốc ngừa thai.

NHẬN:

MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM - HMO - PPO
Giá đặc biệt cho những người
trả tiền mặt

**XIN GỌI
LẤY
HẸN TRƯỚC**

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU:

SÁNG = 9:00AM - 12:00PM

CHIỀU = 2:00PM - 6:00PM

THỨ BẢY : 9:00AM - 3:00PM

CHỦ NHẬT: KHÁM THEO HẸN.

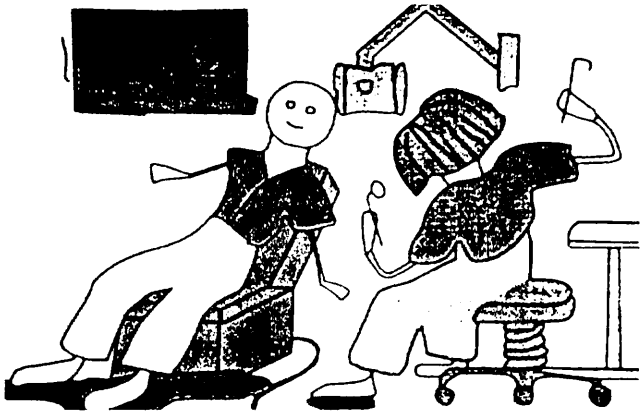
VÙNG SAN FERNANDO VALLEY

Bác Sĩ Nha Khoa

TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG D.D.S

Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại Case Western Reserve University, Ohio 1994

Hội viên của: Americal Dental Association * Academy of General Dentistry * California Dental Association



- KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT (General Examination)
- PHÒNG NGỪA SÂU RĂNG (Preventative Dentistry using Fluoride and Sealant)
- NGỪA BỆNH HÔI MIỆNG (Bad Breath Prevention)
- TRÁM VÀ NHỔ RĂNG CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI LỚN (Treatment for Children and Adults)
- LÀM ĐỦ LOẠI RĂNG GIẢ (Crown, Bridge, Removable Prosthodontic)
- TẮY TRẮNG RĂNG TẠI VĂN PHÒNG HAY NHÀ (Bleaching in / out office)
- ĐẮP VÀ VÁ RĂNG BỊ SÚT MỀ HAY THỪA (Cosmetic Bonding, Porcelain Veneer)

Giờ làm việc:

THỨ BA - THỨ SÁU : 9AM - 6PM

THỨ BẢY - CHỦ NHẬT : 9AM - 3PM

NGHỈ THỨ HAI:

*Phòng mạch khang trang và sạch sẽ.
Bác sĩ nha khoa tận tâm,
chú đáo và nhẹ nhàng.*

Nhận Bảo Hiểm, Medical, và
trả góp không tiền lãi.

Khám bệnh theo hẹn, trường hợp khẩn cấp
xin đến thẳng văn phòng.

**18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335**



(818) 708-7280

Fax: (818) 708-0791

Roscoe			
Saticoy			
Sherman Way			
Vanowen	Wilbur	Amigo	Reseda

— Đặc biệt dùng máy tối tân và kỹ thuật hiện đại như:

- ☆ Máy siêu âm (ultrasonic) làm răng sạch, kỹ lưỡng và không đau
- ☆ Máy chụp hình răng điện toán (computed dental radiography) giảm 90% tiếp xúc với tia X-Ray
- ☆ Máy điện tử rọi răng (intraoral camera) để bệnh nhân trông thấy hình trước và sau khi làm.

VAN'S

TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

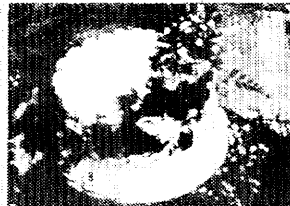
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của OTTA - Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH MIỀN VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật lộng lẫy
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

Trung Tâm Chuyên Trị Siêu Vi Trùng Gan A, B, C, D, E, G
Tất Cả Các Bệnh Về Gan, Đau Nhức Và Nan Y



Bác Sĩ NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.



838 N. Broadway, Suite A., Los Angeles, CA 90012
(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)
Tel. (213) 680-0888

Bác sĩ **THIỆN Y** là Bác sĩ Việt Nam đầu tiên điều chế và phát minh được thảo chữa trị thành công, rất nhiều người dứt khỏi bệnh siêu vi trùng viêm gan B, C từ năm 1992, qua kết quả thử máu, không tái phát và không gặp bất kỳ phản ứng phụ nào. Bác sĩ Thiện Y, nguyên là Kỹ sư Hóa học, khóa 7, Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, Sài Gòn ; tốt nghiệp Bác-sĩ Y-khoa Đông-phương Hoa-Kỳ ; tu nghiệp chuyên khoa tại các Đại học UCLA School of Medicine và Stanford University School of Medicine, Award tại Stanford University School of Medicine. Bác sĩ Thiện Y cũng là Đông Y gia truyền, đã chữa bệnh tại Việt Nam, các bệnh viện Mullikin, La Palma Hospital Hoa Kỳ và các đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood. Được rất nhiều người viết thư, truyền hình cảm tạ, báo chí khen ngợi và đồng bào Los Angeles khen tặng danh hiệu "DIỆU THỦ HỒI XUÂN". Bác sĩ nhiều kinh nghiệm, tận tâm, uy tín, chữa bệnh lâu năm.

CHUYÊN TRỊ:

- *- Trị dứt siêu vi trùng viêm gan B, C qua kết quả thử máu (có cảm tưởng của những người hết bệnh). Hết bệnh (positive biến thành negative) trong thời gian ngắn nhất (từ 1 tháng đến 8 tháng) và không gặp bất kỳ phản ứng phụ nào, cũng không bị tái phát trở lại.
 - *- Trị lành các bệnh gan, như viêm gan, gan lớn, mỡ trong gan, các chỉ số chức phận trong gan quá cao, chai gan, (cirrhosis), vàng da, vàng mắt, đen da, hay thời kỳ nguy hiểm.
 - *- Trị lành các chứng đau loét bao tử lâu năm, đau bộ tiêu hóa, ruột, ợ chua, sinh bụng, cứng bụng, đau tim, nghẽn động mạch vành tim không cần giải phẫu.
 - *- Trị hết mụn ở mặt và lưng, ghẻ ngứa, phong độc vẩy nến psoriasis không tái phát, đau đầu kinh niên, viêm mũi, ho, mất ngủ, huyết trắng, trĩ, di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, yếu sinh lý, sưng đau tiền liệt tuyến (prostate pain), hoa liễu.
 - *- Trị các bệnh đau nhức, phong thấp, đau khớp xương, cao máu, tiểu đường
 - *- Trị các loại bướu và ung thư gan, phổi, bao tử, tử cung v.v... thời kỳ 1 và 2.
- Nhận gởi thuốc đi khắp Hoa Kỳ và ngoại quốc. Chẩn mạch qua điện thoại, điện thư, kết quả thử máu, các giấy xét nghiệm của nhà thương.

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI đến CHỦ NHẬT 10:00AM - 6:00PM. - FREE PARKING
Nghỉ thứ TƯ và thứ SÁU

Nhận VISA và MASTER CARD.

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

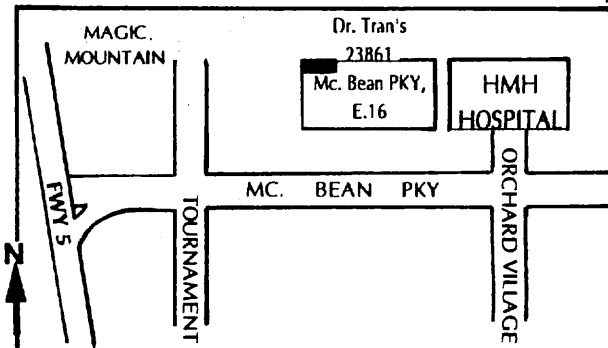
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- * Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- * Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- * Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi
- => Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ
- => Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vênh
- => Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ
- => Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:
Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...
- => Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn
- => Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư
- => Cắt bỏ các bướu ung thư của da
- => Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt
- => Tẩy các vết sẹo
- => Tái tạo các chức phận của bàn tay, giầy thần kinh, gân và xương.

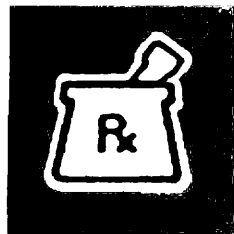
Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cẩm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận **MEDICAL** và **CÁC LOẠI BẢO HIỂM**

TÍN NHIỆM ★ AN CẦN ★ TẬN TÂM
 NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

BÁC SĨ NHA KHOA

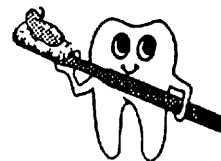
LÊ THÀNH HÒA

BÁC SĨ NHA KHOA

THÁI QUỲNH QUANG



- > Khám răng tổng quát định kỳ.
- > Trị các bệnh về răng miệng.
- > Làm răng giả các loại



Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

ALHAMBRA

407 W. MAIN STREET
 ALHAMBRA, CA 91801
 Tel. (818) 281-6642

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY:
9AM - 6PM

VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
 VAN NUYS, CA 91405
 Tel. (818) 904-0224

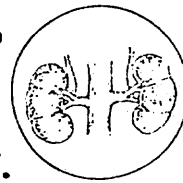
(cùng Building với Phan's Pharmacy)

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: 9AM - 6PM
THỨ BẢY: 9AM - 5PM

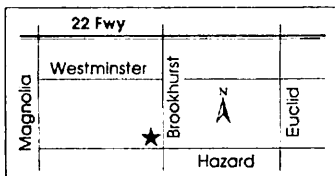


Bác Sĩ ĐỖ CẢNH MINH, M.D.



**CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH :
THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT.**

**ĐẢM TRÁCH LỘC MÁU
TẠI 3 TRUNG TÂM LỘC THẬN**
✓ Vivra Fountain Valley
✓ Vivra Westminster
✓ Garden Grove ARC



**14441 Brookhurst St. # 6,
Garden Grove, CA 92643**
(Góc Brookhurst và Hazard)

- BỆNH NỘI KHOA NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM.
- Bệnh tiểu đường, bướu cổ và các bệnh đau nhức.
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi.
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ.
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên.
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mề đay, suyễn.
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mụn cóc, lở ngứa.
- Nhận làm bác sĩ gia đình.
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn.

GIỜ LÀM VIỆC :
Thứ Hai - Thứ Sáu : 9:30 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật : Nghỉ

**NHẬN MEDICAL / CALOPTIMA
MEDICARE VÀ BẢO HIỂM**

Điện Thoại : (714) 418-0488

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food
9035 Reseda Blvd, Northridge, CA 91324
Tel. (818) 349-9135

Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.

DAVICO INC. * DA VIỆT CÔNG TY

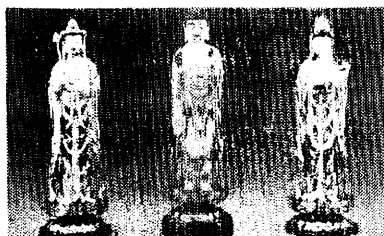
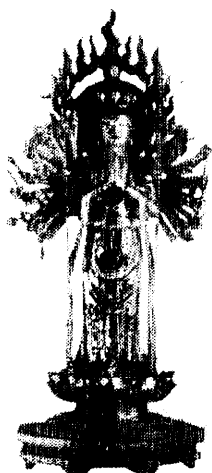
Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries

The Shop (in China Town)

861 N. Spring ST. # 204-205-206

Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 626-1868



- * Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ cổ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.
- * Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, châu kiếng, lư hương, nhang đèn...

XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, ÂN CẦN TIẾP ĐÃI



BÁC SĨ NHA KHOA

胡文富牙醫博士



HỒ VĂN PHÚ, D.D.S. HỒ NHỮ MAI, D.D.S.

- ☺ Nha Khoa Gia Đình.
- ☺ Khám Răng Định Kỳ.
- ☺ Làm Răng Giả Đủ Loại.

- ☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.
- ☆ Nha Khoa Phòng Ngừa.
- ☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA 90250

☎ TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am - 6:00pm
Thứ bảy: 9:00am - 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
Los Angeles, CA 90012

☎ TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu
9:00am - 6:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LÊN HẸN TRƯỚC
Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

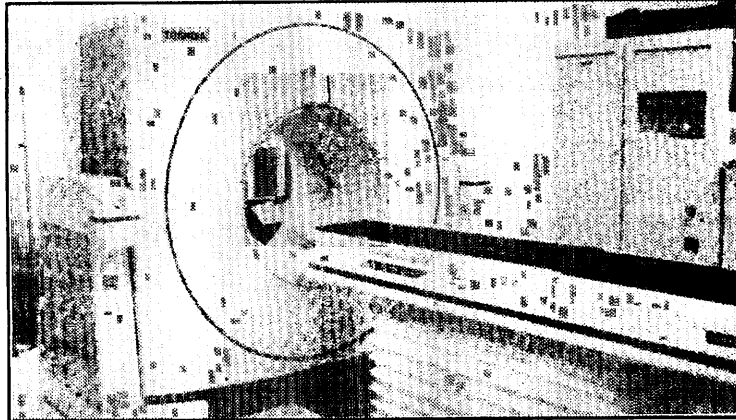
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

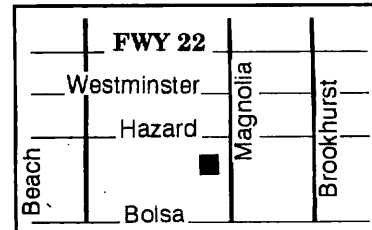
TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**



GIỜ MỞ CỬA:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM

DISCOUNT
*Exotic
Fresh & Silk*

Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ Phật-Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan*

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

**14044 Magnolia * Suite 128
Westminster, CA 92683
(corner Westminster Blvd.)**

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

**VISA
MASTER CARD**

LONG BEACH

Bác Sĩ



MAI THANH HỒNG, M.D

CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM ST., LONG BEACH, CA 90804

Tel. (310) 439-7227 • 24hrs.

⇒ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

⇒ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

CHUYÊN MÔN BỆNH TRẺ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

⇒ *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

⇒ **Cộng tác chương trình băng sữa WIC**

⇒ **Đích thân săn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.**



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUỲNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa
Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giả.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota
từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,
Chữa Răng Nhẹ Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- > Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- > Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- > Bán các loại thiệp, quà tặng.
- > Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- > Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)
- > Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ
Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

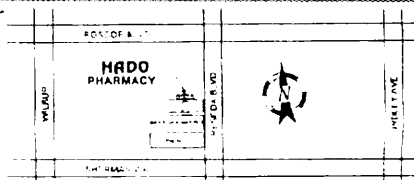
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:50 AM - 6:50 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:50 PM



DOUGLAS DUC PHAM
BROKER/OWNER



9017 RESEDA BLVD # 212, NORTHRIDGE, CA 91324

HOÀNG-NGỌC-HÀ
MORTGAGE BROKER

TEL. (818) 717-0939 PAGER. (818) 908-7686

- 3% - 5% Down cho những người mua nhà lần đầu.
- 20% Down, No Verify income, No Verify employment, No Tax Return.
- Home improvement loan up to 125% loan-to-value.
- Không cần tiền Down, hay bị phá sản, bad credit vẫn mua nhà được.
- Cần Thủ Tục chuyển nhượng Bất Động Sản, như rút tên ra, thêm tên vào, hay đổi tên trên giấy chủ quyền.

ĐẶC BIỆT

- CÓ NHIỀU DANH SÁCH NHÀ DO NGÂN HÀNG ĐÃ VÀ SẮP TỊCH THU, GIÁ RẺ, HẦU HẾT ĐÃ ĐƯỢC TÂN TRANG LẠI.
- CHỈ CẦN 3% 5% DOWN QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ TRONG VÒNG 30 NGÀY, NO PMI

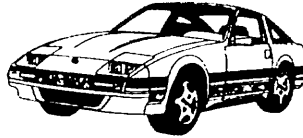
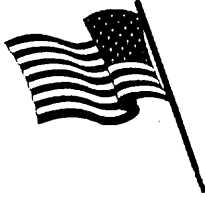
TÍN NHIỆM - KÍN ĐÁO - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chúng Tôi Nhận :

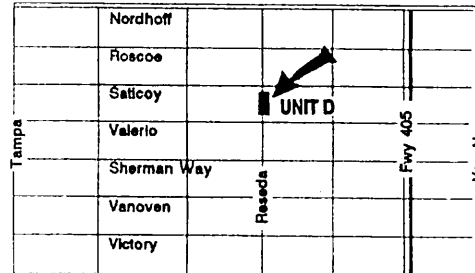
--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

Nhận *VISA, MASTERCARD*



REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car

REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUỖNH TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

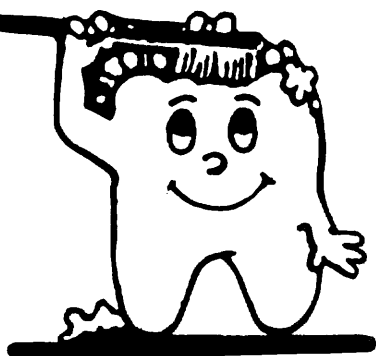
BÙI VÂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Satcoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- => Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- => Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.

Tẩy răng trắng.

Làm răng giả các loại.

Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.

Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.

Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

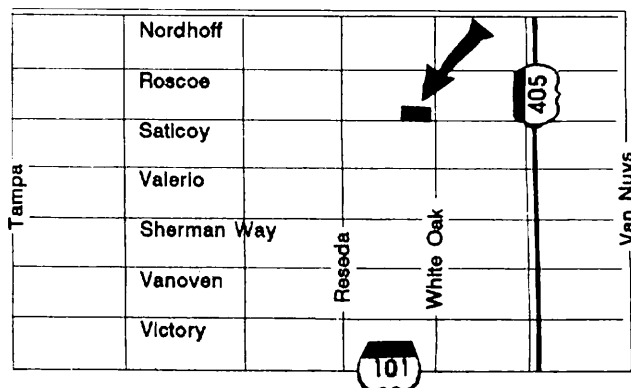
9:00am - 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am - 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am - 4:00pm

NGHỈ: CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM





VIP PRINTING

4702 W. FIRST STREET, # E, SANTA ANA, CA 92703
TEL.: (714) 531-6381 * FAX: (714) 531-2844



Giờ mở cửa:
Mon-Sat: 9:00am - 6:00pm
Sun: Closed

○ **BUSINESS CARDS (DANH THIẾP)**

In chữ thường hay chữ nổi, một mặt hay hai mặt,
một màu hay nhiều màu, đủ loại giấy tốt

○ **FLYERS (GIẤY QUẢNG CÁO ĐỦ MÀU)**

○ **WEDDING STATIONERY (THIỆP CƯỚI)**

Thiệp cưới Việt Nam và Âu - Mỹ.
Hàng ngàn mẫu đẹp, in chữ nổi

○ **LETTERHEADS (GIẤY VIẾT THƯ)**

○ **ENVELOPES (BAO THỜ ĐỦ CỠ)**

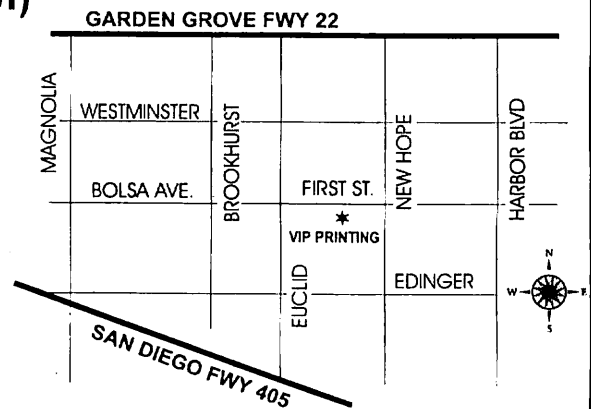
○ **CALENDAR (LỊCH)**

○ **BOOKS (IN VÀ ĐÓNG BÌA CÁC LOẠI KINH, SÁCH, BÁO)**

○ **NCR INVOICES TỪ 2 ĐẾN 5 PARTS**

○ **OFFICE FORMS (ĐỦ LOẠI MẪU ĐƠN TỪ, GIẤY TỜ VĂN PHÒNG)**

○ **RUBBER STAMPS (CON DẤU CÓ MỤC SẴN HOẶC KHÔNG)**



● **IN NHANH, RẼ, ĐẸP, GIAO ĐÚNG HẸN**
● **ĐẶC BIỆT ẤN TỔNG KINH SÁCH VỚI GIÁ PHẢI CHĂNG**
XIN GỌI: VIP (714) 531-6381



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNIFIED BUDDHIST CONGRESS IN THE UNITED STATES OF AMERICA
MAHA VAIROCANA BUDDHIST MEDITATION CENTER

ĐẠI NHẬT NHƯ LAI TỰ
Maha Vairocana Temple

3732 Temple City Blvd., Rosemead, CA 91770 * Tel & Fax: (626) 448-0267

Trước Thềm Năm Mới

TRUNG TÂM THIÊN-TỊNH-MẬT
CHÙA ĐẠI NHẬT NHƯ LAI

Thành Tâm Kính Chúc

Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa,
Đại Đức, Tăng Ni

Pháp thể khinh an, Chúng sanh dị độ,
Phật quả viên thành.

*** Toàn Thể Đồng Bào Trong Nước và Hải Ngoại**
cùng Quý Đồng Hương Phật Tử xa gần
khắp nơi trên Thế Giới và tại Hoa Kỳ

An Khang, Thịnh Vượng,
Vạn Sự Cát Tường, Lộc Cầu Như Ý.

Xuân Kỷ Mão 1999



Thành Tâm Kính Chúc

Tỳ Kheo THÍCH-THÔNG-ĐẠT

Vụ Phó Vụ Nghi Lễ

G.H.P.G.V.N.T.N.

Hải Ngoại tại Hoa Kỳ



NEWPORT SURGERY INSTITUTE

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 25 năm, từng giải phẫu trên 35,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ

P. JAMES VOLOSHIN

M.D., F.R.C.S. ©

Tốt nghiệp Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tại Hoa Kỳ

BÁC SĨ NGUYỄN NGỌC THANH

*Bà Phương Lan
Nguyễn-Gia-Quỳnh*

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ,
nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp
với khuôn mặt Á Đông.

**CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ
CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ
TRƯỚC KHI SỬA.**

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh
để bạn chọn lựa theo ý muốn.

**BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ
KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT
TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.**

MAU LỆ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn
trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên
100% tự nhiên và sẽ không sợ
phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh

DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660

TEL: (949) 759-8276 - Res. 898-6514

FAX: (949) 759-5458 1-800-367-9671



WU's Import & Export Corporation

Tiệm Phật Cụ BỒ-ĐỀ

BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DEL MAR Ave., San Gabriel, CA 91776

(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỬI HÀNG KHẮP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng.
- Đèn Dược-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.
- Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đầy đủ nhang đèn, kinh sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế phong thủy v.v.

Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.

☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ các loại tủ, bàn thờ và bàn ghế kiểu bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Anh) MR. WU - TEL. (626) 280-7813 ; FAX. (626) 280-4752
(Tiếng Việt) CÔ PHÓNG - TEL (626) 280-2598

China Town: CÔ PHƯƠNG (213) 625-7868 ☎ 620-0809 - Trong LIDO PLAZA # 306



